

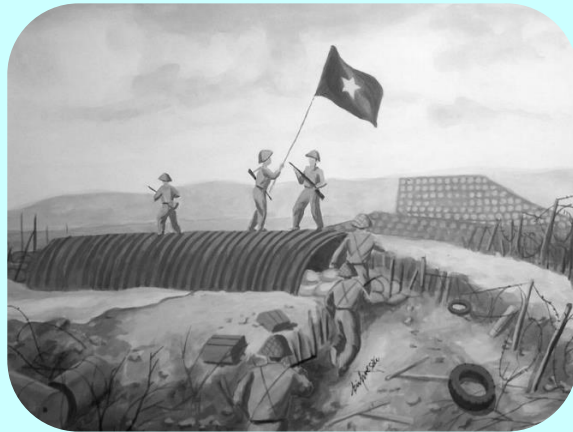
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ĐỒNG NAI
THƯ VIỆN TỈNH



Thư mục chuyên đề:

KÝ ỨC ĐIỆN BIÊN

Kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 – 7/5/2024)



Đồng Nai, tháng 4 năm 2024

Lời nói đầu

Quý bạn đọc thân mến!

Cách đây 70 năm, quân và dân ta đã làm nên một kỳ tích lịch sử “*Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu*” - Chiến thắng Điện Biên Phủ. Chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7/5/1954 là một trong những đỉnh cao chói lọi, một kỳ tích vẻ vang như Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa của thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh. Năm tháng qua đi nhưng tầm vóc lịch sử và ý nghĩa thời đại của chiến thắng Điện Biên Phủ vẫn còn nguyên giá trị và ngày càng tỏa sáng.

Trong không khí cả nước cùng hướng về Điện Biên với nhiều hoạt động ý nghĩa, nhằm kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 – 7/5/2024). Hòa chung niềm phấn khởi, tự hào ấy, đồng thời nhằm góp phần tuyên truyền sự kiện trọng đại của dân tộc, Thư viện tỉnh Đồng Nai giới thiệu **Thư mục chuyên đề: “Kỷ ức Điện Biên”**, với nhiều bài viết, hồi ức của cán bộ, chiến sĩ Điện Biên năm xưa về diễn biến của chiến dịch, những trận đánh sinh tử, về nghệ thuật chỉ đạo tác chiến và hơn hết là tình đồng đội, đồng chí, tình quân dân, niềm tự hào về một thời “mưa bom, bão đạn”.

Với những bài viết được trích từ sách, báo, tạp chí, trang thông tin điện tử, Thư viện tỉnh Đồng Nai hy vọng sẽ mang đến cho Quý bạn đọc nhiều thông tin hữu ích, từ đó giúp bạn đọc hiểu hơn về truyền thống vẻ vang của dân tộc, tự hào về Tổ quốc ta, Đảng ta, sự nghiệp cách mạng của quân và dân ta; gọi nhắc thế hệ trẻ không ngừng ra sức phấn đấu học tập, lao động để xứng đáng với sự hi sinh cao cả của thế hệ cha anh; tiếp tục phát huy truyền thống “quyết chiến, quyết thắng” trong công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

1. Bác Hồ với chiến dịch Điện Biên Phủ / Nguyễn Phúc Âm: trích¹ // Cựu chiến binh Việt Nam. – 2014. – Ngày 1 tháng 5. – Tr.6

Năm ngón tay huyền thoại của Bác

Đầu tháng 10-1953, tại khu Núi Hồng, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, Bộ Chính trị họp bàn kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953-1954, tham dự hội nghị có Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường Chinh, các Ủy viên Bộ Chính trị Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì. Trong hồi ức của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại:

“... Tôi bắt đầu trình bày tình hình địch từ tháng 5-1953, Hăng-ri Na-va đã mở cho nhiều cuộc hành binh càn quét lớn tại vùng hậu địch trên cả nước, nháy dù xuống Lạng Sơn, đặc biệt trong tháng 8 Na-va bắt thần rút khỏi tập đoàn cơ điểm Nà Sản”.

Nà Sản là một mục tiêu quan trọng trong mùa khô. Vì so sánh với đồng bằng, thì vùng núi rừng vẫn là chiến trường thuận lợi hơn. Tây Bắc lại là hướng ta đã chọn. Địch rút quân khỏi Nà Sản không khỏi ảnh hưởng tới kế hoạch Đông Xuân. Trên chiến trường rừng núi Bắc Bộ, Pháp chỉ còn hai lực lượng nhỏ, một ở Lai Châu, một ở Hải Ninh. Có ý kiến nên tiêu diệt hai bộ phận này để giải phóng hoàn toàn biên giới Việt-Trung. Đây là những chỗ yếu của địch. Nhưng kế hoạch Đông Xuân phải nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng trong quân địch, tạo nên một chuyển biến mới trong chiến tranh. Từ ngày học tập về cải cách ruộng đất, các chiến sĩ đều mong mỗi được trở về đồng bằng để giải phóng quê hương. Nhưng đồng bằng lại là chỗ rắn nhất, phòng tuyến Boongke của Đờ Lát tuy không ngăn cản được bộ đội ta thâm nhập đồng bằng, nhưng vẫn gây khó khăn cho ta trong những trận đánh lớn. Hiện nay Na-va đã tập trung ở đồng bằng 1 lực lượng cơ động lớn chưa từng có từ khi khởi động chiến tranh, sẵn sàng chờ đón cuộc tấn công của ta...

Bác ngồi họp, thái độ bình thản, điều thuốc lá kẹp giữa 2 ngón tay dưới thắng... Đôi mắt Người chột lộ vẻ chăm chú, bàn tay Bác đặt lên bàn, bồng giờ lên và nắm lại... Người nói:

- Địch tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh... không sợ! Ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó không còn.

Bàn tay bác mở ra mỗi ngón tay trở về một hướng.

¹ Theo “Một vài hồi ức về Điện Biên Phủ”, NXB QĐND-1964; “Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử”, NXB QĐND-2000 của Đại tướng Võ Nguyên và chuyên san đặc biệt về Điện Biên Phủ của báo QĐND.

Như một lời tiên tri, mấy tháng sau, trước khi bước vào tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ hùng mạnh của thực dân Pháp, ta đã giáng cho quân pháp 5 đòn chiến lược, ứng với năm ngón tay của Bác, buộc Na-va phải làm theo ý ta, phân tán lực lượng ra trên khắp các chiến trường Đông Dương. Đó là: Giải phóng Lai Châu (ngày 10-12-1953), tiến công chiến lược ở Thượng Lào (từ ngày 26-1 đến 10-2-1954), tiến công chiến lược ở Bắc Tây Nguyên (từ ngày 27-1 đến 5-2-1954) và đánh địch ngay sau lưng chúng ở đồng bằng Bắc bộ, Bình Trị Thiên, Nam Trung bộ, Nam bộ.

Năm ngón tay của Bác từ đó trở thành huyền thoại về sự chỉ đạo tài tình, sáng suốt, biết tạo thời cơ để chiến thắng kẻ thù trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của đảng, của Bác Hồ kính yêu...”

Bác Hồ và chiếc vành mũ

Khi Trung ương Đảng, Bộ Chính trị thông qua kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953-1954 và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ thì có một nhà báo phương Tây xin vào Việt Bắc và ra mặt trận Điện Biên Phủ. Đó là Uyn-pho-ret Bóc-sét, quốc tịch Ô-xtrây-li-a, phóng viên của tờ tin nhanh hằng ngày xuất bản ở Luân Đôn, vương quốc Anh. Biết U. Bóc-xét là một nhà báo tiến bộ, đã đến đưa tin nhiều sự kiện quan trọng trên thế giới với thái độ khách quan, chân thực, ta đồng ý cho vào.

Đến an toàn khu Việt Bắc U. Bóc-xét được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp. Ông hỏi Bác Hồ:

- *Tôi nghe trên đài Hà Nội nói về một nơi được gọi là Điện Biên Phủ. Thưa ngài, có điều gì đang xảy ra ở đó? Điều gì vậy?*

Trên bàn tiếp khách có 1 chiếc mũ. Bác lật ngửa chiếc mũ lên rồi nói với U Bóc-xét. Điện Biên Phủ là 1 thung lũng, bao quanh toàn là núi.

Bác chỉ vào lòng mũ:

- *Quân Pháp nằm ở đây. Đó là lực lượng viễn chinh Pháp. Người lấy lòng bàn tay lướt vòng quanh mũ:*

- *Quân Pháp sẽ không bao giờ thoát ra được.*

U. Bóc-xét ngược lên nhìn Chủ tịch Hồ Chí Minh đầy lòng cảm phục. Mấy ngày sau, khi chiến dịch Điện Biên Phủ đã mở màn, ông xin được ra mặt trận, đi cùng các đơn vị bộ đội ta đánh vào các cứ điểm của quân Pháp và đưa những bản tin nóng hổi về tòa báo của ông.

Thư Bác Hồ gửi toàn thể cán bộ chiến sĩ trước trận đánh mở màn chiến dịch.

Sáng ngày 13-3-1954, trên toàn mặt trận Điện Biên Phủ, mọi sự chuẩn bị dường như dừng lại, từng đại đội, quân phục chỉnh tề, đứng tập trung trong chiến hào. Ai nấy đều có cảm giác giờ phút trọng đại đã đến. Quả nhiên, đồng chí chính trị viên, tay cầm tờ báo Quân đội nhân dân, đồng dục đọc to:

... Thư Hồ Chủ tịch gửi toàn thể cán bộ, chiến sĩ ở mặt trận Điện Biên Phủ:
“Các chú sắp ra trận. Nhiệm vụ các chú lần này rất to lớn, khó khăn nhưng vinh quang.

Các chú vừa được chỉnh huấn chính trị và quân sự, đã thu được nhiều thắng lợi về tư tưởng và chiến thuật, kỹ thuật. Nhiều đơn vị đã đánh thắng trên các mặt trận. Bác tin chắc rằng các chú sẽ phát huy thắng lợi vừa qua, quyết tâm vượt qua khó khăn gian khổ để làm tròn nhiệm vụ về bang sắp tới.

Bác chờ các chú báo cáo thành tích để thưởng những đơn vị và cá nhân xuất sắc nhất.

Chúc các chú thắng to.

Bác hôn các chú”.

Tiếp đó là lệnh động viên mở cuộc đại tiến công: “Kiên quyết tiêu diệt toàn bộ quân địch tại Điện Biên Phủ” của Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp...

Các chiến sĩ đều xúc động đến tận độ. Những lời ân cần tha thiết của Bác, mệnh lệnh đánh thép của Đại tướng như vang truyền vào từng mạch máu, làm rung động mọi con tim!...

Điện Biên Phủ như là 1 cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử.

Ngay trong ngày chiến thắng Điện Biên Phủ mừng 7-5-1954, Bác Hồ đã viết bài “Điện Biên Phủ” (bút danh LT) đăng trên báo Nhân dân. 10 năm sau, Bác lại viết bài “Nhân ngày kỷ niệm Chiến thắng Điện Biên Phủ” (bút danh Chiến sĩ) đăng trên báo này vào ngày 7-5-1964. Xin trích giới thiệu hai bài này của Chủ tịch Hồ Chí Minh”

“Ba chữ Điện Biên Phủ đã làm cho tiếng tăm dân tộc Việt Nam ta lừng lẫy khắp năm châu.

Cuối năm 1946, thực dân Pháp hòng đặt ách nô lệ lên vai nhân dân ta 1 lần nữa. Chúng cố gây ra chiến tranh, trước tình hình ấy, nhân dân ta chỉ có thể chọn 1 con đường: hoặc nhượng bộ cho địch để rồi làm thân trâu ngựa; đó là con đường dễ dàng, như lặn xuống dốc. Hoặc quyết tâm kháng chiến để giữ lấy độc lập, tự do; con đường này rất gian khổ như trèo núi cao. Nhân dân ta đã chọn con đường khó và quyết tâm kháng chiến.

Đánh giặc, trước hết phải có vũ khí, mà vũ khí đầu tiên của ta là gậy tầm vông, ta dùng gậy tầm vông để chống lại máy bay, xe tăng, đại bác và tàu chiến của Pháp, Mỹ. Chúng ta đều nhớ rằng, ngay trong thời kháng chiến, đế quốc Mỹ đã ra sức giúp thực dân Pháp để kéo dài chiến tranh.

Mặc dù thiếu thốn mọi bề, khó khăn đủ thứ, nhưng toàn thể đồng bào ta từ Bắc đến Nam đã tin tưởng nghe theo lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ đoàn kết một lòng, kháng chiến cứu nước.

Đảng nói: “*Kháng chiến phải trường kỳ, gian khổ, song nhất định thắng lợi*”. Kết quả là lời nói của đảng đã được thực hiện, nhân dân ta đã thắng, thực dân Pháp đã thua.

Từ ngày 19-2-1946 đến ngày mùng 7-5-1954, bộ đội và du kích ta đã đánh quân địch chết và bị thương hơn 466.000 binh sĩ.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, bộ đội ta đã tiêu diệt hoặc bắt làm tù binh 16.200 tên địch trong số đó có một số thiếu tướng, 16, 353 tên từ quan một đến quan tư và 1396 hạ sĩ quan.

Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, một đế quốc hùng mạnh đã bị nhân dân một nước thuộc địa đánh cho tan tành tả tơi và phải rút về nước.

Đồng bào ta luôn luôn nhớ ơn quân đội ta đã dũng cảm chiến đấu để giữ gìn nền độc lập cho Tổ quốc và quyền tự do cho nhân dân.

Trong lúc toàn dân ra sức kháng chiến, thì “chí sĩ Ngô Đình Diệm” ngao du ở nước Hoa Kỳ. Thế mà nay những người cầm quyền miền Nam dám nói họ đã đánh đuổi thực dân Pháp và giải phóng đất nước Việt Nam!

Ngoài việc đánh đuổi thực dân, kinh nghiệm kháng chiến thắng lợi nói chung và Điện Biên Phủ nói riêng có 2 ý nghĩa to lớn:

Nó chứng tỏ rằng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chính phủ ta và nhân dân ta đoàn kết nhất trí thì khó khăn gì cũng khắc phục được, công việc to lớn mấy cũng làm được. Sự nghiệp cách mạng và kháng chiến như vậy, công cuộc xây dựng nước nhà tiến lên xã hội chủ nghĩa như vậy”.

“... *Điện Biên Phủ như là một cái móc chốt lợi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lặn xuống dốc và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn...*”.

2. BÙI NAM HÀ. Trước “giờ G” / Bùi Nam Hà // *Chuyện những người làm nên lịch sử: Hồi ức Điện Biên Phủ 1954 - 2009.* – H. : Chính trị Quốc gia, 2009. – Tr. 104

Trung đoàn 88 và trung đoàn 165, f302 (6000 quân) có nhiệm vụ tấn công đồi Độc Lập do Tiểu đoàn 5 Trung đoàn thuộc địa, nổi tiếng trong chiến tranh thế giới lần thứ hai chiếm giữ (khoảng 800 quân).

Từ Thượng Lào về tới Điện Biên Phủ, chúng tôi chỉ có 3 ngày để chuẩn bị công kiên đồi Độc Lập. Trung đoàn bạn 66 ở lại đánh vây lấn đã có hầm hào đầy đủ. Quân số e88 bị thương 60, ốm 300, chúng tôi nhận thêm 300 tân binh nhưng đã được huấn luyện khá kỹ cùng hỏa lực ngang ngửa quân Pháp. E88 được trang bị tiểu liên K50 của Trung Quốc, K72 của Liên Xô, cối 82, thêm 8 khẩu đại liên, ba đô ka, ĐKZ và 4 khẩu sơn pháo 75 ly.



Ông Bùi Nam Hà. Sinh năm 1924
Trung đoàn trưởng e88.f308

Trong ba ngày đó, chúng tôi được phổ biến chủ trương “đánh chắc, tiến chắc” và thực tế chiến trường cho thấy giữa cánh đồng trống trải phải đào hầm, hào thì mới sống và chiến đấu được. Vì thế, anh em dù mới hành quân từ xa về nhưng cũng rất tích cực làm nhiệm vụ. Hào giao thông chuyên quân vòng ngoài đã được công binh chuẩn bị sẵn nên chúng tôi có chỗ giấu quân và cũng thuận tiện cho việc triển khai đánh lần. Địch phản công quyết liệt nhằm

ngăn không cho ta đào lần, nhưng anh em quyết tâm đào nhanh vượt qua cánh đồng. Tuy nhiên, sát giờ nổ súng mà chúng tôi chỉ mới đào được 150m, là nửa quãng đường. Cũng may là 150m cuối cùng nằm trong góc chết (tử giác) nên hạn chế được pháo tầm xa của địch. Đạn pháo bắn thẳng và các loại hỏa lực khác của địch thì không tránh khỏi. Trước khi đánh, tôi bò vào sát tận nơi kiểm tra hàng rào. Có 120m rào kẽm gai và đột phá khẩu phải mở là 80m, trong đó 20m đầu đã được mở sẵn do trình sát cắt rào vào ban ngày.

Đêm 14-3, trận đánh diễn ra ác liệt, chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ sau 3 giờ nổ súng. Diễn biến quá nhanh khiến quân địch từ các cứ điểm khác không thể hỗ trợ cho Độc Lập. 5 giờ sáng ta đã giải quyết xong cụm cứ điểm này, tiêu diệt 700 tên, bắt sống 100 tên trong đó có 2 tên tiểu đoàn trưởng. Ngay sáng 15-3, hai tiểu đoàn nguy và Âu - Phi cùng 5 xe tăng mở cuộc phản kích nhằm chiếm lại Độc Lập. Ta để lại một tiểu đoàn chặn địch phản kích. Với ba đô ka và ĐKZ, anh em chờ xe tăng địch đến rất gần, cách 40m mới nổ súng, bắn cháy ngay hai xe tăng. Sau đó sơn pháo 75 ly và 105 ly dội vào đội hình địch, đánh bại đợt phản kích chỉ sau 30 phút.

Khi thu dọn chiến trường, có khoảng 30 tên địch bị thương nặng. Ta gửi thư bằng tiếng Pháp cho đồn trưởng Bản Kéo, qua một thương binh nhẹ của Pháp, thông báo sẽ trao trả 30 thương binh nặng cho phía địch. Ngày hôm sau, toàn trận địa ngưng nổ súng 6 tiếng để quân Pháp sang lấy thương binh. Cảnh cứ điểm Độc Lập nghi ngút khói có lẽ khiến quân Bản Kéo rút chạy không dám chống trả. Trước đó, pháo binh địch ở Bản Kéo nổ súng ngăn không cho 200 quân nguy chạy ra xin hàng, nhưng ngay lập tức bị pháo ta kiềm chế.

Cùng với trận Him Lam, trận đồi Độc Lập đã mở toang cánh cửa phía bắc, tạo điều kiện cho quân ta tràn vào cánh đồng Mường Thanh, tạo nên thế cận chiến,

bao vây trực tiếp. Lần đầu tiên, pháo ta có thể hành quân bằng xe ô tô trên đường 41.

3. Chiến sĩ quân y với trận mở đầu chiến dịch Điện Biên / Nguyễn Phúc Âm: ghi² // Cựu chiến binh Việt Nam. – 2014. – Ngày 12 tháng 3. – Tr.7

Ngày 13 tháng 3, quân ta nổ súng tiêu diệt Him Lam, bộ máy phức tạp của quân y mặt trận cũng bắt đầu hoạt động và đã chạy bằng nhịp đập của hàng ngàn trái tim. Chính tinh thần anh dũng, tận tụy của các đồng chí quân y, đã cứu sống nhiều chiến sĩ. Ngay trong trận Him Lam, y tá Lương Văn Vọng đã nêu 1 tấm gương sáng ngời. Tôi gặp Vọng trong hội nghị tổng kết công tác quân y đợt 1. Hôm đó, vết thương của anh mới lành, người anh chưa khỏe hẳn. Anh được mời về kể lại công việc của mình trong trận Him Lam. Vọng còn rất trẻ. Anh là người Cao Bằng và là 1 chiến binh mới được đào tạo thành y tá. Trong suốt trận đánh quyết liệt, Vọng đã xông xáo trong làn mưa đạn đại bác và liên thanh. Lao đến bất cứ nơi nào có thương binh. Bị thương lần thứ hai vào bụng, anh không chịu buộc vết thương của chính mình, vì muốn để dành mấy cuộn băng cuối cùng cho chiến sĩ. Lúc không còn cuộn băng nào nữa, anh nhảy vào hầm địch tìm lấy bông băng. Khi cần thiết, anh đã cầm lấy tiểu liên và thủ pháo, tiến công tiêu diệt một ụ súng máy của địch để bảo vệ mấy đồng chí thương binh nằm ngay trước họng súng địch. Anh đã nhảy xô vào hầm giặc, dùng báng súng đập chết tươi một tên lính châu Âu để cứu một chiến sĩ bị thương rơi vào trong đó. Trong trận Him Lam, Vọng đã băng bó cho hàng chục thương binh, diệt một ụ súng, giết một tên giặc và bắt sống ba tên khác. Anh đã làm đầy đủ nhiệm vụ của một người quân y và một chiến sĩ.

Có được tinh thần phục vụ như vậy, bởi từ khi các đơn vị tập trung quanh Điện Biên Phủ, chuẩn bị vào trận, Đội điều trị cuối cùng của chúng tôi cũng đã tới ngay sau đó. Đội này đã hành quân từ trung tâm Việt Bắc về với một tốc độ khá nhanh. Anh chị em đi 20 ngày, chỉ nghỉ một ngày vượt một chặng đường hơn 600 cây số, mang trên vai đầy đủ bàn mổ, dụng cụ, thuốc men. Qua Cò Nòi, họ đã phải đạp lên bom nổ chậm mà đi. Đến mặt trận, không kịp nghỉ, tất cả bắt tay ngay vào là việc chuẩn bị và chỉ một đêm đã xây dựng xong một bệnh viện dã chiến đủ sức thu dung 200 thương binh...

Trụ ở phía Tây Nam mặt trận là đội điều trị hai. Đội này cũng cơ động rất khá. Anh chị em đi vòng chung quanh Điện Biên Phủ, (đi từ đông sang tây, vòng qua phía nam Hồng Cúm) đuổi theo một trung đoàn bộ binh. Gặp một số bộ đội

² Theo hồi ký của đồng chí Vũ Văn Cần

và dân công bị đạn máy bay, anh chị em đã nhanh chóng đặt bàn mổ để cấp cứu. Giữa lúc công việc khẩn trương thì bộ đội được lệnh rút ra. Họ tiếp tục công việc và rút sau bộ đội. Lúc này đại bác và máy bay địch oanh tạc dữ dội dọc đường kéo pháo. Có thêm một số dân công và bộ đội bị thương. Đội điều trị 2 vừa rút vừa cứu chữa thương binh. Khi bom đạn nổ, núp dưới hầm hố, hễ dứt tiếng súng, họ lại đi đón thương binh về băng bó. Sau khi kéo pháo ra, trong các đơn vị của chúng tôi, không khí phấn khởi ban đầu tạm thời lắng xuống. Một số không ít anh chị em lo ngại, dao động. Theo chỉ thị của Đảng ủy mặt trận, các chi bộ đảng tiến hành 1 cuộc đấu tranh nhằm đẩy lùi tư tưởng bi quan và thối thuồng phương châm tác chiến mới “đánh chắc tiến chắc”...

Người thầy thuốc phải bám sát bộ đội chiến đấu, phải đưa phòng mổ ra gần hỏa tuyến. Đây là 1 cuộc đấu tranh gay gắt đặt ra trong quân y chúng tôi từ mấy năm rồi. Trước đây, nhiều người cho rằng vòng lửa đạn, chết chóc, không phải là nơi để người thầy thuốc làm công việc cứu sống con người. Tệ hơn nữa có người còn biện bạch rằng, đưa người thầy thuốc ra hỏa tuyến là phạm vào công ước Giơ-ne-vơ (!).

Thật ra, đó chỉ là 1 sự trốn tránh trước nguy hiểm, thờ ơ với máu xương chiến sĩ. Rồi tư tưởng sợ khó, ngại máy bay, đại bác được đánh lùi từng bước. Cuối cùng, anh chị em xây dựng được quyết tâm tiến ra hỏa tuyến.

Chúng tôi phát ra kế hoạch xây dựng phòng mổ trong lòng đất. Anh chị em bắt tay vào thực tập. Đào 1 lần không được thì đào thêm lần nữa! Đào moi vào ruột núi, đất sụt xuống thì dùng gỗ trổng. Xong lại quay ra đào hầm lộ thiên, rồi lát cây, đắp đất lên làm nắp. Làm xong phòng mổ, lại đào những đường hầm tỏa khắp chung quanh. Rồi làm thêm các hầm kho thuốc, hầm thay băng và hàng trăm hầm nhỏ cho thương binh ở. Một bệnh viện trong lòng đất đã hình thành. Các đội điều trị trên toàn mặt trận được mời về tham quan, rút kinh nghiệm. Sang đầu tháng 3, tất cả các đội điều trị trên tuyến I đã xây dựng xong các bệnh viện ngầm, mỗi nơi có ít nhất 1 phòng mổ với 2 bàn. Có nơi còn xây dựng thêm 1 phòng mổ thứ 2, đề phòng khi bị bom đạn địch phá hủy. Các đội điều trị trực thuộc Ban quân y mặt trận được sắp xếp thành nhiều tuyến, có nhiều đội bố trí trong tầm đại bác địch. Các đội điều trị Đại đoàn càng tiến gần bộ đội hơn. Từ đó, có những đường hào trực dẫn đến các trung đoàn. Các đội quân y trung đoàn cũng trở thành những “bệnh viện trong lòng đất” với quy mô nhỏ hơn. Thật không thể lường hết bao nhiêu công sức, bao nhiêu mồ hôi của cán bộ, chiến sĩ và dân công đã đổ vào các công trình to lớn ấy! Cùng thời gian đó, các đội tải thương lo việc chuẩn bị hàng nghìn cáng vồng, còn các tổ quân y ở tiểu đoàn, đại đội thì lo tập dượt cho chiến sĩ vệ binh biết cách cứu chữa đồng đội bị thương. Các chiến binh cũng được cấp băng cá nhân và học cách sử dụng. Tất cả đều được sắp xếp để mỗi chiến sĩ khi

bị đạn lập tức được băng bó trong vài phút; trong vòng nửa giờ sẽ được y tá săn sóc; trong vòng 3, 4 giờ sẽ được đưa vào phòng mổ của trung đoàn và khoảng 4 giờ sau nữa chiến sĩ ấy về với đội điều trị có trình độ kỹ thuật cao hơn...

4. Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể chuyện ngày tổng công kích giành toàn thắng / Minh Hiên: trích³ // Cự chiến binh Việt Nam. – 2014. – Ngày 1 tháng 5. – Tr.7

Buổi trưa, trinh sát báo cáo máy bay vận tải 2 thân chỉ lượn 1 vòng trên bầu trời Mường Thanh, không thả dù tiếp tế, quay trở về Hà Nội. Trên sông Nậm Rốm vẫn nổi những bọt trắng trong khu trung tâm của địch, thỉnh thoảng lại có tiếng nổ khác thường. Bộ phận theo dõi điện đài nghe được những viên phi công và quân địch ở Mường Thanh trao đổi với nhau chào vĩnh biệt.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định cuộc tổng tấn công kích sẽ diễn ra khi trời tối.

14 giờ, pháo ta bắn mãnh liệt vào trung tâm tập đoàn cứ điểm, dọn đường cho cuộc tiến công cứ điểm 507 của 209.

Những cứ điểm 505 và 505A đối diện với 507 lúc này do tiểu đoàn 154 của Nguyễn Năng và đại đội trợ chiến của tiểu đoàn 166 chốt giữ. Lực lượng ở đây gồm chủ yếu là đại đội 325, đơn vị đã phòng ngự từ ngày đầu mới được tăng cường thêm những bộ phận của đại đội 520 và 530. Tiểu đoàn phó tiểu đoàn 154 Ngô Trọng Bảo có mặt ở tiền tuyến nhận thấy quân địch chống cự yếu ớt, quyết định cho bộ đội mở hàng rào ngay trong lúc pháo ta còn áp chế quân địch. Với sự chi viện của trợ chiến, chỉ sau bốn quả bộc phá bộ đội ta đã lọt vào cứ điểm 507. quân địch bàng hoàng, bắn vài loạt đạn rồi chạy sang cứ điểm 508 và qua sông Nậm Rốm, số còn lại đầu hàng. Trung đoàn 209 được tiểu đoàn trưởng Nguyễn Năng từ sở chỉ huy tiểu đoàn báo cáo đã chiếm được 507 lập tức điều Tiểu đoàn 130 từ phía sau lên tiếp ứng. Trong khi đó, 154 thừa thắng đánh tiếp sang 508. Đại pháo của ta đã gây ra nhiều đám cháy lớn trong khu trung tâm. Tuy nhiên những khẩu trọng liên tự động 4 nòng của địch vẫn nhả đạn dữ dội về phía cầu Mường Thanh.

Tại sở chỉ huy, trinh sát báo cáo trong khu trung tâm của địch xuất hiện những đốm cờ trắng. Tôi yêu cầu cán bộ tham mưu chỉ những điểm có cờ trắng trên bản đồ, nhận thấy có cả những đơn vị Âu-Phi.

Chúng tôi nhận định: Địch đã đến lúc tan rã.

³ Trích “Một vài hồi ức về Điện Biên Phủ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp – NXB QĐND-1964 và chuyên san đặc biệt về Điện Biên Phủ của báo QĐND

“Đúng 3 giờ chiều, các đại đoàn được lệnh không cần đợi trời tối, lập tức mở cuộc tổng công kích vào Mường Thanh. Đơn vị phía Đông đánh thẳng vào khu vực trung tâm, đơn vị phía tây giáp công sang, cùng tiến vào sở chỉ huy của địch, phải đánh thật mạnh, bao vây thật chặt, không để cho Đờ-Cát hoặc bất cứ tên địch nào chạy thoát”.

Tại trận địa, đại đội 360 của tiểu đoàn 130 có chính trị viên tiểu đoàn Trần Quả đi cùng, đã có mặt tại cứ điểm 508. Tiểu đoàn phó Ngô Trọng Bảo cho các lực lượng của 154 tiến sang cứ điểm 509, cứ điểm cuối cùng bảo vệ cầu Mường Thanh, rồi trao đổi với chính trị viên Trần Quả, lệnh cho đại đội 360 tiến vào khu trung tâm nơi khói lửa của những đám cháy mỗi lúc càng bốc cao. Đại đội trưởng Tạ Quốc Luật lập tức dẫn đại đội 360 luồn dưới làn đạn của những khẩu trọng liên 4 nòng, băng qua cầu Mường Thanh. Nhận thấy quân địch hầu như không chống cự, Tạ Quốc Luật cho bộ đội rời giao thông hào đầy ắp quân địch, nhảy lên mặt đất, dùng 1 lính ngụy dẫn đường tắt, tiến thật nhanh tới sở chỉ huy của Đờ-Cát.

Các đài quan sát báo cáo về: Quân ta từ 3 phía đang đánh vào khu trung tâm, 312 từ phía đông tiến qua cầu Mường Thanh, 308 từ phía tây mở đường qua sân bay và từ phía nam mở đường qua Ly ly hướng về sở chỉ huy Đờ-Cát. Quân địch chống cự lẻ tẻ, nhiều tán địch đầu hàng. Những đốm cờ trắng xuất hiện tại Mường Thanh mỗi lúc 1 nhiều. Anh Thái luôn nhắc các đơn vị: *“Bao vây chặt, không để 1 tên nào chạy thoát”.*

5 giờ 30 phút chiều, 312 báo cáo lên toàn bộ quân địch tại khu trung tâm đã đã đầu hàng. Đã bắt được tướng Đờ Cát.

Cả khu rừng cơ quan chỉ huy mặt trận, từ xưa đến nay rất nghiêm mật, bỗng sôi lên trong tiếng ầm ầm như biển động. Cán bộ chiến sĩ hò reo, khua chân múa tay, ôm nhau nhảy nhót, biểu hiện sự vui mừng như những em nhỏ. Có người chỉ hét. Có người há to mồm, có người mặt tái ngắt.

Sự vui mừng chưa đến với tôi; có chắc chắn là bắt được tướng giặc không? Ở Hồng Cúm, vẫn còn 1.500 quân địch.

Từ Mường Thanh, các đơn vị báo cáo lên: Binh lính địch lũ lượt kéo ra hàng, có tên vừa đi vừa hát. Các chiến sĩ ta cũng đã ra khỏi công sự, nhảy múa trên giao thông hào. Nhiều anh em bắn súng chỉ thiên và pháo hiệu xanh, đổ để mừng thắng trận.

Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho các đơn vị: *“Cuộc chiến đấu chưa chấm dứt, tất cả phải ở vị trí chiến đấu. Không được để một tên địch nào chạy thoát. Lập tức dùng hệ thống loa địch vận kêu gọi và hướng dẫn địch ra hàng. Khẩu hiệu như sau: “Hãy ra hàng! Các anh sẽ được đối đãi tử tế. Cầm cờ trắng, đi ra phải*

phải có trật tự. Cấm không được phá hoại vũ khí, đạn dược. Ai còn mang súng, phải chực đầu súng xuống đất”.

Ngay sau đó, tôi hỏi anh Lê Trọng Tấn:

- *Có đúng là đã bắt được Đờ Cát không?*
- *Báo cáo anh, anh em báo cáo lên là đã bắt được.*
- *Căn cứ vào đâu mà biết nó là Đờ Cát?*

Anh Tấn im lặng.

- *Cần bắt cho được Đờ Cát. Không được để cho địch đánh tráo tên chỉ huy. Phải đối chiếu nhận dạng với căn cước, kiểm tra cấp hiệu, phù hiệu. Các đồng chí chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này. Các đồng chí có ảnh của Đờ Cát chưa?*

Đơn vị trả lời không có. Một cán bộ của mặt trận dùng xe zEEP xuống đơn vị mang theo tấm ảnh của Đờ Cát.

Anh Lê Chương và anh Nam Long báo cáo: Ở Hồng Cúm, địch có triệu chứng địch đánh ra để tháo chạy sang Lào. Bộ Chỉ huy chiến dịch lệnh cho 308 đưa 1 đơn vị nhanh chóng tăng cường cho Hồng Cúm phối hợp cùng 304 truy kích tiêu diệt quân địch, không để 1 tên nào chạy thoát. Chung quanh vẫn âm ỉ, không sao hạn chế được sự ồn ào, niềm vui của mọi người. Các đồng chí vệ binh hạ những cánh cửa liếp xuống cho sở chỉ huy yên tĩnh hơn.

Lệnh cho 312 phải báo cáo nhanh về việc bắt Đờ Cát được nhắc lại. Mỗi phút chờ đợi lúc này rất dài.

Lát sau, anh Lê Trọng Tấn gọi dây báo cáo, đúng là đã bắt được Đờ Cát, toàn bộ chỉ huy tập đoàn cứ điềm. Đờ Cát vẫn mang cấp hiệu, đã kiểm tra kỹ càng giấy tờ và chữ ký của y.

Tôi hỏi lại:

- *Đồng chí đã bắt đã thực mắt thấy Đờ Cát chưa?*

Anh Tấn vui vẻ đáp:

- *Báo cáo anh, Đờ Cát cùng với cả bộ chỉ huy Pháp ở Điện Biên Phủ đang đứng trước mặt tôi. Hắn vẫn còn cả “can” và mũ đỏ.*

Tôi viết ngay điện báo cáo với Trung ương và Chính phủ tin quân ta ở Điện Biên Phủ đã toàn thắng.

Bây giờ phải có ngay một bản thông cáo đặc biệt để Đài Tiếng nói Việt Nam kịp truyền đi trong đêm nay.

Tin địch ở Mường Thanh đầu hàng được truyền cho các đơn vị bộ đội và dân công ở phía sau qua đường dây điện thoại.

Lại có ngay một chuyện mới: Giải quyết cái ăn cho một vạn tù binh, cứu chữa cho thương binh địch tại đây như thế nào? Anh Lê Liêm nhắc đi nhắc lại các đơn vị: *“Các đồng chí nhớ đảm bảo chính sách! phải tổ chức cho tù binh ăn cơm*

chiều nay”. Nhưng người nhẹ nhàng nhất là anh Đặng Kim Giang và các đồng chí phụ trách hậu cần vì không phải lo chuẩn bị gạo đạn cho qua cả mùa mưa.

Với tôi trận đánh chưa kết thúc. Quân địch ở Hồng Cúm lúc này do Hà Nội trực tiếp chỉ huy. Nếu chúng chạy thoát một số sang Thượng Lào thì chiến thắng của ta sẽ không trọn vẹn. Tôi gọi điện thoại trực tiếp cho Nam Long, ra lệnh quyết không để một tên địch nào chạy thoát. Tại đây chỉ có trung đoàn 57. Nam Long nói: *“Thưa anh, sẽ không có một tên nào chạy thoát. Chúng tôi đã chốt chặt đường sang Lào”*

Tại Hồng Cúm, từ 5 giờ chiều ta đã phát hiện địch ném vũ khí xuống sông Nậm Rốm và có nhiều đám cháy trong cứ điểm. Chính ủy Lê Trường nói với tham mưu trưởng: *“Ta lệnh cho chúng đầu hàng, nếu không sẽ bị tiêu diệt”*.

Lệnh được truyền xuống các đơn vị, tiếng loa của ta vang vang: *“Mường Thanh đã đầu hàng! Đờ Cát đã bị bắt! Hồng Cúm hàng nhanh nếu không sẽ bị tiêu diệt!”*.

Địch vẫn im lặng, ta dùng vô tuyến điện gọi:

- Isabelle! Lalanle! Các anh hãy đầu hàng ngay nếu không sẽ bị tiêu diệt!

- Chúng tôi sẵn sàng hạ vũ khí, nhưng đề nghị các ông cho mượn đường sang Lào.

Chính ủy Lê Chương hạ lệnh cho pháo bắn. Hồng Cúm chìm trong khói lửa. Quân địch không chống cự, bộ đội được lệnh tiến vào trong cứ điểm, nhưng chỉ còn lại những tên bị thương. Có lẽ nào quân địch đã chạy thoát? Vòng vây của ta đã siết chặt xung quanh. Trung đoàn trưởng 57 hạ lệnh cho bộ đội đốt đuốc truy tìm quân địch. Du kích và đồng bào xung quanh Hồng Cúm cũng chủ động phối hợp dẫn đường cho bộ đội đuổi bắt Tây. Nhưng quân địch không ở đâu xa. Pháo ta bắn mạnh, các công sự trong các cứ điểm đều đổ sụp, La-lăng đã ra lệnh cho tất cả binh lính chạy ra xung quanh cứ điểm để tránh pháo.

24 giờ, anh Lê Chương gọi điện thoại báo cáo đã bắt được toàn bộ quân địch ở Hồng Cúm, trong đó có cả La-lăng chỉ huy phó của cứ điểm, đặc trách phân khu Hồng Cúm. Sau 56 ngày đêm chiến đấu ác liệt, chiến dịch lịch sử đã toàn thắng.

Tôi ngả mình trên chiếc đệm cỏ tranh thao thức mãi không sao ngủ được. Giờ này Bác và Trung ương đã được tin. Ngày mai, chắc bộ đội sẽ nhận được thư khen của Bác. Anh Phạm Văn Đồng đã có mặt ở Giơnevơ, sẽ có 1 tư thế mới để bước vào hội nghị. Các đồng chí của ta và các đồng chí Liên Xô, Trung Quốc đều mong đợi tin này hàng giờ... Lá cờ Tổ quốc được nhân dân ta nêu cao trên chiến thắng lịch sử. Quân đội ta lớn lên nhanh quá. Kế hoạch Na-va coi như đã thành mây khói. Cục diện sẽ đổi mới. Điện Biên Phủ xong rồi, nay mai ta sẽ tiếp tục đánh ở đâu? Niềm vui làm tôi mất gần trọn giấc ngủ đêm hôm đó.

Hôm sau, cơ quan hậu cần tổ chức 1 bữa tiệc ăn mừng chiến thắng, 1 bữa “tiệc” bánh cuốn. Đồng chí Vi Quốc Thanh, đồng chí Mai Gia Sinh cùng dự liên hoan với Bộ chỉ huy chiến dịch...

5. ĐẶNG ĐỨC SONG. Đánh lấy lại lô cốt cột cờ đồi C1 Điện Biên Phủ / Đặng Đức Song // Cựu chiến binh Việt Nam. – 2014. – Ngày 1 năm 5. – Tr. 9

Đánh trận đồi Xanh ngày 5-3-1954, tôi bị thương vào bàn chân phải, đi viện tiền phương hơn 15 ngày thì được ra viện, hăm hở xuyên rừng về ngay đơn vị. Hai ngày sau được Đại đội trưởng Nguyễn Văn Thủy đến thăm và hỏi:

- Song mới đi viện về à ?

Tôi trả lời:

- Vâng! - Anh Thủy nói tiếp:

- *Cái chân thế nào rồi?* - tôi trả lời:

- *Đã đỡ rồi ạ.* Anh Thủy bảo:

- Hôm nay Đại đội điều Song sang xung kích, không ở trung liên nữa nhé! Sang làm tiểu đội trưởng xung kích mũi nhọn cho Đại đội.

Anh Thủy giải thích là: “*Mũi nhọn phải là đi đầu, khi có việc quan trọng là phải lên chiến đấu, biên chế phải nghiêm chỉnh, chọn những người khỏe mạnh và dũng cảm. Những tổ mũi nhọn được nhắc đến khi mở màn một trận đánh hay những lúc gay cấn nhất!*”.

Tôi lên thay anh Hợp - Tiểu đội trưởng là có nguyên do! Mấy hôm trước đi đào hầm, đơn vị thấy anh có vẻ ngại nên được đưa về tuyến sau. Đại đội trưởng Thủy nói tiếp:

- *Đồng chí Hợp về tuyến sau. Đồng chí Song thay.*

Anh Hợp khóc, nói với Đại Đội trưởng Thủy xin ở lại đại đội, xin làm Tiểu đội phó cho tôi.

Hợp với tôi thân nhau từ ở Thái Nguyên, khi còn đang làm nhiệm vụ huấn luyện. Tôi nhận nhiệm vụ Tiểu đội trưởng đang củng cố hầm hào, kiểm tra vũ khí, giao cho Hợp khăn trương trung liên đi tổ sau cùng. Tôi đi đầu cùng tổ xung kích.

Chiều ngày 31-3-1954 khoảng 14 giờ, Đại đội trưởng Nguyễn Văn Thủy cho liên lạc gọi tôi lên giao nhiệm vụ. Đồng chí Thủy nói:

- *Song đã biết rồi, hôm qua (30-3), D215 đã đánh chiếm toàn bộ đội C1. Nhưng địch đã phản kích chiếm lại C1, đến nay tình hình chưa rõ... Bây giờ cậu đưa 1 tổ lên quan sát thật cụ thể, địch đã chiếm hết C1 chưa? Xuống báo cáo tôi ngay.* Nhiệm vụ tôi tự nhủ mình phải quyết tâm thực hiện bản Quyết tâm thư viết ngày 12 -3 -1954.

Nhận lệnh về, tôi chọn ba đồng chí Thịnh, Hối, Cà đều là dân Thái Bình đã từng ở hậu địch quen với súng đạn. 4 người bò lên, tôi nghĩ không biết địch đã chiếm hết C1 chưa?...

Trên đường khoảng 200 m, anh em mình chết bị thương nằm ở đó, máu, bùn nhầy nhụa. Trong chiến hào, có người bị thương chưa được băng. 4 người chúng tôi dừng lại băng cho hai, ba anh em. Tôi gặp anh Đôn (Mùi) người cùng quê, nhập ngũ 1 ngày với tôi. Anh bị thương vào đầu, ở hàm, không nói được gì... gần đột phá khẩu có 4 hố bom, đi đến chỗ cái hố bom gần nhất sâu khoảng 4-5 mét, rộng khoảng 25-30 m. Những đồng chí tiến lên lần trước đều đi bên phải hố bom, từ đồi C2 bên cạnh, địch nó bắn 2 khẩu đại bác 4 nòng sang, quân ta thương vong nhiều. Không vượt lên được, tôi trông thấy ba đồng chí hy sinh dưới hố bom.

Tôi bảo anh em ta đi về phía bên trái hố bom, tuy khó đi vì vướng nhiều dây thép gai, lại trời mưa trơn và có thể có mìn, đi không cẩn thận dễ rơi xuống hố bom. Tôi nói anh em ấy xẻng Mỹ gập lên như cuốc, vừa cuốc vừa bò đi rất chậm. Thay nhau cuốc thành bậc đi theo sườn trái lên, 4 người chúng tôi đã lên an toàn, nếu trượt chân thì kéo nhau lên!

Qua khỏi hố bom khoảng 40m, thì lên đến cách chân lô cốt còn độ 15 m nữa. Tôi bảo Thịnh cầm súng trường Mát bật lưới lê cho mũ vào giờ lên xem địch có bắn không? Ngoáy mũ một lúc không thấy gì, tôi bắn một băng tiểu liên lên lô cốt, ném quả lựu đạn khói cũng không thấy gì. Tôi bảo ba người ở lại đào hào nếu địch đến đánh, còn tôi về báo cáo anh Thủy.

Tôi chạy về, vừa đi vừa thương anh em thương binh liệt sĩ mình nằm trong bùn máu, nhưng vẫn phải đi cho nhanh kịp về báo cáo với Đại đội trưởng.

Địch bắn cầm canh, chốc chốc tại 1 loạt đạn bên C2 bắn sang. Tôi vừa bò vừa chạy trượt ngã liên tục, tôi trông thấy anh Thủy trong hầm chỉ huy ở ngã 6 chiến hào, đang đợi. Thấy tôi anh Thủy hỏi:

- *Tình hình thế nào?*

Tôi mệt quá ngời thờ không nói được, quần áo đầy bùn máu. Anh ra đỡ tôi, tưởng tôi bị thương. Đỡ mệt tôi nói to:

- *Báo cáo Đại đội trưởng, địch chưa chiếm hết được đồi C1!*

Anh hỏi: Thật không?

- *Thật!* - Tôi báo cáo.

Anh Thủy rất mừng, vỗ vào đùi 1 cái rồi chạy ngay vào hầm gọi điện thoại. Độ 5 phút sau, anh quay ra hạ lệnh cho tôi:

- *Song! Đưa tiểu đội lên đánh lấy “Lô cốt cò và đồi C1” ngay, sẽ có chi viện tiếp.*

Tôi chấp hành mệnh lệnh dẫn 3 đồng chí đi trước và giao cho đồng chí Hợp Tiểu đội phó đi cuối cùng. Yêu cầu mỗi người cách nhau 5-8m.

Khi tiến đến lô cốt đầu cầu và vẫn đi bên trái hố bom rồi nhảy xuống giao thông hào bắn mấy phát tiểu liên. Người tôi gặp đầu tiên là đồng chí Hoàng Niệm, Chính trị viên Tiểu đoàn 215 (D215). Tôi thấy mặt anh đen xì, tay cầm quả lựu đạn mỏ vịt của Mỹ, giơ lên định ném...

Tôi sung sướng reo lên: anh Niệm, anh Niệm!. Tôi Song đây!!! (tôi làm liên lạc cho anh Hoàng Niệm từ chiến dịch Tây Bắc trên đường hành quân lên Điện Biên Phủ lần thứ nhất cuối năm 1952).

Anh Niệm rất mừng khi thấy chúng tôi. Anh hỏi: có súng trung liên không? Đông không? Tôi báo cáo 1 Tiểu đội:

- Trong lô cốt chỉ có anh và 1 anh chiến sĩ bị thương băng ở đầu...

Anh Niệm bảo tôi phải tìm chỗ để đặt trung liên phía bên phải, xung phong theo hào phía bên trái, cẩn thận đấy, địch đang ở lô cốt cột cờ cao hơn.

Tôi dẫn đồng chí Hựu đặt trung liên, Hựu đang đưa khẩu súng trung liên lên miệng giao thông hào thì bị địch bắn vào đầu, tôi chạy lại băng bó, bế Hựu vào lòng. Máu nóng của Hựu chảy vào da thịt tôi ướt ra quần áo. Hựu nắm chắc tay tôi rồi từ từ tắt thở... Tự nhiên tôi thấy người lặng đi rất khó thở... Hựu là người dân tộc Cao Lan, cùng học trung liên với tôi năm 1952...

Anh Hoàng Niệm đứng sát tôi vỗ vỗ vai nói.

- Chiến đấu khó tránh khỏi hy sinh... Song bình tĩnh! bình tĩnh lại!!!

Tôi quần dù cho Hựu và đưa vào hầm...

Tôi phân công cho Danh bắn trung liên (Danh đã đánh trận đồi Xanh ngày mùng 3-3). Hối lấp đạn và chọn chỗ đặt trung liên, an toàn, phân công Cà quan sát nhìn ký hiệu để bắt liên lạc.

Tôi và Thịnh bàn nhau và chuẩn bị bò lên đánh lô cốt cột cờ. Quan sát thấy rõ 2 khẩu trung liên và mấy cái đầu đội mũ sắt nhấp nhô ở lô cốt cột cờ. Tôi bò ở giao thông hào bên trái thấy 4 đồng chí đã hy sinh trong chiến hào dài khoảng 12 mét, độ sâu chỉ còn khoảng 30 phân, lách người nhẹ nhàng để trườn đi tránh địch trông thấy. Đến một ngách nhỏ gặp đồng chí bị thương cả 2 chân, tay lăm lăm quả lựu đạn “chày” đã mở nắp nhìn tôi thều thào nói:

- Địch ở cột cờ và đưa cho tôi quả lựu đạn đó.

Tôi nhận quả lựu đạn và tự nhủ: mình phải quyết tâm chiến đấu lấy lại lô cốt cột cờ. Tôi dùng 1 đoạn dây thép gai uốn cong vào mảnh bao tải cuộn lên dây thép để quan sát địch qua khe bao tải, bò nhích gần nên cách địch chừng 15-16 mét rồi ra lệnh để đồng chí Danh bắn trung liên. Lập tức tôi ném 2 quả lựu đạn lên lô cốt cột cờ (trong đó có 1 quả của đồng chí bị thương đưa). Khẩu trung liên của địch tung lên, địch kêu “Ồi, ời!”. Tôi ném quả lựu đạn khói nổ mù mịt rồi hô xung phong. Thịnh cũng xung phong lên. Tôi vừa chạy vừa bắn tiểu liên. Đến nơi thì

thấy 1 tên Tây đen chết, 2 tên bị thương nằm gần khẩu trung liên thứ 2. Tôi và Thịnh bắn mấy tên địch chạy xuống lô cốt số 6 và sang C2.

Mừng quá, chiếm được lô cốt cao nhất rồi. Tôi đứng lên miệng giao thông hào vẫy gọi anh Niệm.

Anh Niệm đến từ lúc nào, đẩy mạnh vai tôi xuống giao thông hào. Anh nói:

- Sao cậu đại thế?

Khi ấy tôi mới nghĩ ra nếu định bắn thì sao?

Tôi đánh tiếp lô cốt số 6 gần C2 nhất. Trên đường hào đến lô cốt, nhiều xác địch chết chưa chôn thối ghê... Tôi giẫm phải bụng 1 tên nổ đến bốp 1 cái, 1 chiếc giày ba ta đi bên chân phải của tôi bị tụt vào bụng 1 thằng Tây không rút ra được.

Khi quay về lô cốt số 4 vào 1 ngách thấy bi đông nước và 1 cái đèn pin kiểu Mỹ. Tôi lấy soi và thấy 1 đôi giày sắt đá liền lấy đi vào chân, tuy rộng nhưng đỡ lo mảnh đại bác đâm vào bàn chân.

Chúng tôi bắt được 4 tên và 5 tên bị thương nữa. Tôi nhìn thấy khẩu trung liên “vanh cát”, “vanh nói” của Mỹ nằm bên cạnh tên bị thương, tôi mang ra lau chùi, bắn thử, đạn nổ rất giòn và khẩu súng này nhẹ hơn hẳn khẩu trung liên “bơ-ren-nô” của Đức. Nhìn sang đồi C2 thấy có mấy tên đội mũ sắt, tôi bắn luôn.

Chiếm được đồi C1, trời đã tối. Địch vẫn bắn liên tục đại bác sang C1 và bắn pháo sáng rất nhiều trông rõ cả mảnh đạn dưới đất. Chúng tôi lợi dụng pháo sáng nhanh chóng sửa chữa hầm hào, kiểm lại quân số tiểu đội còn 6 người, 2 đồng chí hy sinh (Hựu và Hợp, tiểu đội phó), 3 đồng chí bị thương (Liễn, Rô, Độ).

Khoảng 9 giờ tối hôm đó có quân lên thay.

Tôi gặp anh Hoàng Vượng Tiểu đoàn trưởng 439 thay anh Hoàng Niệm và đồng chí Dương là Trung đội trưởng 12 của tôi.

Lúc này đã có máy vô tuyến điện để liên lạc, chúng tôi được phân công làm công tác thương binh liệt sĩ, chuyển đồng chí Hựu về ngay phía sau và đồng chí Địch, Hợp...

Sáng hôm sau tôi được đồng chí Hoàng Văn Lới làm Đại đội trưởng thay anh Nguyễn Văn Thủy bị thương nặng. Anh Lới là người dân tộc tỉnh Cao Bằng. Tôi làm liên lạc cho anh. Theo lệnh trên yêu cầu phải báo cáo lên trực tiếp. Chúng tôi đến hầm Trung đoàn trưởng Vũ Lăng báo cáo tình hình. Đồng chí Vũ Lăng mời chúng tôi ăn bánh bích quy và tặng mỗi người 1 hộp suất ăn của người lính Pháp. Đồng chí Vũ Lăng nhớ ra đã gắn Huân chương Chiến công cho tôi ở trận đồi Xanh. Đồng chí bắt tay tôi rất chặt và bảo:

- Song cố gắng hơn nữa nhé!

Quá trình giữa ta và địch, giành giật ác liệt trên C1 gần 10 ngày đêm, từ ngày 1 đến 10-4-1954 thì C bị chia đôi, mỗi bên 1 nửa ta và địch cách nhau 15-20m. Địch ở điểm trên cao lô cốt cốt cờ là điểm cao nhất của đồi C1 (mấy hôm trước

thường xuyên địch treo lên cột lá cờ tam tài, hàng ngày chúng tôi đều quan sát thấy). Vì lô cốt cao nhất nếu đã chiếm lô cốt cột cờ coi như đã làm chủ đồi C1...

Từng tổ thay phiên nhau lên giữ C1 từ 3-4 ngày. Phòng ngự ở đồi C1 thời gian đầu địch thường xuyên ném lựu đạn sang bên trận địa của ta và ta cũng đánh lại. Hai bên đều tích cực đào hầm hào, thấy rõ địch hất đất lên bụi mù và đẩy từng bao tải cát lên thành hầm, thời gian sau cũng chỉ để phòng quan sát ít ném lựu đạn hơn. Nhưng có lúc bất ngờ ta lại bắt tĩa chết 1 vài tên khi thấy chúng. Có những lúc địch còn ném bánh mì hộp thịt sang (lúc đầu tương lựu đạn), sau nghe tiếng bịch nhẹ chính là bánh mì.

Chúng tôi đào hầm hầm ếch giữa hào cao hơn và ngụy trang cửa hầm lấy dù của địch lót trong hầm để ngủ, lau chân tay bằng dù. Khi trời mưa to thì ra tắm: Hứng nước vào tay, xoa lên mặt thấy thoải mái, khỏe hẳn lên và lấy dù trắng lau người cũng dễ chịu ngủ ngon hơn. Khi tạm thời yên bình mang thư gia đình, thư người yêu ra đọc cho nhau nghe và đọc cả: “Thượng Cam Lĩnh” của Chí Nguyễn Quân (Trung Quốc) chiến đấu ở Triều Tiên.

Khi phòng ngự ở Đồi C1 gần 1 tháng, căng nhất là địch thỉnh thoảng dùng súng phun lửa bắn sang, nếu không cảnh giác thật nhanh xuống giao thông hào thì bị cháy tóc, quần áo hoặc bị bỏng. Cháy da thịt có đồng chí bỏng nặng, hy sinh. Sau chúng tôi đã ngụy trang bằng bao tải nhiều chỗ đánh lạc hướng mục tiêu và khi quan sát thấy trên đường từ C2 sang có thẳng vác một cái ống dài và 1, 2 thẳng đeo sau lưng bình to là báo cho mọi người cảnh giác địch sắp dùng súng phun lửa, đồng thời bắn trung liên, ném lựu đạn sang trận địa địch. Thế là mấy tên dùng súng phun lửa mất tinh thần bắn cho xong để rút lui nên ta không bị trực tiếp ngọn lửa thẳng vào người, để phân biệt giữa trận địa của ta và địch chúng tôi cắm cờ trắng để pháo binh ta bắn chính xác. Việc làm này, đồng chí Hoàng Vương Tiểu đoàn trưởng rất mừng và khen ngợi Tiểu đội 12 chúng tôi.

Thời đó địch hay thả dù tiếp tế vào giữa tháng 4, chiều hôm trước 1 dù hoa của địch rơi xuống gần hầm của ta và địch. Sáng sớm, cậu Thịnh đói, mò ra ngoài xem có đồ hộp thì mang về. Nhưng đến 9 giờ không thấy Thịnh đâu, anh em lo lắm, mãi sau mới thấy cậu ta về. Hỏi sao về muộn, Thịnh mới kể: Tìm mãi chẳng thấy đồ hộp mà trời lại hiu hiu gió mát nên Thịnh nằm nghỉ. Ai ngờ hóa ra ngủ say. 1 lúc sau bọn địch nhìn thấy chiếc dù cũng lần mò ra định lấy đồ (vì giữa ta và địch chỉ cách nhau khoảng 20m). Khi kéo dù thấy đôi chân lấm lem bùn đất thò ra. Chúng sợ kêu thất thanh rồi bỏ chạy lên đồi. Còn Thịnh cũng nhờ tiếng hét mà tỉnh giấc... chạy xuống chân đồi!

Nghe chuyện, không ai nhin được cười và cũng chẳng nỡ phê bình Thịnh nữa!

Nhưng khó khăn nhất thời gian này là ai cũng thèm rau xanh, thèm canh, ăn cơm nắm với cá khô, thịt trâu khô, muối rang lẫn với riềng ăn lâu ngày rất nóng ruột. Anh nuôi Nguyễn Văn Vườn rất thương anh em đã hái rau tàu bay ở rừng, vài ngày mới được một bữa nấu canh rồi cho vào nilon buộc lại đưa vào trong ba lô của Mỹ đeo sau lưng mang lên C1 cho đơn vị.

Chúng tôi rất sung sướng khi được uống nước canh mát ruột, mát gan, tỉnh người lại...

Có 1 buổi sáng, chúng tôi reo lên đón anh Vườn đang đến, nhưng anh không cười như mọi lần mà nghẹn ngào khóc mãi mới nói được:

- *Cắm thù thằng Tây quá, nó đã bắn bực ba lô canh rồi. Thế có tức không cơ chứ.*

Chúng tôi nhìn thấy quần áo anh Vườn ướt hết, mở balo ra còn 1 ít cọng rau tàu bay chia nhau mỗi người mấy ngọn. Anh Vườn bảo: “*Mai tao mang lên sớm hơn trước khi sương mù tan thì thằng bố Tây cũng phải chịu*”.

Chúng tôi đồng thanh hoan hô anh Vườn.

Trong chiến dịch này, anh Vườn đã được tặng thưởng Huân chương Chiến công... phòng ngự trên đồi C1 gần 1 tháng đến đợt 3. Đêm ngày mùng 1-5-1954, ta đã đánh nhanh chóng chiếm lại đồi C1 và tiếp tục đánh C2, A1 đến ngày mùng 7-5-1954 chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.

6. Đánh vào trung tâm cứ điểm / Nguyễn Thăng: ghi⁴ // Sự kiện & Nhân chứng. – 1996. – Số 29. – Tr. 19-20.

Mùa xuân 1954, chúng tôi lại tiếp tục lên đường ra trận. Nhưng lần này là con đường dẫn tới trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ. Trong những ngày này, chúng tôi nhận được thư Bác Hồ. Bác nhắc cần phải giữ vững quyết tâm trong mọi hoàn cảnh: quyết tâm tiêu diệt sinh lực địch, quyết tâm giữ vững chính sách, quyết tâm giành nhiều thắng lợi. Tôi càng thấm thía lời dạy của Bác trong trận đánh Đông Khê: “*Muốn tiêu diệt địch thì phải có biện pháp đánh bại các thủ đoạn của chúng*”.

Thấm nhuần lời dạy của Người, ở mặt trận Điện Biên Phủ, tôi là trung đoàn trưởng trung đoàn 209, đại đoàn 312 đã cùng với Chính ủy Trần Quân Lập, trung đoàn phó Thăng Bình, chủ nhiệm chính trị Kim Mỹ, tham mưu trưởng Chu Phương Đới xây dựng quyết tâm, xử lý các tình huống thắng lợi.

Trong đợt một của chiến dịch, trung đoàn 209 chúng tôi đã cùng với trung đoàn 142 tiến công liên tục 6 tiếng đồng hồ suốt từ 17 giờ đến 23 giờ 20 phút ngày 13 tháng 3 và đã san bằng cụm cứ điểm Him Lam là trung tâm phòng ngự kiên cố

⁴ Ghi theo lời kể của Thượng tướng Hoàng Cầm (Nguyên trung đoàn trưởng trung đoàn 209)

vào bậc nhất của địch ở Điện Biên Phủ, cách trung tâm Mường Thanh 2,5 km về phía bắc. Sau này được đọc hồ sơ về Điện Biên Phủ tôi mới biết lúc ấy địch rất chủ quan ngạo mạn. Theo phóng viên Mai-con Mắc-ria (hãng truyền hình Ca-na-đa CBC) kể lại thì: “Ngày 12-3-1954, đại tá Đờ Cát-xơ-ri triệu tập các sĩ quan chỉ huy tới báo động về nguồn tin tình báo khẩn cấp cuộc tấn công của tướng Giáp sẽ bắt đầu vào năm giờ chiều ngày hôm sau. Nhưng các sĩ quan cảm thấy an tâm chờ điều sẽ xảy ra, họ đang được tiếp tế tốt, kể cả 49.000 chai rượu vang. Cuộc đụng độ sẽ thoát ra trước hết khỏi vòng vây tinh thần, vì hình như ở Hà Nội bị xáo động hơn là ở đây”.

Sau trận này, trung đoàn 209 đầy tin tưởng, phân khởi bước vào giai đoạn 2 với tư tưởng “đánh chắc thắng”. Ngày đêm sẽ núi thành hào, đắp hầm xây trận địa vững chắc, tham gia kéo pháo ra rồi lại kéo pháo vào bảo đảm cho pháo binh ta đủ sức trút đạn xuống đầu thù.

Để tạo thế ngòi trên đầu Đờ Cát-xơ-ri, đợt 2 chiến dịch, trung đoàn 209 được giao đánh chiếm cụm đồi D1, D2, D3 giữ vững trận địa không cho địch phản kích lấy lại.

Cuối tháng tư, trung đoàn 209 được giao nhiệm vụ đánh chiếm khu vực bàn đạp, mở đầu đợt tiến công thứ ba của chiến dịch. Sau nhiều trận bẻ gãy các đợt phản kích của địch định chiếm lại cụm đồi D, Đảng ủy và chỉ huy trung đoàn quyết định phải chuẩn bị tốt cả về tư tưởng và tổ chức chiến đấu cho bộ đội. Tôi xuống với tiểu đoàn 154 làm nhiệm vụ chủ công cùng anh em bàn cách khắc phục khó khăn, khẩn trương chuẩn bị.

Ngày 1-5, theo kế hoạch chiến đấu của trung đoàn, tiểu đoàn 154 nổ súng tiến công điểm cao 505, 20 giờ 30 phút tiểu đội đi đầu của đại đội 606 chiếm được bàn đạp cửa mở thì bị hỏa lực địch từ nhiều phía, cả pháo địch ở Hồng Cúm bắn cản dữ dội. 20 giờ 45 phút, trung đội đầu cầu này thực hành xung phong. Lúc này phần lớn anh em 606 lọt vào cứ điểm địch đều bị thương loại khỏi lực lượng chiến đấu, 21 giờ 27 phút địch lại tổ chức phản kích, các chiến sĩ ta dù bị thương vẫn đánh trả quyết liệt. Đại đội 606 được tạm dừng, củng cố để tiếp tục tiến công, trung đoàn điều đại đội 618 từ phía sau lên tăng viện, bước vào chiến đấu. 4 giờ 20 phút ngày 2-5, tiểu đoàn 166 diệt gọn một đại đội địch còn lại, đánh chiếm hoàn toàn điểm cao 505 kết thúc trận đánh ác liệt sau 10 giờ đồng hồ. Điểm cao 505 bằng phẳng, cạnh đường 41 tiếp sau là các điểm cao 506, 507, 508, 509,... nối nhau chạy thẳng vào trung tâm chỉ huy Mường Thanh, rất có giá trị về chiến thuật, nên địch cố giữ và ta quyết chiếm bằng được, nó trở thành ác chiến điểm.

Ngày 5-5, chúng tôi tập trung cán bộ từ tiểu đoàn lên 505 quan sát và hoạch định quyết tâm vào trận mới. Đêm 6-5, trung đoàn có nhiệm vụ đánh chiếm điểm cao 507 để phối hợp với các đơn vị bạn nhỏ nốt những cái đỉnh A1, C2. Vì trình

sát không tốt, tiểu đoàn 130 được giao trọng trách này đã không hoàn thành nhiệm vụ. Sáng ngày 7-5, chúng tôi đề nghị Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn cho tiếp tục tấn công. Anh Tấn bảo tôi gọi thẳng xin ý kiến anh Võ Nguyên Giáp, Tổng chỉ huy chiến dịch. Sau khi cân nhắc, anh Văn chấp nhận quyết tâm chiến đấu của trung đoàn, lại còn cho 5 khẩu pháo chi viện và ra lệnh chuẩn bị chu đáo để bước vào giờ G, 14 giờ trận đánh bắt đầu. Địch cao 507 bị diệt, chúng tôi phát triển đánh chiếm điểm cao 508, 509 và lệnh cho đại đội Tạ Quốc Luật nhanh chóng vượt cầu phao chặn địch rút chạy và chặn viện từ Mường Thanh ra. 16 giờ 30 phút tất cả các cứ điểm bên này sông Nậm Rốm đã lọt vào tay quân ta. Chúng tôi phát triển vào khu Mường Thanh. Tại đây, đại đội Tạ Quốc Luật đã diệt được khẩu đại liên bốn nòng, bắt sống tên xạ thủ là lính ngụy. Sau khi được giải thích chính sách khoan hồng, nó đã chỉ cho anh Luật hầm của Đờ Cát-xtơ-ri cách đó 200 m. Tôi hạ lệnh cho Tạ Quốc Luật phát triển về hướng đó và tìm cách bắt bắt sống được Đờ Cát-xtơ-ri. Lúc đó là 17 giờ, sở chỉ huy địch hiện rõ trước mắt cán bộ, chiến sĩ đại đội 360, Tạ Quốc Luật dẫn một tiểu đội bứt lên đứng trên nóc hầm kêu gọi tướng Đờ Cát-xtơ-ri ra hàng. Vài phút sau tướng Đờ Cát-xtơ-ri đã và toàn ban tham mưu ra thành hàng dọc, hai tay giơ khỏi đầu từ cửa hầm lần lượt đi ra. Chúng tôi báo cáo lên Đại đoàn và toàn ban chỉ huy trung đoàn 209 đã có mặt đầy đủ để tiếp nhận sự đầu hàng của tướng Đờ Cát và toàn bộ ban tham mưu của tập đoàn cứ điểm.

7. ĐINH MẠNH THOẠI. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, dân công văn học văn hóa / Đinh Mạnh Thoại // Nhân dân. – 2004. – Ngày 7 tháng 5. – Tr. 2

50 năm đã trôi qua, ôn lại chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ, không thể không nhắc đến việc dạy học cho anh chị em dân công hỏa tuyến. Ngày ấy, cán bộ, giáo viên bình dân học vụ, nhất là dân công ở công trường tiền tuyến Điện Biên Phủ, vẫn có thể dạy và học thêm văn hóa. Dân công làm hai nhiệm vụ phục vụ tiền tuyến và học văn hóa. Khi hoàn thành nhiệm vụ, về địa phương, sẽ hết sức hăng hái học hoặc vận động thêm bà con đi học.

Cơ sở tổ chức học tập là đơn vị trung đội, song khó khăn là có đơn vị làm đêm, có đơn vị làm ngày. Trình độ văn hóa chênh lệch, phần lớn số dân công là bần nông, nhiều người mù chữ. Vì vậy tổ chức học phải hết sức tranh thủ. Ngoài đi làm ở mặt đường, dân công về lán trại phải có thời gian nghỉ ngơi, tối lại sinh hoạt tập thể: bình nghị thi đua, họp đoàn thể. Từ đó, phương châm tổ chức học bổ túc văn hóa (BTVH) phải linh hoạt, không gò bó thành lớp học như ở nhà. Thiếu bút, thì vót tre nhọn làm bút, dăm tờ giấy bình dân làm vở. Hoặc tối thì học ở lán, ban ngày, tìm lùm cây bên bờ suối để học. Quan niệm học BTVH là để đấu tranh,

thì ở đây cũng đấu tranh vượt khó khăn, cốt sao dân công học liên tục, gây hứng thú, nền nếp, tạo đà sau này về nhà học tiếp.

Có trung đội tám giờ mới ra mặt đường, tranh thủ chừng một giờ trước cơm sáng để học. Chiều bốn giờ về, học chừng ngót một giờ, cơm chiều xong, sinh hoạt và nghỉ ngơi. Có khi, học viên còn thiếu, chưa tập trung ở cơ sở lên kịp, thì lớp cứ học, ai đến sau, học tiếp và có người kèm. Thời gian dân công có hạn, lại bận một số ngày tổ chức doanh trại, liên hoan chiến sĩ ... Do công tác tư tưởng làm tốt, học chữ biến thành nhu cầu của dân công. Giờ nghỉ trưa, có khi anh chị em tranh thủ viết nốt bài chính tả bỏ dở buổi sáng. Phương pháp hướng dẫn của giáo viên hoặc cán bộ trong đơn vị còn người mù chữ, không tổ chức cho họ học i tờ được, thì tập đọc chính tả cho họ ngồi nghe, có khi chính họ đặt câu hỏi tập đọc.

Do yêu cầu phục vụ cầu, đường, phà, dân công vừa làm đường vừa học chữ, học cả chính trị với sáu bài thường thức chính trị: Chế độ phong kiến là gì? Đế quốc Pháp xâm lược nước ta - Vì sao nhân dân Việt Nam cực khổ? Vì sao giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo? Giai cấp nông dân...

Từ việc tổ chức như trên, suốt thời gian phục vụ chiến dịch, từng đợt, từng đợt dân công đã được học BTVH trong điều kiện làm việc vất vả, sinh hoạt kham khổ. Cả học viên và giáo viên như được khơi dậy lòng yêu nước. Tự thấy cần học vì nội dung học có lợi cho hiểu biết của họ, khi về hậu phương hòa vào phát động quần chúng với bà con ở nhà. Ấy là chưa nói khi họ đã biết học là cần, họ sẽ dốc vào công việc cầu, đường, phà vì lý tưởng lớn lao giải phóng dân tộc, với khí thế câu hát : “Dốc núi cao cao nhưng lòng quyết tâm còn cao hơn núi...”.

Những khía cạnh tiềm tàng, thâm lặng, quý báu của những chiến sĩ vô danh phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ lẫm lẫm thật đáng quý và tiếp sức không nhỏ cho tiền tuyến.

8. Đòn bất ngờ chiến dịch: Tiêu diệt phòng tuyến sông Nậm Hu / Bùi Nam Hà: kể ; Võ Văn Dũng: ghi // Sự kiện & Nhân chứng. – 2004. – Số 122. – Tr. 34-35.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, đơn vị tôi là một trong nhiều mũi tấn công cấp trung đoàn trong đội hình đại đoàn Việt Bắc (mặt danh chiến dịch của đại đoàn Quân Tiên Phong – 308). Nhiệm vụ của đại đoàn là tiến công vào trung tâm tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ từ hướng tây, thuộc vùng núi Hồng Lếch. Đang triển khai đội hình tiến công theo phương châm “Đánh nhanh, thắng nhanh”, thì ngày 26-1-1954, đại đoàn được lệnh dừng lại, rút quân ra khỏi trận địa bao vây tấn công và hành quân sang hướng Thượng Lào, hiệp đồng với quân tình nguyện Việt Nam và quân đội Pa-thét Lào tiến công tiêu diệt phòng tuyến sông Nậm Hu

của quân đội thực dân Pháp. Đang trong tư thế “công kiên chiến”, hàng vạn quân ta nai nịt gọn gàng, im lặng, triển khai đội hình trên trận địa kéo dài ngót 5km, với chiều sâu gần 2km. Trận địa chiến hào từ trong xuất phát tấn công chuyển sang thành đội hình “thê”, “thứ” vận động tấn công sẵn sàng đột phá trong hành tiến hệ thống cứ điểm của một phòng tuyến dài hàng trăm ki-lô-mét trên dải núi rừng trùng điệp Thượng Lào, cách trung tâm cứ điểm Điện Biên Phủ gần 200 km. Đây là một đòn hành quân ghi binh chiến lược, đồng thời đập tan cuộc hành quân của Binh đoàn Veau-drey gồm 6 tiểu đoàn cơ động càn quét, mở rộng tuyến phòng thủ sông Nậm Hu, lập đường hành lang nối liền Luông Pra-băng với Điện Biên Phủ.

Đại đoàn hành quân theo hai cánh (E102 một cánh và E36, E88 một cánh), vừa đi vừa chuyển cơ sở trang bị từ đội đột kích công sự kiên cố sang các đội xung kích gọn nhẹ; chuyển trạng thái từ gan góc, làm lý sang hoạt bát, lanh lẹ, sẵn sàng “tao ngộ chiến” và “công kiên chiến” trong hành tiến. Quân địch đã phát hiện đại đoàn 308 Quân Tiên Phong chủ lực, sư đoàn thép của ta, tấn công sang Lào, do đó đã chủ trương rút lui chiến dịch và chiến lược, bỏ phòng tuyến Nậm Hu, dự định con cụt về Luông Pra-băng.

Đại Đoàn được lệnh chuyển sang truy kích chiến dịch. Diễn biến chiến dịch diễn ra trải dài hàng trăm ki-lô-mét, với những trận “tao ngộ chiến”, tập kích, công kiên mà chủ yếu là truy kích đánh địch rút chạy. Ta đã quét sạch hàng chục đồn bót, hàng trăm tên địch bị tiêu diệt. Trong lúc rút lui, quân địch thường tổ chức các trận đánh ngăn chặn, gây cho ta không ít tổn thất. Vào đúng ngày sinh nhật Đảng lần thứ 24 (3-2-1954), cũng là đêm 30 Tết Giáp Ngọ, chúng tôi gặp quân tình nguyện Việt Nam, bộ đội Pa-thét Lào và nhân dân các bộ tộc Lào. Một đồng chí chỉ huy quân đội Pa-thét Lào nói với chúng tôi rằng, đêm nay là đêm giao thừa, mời bộ đội Việt Nam tạm dừng chân để đón xuân Giáp Ngọ trên miền đất với hương sắc tuyệt vời của hoa Châm-pa. Chúng tôi rất cảm động và sau khi nhận đủ tiếp tế, thêm vài lễ gạo rang, dấm muối, mấy ống bương nước suối, chúng tôi cảm ơn các bạn Lào và tiếp tục lên đường, vừa đón giao thừa vừa truy kích giặc. Trận chiến trên đường hành tiến trong những ngày tiếp đó là những trận giáp lá cà, “tao ngộ chiến” đẫm máu. Địch vừa lui vừa đánh thực mạng để mở đường tháo chạy. Ta quyết quy góp lại để tiêu diệt.

Trong đêm giao thừa, khi vượt qua Nậm Bạc, quân ta bị địch phục kích. Mũi trinh sát tiên phong của trung đoàn 88, do đại đội trưởng Nguyễn Cảnh chỉ huy, đã đột phá đội hình xông lên chặn địch, để phía sau tiến lên bao vây, bắt sống được 70 tên, trong đó có tên thiếu tá Ca-ba-ri, binh đoàn phó binh đoàn cơ động. Và người đại đội trưởng cùng toàn mũi trinh sát dũng cảm ấy đã hy sinh anh dũng trên đất nước Lào anh em đúng vào sáng mồng một Tết Giáp Ngọ.

Đội hình các Trung đoàn Thủ Đô, Tu Vũ, Bắc Bắc đang xen nhau, các tiểu đoàn 18, 54, 80, 23, 29, 79 và 322 đuổi giặc đánh chiếm Mường Khoa, Nậm Bạc, Mường Ngòi. Một cánh tạc sang Mường Sài, một cánh tiến thẳng về Pak-Xương, Luông Pra-băng và bắt liên lạc được với Liên quân tình nguyện Việt Nam-Ít-xa-rắc. Chuẩn bị tấn công vào Luông Pra-băng thì được lệnh ngừng tiến quân và đợi lệnh.

Trong tiến quân tiêu diệt địch, hàng trăm anh em trong đơn vị P.M.T (Prisonier Militaire Tonkinois - đơn vị tù binh của giặc Pháp) đã xin gia nhập quân đội chiến đấu diệt địch. Hầu hết họ là thanh niên, một số đã là dân quân quân du kích, cán bộ cơ sở bị địch bắt khi càn quét ở các vùng trung du, đồng bằng Bắc Bộ và phải làm phu vận tải, bia đỡ đạn trong các tiểu đoàn cơ động của chúng. Họ không chỉ xin là người cầm súng cùng đánh giặc mà thật sự còn là nguồn tin tình báo quân sự rất cụ thể, chính xác về trạng thái của quân địch từ phiên hiệu đơn vị, tên sĩ quan chỉ huy, đến quân số cơ động hay đồn trú và đặc biệt là hiện chúng đang ở đâu. Anh em không những đã xung phong chỉ dẫn đường mà còn cùng chúng tôi giết giặc lập công.

Ngày 13-2-1954, Đại tá Vương Thừa Vũ, Đại đoàn trưởng Việt Bắc nhận được lệnh của Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp là Đại đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt toàn bộ quân địch trên phòng tuyến sông Nậm Hu, giải phóng một vùng rộng lớn ở Bắc Lào, nối liền với căn cứ địa Phong Xa Lỳ và phải hành quân trở lại ngay Điện Biên Phủ.

Kết thúc đòn đánh Thượng Lào, đòn đánh mà khiến quân địch hoảng loạn đến cực độ và gọi đó là “cuộc hành quân quái đản” (nhà báo Pháp – Robert Guillain) viết trong “Ảo mộng tan tành” (La fin des illusions).

Đây là đòn đánh bắt ngờ chiến dịch có tính chất chiến lược, không những tạo thế cô lập căn cứ Điện Biên Phủ về thế trận, cắt đường chi viện từ Thượng Lào sang mà còn cắt đường rút chạy của quân địch khi rời Điện Biên Phủ. Mặt khác, đòn đánh Thượng Lào đã làm lạc hướng phán đoán của Bộ tham mưu địch cho rằng, ta không hoặc chưa có thể tiến đánh Điện Biên Phủ, nên ngày 12-3-1954, địch mở lại cuộc hành quân Át-lang tiếp tục lần chiếm các vùng giải phóng Liên khu V, thì ngày 13-3-1954, ta mở màn chiến dịch quyết chiến chiến lược tiến công Điện Biên Phủ.

9. ĐỒ SÂM. Huyền thoại về một cuộc hành quân / Đồ Sâm // Sự kiện & Nhân chứng. – 2004. – Số 122. – Tr.48-49

Trong lịch sử hành quân của pháo binh có một huyền thoại còn ít người biết đến. Đó là chuyện cuộc hành quân mà hàng chục khẩu trọng pháo, hàng chục xe kéo pháo của trung đoàn Tất Thắng - trung đoàn trọng pháo cơ giới đầu tiên của

nước Việt Nam - đã được tháo rời chuyển xuống bè vượt thác ghềnh, xuôi sông Hồng về hậu cứ trước khi xuất quân đánh thắng ở chiến dịch Điện Biên Phủ.

Từ câu chuyện ngắm trăng đêm giao thừa

Sau cuộc diễn tập bắn đạn thật cuối năm 1952 ở Trung Quốc, Đoàn pháo Tất Thắng đột nhiên nhận lệnh chuẩn bị ăn Tết. “Đột nhiên” vì thay vào việc ăn Tết âm lịch thường lệ, năm nay anh em ăn Tết dương lịch vẫn với đầy đủ hương vị: “Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ, Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh”.

Đón giao thừa đêm cuối năm 1952 các chiến sĩ pháo binh không chịu “tối như đêm ba mươi” mà được ngắm trăng rằm thơ mộng (31-12-1952 đúng vào ngày rằm tháng một năm Nhâm Thìn).

Sau cái Tết đặc biệt ấy trung đoàn nhận lệnh hành quân trở về nước. Đoàn xe pháo xuất quân từ Sin An Sô (Vân Nam – Trung Quốc) qua Mông Tự, Tshi Chai, Mê La Ti dừng lại ở La Ha Ti. Một tối sinh hoạt văn nghệ được tổ chức ở đây, bên bờ sông Nậm Thi (tên đoạn Thượng nguồn sông Hồng phía Bắc Lào Cai bên đất Trung Hoa).

Trong đêm liên hoan một cán bộ trình sát kể chuyện:

- Tháng 12-1788 nghe tin giặc Thanh đem quân chiếm Thăng Long, ông Nguyễn Huệ cho đại quân xuất trận ra Bắc đánh quân xâm lăng. Trên đường hành quân, ông cho nghĩa quân ăn Tết trước rồi đoàn quân voi-ngựa, hỏa hổ kéo ra Thăng Long đánh hơn 20 vạn quân Thanh đúng vào dịp Tết Kỷ Dậu (1789) buộc chúng phải rút quân về nước.

Ôn lại câu chuyện ăn Tết trước của nghĩa quân Quang Trung, nhớ chuyện ăn bánh chưng trước Tết tuần trước ở Sin An Sô, mỗi người chúng tôi rạo rục một ước mơ:

- Chỉ một thời gian không lâu nữa trung đoàn sẽ vượt biên giới về nước chiến đấu. Chiến dịch sắp tới phải là một chiến dịch lớn của giai đoạn tổng phản công tiến về giải phóng Thủ đô, giải phóng quê hương.

Thế nhưng!!! Một tin bất ngờ đến với trung đoàn: “Tạm dừng cuộc hành quân. Nghỉ lại La Ha Ti chờ lệnh!”.

Phương án mới

Thời gian ấy nhiều cán bộ trên Bộ Quốc phòng, trên đại đoàn Công Pháo (Công binh và Pháo binh), Bí thư tỉnh ủy các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang cùng một số cán bộ chỉ huy Đoàn Tất Thắng họp bàn tìm một phương án hành quân tốt nhất, bí mật không cho giặc Pháp biết sự xuất hiện của trung đoàn trọng pháo cơ giới đầu tiên của đất nước trước khi đơn vị nổ súng chiến đấu. Có ba phương án được thảo luận kỹ:

Phương án 1: Xe kéo pháo hành quân qua Lào Cai theo một số đường quân sự làm gấp mới làm sang bến Ngọc về căn cứ địa ở Bắc Tuyên Quang.

Phương án 2: Xe kéo pháo về Bảo Hà theo tuyến đường sắt Vân Nam - Lào Cai - Yên Bái. Lực lượng công binh sửa chữa đoạn đường sắt Bảo Hà - Yên Bái có chừng hơn 40 cầu sắt cũ, nhiều cái đã hỏng. Dùng những ô tô đánh sắt chạy trên đường “ray” xe lửa kéo những toa chở xe, pháo về Yên Bái. Từ đây ô tô kéo pháo hành quân về căn cứ.

Phương án 3: Xe kéo pháo qua Lào Cai về Bảo Hà – Thíp. Tại đây công nhân kỹ thuật tháo rời từng khẩu pháo, từng chiếc xe ra nhiều bộ phận chuyển xuống những bè nứa chắc chắn, những thuyền đinh lớn xuôi về bến Âu Lâu, đầu thị xã Yên Bái. Ở đây sẽ tháo lắp lại rồi hành quân theo đường bộ về căn cứ. Hành quân cơ giới trên đường sông theo phương án ba thật bất ngờ với địch. Yếu tố bí mật hơn hẳn 2 phương án trên, nhưng phải tháo gỡ biết bao khó khăn để thực hiện phương án đặc biệt này.

Cuối cùng cấp trên quyết định hành quân theo phương án 3.

Những đêm vượt thác ghềnh

Cái tháng “củ mật” năm ấy vùng rừng núi ven sông Hồng hai tỉnh Lào Cai - Yên Bái nhộn nhịp chưa từng thấy. Các chiến sĩ Công binh từ Bắc Kạn, Tuyên Quang tập trung về sang đường, phá núi đào công sự, làm bến bãi dọc sông từ Bảo Hà về Thíp. Cũng ở khu vực này, một đại đội pháo 105 vừa chiến đấu giải phóng Hòa Bình được bổ sung cho Trung đoàn Tấn Thắng, hầu hết pháo thủ là thanh niên dân tộc Mường. Là những chiến sĩ mới bổ sung, hàng ngày anh em vác dao lên rừng chặt bương, nứa cùng các chiến sĩ công binh đóng những chiếc bè lớn. Hàng chục thuyền đinh cùng những tay chèo lái giỏi nghề sông nước, thạo đường luồng lạch sông Hồng 2 tỉnh Lào Cai, Yên Bái được điều về. Nhiều công nhân tay nghề cao của Đại Đoàn được tăng cường cho trung đoàn làm nhiệm vụ tháo lắp xe pháo. Ban chỉ huy hành quân được thành lập.

Tháng trước trên địa phận Trung Hoa, tuy yếu tố bí mật luôn được đặt lên hàng đầu, chúng tôi vẫn hành quân theo đội hình tiểu đoàn. Lần này từ thị xã Lào Cai về Bảo Hà đơn vị phải hành quân đêm. Mỗi đêm chỉ đi lẻ 2-4 xe chở đạn, pháo, khí tài và các thiết bị khác. Một số anh em trinh sát được phân công đón đưa xe pháo, trang bị... vào giấu trong các công sự, các lán trong những khu rừng kín ven sông. Những sọt cây ngụy trang được đặt trên các đoạn đường dễ bị lộ. Xe pháo đến, những sọt cây được khiêng sang hai bên đường. Xe pháo đi qua, những sọt cây được mang đặt lại trên đường không thể biết đâu là đường, đâu là rừng cây nữa. Kế hoạch của ban chỉ huy hành quân xác định:

Đạn pháo và một số trang thiết bị được chuyển từ Bảo Hà về bến Âu Lâu trên các thuyền đinh lớn.

Một số cán bộ, chiến sĩ hành quân bộ theo đường rừng ven sông mang theo các máy trinh sát đo đạc, thông tin, vô tuyến điện...

Anh em thợ pháo tháo rời từng khẩu pháo 105 mỗi khẩu nặng khoảng 2 tấn. Những bộ phận nhỏ chuyển theo thuyền, nòng và còng pháo nặng đưa xuống bè. Các bác dân công địa phương phụ trách chèo lái thuyền bè.

Xe kéo pháo, cần trục, xe công trình, mỗi xe nặng khoảng 4 tấn được tháo đưa xuống bè. Mỗi đêm chuyển đi 2-4 xe. Mỗi xe chuyển trên 2 bè đấu liền với nhau. Cuộc hành quân trên sông Hồng sẽ đi trong 4-5 đêm.

Công an các xã ven sông đảm nhiệm lãnh đạo giữ bí mật cho bộ đội.

Chặng hành quân gian khổ và khó khăn nhất của trung đoàn từ Bảo Hà, Thíp (Lào Cai) về Âu Lâu (Yên Bái) được triển khai theo đúng kế hoạch. Ròng rã suốt mấy tháng vật lộn với sông nước, thác ghềnh, nguy trang đấu trí với máy bay trinh sát địch, cuộc hành quân đã hoàn thành thắng lợi. Toàn bộ hàng chục khẩu trọng pháo, hàng chục xe cơ giới các loại, gần 100 tấn pháo đạn cùng những trang bị kỹ thuật của trung đoàn được chuyển an toàn về hậu cứ. Trong cuộc đến thăm Trung đoàn sau cuộc hành quân, Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái đã vào công sự kiểm tra từng khẩu pháo, từng chiếc xe. Anh nói chuyện với anh em cán bộ, chiến sĩ trong trung đoàn: “Đây thực là một cuộc hành quân vô cùng sáng tạo, táo bạo chưa từng có trong lịch sử chiến tranh thế giới...”.

10. Đường kéo pháo vào Điện Biên Phủ / Hoàng Hà: ghi // Điện Biên Phủ nhân chứng sự kiện. – 2003. – H. : Quân đội nhân dân. – Tr 110-122

Quãng đường Tạ Khoa - Cò Nòi, trước cứ tưởng thế là xấu nhất rồi, nay so với quãng đường Tuần Giáo - Điện Biên thì thật chưa thấm vào đâu. Đường quãng này rất hẹp, hoàn toàn là đá “sít” bỏ lâu ngày nên đã bị vỡ lở gần hết, có nơi mặt đường ngang với mặt ruộng. Vùng này nhiều sương mù, nên mặt đường luôn luôn ẩm ướt, lầy lội, chỉ rình sụt lở. Đúng là một trận mưa to còn phá hoại đường nhiều gấp mấy lần một trận bom. Ở đây, tuy không có những đèo dài như ngoài kia, nhưng lại có những đoạn gấp khúc bên dốc núi, bên vực thẳm rất nguy hiểm mà chắc chắn thế nào rồi thẳng địch cũng phá hoại như ở ki-lô-mét 5, ki-lô-mét 20, ki-lô-mét 34. Đã vậy, vùng này khe suối lại chằng chịt như mạng nhện, nhiều chỗ không thể làm bến lội. Mới tính phát cũng đã phải bắc ngót 50 cái cầu, làm gần chục cái cống. Riêng số đất đá phải bốc đi cũng đã lên gần 6000 mét khối mà lại không được dùng thuốc nổ, để giữ bí mật.

Còn về thời gian thì cấp trên quy định chậm nhất rằm tháng Chạp phải mở thông đến ki-lô-mét 60. Đảng ủy trung đoàn sau khi phân tích hết khó khăn, thuận lợi, đã hạ quyết tâm lãnh đạo thực hiện bằng được kế hoạch. Chúng tôi lại nhất trí điều tiểu đoàn đồng chí Ung Răng lên làm, giao nhiệm vụ củng cố quãng Tạ Khoa - Cò Nòi cho một tiểu đoàn khác. Ung Răng được tăng cường thêm hai đại đội

công binh nữa. Sau đó, cấp trên trực tiếp nghe công binh báo cáo, đã quyết định điều một số đơn vị pháo và bộ binh đến cùng tham gia mở đường với chúng tôi.

Mấy hôm sau, đồng chí Ung Răng nhận được điện, cấp tốc dẫn đơn vị lên.

...Sương mù ở vùng này có cái hại nhưng cũng có cái lợi. Nhiều hôm, mãi đến 10 giờ sáng mới tan hết sương. Chúng tôi lại tranh thủ làm thêm được bốn năm giờ nữa, chẳng lo máy bay máy bò gì. Ở mặt đường về, rửa ráy, tắm tấp, cơm nước xong, ngủ được một lúc, bộ đội lại vùng dậy đi chặt gỗ để đêm còn có cái mà làm cầu. Thoạt đầu, đi gần còn lấy được gỗ, sau thì phải bắc nhiều cầu quá, lại còn phải lấy gốc về để rải “rộng đanh” chống lầy, chặt mãi rồi cũng hết, bây giờ, muốn có gỗ, phải đi rất xa. Đào đất, chặt gốc ngày nào cũng quần quật mười mấy giờ, nên bộ đội rất mệt. Một hôm, tôi đi kiểm tra, bắt gặp một đồng chí đứng bên gốc cây hàng giờ. Đến gần, hóa ra đồng chí ấy đã ngủ, đi cũng ngủ, đứng cũng ngủ, bộ đội đói ngủ ghê gớm!

Đảng ủy đoàn thể để hẳn ra 1 buổi họp chỉ để bàn cải thiện sinh hoạt, chăm chút cái ăn, cái uống cho bộ đội. Sau đó, dưới đơn vị có phong trào tự túc củ mài, vào rừng lấy rau dớn, cải xoong, bẫy chim, bẫy chồn. Trên đoàn bộ, phong trào cũng rất sôi nổi. Đồng chí trung đội trưởng Thứ xung phong về xuôi mua bò đánh lên.

Đàn bò đồng chí Thứ lên đến nơi chẳng thiếu con nào, mà lại đều béo mốp. Sau này, có đơn vị còn giống được một chuyên 500 con lợn từ Thanh Hóa lên, không mất, không chết, không sút cân kia! Giỏi thật! Đoàn bộ chúng tôi bây giờ còn có đồng chí Ngừ. Đồng chí này ngày xưa ở nhà là hương sử, chữ nghĩa cũng không nhiều lắm, nhưng sáng dạ ít ai bằng. Ngừ được cử lên Nậm Miu đánh cá. Chỉ trong nửa tháng, đồng chí ấy đã cung cấp các đơn vị trong đoàn hơn 5 tấn cá.

Cái ăn, cái uống đã kha khá, trông anh em đã thấy có “máu mặt”. Tuy vậy, chúng tôi vẫn chưa hết áy náy. Bộ đội còn phải bỏ sức ra nhiều quá. Chúng tôi gọi đồng chí Ung Răng lên, giao cho thực hiện 2 việc: Một là, mỗi đại đội phải tự túc ngay 1 lò rèn, trước là rèn bu-loong, sau là sửa chữa cuộc xẻng. Bảy giờ cuộc xẻng quý lắm, gãy cuộc, mẻ xẻng, khác gì cụt tay, cụt chân. Cuộc xẻng dùng từ đầu chiến dịch, đến lúc đó có cái đã mòn vẹt quá nửa. Đồ dùng như thế, làm vừa tổn sức, vừa mất việc. Hai là, phải phát động ngay trong anh em một phong trào cải tiến đồ dùng. Bất luận sáng kiến to hay nhỏ thế nào, có lợi cho công việc lại đỡ vất vả hơn trước, đều được hoan nghênh.

Chúng tôi bảo Ung Răng:

- Đây cũng là một dịp tốt để đồng chí rèn luyện thêm công tác vận động quần chúng đấy.

Về đến nhà, Ung Răng hăm hở bắt tay thực hiện ngay. Quả nhiên, chỉ mấy hôm sau đã có chuyên biến. Nhiều xe cút-kít “dã chiến” đã tiến ra mặt đường thay

cho quang gánh. Trước nay, việc chuyển đá từ dưới vực lên rất vất vả. Chúng tôi quyết định, trước hết phải hướng trí tuệ của anh em vào giải quyết bằng được cái khâu ấy. Anh em liền nghĩ ra kiểu “cần trục” dây chuyền. Cứ cách 10 mét lại dựng lên một cái cần kéo như kiểu cần mức nước giếng. Cứ thế đá được chuyển dần từ dưới vực sâu lên.

Với cái đà ấy, công việc chạy băng băng, anh em đã được ngủ nhiều hơn trước.

Còn địch thì tất nhiên đâu có chịu để ta yên. Ngày mùng 4, chúng tôi bắt tay mở đường Tuần Giáo - Điện Biên thì ngày mùng 7 chúng phá. Qua đợt công tác dưới Tạ Khoa, kinh nghiệm của ta càng già dặn trong việc chống địch phá hoại. Việc chống bom nổ chậm bây giờ đã trở thành quá quen thuộc, quá bình thường. Có những chỗ, ngày nào địch cũng phá. Trước muốn vá đường, cứ phải đi lấy gỗ. Như thế vừa tốn, vừa lâu, mà hôm sau nó phá hỏng cũng uổng. Anh em liền nảy ra sáng kiến chặt chuỗi rừng thay gỗ cạp đường. Chuối thì chỗ nào chẳng có. Nó phá xong ta vá được ngay, vá kiểu cấp tốc này, chẳng mất bao nhiêu thời gian. Tính chung cả chiến dịch, nó phá hoại gần chín chục lần, ta bảo đảm 65 lần, nói chung cứ 12 giờ đêm trở đi là đường vừa bị oanh tạc xong lại liền như cũ.

Anh chị em dân công làm đường với bộ đội 1 thời gian ngắn, đã dạn dần bom đạn. Anh em công chính cũng đã “quân sự hóa” không kém bộ đội, nhiều chặng đã có thể giao lại cho anh em hoàn toàn đảm nhiệm, kể cả nhiệm vụ chống phá hoại ở đó. Đội trưởng Xuyên Khung rất phấn khởi trước việc này. Bây giờ đây, không phải chỉ có 1 mình đội của đồng chí ấy thông thạo việc chống, phá bom nổ chậm nữa! Nhờ đó, Xuyên Khung được rảnh tay hơn trước, nhận những việc khó khăn hơn. Sau này, khi quân ta chuyển sang tổng công kích, Xuyên Khung được trực tiếp leo lên nên gặp đồng chí Đại tướng, nhận lệnh dẫn 1 phân đội tiến vào trung tâm đồi A1, giật nổ tung khối bộc phá 1000 kg, góp phần công lao trong việc tiêu diệt hoàn toàn định đóng ở đó, chấm dứt những cuộc chiến đấu giằng co tranh chấp từng thước đất 1 giữa ta và địch đã diễn ra trong 1 thời gian dài.

Cuối tháng giêng, đầu tháng 2 trừ ngã 3 Cò Nòi và 1 vài nơi khác còn lại đều do anh em công chính phụ trách suốt đến tận Tuần Giáo để lực lượng bộ đội ta có thể rút ra, tiến sát hỏa tuyến. Ngay từ cuối tháng chạp, chúng tôi đã có thể tính chuyện rút 1 số đơn vị đang củng cố đường và vừa mở rộng đường cho pháo đi phía dưới lên tăng cường cho tiểu đoàn Ung Răng. Đúng đêm hôm rằm tháng chạp, ô tô của ta đã tiến sát vào ki-lô-mét 60, nghĩa là nếu chiếu thẳng thì chỉ cách khu trung tâm Mường Thanh hơn chục ki-lô-mét. Và đến thượng tuần tháng giêng thì ngay lựu pháo, cao pháo kèn càng là thế cũng đã đi suốt đến tận Nà Tấu, Nà Nham.

Cách mấy hôm trước khi đường hoàn thành, 1 đồng chí trong ban chỉ huy được triệu tập lên dự hội nghị thảo luận chủ trương, kế hoạch, phương châm chiến dịch. Một vấn đề rất lớn được nêu lên, bàn bạc sôi nổi là tác chiến theo phương châm nào. Căn cứ nào vào tình hình địch ta lúc đó, số đông cán bộ đều tán thành “đánh nhanh giải quyết nhanh”.

Họp xong, anh Thành gọi chúng tôi đến, nói:

- Muốn đánh nhanh, giải quyết nhanh thì phải giữ được yếu tố bất ngờ. Tiếp tục đưa pháo vào bằng con đường Tuần Giáo - Điện Biên mà các đồng chí mới mở, sớm muộn thế nào địch cũng phát hiện được. Cần phải chuyển ngay pháo sang phía tây. Bộ giao cho công binh nghiên cứu, mở cấp tốc con đường đó, chậm lắm là trong vòng 4 hay 5 ngày nữa phải xong.

Tôi nói:

- Gấp như vậy, ta chỉ có thể làm được đường kéo pháo bộ...

Anh Thành gật đầu:

- Đúng! Phải kéo bộ. Trước mắt, đó là 1 yêu cầu rất cao đối với pháo binh, nhưng tôi tin rằng rồi anh em sẽ làm được và làm tốt. Công binh phải nghiên cứu thật chu đáo để có thể hạn chế khó khăn trong công việc mới mẻ này đến mức thấp nhất...

Ngay sau đó, 1 ban chỉ huy kéo pháo được thành lập. Đoàn chúng tôi cấp tốc cử đồng chí đoàn phó và 1 số cán bộ kỹ thuật đi nghiên cứu đường. Thấy công việc rất khẩn trương, ngoài lực lượng công binh của chúng tôi và của các đại đoàn, cấp trên quyết định điều thêm 1 số đơn vị bộ binh đến cùng tham gia mở đường.

Công việc nghiên cứu rất phức tạp, nhưng phương tiện không có gì đáng kể, ngoài mấy cái địa bàn chiến lược chiến lợi phẩm. Anh em nghĩ cách chế lấy đồ dùng làm việc, tất nhiên là không mỹ thuật lắm, nhưng cũng được việc. Với một tấm bìa lấy ở các hòm đạn ra, lúc gấp quá thì một quyển sách cũng được, cộng với một đoạn dây treo quả dọi, thế là đã có thước đo độ dốc. Tuy nhiên, cũng không phải vì thế mà các đồng chí làm việc kém hăng say. Không! Công việc vẫn rất chạy. Kế hoạch mở đường sau khi thông qua, được các đơn vị bắt tay vào làm ngay. Đường kéo dài khoảng 9 ki-lô-mét, vòng vèo theo triền núi bắt đầu từ Nà Nham xuyên rừng, vắt qua đỉnh Pha Sông, sang gặp con đường Lai Châu - Điện Biên bên kia ở quãng phía Bắc, cách đồi Độc Lập 4 hoặc 5 ki-lô-mét. Cũng có một thuận lợi là chỗ đường xuyên trong rừng sâu, nên bộ đội có thể làm cả ban ngày. Những quãng đường thông mở đến đâu lại dựng lên giàn ngụy trang kín mít đến đấy, như kiểu giàn mướp. Hàng ngày, có một bộ phận chuyên trách kiểm tra xem chỗ nào lá cây hơi héo là thay ngay.

Đường cứ tiếp tục mở, pháo cứ tranh thủ nhích lên từng bước. Rồi không phải chỉ có pháo binh mà dân công tải đạn cũng tranh thủ vượt, đường đâm ùn. Pháo binh “kỳ kèo” dân công. Dân công cũng mau miệng để đáp lại:

- Thì chính chúng tôi đang chuyển đạn cho các anh đây, chứ chuyển cho ai! Pháo vào được đến nơi, nhưng lại không có đạn, thử hỏi pháo có bắn được không?

Cũng có lý! Thế là ban chỉ huy lại phải đứng ra giải quyết. Dân công được phép bám sau pháo, pháo nhích lên đến đâu dân công theo sát đến đấy.

Chúng tôi đi kiểm tra đường về, thấy anh em kéo pháo vất vả lắm. Trong khi nghiên cứu, đồng chí đoàn phó và anh em kỹ thuật đã cố tìm đường khác khi gặp phải dốc cao hoặc vách đá, nhưng cũng không thể nào tránh hết được. Có chỗ bàn với nhau phải tìm cách đặt thêm tời. Guồng quay thì không thành vấn đề. Gỗ tốt sẵn, muốn đóng mấy cũng có. Nhưng gay nhất là dây cáp. Trước đây phải mãi đến chiến dịch Hòa Bình, chúng tôi mới xoay sở được. Mấy trăm thước để dùng vào việc bắc cầu pháo. Chúng tôi quý nói như vàng, cứ giữ như “thần giữ cửa”, cần lắm mới dám thò ra. Lần này, có bao nhiêu đã bỏ ra hết nhưng vẫn không đủ. Bí quá, đành phải dùng cả dây chèo. Trong số những nơi phải đặt tời, có cái dốc Pha Xông cao nhất, phải đặt 5 đến 6 tời.

Bây giờ, bên công binh đã có đồng chí đoàn phó được chỉ định sang làm tham mưu trưởng cho ban chỉ huy kéo pháo. Còn tôi, vẫn nắm tình hình chung các tuyến đường, lúc bấy giờ đang tiếp tục củng cố, bắc lại cầu những chỗ trước kia tạm đắp đất cho xe đi.

Lựu pháo, cao pháo vừa mới được đưa vào trận địa buổi sáng, buổi chiều chợt có lệnh Đại tướng xuống: “Để tăng cường công tác chuẩn bị bảo đảm chắc thắng cho chiến dịch, ngay từ tối hôm nay bắt đầu chuyển pháo ra khỏi trận địa tạm thời, đến những vị trí an toàn. Mệnh lệnh này cần được chấp hành triệt để, nhiệm vụ chuyển pháo coi như nhiệm vụ chiến đấu”.

Cũng như nhiều đồng chí khác, bấy giờ, tôi chưa hiểu đầu đuôi ra sao. Nhưng rồi cũng chẳng còn thì giờ đâu mà nghĩ ngợi. Mọi lo công việc phải làm để đảm bảo cho pháo rút ra an toàn đã chi phối hết.

Mọi việc lại diễn ra như cũ, nhưng ngược lại. Nếu trước đây quay tời cho pháo lên thì nay ghìm tời cho pháo xuống dốc. Tuy nhiên, lần này rút được kinh nghiệm, công việc chạy hơn trước. Còn địch thì phá hoại ác liệt hơn nhiều, ở một đôi quãng, chúng đã phát hiện được đường ta kéo pháo.

Ra được đến Nà Nham thì vừa Tết đến. Cơ quan đoàn bộ chúng tôi chuyển về ki-lô-mét 62 để tiện nắm tình hình đơn vị. Các tiểu đoàn đã lần lượt bàn giao những chặng phía dưới lục tục kéo lên đây, gần đủ mặt.

Bấy giờ việc huy động nhân tài, vật lực tại chỗ, trước hết là nhờ có gạo của Khu ủy Tây Bắc chuyển đến, nên tình hình tiếp tế cho bộ đội đã bớt căng hơn

trước. Chúng tôi đã có thể tính chuyện tổ chức cho anh em ăn Tết tươi vui một chút. Ngoài những món cổ truyền như bánh chưng, thịt đông, anh em còn chế biến được khá nhiều món độc đáo. Tiểu đoàn bộ có ké Tiu cấp dưỡng, nấu nướng rất giỏi. Hành quân dù phải gánh nặng đến mấy, ké vẫn không chịu bỏ cái bị gia vị thập cẩm. Tết nhất đến, ké được dịp tha hồ trở tài. Tuy thịt thà chưa có nhiều lắm, nhưng nhờ tài khéo léo gia giảm của ké, món gì là miệng anh em cũng được thưởng thức. Lại còn một đồng chí nữa tên là Cán. Đạo mở đường kéo pháo, thấy anh em thiếu chất ngọt quá, Cán cứ bắn khoăn mãi. Chẳng biết đồng chí ấy học ai hay mày mò ra mà chế được kẹo mạch nha. Cán đúc kết thành công thức hẳn hoi, phổ biến cho các đơn vị biết làm để ăn Tết thêm vui vẻ. Mẻ mạch nha nào hỏng, anh em lại bỏ vào nấu chè chả phí đâu cả.

Tết nhất xong, sau khi đã được quán triệt tình hình, nhiệm vụ, phương châm tác chiến mới. “Đánh chắc, tiến chắc”, chúng tôi lại lao vào những đợt chiến đấu thâm lặng, nhưng cũng rất căng thẳng.

Anh Thành lại trực tiếp giao nhiệm vụ cho công binh. Anh nói:

- Địch vẫn chiếm ưu thế hơn ta về không quân và ngay cả pháo binh. Cho nên cần bố trí làm sao để hỏa lực thì tập trung mà hỏa khí thì phải phân tán. Có như thế mới tránh được thiệt hại và giữ được yếu tố bất ngờ. Cần chuẩn bị kỹ càng hơn thế nữa về mọi mặt.

Một trong những việc phải chuẩn bị là mở đường cho pháo cơ động. những con đường đó phải đảm bảo bí mật. Chúng tôi nghiên cứu được năm đường: từ Bản Tấu đi Tà Lặng, từ Mường Thanh đi Nà Nham, từ Bản Xiêu đi Bản Tấu,... còn một đoạn nữa từ Mường Phang đi Pú Hồng Mèo, tìm mãi vẫn không ra đường, chưa biết nên mở thế nào. Mà đây lại là con đường quan trọng nhất. Nếu mở được, pháo ta sẽ đi sâu vào phía Đông tập đoàn cứ điểm, giữ được cái thế đứng trên đầu thẳng giặc mà nã vào khu trung tâm.

Anh Thành trực tiếp nghe báo cáo, lo lắng. Anh bảo tôi:

- Đồng chí về chuẩn bị đi. Mai tôi thu xếp công việc trên này xong, sẽ xuống đi với các đồng chí.

Có đến hơn 1 tuần, anh Thành cùng đi tìm đường với công binh.

Ngõ ngách nào chúng tôi cũng sục vào nhưng vẫn chưa tìm được chỗ mở, hoặc vì lộ quá, hoặc vì vướng núi cao quá. Thú thật, có lúc tôi thấy hơi nản, nhưng anh Thành đã kịp thời tiếp thêm nghị lực cho tôi.

Một hôm, cấp trên lại cử anh Thành xuống, trông dáng điệu rất vui vẻ. Tôi đoán là có tin mừng gì về con đường mà chúng tôi đang mất ăn mất ngủ đây. Quả nhiên, vừa bước vào nhà anh nói ngay:

- Các đồng chí đã biết chuyện 1 đồng chí quân báo mình đạt được cái xà cọt đầy tài liệu mật trong tay thẳng quan tư chưa?

Anh Thành lại xuýt xoa.

- *Tiếc quá. Suýt tí nữa thì đồng chí ấy bắt sống được cả “cái lưỡi” đó...*

Rồi anh vừa mở xà cọt, vừa nói:

- *Nhưng dầu sao thì đồng chí quân báo cũng đã lấy được cho các đồng chí 1 thứ rất quý...*

Tôi hồi hộp quá.

- *Bản đồ chi tiết vùng Pú Hồng Mèo hả anh.*

Anh Thành vui vẻ gật đầu:

- *Đúng. Đấy, nó đấy!*

Tôi mừng quá, đỡ lấy tấm bản đồ chiến lợi phẩm mà 2 bàn tay cứ run lên, chỉ kịp liếc qua rồi vội xin phép anh Thành cho họp cán bộ tham mưu để nghiên cứu ngay.

Lần theo dọc con suối có ghi trên bản đồ và kiểm tra lại qua những tài liệu mà chúng tôi đã thu thập được trong hơn một tuần đi nghiên cứu vừa qua, chúng tôi sơ bộ phác ra một con đường mới.

Bây giờ là lúc cần phải kiểm nghiệm lại trên thực địa. Anh em sửa soạn qua loa rồi chống gậy theo anh Thành ra đi.

Và thế là con đường chỉ dài có 8 ki-lô-mét, nhưng rất bí mật chiều hôm đó đã nằm dưới chân chúng tôi.

Tôi về, ké Tíu lại được phép trở tài nấu nướng. Anh Thành cho phép được tạm “phá nội quy” đánh tú-lơ-khơ đến khuya. Cũng như mọi bận, tôi và anh lại ôm hàng đồng bài như cái quạt.

Anh Thành giao hẹn:

- *Chỉ được hôm nay thôi đấy. Từ mai trở đi, lại phải vào nề nếp như cũ.*

Chỉ trong 1 thời gian ngắn sau đó, cả 6 con đường đều đã mở xong. Pháo ta đã có thể vận động dễ dàng suốt 60 ki-lô-mét xung quanh Mường Thanh để đến ngày 13 tháng 3, bắt thần gằm thét trút bão lửa xuống đầu giặc.

11. Đường ra mặt trận / Trần Trọng Chung: ghi ; Hoàng Văn Thái: kể // Sự kiện & Nhân chứng. – 2004. – Số 122. – Tr. 38-40.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại tướng Hoàng Văn Thái là Thiếu tướng, Phó tổng tham mưu trưởng, làm tham mưu trưởng Mặt trận. Kỷ niệm 30 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, đồng chí đã kể lại những hoạt động khẩn trương căng thẳng, đấu trí hàng ngày với địch của bộ chỉ huy Mặt trận trong hồi ức “Điện Biên Phủ - chiến thắng vĩ đại” (Đại tá Trần Trọng Chung ghi). Sự kiện & Nhân Chứng xin trích đăng chuyện trên đường ra mặt trận Điện Biên Phủ sau khi có quyết định của Tổng Quân ủy Trung ương.

Từ cuối tháng 11, đồng chí Văn Tiến Dũng được Trung ương điều về làm Tổng tham mưu trưởng. Tôi cùng một số cán bộ hình thành cơ quan tham mưu tiền phương, chuẩn bị lên đường đi Tây Bắc.

Trước khi lên đường, đồng chí Tổng Tư lệnh chỉ thị thêm cho chúng tôi những ý kiến cụ thể và nhiệm vụ giải phóng Lai Châu, về phối hợp với bạn trên chiến trường Thượng Lào và nhất là về chuẩn bị chiến trường Điện Biên Phủ. Đồng chí chỉ rõ: Phải thường xuyên giữ vững liên lạc với “ở nhà” để báo cáo đầy đủ tình hình hoạt động hàng ngày của địch và công tác chuẩn bị của ta, chỉ đạo chặt chẽ việc chốt chặn địch ở phía Nam Điện Biên Phủ, đề phòng chúng rút sang Thượng Lào qua Tây Trang, nắm vững tình hình dọc đường, kịp thời để đạt những công tác chuẩn bị cần tiếp tục làm gấp, nhất là sửa đường và mở đường, về hậu cần tiếp tế, suy nghĩ về phương án tiến công tập đoàn cứ điểm địch ở Điện Biên Phủ... Tháng 12 này Bộ Chính trị sẽ thông qua quyết tâm cuối cùng của Tổng Quân ủy nhưng tham mưu phải sẵn sàng để đạt phương án tác chiến. Đồng chí dự kiến cũng lên đường cuối tháng 12 đầu tháng 1, sau khi quyết tâm được Bộ Chính trị chấp nhận.

Ngày 26, chúng tôi cùng một số cán bộ tham mưu tiền phương lên đường. Trước đó các cục Tác chiến, Tình báo, Thông tin... đều đã cử bộ phận tiền trạm lên nắm tình hình và chuẩn bị cho chiến dịch giải phóng Lai Châu.

Ngồi trên xe lên đường ra mặt trận năm nay, đều khiến chúng tôi chú ý là khí thế của nhân dân và bộ đội, dân công và thanh niên xung phong bước vào mùa chiến dịch. *Quyết tâm đập tan kế hoạch Na-va* đã mau chóng thấm xuống từng địa phương. Niềm phấn khởi do cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn thể hiện rõ trên gương mặt của người dân, từng chiến sĩ.

Không khí hậu phương chuẩn bị chiến đấu và phục vụ tiền tuyến thật nhộn nhịp, sôi nổi, nhưng bình tĩnh tin tưởng. Cơ quan, kho tàng, công xưởng, chuẩn bị sơ tán sâu vào phía trong. Nhân dân chuẩn bị làm vườn không nhà trống, phân tán lúa gạo. Bộ đội địa phương, dân quân du kích luyện tập và triển khai kế hoạch sẵn sàng đánh địch, bảo vệ địa phương. Cơ quan lãnh đạo các cấp vừa chỉ đạo cuộc đấu tranh thực hiện chính sách ruộng đất, chỉ đạo thu hoạch phục vụ mùa, vừa đôn đốc việc huy động sức người sức của ra tiền tuyến. Thanh niên gọi nhau đi khám tuyển tòng quân. Dân công, thanh niên xung phong nô nức đến ủy ban đăng ký lên đường phục vụ chiến dịch. Số người ghi tên thường vượt xa số cần thiết huy động trong từng đợt.

Không khí sôi nổi không chỉ trong từng thôn xóm mà còn trên từng nẻo đường từ hậu phương ra tiền tuyến.

Đi đến đâu cũng thấy khẩu hiệu: “*Quyết tâm đập tan kế hoạch Nava!*”. “*Tất cả cho tiền tuyến - Tất cả để chiến thắng!*”.

So với mùa khô trước, đường lên Tây Bắc năm nay đã biết bao thay đổi.

Năm ngoái, đi chiến dịch Tây Bắc, chúng tôi dùng ngựa, men theo những con đường nhỏ, cheo leo, rậm rạp, nhiều chỗ phải xuống dắt ngựa. Từ Yên Bái đến Cò Nòi, mất 5 ngày đêm. Nghỉ lại đường phải chú quân trong rừng vì nhiều làm bản dọc đường mới giải phóng, lác đác còn phi hoạt động, an toàn chưa bảo đảm.

Chỉ mới từ mùa hè năm nay, bộ đội, dân công, thanh niên xung phong đã đổ công sức làm nên con đường mới này, lúc đầu là nhằm thực hiện chủ trương tiêu diệt quân địch ở Nà Sản. Đến nay, con đường đã vươn xa lên phía Bắc, tới Tuần Giáo. Đường rộng, đủ cho xe vận tải đi lại hai chiều thuận lợi.

Mới 4 đêm, vừa đi vừa dừng lại nắm tình hình chuẩn bị chiến dịch, tình hình các địa phương, xe chúng tôi đã qua Ba Khe, Tạ Khoa đến Nà Sản.

Qua Phù Yên, mới được giải phóng năm trước, chúng tôi dừng lại làm việc với huyện ủy và huyện đội.

Đã biết bao thay đổi thật đáng phấn khởi và tự hào. Chỉ mới chưa đầy một năm giải phóng, bộ mặt từng bản làng đã khác hẳn. Nhân dân giác ngộ rất nhanh, nhiệt tình tham gia công tác cách mạng và công việc chung của địa phương. Các cháu nhỏ được cấp sách đến trường. Trên cánh đồng bị tàn phá hoang vu năm trước, nay lúa đã thu hoạch gần xong. Qua suối, chiếc cầu “khi” chênh vênh năm ngoái không còn nữa. Thay vào đây là chiếc cầu rộng. Phía dưới là một ngàm lót đá sát chân núi, bảo đảm cho xe tải vượt qua suối an toàn, kín đáo.

Bên đò Tạ Khoa cũng đã thay đổi hẳn. Không còn chiếc đò mà năm ngoái, khi vượt sông, tôi phải ngồi trên đò, tay cầm dây cương dong ngựa bơi theo. Thay vào chiếc đò “lá tre” là cái phà lớn có máy đẩy. Hai bên bờ sông, bộ đội, dân công tấp nập làm việc, bảo đảm giao thông.

Chính trên con đường mới mở này, bộ đội và dân công, từng đoàn, từng đoàn, nườm nượp tiến lên phía trước, đông vui như trẩy hội. Trước khi đến bến Âu Lâu, xe chúng tôi bắt gặp Đại đoàn 308 hành quân cùng chiều.

Trao đổi ý kiến với anh Vương Thừa Vũ, chúng tôi được biết trong cuộc hành quân đường dài lần này, đại đoàn đã phát động phong trào “Ba tốt” (đi tốt, ăn tốt, ngủ tốt). Phong trào đã trở thành động lực bảo đảm quân số hành quân tới đích theo kế hoạch.

Tôi còn nhớ, trước hôm đơn vị lên đường, chúng tôi đã nói với anh Vũ, anh Khánh: Nava đã giao cho phòng nhì quân viễn chinh nhiệm vụ hàng đầu là bám sát từng bước đi của “sư đoàn thép Việt Minh”. Và đến hôm nay, trải qua gần 10 ngày hành quân đường dài, anh em đã bảo đảm bí mật an toàn, bảo đảm sức khỏe và quân số.

Trước khi chia tay, để được lên trước, tôi dặn thêm anh Vũ: khi qua Nà Sản trên nên tranh thủ cho cán bộ nghiên cứu tập đoàn cứ điểm này, sắp tới có thể ta sẽ gặp một “con nhím” khác to hơn trong thung lũng Điện Biên.

Ngày 30 đến Nà Sản, chúng tôi dừng lại để nghiên cứu tập đoàn cứ điểm mà địch đã rút khỏi cách đây hơn 3 tháng. Cây cỏ đã rậm rạp um tùm nhưng dấu tích của định vẫn còn nguyên vẹn.

Quan sát sân bay, nghiên cứu cách bố phòng của địch, sự liên kết giữa các lô cốt, các ụ súng trong từng cứ điểm, nhất là cứ điểm vành ngoài, chúng tôi thấy rõ vỏ ngoài cứng. Địch không những dựa vào lợi thế các điểm cao mà còn thiết lập hệ thống hào giao thông, bãi mìn, dây phép gai dày đặc. Bên trong sơ khoáng hơn.

Liên hệ đến những kết luận trong hội nghị khoa học hồi giữa năm, tôi thấy chúng ta đã rút ra được nhiều điều đúng đắn, bổ ích, phải có hỏa lực mạnh kiềm chế pháo địch, có pháo đi cùng để diệt hỏa điểm, đánh cơ giới, có cao pháo để hạn chế uy lực của không quân địch. Phải chọn đúng hướng mở cửa đột phá, tổ chức nhiều mũi xung kích trên nhiều hướng. Đánh chiếm xong phải làm ngay công sự, sẵn sàng đánh địch phản kích, bảo vệ từng vị trí đã chiếm được, làm bàn đạp tiến công các cứ điểm tiếp theo. Bóc vỏ vành ngoài để tạo điều kiện phát triển vào tung thâm. Bên trong địch mỏng nhưng đánh sâu vào thì vấn đề hiệp đồng với pháo binh, vấn đề nắm địch, nắm bộ đội... phải được nghiên cứu giải quyết tốt.

Một ngày nghiên cứu tập đoàn cứ điểm địch đã gửi cho gọi ra cho chúng ta hàng loạt vấn đề cụ thể về cách đánh. Liên hệ với thực tế ở Nà Sản, đối chiếu với những nguyên tắc đã được kết luận trong hội nghị khoa học hồi tháng 5, vấn đề được đặt ra là vận dụng như thế nào nếu địch cụm lại thành tập đoàn cứ điểm trên cánh đồng Mường Thanh. Quy mô tập đoàn cứ điểm ở Điện Biên, với cánh đồng trên 100 km², ắt phải to hơn Nà Sản. Địch sẽ bố trí thế nào? Qua bản đồ của cục Tình báo, những điểm cao phía đông thật đáng chú ý.

Nếu địch rút, chúng ta sẽ bằng đường không hay đường bộ? Sân bay đã sửa chữa xong. Chúng có thể rút bằng đường không. Nếu rút bằng đường bộ, chỉ có một đường sang hướng Lào. Phải chốt chặn con đường này, nếu không lại mất mục tiêu như Nà Sản hồi tháng 8.

Tin tức “ở nhà” cho biết địch tiếp tục tăng cường lực lượng lên Điện Biên Phủ. Tổng Quân ủy đã thông qua Phương án tác chiến Mùa Xuân năm 1954 và đã đề nghị Bộ Chính trị phê chuẩn quyết tâm tiêu diệt quân địch ở Điện Biên Phủ nếu chúng cụm lại và tổ chức thành tập đoàn cứ điểm. Đại đoàn 312, trung đoàn 57 (đại đoàn 304), các trung đoàn lựu pháo và cao pháo đã được lệnh sẵn sàng lên đường.

Ngày 5 tháng 12, vượt qua đội hình của trung đoàn 98 (Đại đoàn 316) ở chân đèo Pha Đin, xe chúng tôi vừa đến Tuần Giáo gặp đại đoàn bộ 316 và trung đoàn

174 thì nhận được tin địch rút các tiểu đoàn Âu-Phi từ Lai Châu về Điện Biên bằng máy bay. Rõ ràng chúng định cùm lại trong lòng chảo Mường Thanh.

Chúng tôi thông báo ngay cho bộ tư lệnh đại đoàn về tình hình và dự kiến nhiệm vụ chiến đấu, rồi cho xe phóng nhanh đến km 15, đường Tuần Giáo - Điện Biên, nơi đội tiền trạm đã bố trí sở chỉ huy tiền phương.

Dừng lại một lát ở bản Búng, nắm qua tình hình rồi chúng tôi cùng đồng chí liên lạc men theo con đường mòn đi sâu xuống phía Nam. Đến chân một vách núi đá cao, có một cái hang lớn, đó là hang Thảm Púa, nơi sẽ đặt sở chỉ huy tiền phương của Bộ.

Chúng tôi bắt tay ngay vào công việc. Tình hình bắt đầu chuyển biến mau lẹ. Bộ Tổng tư lệnh cho biết 2 tiểu đoàn Âu-Phi đã rút chót lọt từ Lai Châu về Điện Biên. Địch đang ra lệnh cho các đơn vị nguy Thái tập trung lại và rút bằng đường bộ qua hướng Mường Pôn.

Các cán bộ từ tiểu đoàn trở lên của Đại đoàn 316 nhận được điện triệu tập đã có mặt ở Thảm Púa. Anh em nóng lòng đợi nhận nhiệm vụ sau khi có tin địch rút khỏi Lai Châu. Chúng tôi thay mặt Bộ Tổng tư lệnh truyền đạt nhiệm vụ cho đại đoàn:

Địch đã rút lính Âu-Phi ở Lai Châu về tập trung ở Điện Biên Phủ. Số quân nguy còn lại đóng rải rác quanh Lai Châu đã được lệnh rút về Điện Biên bằng đường bộ và chỉ có thể qua hướng Mường Muôn, Mường Pôn. Nhiệm vụ của đại đoàn là cắt bằng được con đường Lai Châu - Điện Biên không cho địch chạy thoát về co cụm ở Mường Thanh, đồng thời nhanh chóng giải phóng Lai Châu theo kế hoạch cũ. Nếu địch bỏ chạy thì truy kích đến cùng. Chiến thắng của đại đoàn sẽ là thắng lợi mở màn cho chiến dịch Đông Xuân.

Cán bộ từng trung đoàn được Bộ Tư lệnh đại đoàn trao nhiệm vụ ngay tại sở chỉ huy tiền phương của Bộ. Một số yêu cầu cụ thể của đại đoàn được các cơ quan sở chỉ huy giải quyết ngay tại chỗ. Bản đồ hành quân, phương tiện vận chuyển cho đơn vị hành quân gấp lên hướng Lai Châu, tổ chức thông tin giữa đại đoàn và bộ phận tiền phương của Bộ.

Các bộ ra về vào nửa đêm 7 rạng ngày 8 tháng 12.

Quyết tâm của đại đoàn là dùng phần lớn lực lượng của 2 trung đoàn 174, 98 và đại đoàn bộ đi tắt từ Thảm Púa cắt đường rút chạy của địch ở Quảng Pusan-Mường Pôn. Tiểu đoàn 439 (Trung đoàn 98) được sự giúp đỡ của cơ quan cung cấp tiền phương dùng xe cơ giới hành quân gấp đến chân đèo Cla-vô để kịp tiến lên giải phóng thị xã Lai Châu.

Tuy đã trải qua gần 3 tuần hành quân liên tục và chỉ được thêm một ngày chuẩn bị, toàn đại đoàn đã nhanh chóng lên đường với quyết tâm tiêu diệt địch, giải phóng Lai Châu, lập công đầu trong Đông Xuân.

Tại chỉ huy sở tiền phương, chúng tôi theo sát từng chặng đường tiến quân của đại đoàn. Trải qua 12 ngày đêm liên tục chiến đấu trên đoạn đường dài hơn 300 km, đại đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt phần lớn quân địch từ Lai Châu rút về Điện Biên Phủ, giải phóng thị xã Lai Châu và đánh tan hai tiểu đoàn địch từ Điện Biên Phủ lên đón đồng bọn từ Lai Châu rút về. Lần đầu tiên thị xã Lai Châu được giải phóng. Chấm dứt vĩnh viễn gần 100 năm thống trị của thực dân Pháp trên mảnh đất xa xôi này của Tổ quốc.

12. Hành quân lên Điện Biên kéo pháo / Hoàng Việt: ghi⁵ ; Hoàng Đăng: kể // Cựu chiến binh Việt Nam. – 2004. – Ngày 19 tháng 2. – Tr. 5

Ngày 20 tháng 11 năm 1953, đúng ngày hành quân Pháp nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ, đại đoàn 304 chúng tôi được lệnh rời hậu phương Thanh Hóa, hành quân đi chiến dịch. Thế là từ đây đại đoàn đã chia đôi, nhận nhiệm vụ chiến đấu ở hai chiến trường khác nhau. Vì trước đó trung đoàn 66 cùng một bộ phận chỉ huy, lãnh đạo đại đoàn đã vượt Trường Sơn đi tham gia chiến dịch Trung Hạ Lào. Theo sự điều động của Bộ. Giờ đây chỉ còn Trung đoàn 57, Trung đoàn 9 và một phần đại đoàn Bộ. Chúng tôi qua Thọ Xuân, Ngọc Lập của Thanh Hóa; qua Mai Châu của Hòa Bình, vượt suối Rút rồi theo đường số 41 lên Mộc Châu, Sơn La. Ai cũng đinh ninh lần này sẽ lên Tây Bắc, nhưng đội hình hành quân vừa đến ngã ba Xôm Lôm, cách Mộc Châu 15 km bỗng được lệnh rẽ theo đường Quang Hưng, sang Thu Cúc, Lai Đồng, rồi vượt sông Hồng về đầu quân tại một khu rừng thuộc huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Cán bộ, chiến sĩ đều thắc mắc, suốt ngày chỉ bàn với nhau quanh câu hỏi: “*Bao giờ mới được đi chiến đấu và sẽ đánh địch ở đâu?*”.

Suốt tháng 12 ém quân ở Phú Thọ, rồi ngày lên đường đối với chúng tôi cũng đã đến. Thì ra trên để chúng tôi nằm im lặng tại đây vừa để nghỉ binh địch, vừa đề phòng tình huống địch cho quân đánh ra vùng tự do của ta như thời kỳ đầu chiến dịch Tây Bắc năm 1952. Nay thấy khả năng đó không còn nữa nên ngày 5-1-1954, Bộ Tổng tư lệnh quyết định đưa lực lượng dự bị còn lại lên chiến trường chính Điện Biên Phủ, trong đó có trung đoàn 57 của tôi. Trước lúc lên đường chúng tôi có vinh dự lớn được đón đại tướng Võ Nguyên Giáp trên đường đi chiến dịch. Đại tướng ghé vào thăm và giao nhiệm vụ trực tiếp cho cán bộ, chiến sĩ.

Chúng tôi náo nức lên đường, hành quân bộ lên Yên Bái lại vượt sông Hồng ở bến Âu Lâu. Từ đây, tiểu đoàn 418 của trung đoàn 57 được lên xe ô tô hành quân gấp để kịp nhận nhiệm vụ đặc biệt. Anh em vô cùng phấn khởi, nhất là những

⁵ Theo lời kể của Thiếu tướng Hoàng Đăng nguyên Trung đoàn phó Trung đoàn 57, Đại đoàn 304 trong chiến dịch Điện Biên Phủ

đồng chí lần đầu tiên được ngồi trên xe ô tô. Đường hành quân qua nhiều đèo núi, sông suối, bom đạn địch thường bắn phá, xe nóc nẩy người, dọc đường chúng tôi gặp hàng ngàn, hàng vạn dân công, người gánh kẻ gồng hoặc đẩy xe đạp thồ. Tiếng Bắc, tiếng Trung, tiếng dân tộc hòa lẫn vui như trảy hội.

Đến km 62 trên chặng đường Tuần Giáo - Điện Biên Phủ, đoàn xe gặp đồng chí Nguyễn Cận, Trung đoàn trưởng đón anh em và giao nhiệm vụ cho tiểu đoàn tham gia dùng sức người kéo pháo vào chiếm lĩnh trận địa. Lần đầu được nhìn thấy những khẩu pháo lớn còn bóng nước thép, bao nổi nhọc nhằn của chúng tôi đều tan biến hết. Mỗi đại đội được phân công kéo một khẩu lựu pháo 105 ly từ cửa rừng Nà Nhạn vượt dãy núi Khu-pha-xông cao trên 1.000 m, xa hơn 10 km. Càng gần đến đỉnh núi, độ dốc càng cao, việc đưa pháo lên càng vất vả. Cán bộ chỉ huy hô khẩu cả giọng, phải lấy tiếng mõ tre hay cho tiếng hô: “*Hai... ba*” kéo lên dốc. Theo tiếng mõ cả trăm con người choãi chân, nắm chắc dây thừng, rập mình xuống kéo. Ở trên đỉnh dốc là các chiến sĩ quay tời. Bao quanh khẩu pháo là các chiến sĩ cầm đèn, đẩy pháo. Phía trước là hai pháo thủ khỏe, lái càn. Nhiều đoạn, cả hai đại đội phải cùng hợp lực kéo từng khẩu pháo. Có đoạn hàng mấy giờ đồng hồ mới kéo được mười mét. Có đoạn một bên dốc cao, một bên vực sâu, mưa trơn chên vênh, sơ sễnh một chút là pháo và người có thể lao ngay xuống vực. Những ngày đầu do hết gạo, cả tiểu đoàn phải ăn liền hai bữa cháo. Nhưng không ai tỏ ra mệt mỏi, chịu vắng mặt. Liên 9 ngày đêm không nghỉ, tiểu đoàn đã kéo được 4 khẩu pháo vượt qua 7 dốc cao, tổng độ dài hơn 10 km vào vị trí an toàn, đúng thời gian quy định.

Cả 4 khẩu pháo vừa nằm gọn trong công sự, chúng tôi chưa kịp nghỉ bỗng lại nhận được lệnh mới: “*Kéo pháo ra! phải thật khẩn trương, ngay trong đêm kéo pháo ra, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho pháo như lúc kéo vào!*”. Chính trị viên tiểu đoàn Trần Lan đến từng đại đội phổ biến mệnh lệnh, kéo pháo ra, chủ trương thay đổi, phương châm tác chiến của bộ chỉ huy chiến dịch và động viên bộ đội kiên quyết khắc phục mọi khó khăn, chấp hành nghiêm để bảo đảm đánh chắc thắng.

Kéo pháo vào đã khó khăn, vất vả, kéo pháo ra còn khó khăn vất vả hơn vì chặng đường chủ yếu xuống dốc. Địch đã phát hiện ra con đường kéo pháo qua những màu vàng úa của lá ngụy trang. Máy bay trinh sát thay nhau quan sát, chỉ điểm. Máy bay khu trục từng tốp kéo đến bắn phá, ném bom. Đêm đến đại bác địch từ Mường Thanh bắn ra, khi cầm canh, khi dồn dập vào những nơi chúng nghi ngờ. Nhưng khẩu hiệu: “*Thà chết cũng không rời pháo*”; “*Dù bom rơi đạn nổ vẫn bảo vệ pháo đến cùng*” đã trở thành quyết tâm sắt đá của mỗi cán bộ, chiến sĩ. Pháo xuống dốc, nếu chỉ một chút rơi tay ghì hoặc chèn không cân, không ăn nhịp là hàng tấn thép sẽ lôi theo cả dòng người lao xuống vực.

Khẩu pháo do đại đội 54 phụ trách đang được thả xuống lưng chừng dốc, bỗng bị một mảnh đạn pháo địch làm đứt dây tời. Cả khối thép quay ngoắt ầm ầm lao nhanh xuống dốc. Đồng chí Giá cùng đồng đội đang cố ghì khẩu pháo lại đã bị chiếc còng pháo văng mạnh vào người, bị thương nặng nhưng anh vẫn không buông tay, cố chịu đựng và động viên anh em: “*Cố ghì! Cố ghì! Đừng để pháo lăn xuống vực!*”. Tinh thần và hành động của anh như cổ vũ mọi người thêm sức mạnh để ghì khẩu pháo lại.

Thế là qua hơn 10 ngày đêm ròng rã, bằng ý chí quyết tâm và tinh thần lao động, chiến đấu quên mình, tiểu đoàn 418 đã góp phần dùng sức người kéo 4 khẩu lựu pháo 105 mm vào trận địa rồi lại kéo ra an toàn đúng địa điểm và thời gian quy định.

13. Ký ức Điện Biên / Hồng Trang: ghi⁶ // Nhân dân. – 2014. – Ngày 3 tháng 5. – Tr. 1, 5

60 năm trôi qua, Chiến thắng Điện Biên Phủ đã trở thành dấu son chói lọi trong lịch sử dân tộc và thế giới. Ký ức về một thời hào hùng vẫn luôn sống động trong tâm khảm những người từng tham gia chiến dịch, trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Chiến thắng “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” của dân tộc ta không chỉ là kết tinh của chiến lược quân sự tài ba, tinh thần quả cảm mà còn là chiến thắng của lòng nhân nghĩa, khoan dung đã trở thành niềm khâm phục, ngưỡng mộ của những người lính Pháp.

Khi mổ xong người thương binh cuối cùng trong đêm cũng là lúc trời tờ mờ sáng. Rồi hầm mổ, tôi men theo giao thông hào bên suối về lán. Bỗng có một quân y sĩ chạy vội tới, hồn hên: “*Thưa anh, tôi đã đưa Hữu về, mìn găm đầy hai mắt, chắc khó giữ mắt được*” - Giáo sư, Thầy thuốc Nhân dân Đặng Hiếu Trung nhớ lại một thời tuổi trẻ của mình ở Điện Biên Phủ - ngay lập tức tôi rửa tay, thay áo, quay vội về hầm mổ. Người thương binh trẻ tuổi đang nằm yên, đôi mắt đã nát dập, hai vàng mi sưng húp, tím bầm vết máu, đôi môi tái nhợt, mím chặt để giấu những tiếng rên. Cố lấy giọng bình tĩnh, tôi nói: “*Hữu ạ không thể giữ đôi mắt của em được nữa, hai nhãn cầu đều đã bị nát, nếu chần chừ thì đêm nay sẽ nhiễm trùng nặng*”. Ngừng khoảng 2 giây, Hữu điềm tĩnh trả lời bằng giọng yếu ớt: “*Thưa anh, tùy anh quyết định*”. Thế là chúng tôi bắt tay vào mổ. Mổ xong cũng là lúc Hữu thiếp đi, ánh sáng ban mai soi rọi khắp khu rừng... Chiều xuống, chúng tôi tới lán thăm các thương binh nặng. Gương mặt các y tá đều lộ rõ vẻ bơ

⁶ Theo lời kể của Giáo sư, bác sĩ Đặng Hiếu Trung, người phẫu thuật viên, nguyên Đội trưởng, Đội điều trị Đại đoàn quân tiên phong 308 (ĐT.8).

phờ. Đã mười đêm liên tục chúng tôi thức trắng để cứu chữa cho các thương binh, nhất là sau khi định phải phản công điên cuồng trước cuộc tiến công đòi A1 của quân ta trong đêm 31 tháng 3 rạng sáng ngày 1 tháng 4 năm 1954. Không biết chúng tôi đến, Hữu vẫn nằm yên. Bất chợt, người thanh niên trẻ tuổi cất lên những câu ca ví dặm mượt mà bằng chất giọng Nghệ Tĩnh trong trẻo. Cảm giác như bao đau đớn nơi người lính đã tan biến. Tiếng hát da diết, mềm mại khiến không gian như trở nên trong suốt, không còn đau thương, không còn bom đạn, không còn mỗi mệt, chỉ còn những âm điệu dặt dìu đưa hồn người về với những miền ký ức tuổi thơ...

Tiếng hát ấy đã theo người phẫu thuật viên, nguyên Đội trưởng, Đội điều trị Đại đoàn quân tiên phong 308 (ĐT.8) suốt 60 năm qua như một kỷ niệm không bao giờ phai. Giờ đây, đã bước sang tuổi 90, xong những ký ức về Điện Biên năm xưa của giáo sư Đặng Hiếu Trung vẫn đủ sức tái hiện đầy chân thực và sống động những ngày tháng oai hùng của dân tộc.

Tiếp tôi tại căn nhà riêng trong Khu tập thể viện Quân y 108, GS. Đặng Hiếu Trung lật giở từng trang trong cuốn sổ ghi chép đã nhàu nát. Ông bùi ngùi nhớ lại quãng đường hành quân đầy gian khổ mà hào hùng. 9 ngày sau khi tướng Na-va cho 6 tiểu đoàn cơ động nhất, tinh nhuệ nhất của quân đội Pháp ở Đông Dương nhảy dù xuống Điện Biên, chàng thanh niên 29 tuổi Đặng Hiếu Trung (khi đó là Đội trưởng ĐT.8) nhận được lệnh lên đường. 100 anh em trong đơn vị, với 2/3 là cán bộ, nhân viên chuyên môn, 1/3 là lực lượng chính trị, hậu cần cùng một đại đội dân công bắt đầu rời căn cứ đóng quân ở Phú Xuân, Thái Nguyên để đến Điện Biên. Máy bay địch bắn phá dữ dội ban ngày nên cả đơn vị phải ngày nghỉ đêm đi, hành quân qua Tuyên Quang, Yên Bái, Mộc Châu, Sơn La, Thuận Châu, đèo Pha Đin, Tuần Giáo. Trải qua 40 ngày đêm đi bộ, ngày 6 tháng 1 năm 1954 mới vào được đến ven rừng Điện Biên, con đường hành quân dài hơn 500 cây số với toàn đèo cao, dốc sâu, phải đối mặt với những làn đại bác đội liên tục của địch, đã thế mỗi người còn phải gánh trên vai 30-40 kg quân trang, lương thực phục vụ cả đại đoàn. Ấy vậy mà đơn vị đã đến được mặt trận an toàn, quân số giữ nguyên. Trong suốt hàng chục ngày hành quân liên tục, cấp tốc, chàng đội trưởng trẻ và những cán bộ chuyên môn vẫn kết hợp hướng dẫn dân công cách chăm sóc thương binh sơ bộ. Bởi thế mà sau hơn một tháng di chuyển, đơn vị cũng đã có thêm hàng trăm anh chị em dân công biết chăm sóc thương binh.

Đến mặt trận, đơn vị được lệnh đóng quân ở Hồng Lếch, phía tây cánh đồng Mường Thanh, cách trung tâm Mường Thanh chỉ 4 km theo đường chim bay, và cách vị trí Tổng hành dinh của tướng Đờ Cát-xơ-ri chỉ 5 cây số. Vì địch bắn phá suốt ngày đêm, đơn vị lại đóng ngay trong tầm pháo địch, cho nên cách tốt nhất để vừa nguy trang, vừa bảo mật, vừa thực hiện nhiệm vụ chuyên môn là phải có

một hệ thống hầm kiên cố. Vì thế, ngay khi đến mặt trận, một số bộ đội công binh đã giúp đơn vị đào những hầm mở sâu, đủ rộng để đặt 5 bàn mỏ, có nắp đậy bằng gỗ dày chèn đất, trên phủ cành cây, trong hầm căng dù trắng xóa. GS. Đặng Hiếu Trung cho biết, nhờ thế mà dưới ánh đèn măng-sông, đèn quay tay trong hầm mỏ, đơn vị có thể thức trắng 4-5 đêm liền, mỗi đêm mỏ hàng chục ca trong tiền đại bác nổ rầm rập phía trên hầm. Đội trưởng Đặng Hiếu Trung cùng các anh em trong đơn vị có nhiệm vụ phải xử trí tất cả các trường hợp cấp cứu, bị thương từ trung đoàn chuyển về. Những thương binh nặng sau sơ cứu sẽ được chuyển tuyến sau, còn thương binh nhẹ sau 7-10 ngày chăm sóc sẽ được trả về đơn vị để tăng cường lực lượng chiến đấu. Nhiều khi số thương binh tăng vọt, cho nên dù hậu phương đã dốc hết khả năng để tiếp tế cho tiền tuyến, nhưng thuốc men, cơ sở vật chất vẫn thiếu trầm trọng. Xong cũng chính những lúc khó khăn nhất là lúc tinh thần sáng tạo được huy động triệt để. Bác sĩ Đặng Hiếu Trung kể, có những lúc thiếu băng, đơn vị đã cùng dân công làm băng 4 dải, trong đó ba dải được làm từ những mảnh vải dù trắng, dù hoa, dù đủ màu mà định quăng rải rác trong chiến dịch, những lúc thiếu chỉ khâu, dân công còn tước dây dù lấy chỉ, có những chiếc võng được chị em khâu bằng dù rất khéo. Đợt cao điểm, trong một tuần, đơn vị đã “sản xuất” tới 4.000 băng y tế từ dù địch. Huyết thanh cũng được đơn vị chế chủ yếu trong hầm ngay. Ông kể: *“Có chăm sóc thương binh khi họ ở ranh giới giữa sự sống và cái chết mới hay, tinh thần chiến đấu của chiến sĩ Điện Biên anh dũng thế nào. Có những chiến sĩ trước khi được phẫu thuật, trong lúc mê sáng vẫn hô: “xung phong”, “tiến lên”, “bắn vào vị trí X”... ”*

GS. Đặng Hiếu Trung còn nhớ in như in kỷ niệm khó quên sau ngày 26 tháng 1 năm 1954, khi đơn vị ông được cử sang Thượng Lào để cứu chữa những thương binh thuộc Trung đoàn 36 và 88 của Đại đoàn 308. Đi được hai ngày đêm, tới nửa đường thì đơn vị gặp một tiểu đội cáng theo một chiến sĩ bị thương nặng chạy đuổi theo đơn vị từ mặt trận. Người thương binh bị dập nát cẳng tay trái mà theo thuật ngữ chuyên môn gọi là “hoại thư sinh hơi”, nếu để quá vài tiếng sẽ chết. Không thể mặc kệ người đồng đội, cũng không thể làm chậm lệnh hành quân, người đội trưởng đã ra quyết định: Cả đơn vị vẫn tiếp tục lên đường, chỉ ông và 10 người nữa ở lại căng dù mỏ. Sau hơn một tiếng phẫu thuật, tháo khớp cánh tay trái, loại bỏ những phần bị nhiễm trùng và băng bó lại, họ lại lên đường đuổi theo đơn vị, chỉ cắt cử một nữ y tá ở lại cùng với thuốc, gạo để tiếp tục chăm sóc thương binh. Cuối tháng 2, khi đã hoàn thành nhiệm vụ, từ Lào trở về Điện Biên trên con đường cũ, Đội trưởng Đặng Hiếu Trung đã gặp lại người thương binh nằm chờ ở chiếc lều căng bên đường, vết thương nặng nay đã lành. Niềm vui khôn tả trào dâng khiến ông vồn vã hỏi thăm tình hình sức khỏe của người đồng đội mà quên cả hỏi tên.

Tham gia chiến dịch Điện Biên, vị bác sĩ trẻ tuổi không chỉ có kỷ niệm sâu sắc với những chiến sĩ ta mà ông còn có những dấu ấn khó quên với thương binh Pháp. Trước ngày 28 tháng 3 năm 1954, địch vẫn còn khả năng đưa hàng trăm thương binh bằng máy bay về Hà Nội. Nhưng từ ngày 28 tháng 3, nhất là sau khi sân bay Mường Thanh, con đường tiếp tế của địch bị ta cắt đứt, địch bị lâm vào vòng vây ngày càng thít chặt của bộ đội ta. Không máy bay nào có thể hạ cánh xuống Điện Biên Phủ. Trong những cơn mưa xối xả thối đất, thối cát của tiết trời tháng tư, những thương binh Pháp đã phải sống chui rúc dưới những đường hầm với các vết thương ngày càng nặng. Ngày 8 tháng 5 năm 1954, một ngày sau khi địch đầu hàng, Đội trưởng Đặng Hiếu Trung được lệnh đưa đơn vị vào cứu chữa cho tù binh Pháp. Một bệnh viện dã chiến trên bãi hữu ngạn sông Nậm Rốm chằng chịt dây thép gai nhanh chóng được hình thành. Theo chân thiếu tá thầy thuốc Gơ-rô-vanh, người đội trưởng bước xuống những căn hầm chật hẹp. Đập vào mắt ông là cảnh những thương binh Pháp nằm bẹp trên bên cạnh những xác chết đã thối rữa. Lốp bùn dưới nền hầm ngập đến bắp chân, pha lẫn với máu mủ, chất nôn, chất thải, mùi hôi thối đến ngạt thở. Lúc này, ông mới hiểu tại sao, những người thương binh Pháp gọi những chiếc hầm là “địa ngục trần gian”. Số thương binh mắc lại ở đây lên tới 1.300 tên, nhưng chỉ có 200 giường bệnh, cho nên họ phải nằm đè lên nhau, nôm cứng và chật chội, bên cạnh những mồm chân, tay đã bị cưa, cắt. Tính đến trung tuần tháng 5, sau nhiều ngày đêm không ngừng nghỉ, đơn vị với sự giúp sức của đông đảo dân công đã đưa được 858 thương binh Pháp lên mặt đất để chăm sóc, phẫu thuật lại...

Giờ đây, vị bác sĩ già vẫn nhớ như in cuộc đối thoại khó quên với một thương binh Pháp. Ông kể: “Một buổi sáng, sau khi mổ xong, đi qua các giường bệnh, một thương binh Pháp tên là Pơ-lăng-sê bỗng vùng dậy, vồ lấy tôi. Đề phòng địch vẫn còn ngang ngạnh, tôi lùi phắt lại, nhưng Pơ-lăng-sê đã ghi chặt tay tôi, nói trong nước mắt: *“Tôi biết là nếu không được mổ kịp thời tôi đã chết và vĩnh viễn phải xa quê hương Pơ-rô-văng-xơ yêu dấu của tôi. Nay tôi chắc đã sống. Cha mẹ tôi đã sinh ra tôi, nhưng chính các ông mới thật sự cứu tôi sống lại”*. Không chỉ Pơ-lăng-sê mà mỗi ngày có hàng chục thương binh Pháp đã gửi thư cảm tạ tới quân đội ta. Chính lòng bao dung đối với kẻ thù trong chiến dịch Điện Biên Phủ đã khiến chúng không những thua trong thế “tâm phục, khẩu phục”, mà còn thấy biết ơn trước một đội quân vừa anh dũng vừa giàu lòng nhân ái. Ngày 28 tháng 5, toàn bộ thương binh Pháp sau khi ổn định sức khỏe đã được chở bằng máy bay về Hà Nội. Hoàn thành xong một nhiệm vụ đầy gian khó, từ Điện Biên, đơn vị của bác sĩ Đặng Hiếu Trung lại theo đường 41 về xuôi theo tiếng gọi của cuộc chiến vẫn đang tiếp diễn...

Đi qua chiến tranh trở, về với cuộc sống hòa bình, người chiến sĩ, bác sĩ năm xưa đã kinh qua nhiều chức vụ như: Giảng viên biệt phái Trường Đại học Y Hà Nội, chủ nhiệm Khoa Tai-Mũi-Họng viện Quân y 108, Bộ Quốc phòng; chuyên viên đầu ngành Tai-Mũi-Họng, Cục Quân y, Bộ Quốc phòng; ông cũng đã giành được nhiều giải thưởng, danh hiệu cao quý nhất. Song những ký ức về chiến dịch Điện Biên năm xưa vẫn chưa hề phai nhạt. Ông vẫn nhớ như in số lượng máy bay địch bị bắn rơi, từng đội sĩ quan, hạ sĩ quan Pháp, từng tên gọi của những loại bom, thậm chí có thể đọc lầu lầu tên của những y, bác sĩ người Pháp có mặt ở Điện Biên khi đó.

14. LÊ ANH. Chuyện “liệt sĩ sống” ở Điện Biên / Lê Anh // Cựu chiến binh Việt Nam. – 2014. – Ngày 1 tháng 5. – Tr.21

Nghe tiếng gọi, bác sĩ Ngô Sỹ Mậu niềm nở ra tận cổng mời khách vào nhà. Ông tự tay rót nước, rồi ân cần hỏi thăm sức khỏe, hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân bệnh tật... Tất cả những cử chỉ, lời nói của ông nhẹ nhàng, thân mật, tạo cho người bệnh cảm giác dễ chịu và vơi bớt nỗi lo âu. Đã nhiều năm rồi, người dân TP Hà Tĩnh khi bị ốm đau thường hay tìm đến bác sĩ Mậu để được ông tư vấn, giúp đỡ.



Cựu chiến binh, thương binh Ngô Sỹ Mậu năm nay đã 81 tuổi. Mặc dù tuổi đã cao nhưng trí nhớ của ông vẫn còn rất minh mẫn, ông có thể kể ra rất nhiều loại thuốc chữa bệnh, kể cả đông, tây y kết hợp, đặc trị, cho đến những loại bệnh phổ biến ở người già như tiểu đường, thần kinh, viêm khớp... Đặc biệt, khi biết tôi hỏi chuyện chiến đấu ở Điện Biên Phủ thì giọng ông sôi nổi hẳn lên, ông kể: *Khi tham gia chiến dịch, tôi là lính của Đại đoàn 316, Đại đoàn chúng tôi được giao nhiệm vụ đánh chiếm đồi A1.*

Đồi A1 có vị trí quan trọng đặc biệt vì muốn tiến vào sào huyệt của địch thì trước hết phải đánh chiếm được đồi A1. Do quân Pháp đã xây dựng A1 trở thành ổ đề kháng mạnh nhất Điện Biên Phủ với hệ thống hầm ngầm bí mật vô cùng kiên cố, bố trí hỏa lực mạnh với các ỏ súng máy, lổ châu mai. Đại đoàn chúng tôi đã tổ chức 2 đợt tấn công nhưng chỉ mới chiếm được 1 nửa quả đồi. Phải đến đợt tấn công lần thứ 3 vào ngày 6-5-1954 và nhờ khối bộc phát nặng gần một tấn được đào bí mật phá sập hệ thống hầm ngầm của địch, đại đoàn mới làm chủ được đồi A1, đồng thời mở rộng cánh cửa để các lực lượng khác tiến vào đánh chiếm sào huyệt cuối cùng của quân địch...

Tôi hỏi, được biết bác là 1 thương binh hạng 1/4, bác có thể kể về trận chiến đấu cuối cùng ở Điện Biên Phủ.

Ông nhớ lại: Trong đợt tấn công lần thứ 3 để giải phóng đồi A1, tiểu đội của ông cùng với 1 số đơn vị nhận nhiệm vụ vận chuyển khối bộc phá gần 1 tấn vào vị trí bí mật. Do nhiều anh em ốm đau nên có khi ông phải cáng trên đôi vai của mình hàng tạ thuốc nổ. Sau đó đơn vị nhận nhiệm vụ làm đợt phá khẩu và trực tiếp châm ngòi cho quả bộc phá nặng gần 1 tấn phát nổ rung chuyển cả đồi A1. Trong khi cùng tiểu đội xông lên, ông bị địch bắn thủng phổi và gãy 6 xương sườn, máu ra nhiều nằm bất tỉnh. Do chiến trường đang diễn ra ác liệt, nên ông được bộ phận cứu thương băng bó và đưa về tuyến sau. Đến chiều tối ngày 6-5-1954 đồi A1 được hoàn toàn giải phóng đơn vị kiểm tra quân số và báo lên cấp trên, đồng chí Ngô Sỹ Mậu đã “hi sinh”. Giấy báo tử sau đó được đơn vị gửi về địa phương ở quê nhà xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Được hơn 1 năm điều trị tại trại an dưỡng, vết thương của ông tuy chưa lành nhưng được đơn vị cho phép về thăm nhà. Ông sững sờ và ngạc nhiên khi thấy bằng “*Tổ quốc ghi công*” với cái tên “*Liệt sĩ Ngô Sỹ Mậu*” được gia đình treo giữa nhà. Bố, mẹ, anh chị em ruột, bà con làng xóm thay ông trở về mà vẫn không tin là ông còn sống.

Sau này “*liệt sĩ sống*” ở Điện Biên Phủ được đơn vị cử đi học y tá, rồi tiếp tục đào tạo thành y, bác sĩ. Ở cương vị nào, thời điểm nào, ông cũng luôn chăm lo rèn luyện, giữ vững phẩm chất “*Bộ đội Cụ Hồ*”.

Ông Ngô Sỹ Mậu chia sẻ: “*Tôi đã trải qua rất nhiều đơn vị công tác, từ y tá rồi phân đấu học tập trở thành bác sĩ, chữa bệnh bằng phương pháp đông, tây y kết hợp giúp cho nhiều người bệnh giảm bớt được chi phí và điều trị có hiệu quả. Tôi luôn tự hào mình là người lính trực tiếp chiến đấu trên đồi A1, được Bác Hồ tặng “Huy hiệu Điện Biên”. Tôi thường dặn con cháu hãy luôn nhớ về lịch sử để sống tốt hơn, ý nghĩa hơn với công lao của thế hệ cha anh. Tôi mong mình có sức khỏe tốt để tiếp tục phục vụ cho bà con nhân dân và đồng đội của tôi...*”

15. LÊ CÔNG THUẬN. *Phẫu thuật viên “mát tay” / Lê Công Thuận // Chuyện những người làm nên lịch sử: Hồi ức Điện Biên Phủ 1954 - 2009. – H. : Chính trị Quốc gia, 2009. – Tr. 23*

Một đại đoàn có một đại đội quân y gồm một trung đội tải thương, cứu thương và một trung đội quân y sĩ. Chúng tôi tự vác bông băng với dụng cụ phẫu thuật, bao gạo 5kg, đồ dùng cá nhân... tất cả khoảng 30kg. Khi mở màn chiến

dịch, thương binh đầu tiên chúng tôi cứu chữa là một tiểu đội phó tiểu đội bộc phá rất trẻ. Anh bị trúng đạn xuyên qua hông phải, tuy không chạm ruột nhưng phá cũng ghê, đứt nhiều mạch máu...

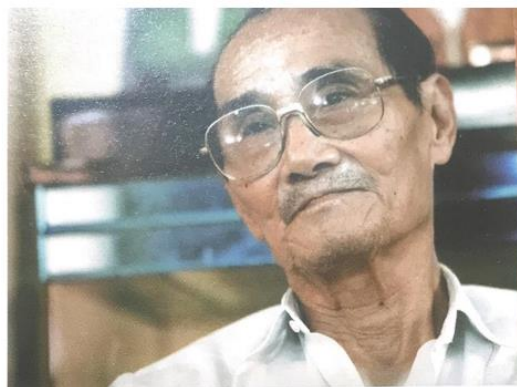
Sang đợt hai của chiến dịch khoảng tháng 4-1954, có ngày chiến đấu liên tục, thương binh về đông, chúng tôi phải phẫu thuật hết ca này đến ca khác. Đứng cả ngày, sung cả chân, có khi hộ lý phải mở khẩu trang cho uống sữa. Bọn tôi không có tiêu chuẩn sữa nhưng thấy chúng tôi mỗ suốt 24 tiếng không nghỉ, anh nuôi thương quá mang sữa cho.

Hồi ấy tôi 25 tuổi, đã tham gia nhiều chiến dịch rồi, chẳng biết ai đồn tôi mát tay nên anh em bị thương cứ chờ “đồng chí Thuận” băng bó hay cura cắt. Căng nhất là lúc gần chiến thắng. Mọi thao tác phải rất nhanh, cơ động, thuần thục. Hồi ấy thuốc trụ sinh có nhưng không đến mức dư dả, phải bàn xem vết thương nào cần tiêm trụ sinh chứ không tiêm tràn lan, nhớ khi nhiều bộ đội bị nặng quá không đủ thuốc. Thương binh nhiều người dững cảm lắm, có khi phải cura chân tay mà anh em bảo “để thuốc mê cho người khác nặng hơn”.

Tôi nhớ mãi một đồng chí trung đội phó bị thương vào tim. Khi hấp hối, anh nhờ tôi nhắn tin về cho vợ và hai con nhỏ ở quê. Tôi khóc, ôm chặt anh cho đến khi tim anh ngừng đập. Chúng tôi liên lạc ngay bên hậu cần để chuyển tin về gia đình anh. Sau đó mấy tuần, chúng tôi cấp cứu cho một chị dân công bị thương vào đùi do máy bay Hen cát bỏ bom. Trước khi mỗ nối mạch máu, hỏi thăm thông tin thì chị ấy bảo anh chồng từ tháng nay không có tin. Khi chị nói tên và đơn vị của anh thì than ôi, lại đúng là anh trung đội phó đã hy sinh. Thương không tả nổi, chúng tôi không dám cho chị biết sợ bị sốc. Ca mổ thành công và chúng tôi cứu được chị ấy.

16. LÊ NGUYỄN LINH. Nhận nhiệm vụ đặc biệt Tết Giáp Ngọ / Lê Nguyễn Linh // Cựu chiến binh Việt Nam. – 2004. – Ngày 29 tháng 1. – Tr.4

Gần Tết Giáp Ngọ năm 1954, tiểu đoàn trinh sát 426 chúng tôi bỗng được lệnh ăn tết sớm 1 ngày để chuẩn bị lên đường nhận nhiệm vụ đặc biệt. Ăn tết xong, đúng tối 30 tháng chạp, chúng tôi tập trung trên 1 quả đồi cọ, không có dân ở để nghe phổ biến nhiệm vụ. Đồng chí tiểu đoàn trưởng giới thiệu 1 đồng chí cán bộ Cục 2 trực tiếp phổ biến. Đồng chí cán bộ Cục 2 nói: Trung ương Đảng, Chính



Ông Lê Công Thuận.
Sinh năm 1928
Y tá, trạm Z20, c9, d418,
e57, f304

phủ đã quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, để giải phóng Tây Bắc của Tổ quốc. Điện Biên Phủ là điểm quyết chiến chiến lược của ta, nhưng các chiến trường khác cũng tiếp tục đẩy mạnh phối hợp, đều có liên quan tới nhiệm vụ của tiểu đoàn 426. Trên đã quyết định phân công nhiệm vụ các đồng chí như sau: Các đại đội 85, 86 khẩn trương hành quân ngay lên hướng Điện Biên Phủ, nhiệm vụ cụ thể sẽ phổ biến riêng sau. Đại đội 87 làm nhiệm vụ ở chiến trường phối hợp, phải chia nhỏ luồn sâu vào sau lưng địch thuộc các tỉnh Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Ninh, Bắc Giang... nắm tình hình địch giúp lực lượng vũ trang tại chỗ đánh nghi binh. Nguyên tắc chung là phải tuyệt đối giữ bí mật.

Nghe phổ biến xong, các đơn vị chúng tôi đều sửa soạn hành quân ngay.

Ngày mùng 1 Tết, chúng tôi nghỉ ở Vũ Ẽn, bổ sung thêm các thứ cần thiết như muối, gạo, đá, lửa rồi lại tiếp tục hành quân. Bộ phận nào đi trước, đi sau đều phải giữ bí mật. Cứ thế, ngày nghỉ, đêm đi xuyên tắt rừng mà đi, gặp sông suối phải tìm cách vượt qua. Hôm cuối cùng của cuộc hành quân đã 8-9 giờ sáng mà sương mù vẫn chưa tan, căng mắt ra chỉ nhìn xa được 5-6 mét. Chúng tôi đã nghe tiếng súng nổ rất gần. Sương tan, qua ống nhòm chúng tôi thấy hàng rào thép gai đồn địch chỉ cách đó vài ba cây số. Chúng tôi tìm chỗ đào hầm, dẫn gỗ bắc đăm, đổ đất thật đầy, trồng cây ngụy trang, làm cửa và lỗ thông hơi thật thoáng. Đó là phân khu Hồng Cúm phía Nam Điện Biên Phủ.

Tiểu đội tôi được phân công bám sát, nắm tình hình địch ở sân bay xem chúng bố trí ụ súng, các trạm gác, đèn pha, pháo sáng, đi tuần tiểu thế nào, nơi lĩnh và sĩ quan ở để cung cấp thông tin cho sở chỉ huy. Những số liệu thu thập được đều phải ghi chép tỉ mỉ, báo cáo lên trên hàng ngày...

Càng về sau ta càng làm chủ sân bay. Ban ngày ta cũng ở ngay hào giao thông, tên địch nào mà ra suối lấy nước, ta dùng súng trường bắn tia, nên chúng phải dùng pháo từ xa, bắn ra ngoài vi sân bay không chế ta. Vòng vây của quân ta càng siết chặt, phạm vi hoạt động của quân địch càng hẹp. Quân Pháp phải dùng máy bay thả dù tiếp tế. Máy bay xuống thấp thì bị cao xạ ta diệt, chúng phải thả từ trên cao nên hầu hết rơi vào vòng vây quân ta. Ban ngày ra lấy dù bị quân ta bắn, đến tối quân ta lại ra lấy.

Quân ra đi đoạt dù, người cuốn dù, hòm phải khiêng. Hòm các-tông là hòm lương thực, hai chiến sĩ khiêng nôi. Hòm sắt là hòm súng đạn, phải 3-4 chiến sĩ khiêng mới nôi. Đời sống của chúng tôi ngày càng dễ chịu, đầy đủ hơn lúc hành quân. Hòm đồ hộp làm giường nằm, dù làm chăn chiếu và căng cả dù lên trần hầm cho sạch.

Tiểu đội chúng tôi đang kiểm chế chặt sân bay Hồng Cúm thì được lệnh đi chặn quân tiếp viện ở Lào sang, nhiệm vụ ở sân bay Hồng Cúm giao cho đơn vị bạn. Tiểu đoàn 426 chúng tôi lại bí mật hành quân, đến Mường Hét đã gặp địch.

Đơn vị kịp thời triển khai quân đánh chặn, chúng chết và bị thương nhiều, còn lại chạy tán loạn cả vào rừng. Chúng tôi tiếp tục truy kích lùng bắt tàn quân. Trận này tiểu đoàn chúng tôi diệt, làm bị thương, bắt sống nhiều tên địch, làm tan rã cả bốn tiểu đoàn Âu Phi của chúng. Tiểu đoàn 426 chúng tôi đang thu dọn chiến trường ở Mường Hét thì được tin quân địch ở Điện Biên Phủ đã đầu hàng. Chúng tôi được lệnh rút về lòng chảo Điện Biên trong khí thế tung bừng chiến thắng.

17. LÊ THẾ TRUNG. *Hầm mổ ở Điện Biên Phủ / Lê Thế Trung // Chuyện những người làm nên lịch sử: Hồi ức Điện Biên Phủ 1954 - 2009. – H. : Chính trị Quốc gia, 2009. – Tr. 21*

Hầm dã chiến nhỏ và hẹp thì mới chắc, khi bị bom không sập. Hầm có xà gỗ, lát nứa hoặc cây sậy và phủ đất dày, diện tích đủ cho một thương binh nằm và ba người chăm sóc: một gầy mê và giúp chuyên môn, một phụ mổ, một bác sĩ mổ. Thiết bị chỉ có cẳng và cái dây treo thuốc truyền. Ngoài ra còn hầm chữa sóc, hầm chữa thương binh nặng, hầm bếp kiểu Hoàng Cầm.



Ông Lê Thế Trung. Sinh năm 1927
Trưởng ban Quân y trung đoàn, e209, f312

Các dụng cụ quân y tối thiểu như dao mổ thì có nhưng thô sơ. Tôi có một bộ nhỏ gồm dao, chỉ, kim, băng màu, thước... Chúng tôi phải sáng tạo, mua những mảnh bầu khô, gạo dừ của dân, về cưa ra để làm dụng cụ cầm máu. Những chỗ khuỷu tay, mạch máu đứt, khi băng



“Đã chiến” nhưng vẫn phải đảm bảo an toàn cho thương binh

không thể ép để cầm máu được thì tì các mảnh bầu khô bên ngoài, cột lại, sẽ ép cho mạch máu không bị hở và chảy máu, dần dần liền lại. Không có nhiều dịch truyền, anh em được sĩ phải đun nước cất, tự pha chế dịch truyền. Ánh sáng mổ từ đèn pin treo phía trên, vì đèn dầu, đèn măng xông không có, và lại ánh sáng quàng thì dễ bị lộ. Điều kiện thô sơ nhưng những hầm y tế vẫn đảm bảo phẫu thuật. Ca nào cần cấp cứu thì phải mổ ngay, ca nào trì hoãn được thì

chuyển về tuyến sau, còn những ca nhẹ điều trị ngay tại chiến hào để anh em tiếp tục trở lại chiến đấu.

Các anh em cứu thương ngoài việc chuyển thương binh còn được tôi giao thêm “nhiệm vụ” thu đồ cứu thương của địch khi tiếp quản trận địa. Mỗi khi lấy được đồ mổ, đồ hấp, bông băng của địch là mừng vì có thêm dụng cụ để cứu chữa cho bộ đội mình. Có hôm một anh cứu thương về khoe “lấy được quyển sách to lắm”, khệ nệ đem cho tôi. Tôi sợ quá tưởng sách về phẫu thuật, hóa ra là cuốn từ điển dày nặng.

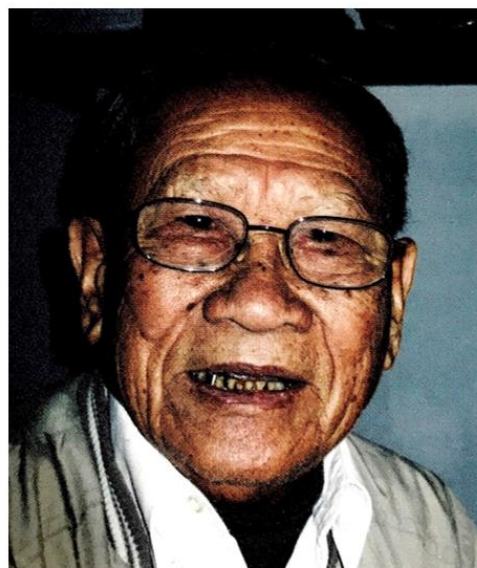
Quân ta tiến tới đâu, y tế cũng tiến tới đó nên thi thoảng lại di chuyển và đào lại các hầm. Thương binh chữa rồi chuyển về tuyến sau, trừ những anh em trẻ, vết thương nhẹ, chữa khoảng 15 ngày là khỏi, sẽ được điều trị rồi bổ sung ra chiến đấu. Họ ở lại, mình điều trị cho ăn uống tốt để lại sức. Các anh này có kinh nghiệm chiến đấu, khi cần lại bổ sung cho các đơn vị chiến đấu.

Chúng tôi cứ nhìn số lượng thương binh mà đánh giá diễn biến trận đánh. Khi đón nhiều thương binh thì biết ngay là không thuận lợi. Thường thì sau khi nổ súng một đến hai tiếng, thương binh bắt đầu về. Có ngày chỉ một hai người, có ngày hàng trăm, cứu chữa không xuể.

Giai đoạn cuối của chiến dịch, địch kháng cự mạnh để tồn tại, bộ đội mình bị thương nhiều lắm. Tôi nhớ ngày phải cưa tay, chân của một anh cứu thương của chính đại đội mình. Cậu ấy trẻ, cùng làm việc hàng ngày nên tôi biết rất rõ. Mình khổ tâm, thương đồng đội và rất xúc động, nhưng vẫn phải cắt vì chân tay nát hết rồi.

18. LÊ VĂN ĐÔI. Đợt tiến công thứ nhất / Lê Văn Đôi // Chuyện những người làm nên lịch sử: Hồi ức Điện Biên Phủ 1954 - 2009. – H. : Chính trị Quốc gia, 2009. – Tr. 111

Sáng 15-3, ngay sau khi ta diệt xong cứ điểm đồi Độc Lập, tôi được đồng chí Đặng Quốc Bảo, Chính ủy Trung đoàn 88 trực tiếp giao nhiệm vụ: Tôi cùng đồng chí Đại Đồng, cán bộ tuyên huấn của trung đoàn, rất giỏi tiếng Pháp, trở lại đồi Độc Lập thu gom tù binh địch bị thương còn nằm lại, chọn một tên khỏe mạnh cho mang thư vào dụ hàng địch ở cứ điểm Bản Kéo. Chúng tôi đề nghị một chiến sĩ y tá đi cùng để có thể băng bó cho những tên địch bị thương mới được sơ cứu.



Ông Lê Văn Đôi. Sinh năm 1922
Trưởng ban địch vận e88, f308

Đội Độc Lập bần nhão nhoét vì trời vừa mưa to, nhiều chỗ còn đen sạm màu thuốc súng và loang lổ máu.

Chúng tôi men theo những ngách hào, vượt qua xác địch ngổ ngàng để sục vào từng căn hầm tìm những tên bị thương còn lại. Tất cả có hơn hai chục tên, đa số bị thương nặng, có hai người lính người An giê ri còn lành lặn. Một tên là Môhamét, binh nhất, đêm trước khi quân ta vừa xông vào đồn, anh ta đã hàng ngay và xin được chỉ đường đánh vào trung tâm. Anh thứ hai tên là Mêdien, binh nhì, bị thương nhẹ vào trán.

Đồng chí y tá khẩn trương băng bó cho những tên bị thương, chúng tôi thu gom bánh mì, nước uống rơi vãi trong đồn cho chúng ăn uống tử tế, rồi khiêng chúng tập trung vào một chỗ. Trong khi anh Đại Đồng lập danh sách, nói chuyện với tù binh về chính sách khoan hồng của ta đối với tù hàng binh, tôi tranh thủ đến đại đội phòng ngự gần đó, gọi điện về trung đoàn báo cáo tình hình. Đồng chí Đặng Quốc Bảo chỉ thị chọn thời cơ, đưa một tù binh bị thương nặng đến Bản Kéo trao trả. Đồng thời cho một tù binh khác mang thư báo tin để bọn chỉ huy đồn cử đại diện ra địa điểm do chúng tôi hẹn, nhận số tù binh bị thương còn lại. Kèm theo thư này là bức tối hậu thư hạ lệnh cho Bản Kéo phải đầu hàng trước 17 giờ ngày 17-3, nếu không chúng sẽ bị tiêu diệt như đội Độc Lập.

Tôi quay lại bàn xong việc với đồng chí Đại Đồng thì trời gần tối. Chúng tôi thống nhất thuyết phục Mêdien mang thư vào đồn Bản Kéo. Lúc đầu, anh ta ngần ngại, sau cũng nói: “Tôi xin phục tùng mệnh lệnh. Tôi xin hứa sẽ không bao giờ bắn vào các ông nữa!”.

Sáng hôm sau, tôi, Môhamét và đồng chí y tá chuẩn bị bữa ăn cho tù binh chu đáo trong điều kiện đội Độc Lập lúc đó. Mãi 5 giờ chiều ngày 16-3, khi vừa hết tiếng máy bay, chúng tôi mới dẫn Mêdien và tổ chức khiêng một tù binh bị thương nặng đi. Tôi giao cho Mêdien hai bức thư gửi tên chỉ huy đồn Bản Kéo, kèm theo mấy tờ truyền đơn gọi hàng của Cục địch vận. Tập truyền đơn thứ hai nhiều hơn, Mêdien giấu trong người để phân phát cho binh lính trong cứ điểm.

Chúng tôi vượt khỏi tuyến hào của e36 đang vây Bản Kéo. Gần sát cứ điểm, chiếc cáng được đặt xuống. Mêdien xin được bắt tay chúng tôi, rồi tay cầm lá cờ trắng làm hiệu đi vào. Cửa chắn được mở ra, lát sau hai lính ngự ra khiêng cáng vào.

Về tới chân đội Độc Lập, trời đã tối, một trung đội tải thương đã đợi sẵn, chúng tôi được lệnh phải đưa ngay số tù binh bị thương còn lại tới sát Bản Kéo để sáng hôm sau địch sẽ ra nhận tại cửa đồn. Đoàn tải thương lặng lẽ đi trong đêm, vượt qua tuyến hào bao vây của quân ta. Đến gần Bản Kéo, chúng tôi đặt những chiếc cáng xuống chỗ đất phẳng, khuất gió. Đồng chí Đại Đồng đến từng cáng

thương giải thích, khuyên chúng im lặng chờ sáng mai sẽ có người của chúng ra nhận.

Sáng hôm sau, tiếng loa gọi hàng địch vang lên liên tiếp, một tấm pa nô cỡ lớn được dựng ngay trước đồn Bản Kéo, bức vẽ cảnh một đoàn lính Thái bỏ đồn chạy về với nhân dân và dòng chữ “Quay về với Tổ Quốc, với đồng bào, các anh sẽ được tiếp đón tử tế”.

Khoảng gần 9 giờ, một toán lính Thái mang theo cáng thương, có một sĩ quan Pháp tay đeo băng hồng thập tự dẫn đầu ra khỏi Bản Kéo, tiến về phía chúng tôi. Trước đám tù binh bị thương được ta săn sóc chu đáo, họ tỏ ra rất ngạc nhiên và cảm động.

Chúng tôi về cứ điểm Độc Lập trong tư thế người chiến thắng. Ba giờ sau, trong cứ điểm Bản Kéo thấy ồn ào khác thường, rồi cổng đồn mở toang. 264 lính Thái phát cờ trắng, chiếu theo hướng có tiếng loa gọi hàng trong tuyến bao vây của Trung đoàn 36 mà chạy tới.

19. LƯU NGỌC VANG. Anh hùng phá thác trên sông Nậm Na / Lưu Ngọc Vang // Cựu chiến binh Việt Nam. – 2004. – Ngày 5 tháng 4. – Tr.4

Đó là chiến sĩ Phan Tư, sinh năm 1931, tại làng Tam Thọ (Thọ Thành, Yên Thành, Nghệ An).

Chuẩn bị chiến dịch Điện Biên Phủ, từ đầu năm 1954. Phan Tư cùng đơn vị trung đội 51 đại đội 124 (thuộc Tiểu đoàn 555) được lệnh lên đường, phá thác khai thông dòng sông Nậm Na cho thuyền, bè, mảng chở vũ khí lương thực lên Điện Biên. Sông Nậm Na là một nhánh thượng nguồn sông Sông Đà dài 120 km. Đoạn sông này có 21 ghềnh thác lớn hung dữ, sẵn sàng nuốt chửng bất cứ thuyền bè nào qua đây. Nhiều thuyền bè bộ đội, dân công, thanh niên xung phong qua đây bị xé tan tành, súng đạn, gạo chìm đáy sông, muốn vượt thác thuyền bè phải từ xa bốc dỡ hàng, khiêng thuyền bè qua thác mới đi tiếp được. Sông Nậm Na nguy hiểm nhưng lại là đường thủy duy nhất, thuận lợi và bất ngờ nhất để tới Điện Biên Phủ.

Lệnh đưa xuống là phải phá các thác ngay, nhưng do thiếu thốn nên trên chỉ cung cấp kíp nổ và dây cháy chậm (không có bộc phá, phải tự lấy thuốc bom của địch làm bộc phá). Phan Tư nghĩ ngay đến cách gói bộc phá như gói bánh chưng rồi đục lỗ cho kíp mìn và dây cháy chậm vào giữa. Để hàn kín kíp và dây cháy chậm không ngấm nước, Phan Tư nghĩ cách dẽ com nếp nát làm “keo” hàn gắn. Sáng kiến tuy đơn giản nhưng táo bạo đạt kết quả bất ngờ.

Với sáng kiến của Phan Tư trong một thời gian ngắn, đơn vị đã chế bộc phá phá tan 21 ghềnh thác với tên gọi rùng rợn như: thác Ma Vương, Thuồng luồng, Hang hùm, miệng Cá Sấu. Sau chiến dịch phá thác, dòng Nậm Na trở lại hiền hòa

êm trôi. Thuyền, bè, mảng từ ngã 3 sông Đà - Nậm Na rút ngắn quá còn 4 ngày đêm, thay vì mất 3 tháng trời mới lên tới Điện Biên. Do vậy Pháp ra sức ném bom đánh phá khúc sông này.

Một lần, máy bay địch thả bom một bên sông Nậm Na. Một quả bom nổ chậm nằm cạnh đường đang chống lũy. Tất cả xe vận tải, xe kéo pháo, dân công thô tải đều phải lùi ra xa. Trời đang mưa và tối giá rét, chiến dịch thúc giục từng giờ, Phan Tư động viên các đội dân công, bộ đội, hậu cần, vượt qua bom nổ chậm, không sợ chết. Để cho mọi người tin tưởng không sợ bom nổ, Phan Tư cầm bó đuốc rực lửa đứng trên quả bom, hiên ngang bình thản như đứng trên ụ mối. Đoàn hậu cần vẫn ùn ùn băng qua.

Sự thông minh dũng cảm của Phan Tư trên mặt trận Nậm Na góp phần rất quan trọng trong vận tải đường thủy của chiến dịch Điện Biên. Bộ chỉ huy chiến rất hài lòng về Phan Tư và đơn vị 51. Phan Tư được phong Anh hùng LLVT. Ông nghỉ hưu với quân hàm đại tá.

20. LƯU TRỌNG LÂN. Thê trận bao vây / Lưu Trọng Lân // Chuyện những người làm nên lịch sử: Hồi ức Điện Biên Phủ 1954 - 2009. – H. : Chính trị Quốc gia, 2009. – Tr. 118-119

Trong đợt 1, đợt 2 chiến dịch, pháo cao xạ chỉ có 2 tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có 3 đại đội. Tiểu đoàn 383 ở hướng đông, bảo vệ trận đánh Him Lam đầu tiên, sau triển khai bảo vệ phía đông. Tiểu đoàn 394 thì ở phía bắc, bảo vệ trận đánh đồi Độc Lập, sau triển khai sang phía tây.

Cho đến lúc mở màn, địch vẫn không biết ta có pháo 105 ly, đặc biệt không biết ta có pháo cao xạ. Nó biết

“có những trung đoàn nặng đi lên Điện Biên” nhưng không biết cụ thể là gì. Khi nổ súng chiều 13-3, có thể nói pháo ta gây bất ngờ hoàn toàn.

Ngày Him Lam bị tấn công, địch cho một phi đội máy bay xuất phát từ hàng không mẫu hạm lên yểm trợ. Lên đến nơi, bị lưới cao xạ ta bắn lên, bọn phi công vô cùng hốt hoảng vì đây là lần đầu tiên pháo cao xạ 37 ly xuất hiện. Lúc đó hoàng hôn, ánh lửa lên rất nhiều, đạn nổ trên không lụp bụp, nó biết đây là pháo lớn, rối loạn đội hình, ném bom lung tung, không quả nào trúng vào đội hình bộ binh ta. Trận đó, pháo cao xạ đã làm được hai việc: một là làm cho quân thù khiếp sợ, hai là bảo vệ trên không của bộ binh, tuy chưa bắn rơi được chiếc nào mà chỉ



Ông Lưu Trọng Lân. Sinh năm 1930
Cán bộ tham mưu d383, e367 (pháo cao xạ) f351

bắn bị thương 1 chiếc F8F. Ngày hôm sau, các đồng chí bộ binh cảm ơn cao xạ ngay.

Sau đó 4 hôm, ngày 17-3, bộ đội cao xạ bắn rơi 14 chiếc máy bay. Lúc đó, phi công Pháp chưa có kinh nghiệm, cứ theo bài bản mà vào, ta cũng theo bài bản bắn lên. Địch hoảng hốt đến mức Navarre ra lệnh đưa toàn bộ lực lượng không quân Pháp ở Bắc bộ lên Điện Biên Phủ. Ngày 1 và 2-4-1954, pháo cao xạ liên tiếp bắn rơi nhiều máy bay nữa, không chỉ máy bay khu trục chiến đấu mà cả máy bay vận tải.

Tổng kết cuối chiến dịch, bộ đội cao xạ đã bắn rơi được 62 chiếc máy bay, bắn bị thương 123 chiếc, riêng e367 bắn rơi 32 chiếc. Tỷ lệ bắn rơi máy bay Pháp ở Điện Biên Phủ là rất cao. Navarre liên tục xin Chính phủ Pháp tăng cường thêm không quân, yêu cầu Mỹ bổ sung máy bay vận tải. Báo chí Pháp trích dẫn lời phi công Pháp tham gia lên không phận Điện Biên: “Lưới lửa phòng không ở đây hết sức đáng sợ. Chúng tôi bay vào Điện Biên Phủ giống như đi trên những nòng pháo”, “những chuyến bay vào thung lũng là những chuyến bay chết người”.

Đợt 1 và đợt 2, pháo cao xạ ta chỉ có 2 tiểu đoàn với 24 khẩu 37 ly đối chọi với không quân Pháp có hàng trăm máy bay các loại. Tại sao địch lại khiếp sợ như vậy? Là bởi ta tuy chỉ có 24 khẩu, nhưng áp dụng chiến thuật cơ động, nghi binh giỏi, ngụy trang giỏi. Một đại đội có ba bốn trận địa khác nhau, khi ở chỗ này, khi ở chỗ kia, máy bay trinh sát của Pháp nó chụp được hôm nay trận địa ta ở đây, hôm sau đến ném bom thì ta không còn ở đó nữa rồi, không quân Pháp không biết thế nào mà lần cả.

Tôi đã tổng kết vẽ sơ đồ lại, 6 đại đội pháo cao xạ ở Điện Biên của ta có tất cả 37 trận địa. Mỗi đại đội có 6 trận địa, trong phạm vi vài trăm thước đến hàng cây số. Cơ động như vậy rất vất vả, ngày đánh nhau, một bộ phận đem đi đào trận địa, rồi thay đổi vị trí liên tục.

B24 là máy bay oanh tạc tầm trung, ở Điện Biên là số 1, gây khó khăn cho ta nhiều nhất bởi nó bay cao, mình bắn cũng nhiều nhưng không rơi. Ngày 12-4, Đại đội 828, Tiểu đoàn 394 pháo bao xạ bắn đứt đầu một chiếc B24, chiếc đầu tiên loại này ở Điện Biên Phủ. Tôi ở sở chỉ huy tiểu đoàn, đứng trên đồi cao có điều kiện quan sát rất rõ. Khoang lái của nó to như chiếc xe buýt rơi ra, mất điều khiển, chiếc máy bay 4 động cơ rông lên một hồi rồi đâm thẳng 90 độ xuống đất, rơi xuống gần Bản Kéo. Đó là chiếc B24 đầu tiên, nhưng là chiếc máy bay thứ 50 bị bắn rơi ở Điện Biên. Nó bị hạ đúng ngày Đại tướng ra lời kêu gọi “Toàn quân thi đua bắn rơi chiếc máy bay thứ 50”.

Từ Sở chỉ huy tiểu đoàn, những hình ảnh máy bay rơi tôi được chứng kiến đều rất thú vị. Ngày 31-3, một chiếc máy bay vận tải Dakota đang bay vào trận địa 815 thì bị đại đội này bắn trúng, bùng lên dưới bụng. Nói trúng đạn rồi nhưng

cứ bay lượn vòng, vòng thứ hai rồi đến vòng thứ ba cháy lớn rồi mới rơi xuống đất. Đó cũng là chuyện lạ vì thông thường máy bay trúng đạn là rơi ngay. Sau chúng tôi đoán rằng nó bị bắn trúng vào bộ phận điều khiển bánh lái nên cứ lượn vòng như thế trước khi rơi.

Một hôm khác, 26-4, một chiếc F8F lao vào trận địa của Đại đội 816, Tiểu đoàn 383 thì bị bắn một loạt đứt đuôi. Mất điều khiển, nó xoắn tròn ốc vài vòng rồi đâm thẳng xuống đất. Phi công chính đã chết trong máy bay, tên phi công phụ bung dù nhảy xuống, vừa đến mặt đất thì bị bộ binh mình tóm cổ luôn. Tên này là trung úy Robert Daniel. Cũng hôm đó, Đại đội 817 bắn rơi một chiếc B26, là loại máy bay oanh tạc hạng nhẹ. Lúc đó là hoàng hôn, khoảng 6 giờ chiều. Những đường đạn bắn lên trông rất rõ. Khi đám cháy dính vào thân nó rồi, nó càng sáng rực, cứ thế mang đóm lửa bay vài cây số rồi mới rơi. Ở dưới đất, bộ đội, dân công xung quanh hò reo vang dội hoan hô pháo cao xạ. Hai tên giặc lái nhảy dù cũng bị bắt luôn. Như vậy, ngày hôm đó ta bắn rơi 4 máy bay, bắt được 3 phi công địch (trong suốt chiến dịch ta bắt được tất cả 4 phi công địch).

21. N.C. Chiến công đầu của phân đội quân báo trung đoàn Bắc Bắc⁷ / N.C // Sự kiện & Nhân chứng. – 2004. – Số 122. – Tr. 64-65

Tháng 12-1953, đại đoàn Quân Tiên Phong được lệnh lên bao vây đánh địch ở Điện Biên Phủ. Bộ chỉ huy tiền phương hẹn cho đại đoàn: bảy ngày sau khi nhận được nhiệm vụ, phải có mặt ở Pom Lót để cắt đứt con đường liên lạc của địch Điện Biên Phủ với các đơn vị của chúng ở Thượng Lào, đẩy quân địch ở đây vào thế cô lập. Trung đoàn được giao nhiệm vụ cấp tốc băng rừng tiến vào nam Điện Biên Phủ, đóng chốt ở Pom Lót là Trung đoàn Bắc Bắc. Đường hành quân vô cùng gian khổ, thời gian lại gấp. “Đạp bằng mọi trở ngại, quyết nhanh chóng tiến vào Điện Biên Phủ!”. Khẩu hiệu đó được tung ra kịp thời làm cho tất cả cán bộ, chiến sĩ trung đoàn quên cả đói, mệt, băng rừng tiến tới. Ngày thứ sáu sau khi nhận được lệnh của Bộ chỉ huy Mặt trận, trung đoàn Bắc Bắc, đơn vị đầu tiên của đại đoàn Quân Tiên Phong, đã tới điểm hẹn.

Đóng quân ở Pom Lót, nhiệm vụ của trung đoàn Bắc Bắc là xây dựng trận địa, chặn đánh quân địch, chuẩn bị lương thực để tác chiến lâu dài. Trong khi các đơn vị của trung đoàn làm nhiệm vụ chặn địch lập được chiến công đầu, đánh tan hai lần tiến công của một tiểu đoàn địch từ Điện Biên Phủ nống ra, diệt hai trung đội, thì chiến công của phân đội quân báo, không chỉ trung đoàn mà cả Bộ Chỉ huy tiền phương cũng rất hài lòng.

⁷ Theo ký sự Đại đoàn Quân Tiên Phong

Sau ba ngày đi điều tra các vị trí địch đóng suốt một dải từ bản Căng Na tới Noọng, Pe luôn ở phía tây cánh đồng Mường Thanh, toàn phân đội quân báo của trung đoàn tới một khe suối rậm thì hai chiến sĩ Dương Quảng Châu và Nguyễn lên con sọt rét. Phân đội trưởng đành để hai anh nằm nghỉ ở khe suối trông coi ba lô của anh em cùng với những tài liệu thu gom được.

Qua một đêm, sau khi phân đội đã đi khỏi Châu và Nguyễn mới đỡ sọt, hai anh ngồi dậy, gắng lau lại súng đạn. Chợt có tiếng sọt soạt ở phía ngoài cửa khe. Châu quên cả ốm mệt, đứng phắt dậy, chăm chú dõi theo và khẽ gọi:

- *Nguyễn! Chuẩn bị chiến đấu!*

Rồi anh nấp ngay vào gốc cây to. Vừa lúc đó, Nguyễn nhìn thấy một loạt mũ “cao bồi” hiện ra ló nhố ở phía ngoài, Nguyễn chạy lại chỗ Châu, lo lắng hỏi:

- *Châu! Thế nào? Bắn chứ?*

Châu lắc đầu, suy nghĩ: “Lia một băng đạn rồi rút vào rừng cũng được. Nhưng còn ba lô và tài liệu? Giao chiến ư? Nhưng nhớ cả hai đều hy sinh, để số tài liệu rơi vào tay địch thì sao? Lộ hết bí mật! Mang đi hay hủy tài đều không kịp”. Mấy giây sau, anh quyết định dùng mưu kế hành động.

Hai mươi một tên lính ngự dân dần dần kéo vào đầy cả lòng khe. Khi tên đội đang nghiêng ngó chỉ trở thì như một mũi tên, Châu lao ra, cấp khẩu tiểu liên bên sườn hô vang:

- *Đứng lại! Giơ tay lên!*

Không để cho bọn địch kịp phản ứng, anh đồng dục hô tiếp:

- *Toàn đại đội bao vây chặt! Tên nào nhúc nhích, bắn chết ngay! Nếu chúng đầu hàng, sẽ khoan hồng!*

Tất cả bọn lính đều bàng hoàng, đũa nào đũa nấy, mặt trắng nhợt. Không còn kịp nghĩ ngợi, chúng chỉ biết đứng chôn chân ngay tại chỗ, có tên còn run bắn cả hai chân. Không để im lặng kéo dài, Châu hướng vào một lùm cây, gọi to:

- *Trung đội 1! Cho người ra trước vũ khí! Còn bọn kia, tất cả bỏ súng xuống đất!*

Nghe Châu ra lệnh, Nguyễn hiểu ngay “phép” của bạn mình. Anh chạy ra nghiêm chỉnh:

- *Báo cáo! Xin tuân lệnh!*

Chẳng mấy chốc, Nguyễn đã thu hết súng đạn của bọn lính ngự, bó lại, vác vào để một khe đá phía sau. Khi qua mặt Châu, anh hỏi nhỏ:

- *Thế nào làm gì bây giờ? Trói chứ?*

Châu khẽ bảo:

- *Mình chỉ có hai thằng, trói thì lộ. Thôi cứ để đấy cho tó!*

Châu trèo lên một ngọn cây, rút khăn tay ra đánh tín hiệu đi bốn phía, làm như tiếp tục ra quân lệnh cho đơn vị mình. Xong, anh tụt xuống nói với bọn lính ngủ:

- *Bây giờ cho phép các anh ngủ. Ai đi đâu mười bước phải xin phép, nếu không sẽ bị bắn chết tại chỗ!*

Ra lệnh xong, Châu đang hoảng, khoan thai cùng Nguyên bước lại đám tù binh, ngồi xuống giải thích chính sách khoan hồng của Chính phủ ta đối với tù hàng binh. Bọn chúng ngoan ngoãn ngồi nghe, vâng dạ hết sức cung kính và sợ sệt.

Đêm xuống dần. Châu bảo bọn tù binh nhặt củi đốt làm bốn đồng lửa ở bốn góc, rồi cho bọn chúng ôm nhau nằm ngủ ở giữa, nói là để cho ấm, nhưng kỳ thực là để cho hai anh dễ kiểm soát.

Nguyên vẫn còn âm ỉ sốt. Châu bảo bạn đi nằm trước còn anh thì cầm ngang khẩu súng đi đi lại lại bên đồng lửa, vừa đi vừa bồn chồn lo lắng: phân đội đi mãi sao không thấy về? Hay bị đi lạc đường?

Nhưng Châu không ngờ rằng, phân đội quân báo của trung đoàn đã về tới đây từ chập tối, lúc đám lính địch đi nhặt củi, nhóm lửa, còn Châu thì cầm súng canh gác chúng. Nhìn thấy quang cảnh ấy, mọi người hết sức kinh ngạc, phán đoán: có lẽ Châu và Nguyên đã bị địch bắt và chúng đang dùng hai người làm “con mồi” như cho cả phân đội trở về để bắt sống hoặc tiêu diệt. Bởi vậy, phân đội lặng lẽ quan sát, chưa vội bắt liên lạc với Châu và Nguyên.

Theo đề nghị của đồng chí phân đội trưởng, tổ Đảng hội ý tại chỗ để bàn biện pháp xử trí. Qua tất cả những điều đã hiểu về Dương Quang Châu, mọi đảng viên đều không tìm ra một dấu vết có gì đáng nghi ngờ người chiến sĩ quân báo này. Trong phân đội, có người đã năm, sáu năm liền sống, chiến đấu với Châu nên hiểu anh lắm. Ngay từ bé, Châu đã bỏ đã phải bỏ học, bỏ làng, theo mẹ lên miền ngược kiếm ăn. Mùi vị cay đắng của cuộc sống nghèo túng đã tạo nên trong Châu những đức tính đặc biệt. Ấy là sự gan góc, bướng bỉnh, táo bạo, khôn ngoan, ứng biến của những nông dân nghèo khổ luôn luôn bị bóc lột, chèn ép nhưng không chịu lép một bề, khi có điều kiện cũng sẵn sàng “ăn miếng, trả miếng” với bọn cường hào, lý dịch. Vào bộ đội, Châu được biên chế ngay vào ngành quân báo. Sự giáo dục của Đảng về lý tưởng của người quân nhân cách mạng, cuộc chiến đấu gian khổ, nguy hiểm nhưng cũng hết sức dũng cảm và lý thú của các chiến sĩ quân báo đã giúp Châu dần khắc phục được chỗ yếu, không ngừng phát huy chỗ mạnh vốn có. Ngay trong đợt thực tập điều tra vị trí Thái Đào và bốt Mỹ trong chiến dịch Trung du cuối năm 1951, đầu năm 1952, Châu đã tỏ ra là một chiến sĩ biết tôn trọng lời hứa quyết tâm của mình. Anh đã cùng đồng đội dũng cảm, bí mật vào giữa bốt Mỹ điều tra, sau đó lại dẫn tiểu đoàn bộ đội địa phương vào hạ

đồn trong chớp nhoáng. Sau trận này, anh được thưởng huân chia huân chương Chiến công hạng hai. Điềm lại quá trình chiến đấu của Châu, đem so với tình hình hiện tại, vấn đề trở nên khó kết luận. Nhưng đột nhiên, Thụy, một chiến sĩ gan dạ của phân đội, nêu một ý kiến làm ngạc nhiên tất cả:

- *Châu nó gan dạ lắm! Có thể nó bắt sống được tất cả bọn kia chứ chẳng phải bọn kia bắt sống được nó.*

Ngẫm kỹ, mọi người thấy ý kiến của Thụy có lý. Phân đội trưởng liền cử Thụy và hai chiến sĩ Côn, Mà xuống thử bắt liên lạc với Châu, còn toàn phân đội sẵn sàng chiến đấu, đề phòng bất trắc.

Lúc ấy, dưới suối Châu vẫn đi lại, bồn chồn mong ngóng. Chợt có một tiếng sỏi rơi nhẹ phía sau. Anh quay lại thấy Thụy đang chỉ thẳng khẩu súng vào mình, quát khê:

- *Thằng Châu! Mào hàng giặc à?*

“Nguy rồi!” - Châu thoáng nghĩ. Anh biết, nếu anh chệch lúng túng một giây để Thụy không tin thì lập tức ăn đạn ngay. Anh ném vội khẩu súng xuống đất, kêu lên:

- *Đồng chí Thụy! Tôi là đảng viên, không đời nào đầu hàng giặc! Chính tôi đã bắt sống lũ tù binh kia!*

Thụy đứng sững, ngẩn người. Ý nghĩ của anh về đồng chí của mình là đúng, mà lúc đó, anh nghe lại thấy bất ngờ quá. Anh nhảy đến bên bạn:

- *Châu ơi! Cậu giỏi quá!*

Bọn tù binh choàng tỉnh dậy, ngỡ ngác. Khi chúng kịp hiểu ra thì cả phân đội quân báo đã ập tới, đặt chúng trong vòng vây dưới lòng khe.

Qua đêm ấy, Châu cùng với các chiến sĩ Côn, Thảo được giao nhiệm vụ đưa 21 tên tù binh về sở chỉ huy tiền phương của đại đoàn. Trên đường về, họ lại gặp một toán 11 tên lính ngụy khác từ ngoài cánh đồng đang tiến vào rừng sục sạo. Rất bình tĩnh, Châu bảo anh em giấu kín đám tù binh phía sau, bất ngờ xông ra, dùng báng súng đánh ngã hai tên đi đầu, trong đó có tên cai xếp. Thế là cả 11 tên giạt kinh hãi, giơ tay xin hàng. Số tù binh đang từ 21, bỗng chốc đã lên 32.

Về tới gần dãy núi ở khe Hồng Lếch, nhóm của Châu gặp một bộ phận của đại đoàn đang bố trí bảo vệ đại đoàn trưởng vào nghiên cứu trận địa. Châu được ngay Bộ tư lệnh đại đoàn, bàn giao tù binh cho các đơn vị khai thác.

22. Ngày 26 tháng 1 năm 1954: “Hôm đó, thực hiện một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình”⁸ // Cựu chiến binh Việt Nam. – 2004. – Ngày 6 tháng 5. – Tr. 3

⁸ Theo hồi ức “Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử”

Thời gian, nổ súng đã được quyết định là 17 giờ ngày 25-1-1954. Bị lộ, địch thông báo cho nhau ngày, giờ tiến công của ta, lại có chiến sĩ của ta bị địch bắt. Trận địa phòng ngự của địch được xây dựng kiên cố hơn, hỏa lực đề kháng tăng cường, không còn trạng thái phòng ngự lâm thời ban đầu. Lời Bác căn dặn: “Chỉ được đánh thắng, không được bại, vì bại thì hết vốn” luôn luôn vẳng bên tai Đại tướng. Đêm đó, Người Tư lệnh chỉ huy chiến dịch không sao ngủ được, chỉ mong chóng sáng để họp Đảng ủy Mặt trận... Ngày 26-1-1954, sau khi nghe Đảng ủy thảo luận và trao đổi ý kiến với cố vấn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp kết luận:

...Để đảm bảo nguyên tắc cao nhất là “đánh chắc thắng”, cần chuyển phương châm tiêu diệt địch từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”. Nay quyết định hoãn cuộc tiến công. Ra lệnh cho bộ đội trên toàn tuyến lui về điểm tập kết và kéo pháo ra. Công tác chính trị bảo đảm triệt để chấp hành mệnh lệnh lui quân như mệnh lệnh chiến đấu. Hậu cần chuyển sang chuẩn bị theo phương châm mới.

Sau đó, tôi phân công cho anh Hoàng Văn Thái ra lệnh cho các đơn vị bộ binh, tôi ra lệnh cho pháo binh và trao nhiệm vụ mới cho 308.

Tôi gọi điện thoại cho pháo binh:

- *Tình hình địch đã thay đổi, Quyết tâm tiêu diệt Trần Đình (bí danh của Điện Biên Phủ trong chiến dịch) vẫn giữ vững. Nay thay đổi cách đánh. Vì vậy, ra lệnh cho đồng chí từ 17 giờ hôm nay, kéo pháo ra khỏi trận địa, lui về điểm tập kết chuẩn bị lại. Triệt để chấp hành mệnh lệnh! Không giải thích.*

Đầu dây đằng kia, tiếng đồng chí Phan Ngọc Mậu, Chính ủy pháo binh đáp:

- *Rõ! Xin triệt để chấp hành mệnh lệnh.*

14 giờ 30 phút mới có liên lạc điện thoại với anh Vương Thừa Vũ, Tư lệnh đại đoàn 308.

- *Chú ý nhận lệnh: Tình hình thay đổi. Đại đoàn các đồng chí có nhiệm vụ hướng về Luông Phra-băng tiến quân. Dọc đường gặp địch thì tùy điều kiện cụ thể mà tiêu diệt. Giữ vững lực lượng, có lệnh trở về ngay. Giữ liên lạc vô tuyến điện. Khi được hỏi mới trả lời.*

- *Rõ! - Anh Vũ đáp.*

- *Triệt để chấp hành mệnh lệnh!*

- *Xin chỉ thị về sử dụng binh lực như thế nào?*

- *Toàn quyền quyết định, từ một tiểu đoàn đến toàn đại đoàn. Hậu cần tự giải quyết. Đúng 4 giờ chiều nay, xuất phát.*

- *Xin triệt để chấp hành mệnh lệnh!*

Đồng thời, tôi chỉ thị cho một bộ phận nhỏ, mang theo một đài vô tuyến điện, đi về phía Mộc Châu, mỗi ngày ba lần đánh điện báo cáo: “Đại đoàn 308 đã

về tới...” Điện mật, xen đôi tiếng không dùng mật mã. Vì có những bức điện này, lúc đầu, địch nghe biết tướng 308 đang quay về đồng bằng.

Tình hình lúc này không cho phép dùng điện đài báo với Trung ương, ngay hôm đó tôi viết bức thư và tốp đề nghị Bộ Chính trị và Bác cho chuyển sang phương châm “đánh chắc, thắng chắc” quyết giành thắng lợi nhưng chiến dịch sẽ phải kéo dài, cần khắc phục những khó khăn lớn về hậu cần. Đồng chí Nguyễn Văn Dinh, một cán bộ tác chiến, được lệnh dùng xe Jeep duy nhất của cơ quan tham mưu, mang thư đi gấp suốt ngày đêm về căn cứ.

Trong ngày hôm đó, tôi đã thực hiện được một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình.

23. NGÔ TRỌNG BẢO. “Con trăn” khổng lồ ở Điện Biên Phủ / Ngô Trọng Bảo⁹ // Sự kiện & Nhân chứng. – 1996. – Số 29. – Tr.17-18.

Chiến dịch Điện Biên Phủ đã đi vào lịch sử 42 năm. Những ký ức về những trận gay go, quyết liệt, về chiến thắng oai hùng của quân và dân ta còn sống động trong tâm trí những người đã trực tiếp tham gia trận đánh này.

Bắt đầu là những tên lính Pháp ngơ ngác run rẩy của các cứ điểm 507, 508, rồi sau đó là 509, bị mũi đột phá ồ ạt của đơn vị bộ binh xung kích và trợ chiến của tiểu đoàn 154, trung đoàn 209 tiến công ngay trong lúc pháo binh và hỏa tiễn đang cấp tập vào toàn bộ đội hình phòng ngự của địch ở khu trung tâm Mường Thanh.

Bọn này bị lừa từ các góc ngóc ngách công sự, phần nhiều là ở các đoạn công sự phía tây giáp sông Nậm Rốm, lúc này còn đang cạn. Trừ một số đã lợi được qua sông chạy về phía trận địa trọng liên 14,5 mm bố trí bên hữu ngạn con sông, ngoài ra không có một tên nào chạy trốn được qua cầu sắt Mường Thanh.

Chúng ngồi trên đường 41, lúc đầu còn rải rác, tản mát, chỉ khi tiếng súng 14,5mm im bật và đồng chí Tạ Quốc Luật dẫn bộ chỉ huy Pháp đi đầu là Đờ Cát (tên đủ là Christian De Castries), đến gặp phía ta thì bọn này mới dám đứng dậy, dồn ép hàng ngũ sát chân đồi Tây nam Đ2. Đi sau Bộ chỉ huy Pháp là từng đoàn tù binh, tự điều chỉnh đội hình sau khi bị ùn tắc, do một xe tăng 18T của địch lù lù nằm giữa cầu sắt vắt qua sông Nậm Rốm, đầu xe hướng Mường Thanh, còn nòng pháo quay về phía đồi Đ, chiếc xe tăng này là chiếc thứ hai định tháo chạy sau đợt phản kích không thành công hồi 10 giờ sáng cùng ngày.

“Con trăn” chỉ bắt đầu cử động lúc cái đầu đã hình thành sau khi đã tiếp nhận sự đầu hàng của Bộ chỉ huy Pháp, (có đối thoại riêng) do Đờ Cát dẫn đầu và

⁹ Ngô Trọng Bảo (Nguyên tiểu đoàn phó tiểu đoàn 154, trung đoàn 209, sư đoàn 312)

hội nhập vào đám tù binh đang đứng lại chờ trên đường 41, chủ yếu là tù binh của các cứ điểm 507-508-509 tụ họp lại trong tư thế sẵn sàng. Cái đầu phình to, sau đó thót lại phía cầu Mường Thanh và ở phía bờ tây sông Nậm Rốm thì càng phình ra một cách khủng khiếp, do đám quân ở Nam sân bay và đông Mường Thanh dồn về. Các đám tù binh của nam Mường Thanh, khu trận địa pháo hậu cần và Tây Mường Thanh đang tiếp tục kéo đến cuộn cuộn như những cái đuôi ngoằn ngoèo của một con quái vật đầu to, cổ thót, bụng phình và có nhiều đuôi dài.

Sau khi được chứng minh là đã bắt tướng Đờ Cát và Bộ chỉ huy Pháp thì chiếc loa công suất lớn từ đồi Đ1, lâu nay vẫn dùng làm công tác địch vận, bắt đầu phát ra các mệnh lệnh bằng tiếng Pháp, hướng dẫn tù binh đi về phía của ta theo đường 41.

Toàn bộ “con trăn” màu vàng, với trên dưới một vạn hai ngàn chiếc vảy, lác đác có một vài đốm nhạt của những tên giờ lá cờ trắng đi trong hàng ngũ, đặc biệt là về sau chỉ những tên còn ùn lại phía tây cầu Mường Thanh là giờ nhiều cờ hơn, có tên sau khi sang khỏi cầu thì bỏ, vì tin chắc là không còn bị đạn pháo và hỏa tiễn của ta nã xuống nữa. Đến đoạn 1/4 chiều dài của “con trăn” thoát được sang bên này cầu, thì có một khúc đen, đó là đoạn của những cô gái bị bắt đưa lên cái “địa ngục trần gian” làm thú vui cho bọn quý lông lá đội lột người này. Tên nào có “thành tích chiến đấu” thì được phát một “tích kê thiên đường” và cái thứ phiêu hiềm hoai” này đã được biến thành vật đổi chác rượu, thuốc lá, tiền và có khi còn là nguyên nhân của các cuộc đọ súng. Trong cái khúc đen này là những cô gái từ 17 đến 25 tuổi, gầy guộc, xanh xao, ốm lả, kéo lê đôi guốc cao gót, bước chập chững trên đoạn đường đã bị đạn giặc liên tục cày xới khắp nơi. Quan sát kỹ y phục, thấy tất cả đều mặc áo dài đen tuy cái nóng ban ngày ở thung lũng luôn ở trên 37⁰C, quần cũng một màu như áo, gấu brô-đê, tay xách một cái túi hoặc vali nhỏ, giữa đường sê của hai tà áo dài lộ màu áo trắng gấu cũng brô-đê, một thời trang của vùng tạm chiếm thời đó. Một số chị em đi sát vào chỗ bộ đội ta, nét mặt hớn hở vui mừng thật sự với nụ cười sung sướng, có tiếng hô của nhiều chị em: “*Chúng em xin hàng các anh!*”. Tôi nói: “*Chúng tôi có đánh các chị đâu mà các chị hàng? Các chị cứ đi đi!*”. Những tiếng nấc nghẹn ngào với những giọt nước mắt lăn chã rơi trên gò má đã ướt đẫm. Nhiều chị em đã quay đi, úp mặt vào bàn tay mà khóc nức nở, khóc thành tiếng...

Đoàn tù binh cứ nườm nượp chảy về phía đồi Đ ngày càng nhiều, càng gấp gáp khi bóng chiều xuống dần giữa bầu không khí oi ả của thung lũng Điện Biên. Khác với mấy tên lính lực lưỡng da đen nhầy, vai đeo ba lô căn phòng, nặng trĩu theo sau Bộ chỉ huy Pháp (ba lô nhiều nhu yếu phẩm), đoàn tù binh tiếp theo chỉ mang trên mình bộ quần áo lấm láp bết dính mồ hôi, thỉnh thoảng mới có một tên mang theo chiếc mũ vải rộng vành. Cũng có thể là lượng dự trữ lương thực đã

cạn, hoặc do vôi vã thoát ra khỏi cái lò lửa của pháo đạn ta mà chúng chỉ đi tay không cốt sao cho nhanh, nhưng cũng có một vài tên có “ý thức lo xa” đã chuẩn bị từ bao giờ chẳng biết cái ống bơ, vỏ hộp sâu sắn dây thép đeo lưng lẳng ở cổ tay. Có mấy tốp đã hô vang: “*Hoan hô Việt Minh! Các ông đã cứu chúng tôi! Cảm ơn!...*”. Tôi nói với họ: “*Chú ý đề phòng mìn của các anh! Đừng dẫm vào lè cỏ ở hai bên đường!*”.

Số lính bị thương, ốm cũng cố lết đi trong đoàn người, một số chống gậy, có tên chống một nạng, có tên hai nạng gỗ, có tên do hai thằng bạn sức nách cùng đi. Có mấy chiếc cáng cũng đi lẫn trong hàng người chật chội, trên cán là những tên bị băng bó suốt từ đầu đến chân một màu trắng toát, rên ư ử, đung đưa, rung giật theo nhịp bước của những tên khiêng cán. Hình như bọn này mới qua ca mổ gần đây nhất, ca mổ cứu chữa cho những tên trong mũi tiến công phản kích sáng nay hòng cứu vãn tình hình sau khi bị mất đồi A1.

Đi tiếp sau là đoàn của ngũ binh, bọn này được đưa lên đây chỉ là để làm tạp vụ, phục dịch cho đội quân lê dương đã từng có tấm tiếng của một “thời chiến tích” nhiều tiếng hô thực sự vui mừng hơn hờ: “*Hoan hô các anh đã giải phóng cho chúng em!*”.

Không rõ Bộ chỉ huy Pháp có cử sĩ quan đặc trách việc tổ chức điều chỉnh đội hình, theo phân loại hay không nhưng căn cứ theo đội ngũ tù binh thì rất rõ sự cách biệt của từng tốp, từng đoàn và sau cái lộn xộn, ùn tắc ở bờ tây cầu Mường Thanh xuất hiện một trật tự mới tương đối tốt ở bên bờ phía đông.

Trời sập tối, cái chấm cuối cùng của khúc đuôi duy nhất, do các khúc đuôi rải rác hòa nhập lại, cũng từ từ trườn qua cầu Mường Thanh giữa một khoảng không gian bao la bỗng nhiên tĩnh lặng lạ thường...

24. Người chiến sĩ quay phim chiến dịch Điện Biên Phủ / Ngọc Quỳnh: kê; Đ.T.T. Phúc: ghi // Cựu chiến binh Việt Nam. – 2004. – Ngày 7 tháng 5. – Tr.5.

NSND Ngọc Quỳnh sinh năm 1932 tại Thanh Hóa. Là người đã tham gia quay những thước phim đầu tiên chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử. Nhân dịp kỷ niệm 50 năm, ông kể về những ngày chung lưng đấu cật cùng bộ đội ghi lại những hình ảnh quý giá ấy.

Trước chiến dịch, Ngọc Quỳnh và các phóng viên nhiếp ảnh quân đội được điều động về đội làm phim chiến trường gồm 4 người do đồng chí Tiến Lợi làm đội trưởng và quay phim chính. Ngọc Quỳnh và Tiến Lục phó quay phim. Nguyễn Sinh (người dân tộc) quản lý máy móc, đạo cụ. Đội làm phim đi theo Đại đoàn Quân Tiên phong (F.308), lúc này đang luyện tập công đồn diệt viện, với những địa hình, địa vật rất phức tạp, có nhiều giả định tình huống được đặt ra, đòi hỏi

trình độ tác chiến, chỉ huy xử lý tình huống và hợp đồng bộ đội phải thật điêu luyện. Cảnh quay phim đoán già đoán non: “sắp có đánh lớn đây”. Tháng 1-1954 đội làm phim được lệnh hành quân lên Tây Bắc, hơn tháng trời đêm đi ngày nghỉ, vượt suối băng rừng, vượt đèo leo dốc vô cùng gian khổ thiếu thốn, trên đường hành quân máy bay địch đánh phá rất ác liệt, nhất là 9 km đèo Lũng Lô và 32 km đường đèo Pha Đin.

Vào chiến dịch, đội làm phim được cấp tờ công lệnh đặc biệt, được phép đi đến tất cả các đơn vị, càng nhiều càng tốt. Đến đơn vị nào cũng được đón tiếp nồng nhiệt bởi đông đảo cán bộ chiến sĩ. Hồi ấy đã mấy ai nhìn thấy chiếc máy quay phim ra sao! Đội chỉ có duy nhất chiếc máy quay Pay-a-pô-lếch 16 ly của Thụy Sĩ, không phải là mấy nhà nghề. Gay go nhất là phim, nguồn phim được mua ở vùng tạm chiếm Hà Nội, Hải Phòng rồi bí mật chuyển ra vùng kháng chiến. Đưa được những thước phim ra ngoài cũng là một kỳ tích. Đội được cấp 30 hộp phim khoảng 900 mét (sau này Ngọc Quỳnh còn được cử ra ATK 2 lần để xin thêm phim, tổng cộng 2000 mét). Với số lượng phim ít ỏi như vậy nên Đội quý phim như máu thịt của chính mình. Thử hình dung: cả một chiến dịch lớn như vậy chỉ có 2 đội làm phim. Đội ở trung tuyến cho Hồng Nghi, Nguyễn Thụ, Phụ Cán, Đãng Bẫy, Như Ai quay những cảnh trung tuyến, đội của Ngọc Quỳnh ở tiền tuyến nếu chẳng may hy sinh hết hoặc máy móc, phim ảnh trục trặc thì một phần chiến dịch sẽ không được ghi lại bằng hình ảnh thật. Thông thường muốn được 1 thước phim phải quay 3 thước, nay họ chỉ cho phép được quay một ăn một.

Ngày 13/3/1954 chiến dịch mở màn thì đội làm phim cũng bắt đầu bám máy. Để có một cảnh quay họ thay nhau nhảy lên chiến hào lia ống kính về nơi bộ đội ta chuẩn bị xung phong, bom đạn giặc bắn như vãi châu về phía quân ta, ống kính chĩa về trận địa giặc quay cảnh binh lính địch theo sau xe tăng phẫn xung phong.

Trên miệng hào, Tiến Lợi vẫn vững vàng tay máy, số còn lại, người giữ chân người làm điểm tựa để tay máy anh thêm chắc. Tiến Lợi rất bình tĩnh, lúc lia sang trái quay cảnh giặc tháo chạy lúc lia sang phải, chĩa ống kính lên trời quay cảnh máy bay giặc thả pháo sáng, người cầm máy cứ dán mắt vào ống kính không quan sát xung quanh được, nói đại: Giá lúc ấy có 1 băng đạn bắn vào chắc chắn sẽ hy sinh hết. Trong quá trình diễn biến của chiến dịch, ngoài nhiệm vụ quay phim Ngọc Quỳnh còn đảm nhiệm phần việc “trình sát, tiền trạm” sau mỗi trận đánh. Đó là tìm nơi đặt máy, có phương án tác chiến rõ ràng như khi đang quay ở các chốt tiền tiêu, nếu địch đánh ra thì xử lý ra sao, đường nào tiến, đường nào thoái, máy móc bảo vệ ra sao? Chiến dịch kéo dài và ác liệt, địch giằng co nhiều ngày liên tục, đồ đạc, máy móc của đội làm phim lĩnh kinh rất nguy hiểm,... Song với lòng căm thù giặc, hàng ngày chứng kiến gương chiến đấu hy sinh vô cùng

dũng cảm của bộ đội ta đã giúp họ tăng thêm nghị lực vượt mọi khó khăn, thiếu thốn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Suốt 56 ngày đêm không rời máy quay, những thước phim vô cùng quý giá, nhưng ai cũng thấp thỏm lo lắng bởi không ai dám chắc là những thước phim kia “trọn vẹn – đầy đủ”. Sau ngày chiến thắng, hai đội làm phim đã gặp nhau, cùng ở lại lòng chảo Mường Thanh 2 tháng nữa để hoàn thành phần kết của bộ phim như trao trả tù binh. Cảnh bộ đội và nhân dân các dân tộc Điện Biên dọn chiến trường liên hoan mừng chiến thắng... Và đến khi giải phóng thủ đô Hà Nội, bộ phim “Chiến thắng Điện Biên Phủ” chính thức ra mắt đã được đón nhận nồng nhiệt.

25. NGUYỄN NAM KHÁNH. Bỏ bỏ lúa lấy chòi bắp / Nguyễn Nam Khánh¹⁰; Nguyên Vũ: ghi // Sự kiện & Nhân chứng. – 2004. – Số 122. – Tr. 36-37

Trong kế hoạch chiến lược Thu-Đông năm 1953 và mùa Xuân năm 1954, tướng Na-va, tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương xác định: giữ thế phòng ngự ở miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược ở miền Nam, đặc biệt là tiến công bằng nhằm chiếm đóng vùng tự do khu 5 - một vùng quan trọng về kinh tế, chính trị và chiến lược của lực lượng Việt Minh. Vì vậy, Na-va tập trung ở đây khá đông lực lượng cơ động gồm 6 binh đoàn: binh đoàn số 10 vừa từ Pháp sang; binh đoàn số 100 vừa từ Triều Tiên về; binh đoàn số 11 từ Bình Trị Thiên vào; binh đoàn 21 từ Nam Bộ ra; hợp cùng các binh đoàn số 41, 42 và một tiểu đoàn độc lập đã có mặt ở các chiến trường Nam Trung Bộ từ trước. Mục đích của việc tập hợp này là mở một cuộc hành quân mang tên Át-lăng để phòng ngừa một hiểm họa lớn mà dễ dàng oanh tạc Điện Biên Phủ.

Tháng 12 năm 1953, Na-va quyết định tiếp nhận cuộc giao chiến với ta ở Điện Biên Phủ bằng bất cứ giá nào. Vào ngày 6-12-1953, Bộ Chính trị họp nghe Tổng quân ủy báo cáo quyết tâm tiến công Điện Biên Phủ, tranh thủ từng giờ, từng phút, anh Nguyễn Chánh, Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu 5 làm việc với Tổng cục Chính trị, Cục tác chiến, Cục quân báo Bộ Tổng tham mưu nắm thêm tình hình, nhiệm vụ và lên đường trở lại liên khu vào những ngày cuối tháng 11 lạnh thấu xương.

Cán bộ chủ chốt của liên khu được triệu tập làm việc dưới sự điều khiển của Tham mưu trưởng. Anh Nguyễn Chánh quyết định tập trung lực lượng lên hướng Tây Nguyên mặc dù địch đang ráo riết một cuộc hành quân đánh chiếm vùng tự do. Nhiều người do dự, có người còn tự hỏi: Lẽ nào bỏ “bò thóc” để lấy “chòi

¹⁰ Thượng tướng Nguyễn Nam Khánh

bấp”? Anh Nguyễn Chánh nhấn mạnh: “Bảo vệ vùng tự do bằng biện pháp đối đầu lúc này chẳng khác nào húc đầu vào chỗ mạnh, là trúng âm mưu địch, đánh vào cách đánh của địch, trong khi ta có cách bắt địch phải theo cách của ta”. Khi đội hình chiến dịch của chúng tôi đến vùng tây Quảng Ngãi thì địch đánh ra Phú Yên, mở đầu bước 1 của cuộc hành quân Át-lăng, anh Nguyễn Chánh hạ lệnh dừng cuộc hành quân lại và cho gọi chúng tôi tới gặp anh. Lúc này trong đơn vị lại rộn lên tiếng nhỏ to bàn tán, câu chua chát có mùi châm biếm lại được dịp bung ra “bỏ bỏ lúa đổi lấy chòi bấp cũng chẳng còn hi vọng, mất cả chì lẫn chài rồi!”. Anh chờ sẵn chúng tôi và vào việc luôn: “Bộ Tư lệnh đã tính tới tình huống này. Trước mắt tiểu đoàn 365 thôi làm nhiệm vụ dự bị chiến dịch, khẩn trương vào ngay Phú Yên với tiểu đoàn độc lập 375 trực thuộc liên khu đã vào trước triển khai kế hoạch phối hợp với các lực lượng vũ trang tại chỗ tiêu diệt hệ thống đồn bốt địch mới thành lập, uy hiếp địch phía sau lưng theo đường 1 rồi đánh ra Bình Định. Trận mở màn sắp tới của ta sẽ không còn lực lượng dự bị, sẽ khó khăn, nhưng ta có thêm lực lượng tăng viện cho Phú Yên để làm chậm tốc độ hành quân của địch”. Rồi anh động viên chúng tôi “ráng lên nhé”. Đến nửa đường chúng tôi được lệnh gọi lại bàn thêm, chưa đầy một tiếng đã có hai hội nghị. Anh Chánh khá sôi nổi: Kế hoạch tấn công cụm phòng ngự tây bắc Kon Tum phải thay đổi, không theo kiểu cuốn chiếu nữa mà trong một đêm phải đồng thời tiến công cả ba cứ điểm, như thế mới đủ mạnh uy hiếp thị xã Kon Tum, buộc địch đưa quân từ Phú Yên lên tăng viện, vừa giám áp với Phú Yên, vừa có điều kiện đánh quân viện. Như thế là một mũi tên ta đánh vào hai đích.

Mãng Đen là cứ điểm kiên cố nhất, là cái xương sống của cụm cứ điểm đông bắc Kon Tum của địch. Trận tiến công do 2 tiểu đoàn 19 và 79 của trung đoàn 108 đảm nhận đã diễn ra ác liệt. Anh Chánh quyết định: Chính diện bị chặn lại thì tìm chỗ yếu của địch mà đánh và phải hoàn thành trước khi trời sáng.

Trời sáng dần, sự bất lợi đang tới gần như nhắc mỗi người hãy ráng lên. Có mũi tấn công anh em phải dùng trang trải trên bờ rào gai làm đệm trườn vào. Hai hướng phía sau và hướng chính diện xông thẳng vào lô cốt đánh bộc phá, binh sĩ địch hoảng hốt giơ tay hàng. Trận đánh kết thúc vào 7 giờ sáng ngày 28-11. Ta thu toàn bộ vũ khí, bắt sống 240 tên địch.

Sự quyết đoán của anh Chánh lại thể hiện một lần nữa khi tiến vào Kon Tum. Trung đoàn 803 được giao nhiệm vụ tiến công cứ điểm Đắc Đoạ. Địch bắn chặn quyết liệt. Những hàng rào kẽm quá dày, bộc phá của ta thì đã hết. Trước tình hình đó, chính ủy kiêm bí thư Đảng ủy trung đoàn 803 báo cáo Bộ chỉ huy chiến dịch xin rút bộ đội ra củng cố, để một bộ phận nhỏ bao vây tới hôm sau đánh tiếp. Ngay sau đó chuông điện thoại reo. Anh Phan Hàm cầm ống nghe. Từ đầu dây bên kia, giọng anh Chánh nghiêm khắc ra lệnh: “Chuyển chính ủy về phía sau

nhận công tác khác; Trung đoàn trưởng kiêm bí thư Đảng ủy tiếp tục lãnh đạo bộ đội chiến đấu giành bằng được thắng lợi trong đêm nay”. Chúng tôi khẩn trương xốc lại đội hình, đưa lực lượng dự bị vào tiếp sức và tăng cường tiến công ở các hướng. Đúng 6 giờ sáng ngày 18-2-1954, trận đánh kết thúc thắng lợi. Hai đại đội địch ở binh đoàn cơ động 100 bị tiêu diệt.

Trận thắng Đắc Đoạ đã tạo được áp lực đủ mạnh vào cụm phòng thủ thị xã Plây-cu, buộc địch không dám rút lực lượng ra để chuyển sang tái chiếm thị xã Kon Tum. Ta có thời gian mà chấn chỉnh đội hình, phát triển thêm lực lượng như thành lập thêm trung đoàn 96, tiểu đoàn độc lập 375 phục vụ bước phát triển sau của chiến dịch. Sau khi giải phóng Kon Tum, chiến dịch Tây Nguyên chuyển sang giai đoạn 2, trực tiếp đối đầu với hai cuộc hành quân Át-lăng của địch trên đất Tây Nguyên. Từ tháng 3, trên mặt trận đường 19, anh Nguyễn Chánh sử dụng 3 trung đoàn: 96, 108, 120 làm nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch, kiểm chế không cho các binh đoàn cơ động đứng trên ở Plây-cu, An Khê tiến xuống Quy Nhơn hợp điểm. Trên đường 19, cuộc đọ sức của ta và địch diễn ra khẩn trương, sôi động. Mặc dù địch đã tung ra 3 binh đoàn cơ động là: 11, 12 và 100 cố mở thông đường nhưng trong suốt đợt hai của chiến dịch, tuyến đường quan trọng này vẫn thường xuyên bị ta cắt đứt và uy hiếp mạnh.

Câu hỏi đặt ra với vị Tư lệnh kiêm Chính ủy lúc này là: Nếu 3 binh đoàn cơ động cánh quân phía tây theo đường 19 tiến xuống, cùng 2 binh đoàn cơ động 41, 42 từ Phú Yên theo quốc lộ 1 đánh ra, cánh quân từ biển đánh vào hợp điểm tại Quy Nhơn thì bước tiếp theo sẽ làm gì? Chắc chắn là chúng đánh thọc ra Quảng Ngãi - mục tiêu đợt 3 của cuộc hành quân Át-lăng. Vì vậy, việc cần thiết là phải có một trận đánh thật đau, phải thủ tiêu khả năng hợp điểm Quy Nhơn của địch. Anh Nguyễn Chánh xoáy sâu vào cứ điểm Thượng An và biết rằng địch ở Thượng An đang hoang mang như rấn mất đầu do tên tiểu đoàn trưởng chỉ huy cứ điểm bị mất tích trong trận phục kích của ta đêm hôm trước. Nếu so sánh lợi thế về lực lượng, lúc này ta một địch hai, nên sẽ xảy ra những tranh luận: đánh tiêu diệt toàn bộ đội hình rút lui của địch hay chặn đầu, chặn giữa hay hình thức diệt đuôi.

1 giờ 30 sáng ngày 24, Tư lệnh kiêm Chính ủy Nguyễn Chánh điện hỏa tốc, lệnh cho trung đoàn trưởng trung đoàn 96 Nguyễn Minh Châu phải kiên quyết tiêu diệt toàn bộ quân địch rút chạy khi ta đang dành thế thắng. Khu vực bày trận phục kích của ta là đoạn đường cầu Đắc Pơ, một khúc cua khá tai ác. Lên cao nguyên qua đường 19 đến đoạn này từ phía Kà Tung, hết dốc đã tụt xuống ngay một cầu nhỏ, bắc qua con suối hẹp gấp khúc chữ chi, rồi lại bắt đầu gấp khúc nối tiếp ngay vào một con đường nhiều mỏm đá nhô ra bám sát đường rất thuận lợi cho việc chặn đầu và bám đuôi của một trận phục kích. Địch biết thế hiểm ấy nhưng không thể nào tránh được. Muốn rút về Plây-cu vì ở hướng đó đang có binh

đoàn cơ động 42 xuống ngã ba Plây-Bông đón sẵn, nhưng chúng đã không gặp được nhau vì binh đoàn cơ động 100 và những đơn vị cùng rút ngày 24-6-1954 đã bị trung đoàn 96 xóa sổ. Sau trận đánh trung đoàn trưởng Nguyễn Minh Châu cùng các cơ quan tham mưu trung đoàn đi quan sát toàn bộ trận địa từ khu vực chặn đầu đến đoạn địch co cụm, đếm được 375 xe và các loại vừa bị cháy, hư hỏng còn nằm ngổn ngang trên mặt đường. Địch thiệt mạng 500 tên, bị thương chừng 600 tên, bị bắt sống 800 tên trong đó có cả tên quan năm chỉ huy Ba-ru.

Tham vọng về cuộc hành binh Át-lăng của Na-va quả là lớn, nó chứa được nhiều tính toán âm mưu không chỉ khoanh trong địa bàn khu 5 mà rộng hơn là cả miền Trung và Nam Đông Dương, để dễ bề nuốt chửng ta ở Điện Biên Phủ. Nhưng giấc mộng của Na-va đã tan thành mây khói. So sánh lực lượng ở cuộc đối đầu này, ta 1 địch 4 (ta 10 tiểu đoàn, địch 40 tiểu đoàn). Về trang bị, vũ khí thì khoảng cách còn xa hơn nhiều. Nhưng chỉ trong 200 ngày đêm liên tục chiến đấu, từ ngày 26-1-1954 đến ngày 17-7-1954, quân dân Nam Trung bộ đã tiêu diệt 28.771 tên địch, thu 7.592 súng các loại (trong đó 30 khẩu pháo, 121 trọng liên, 1852 trung liên, 92 súng cối), 400 tấn đạn, 2400 viên đạn pháo, cối, 273 xe các loại; phá hủy 70 tấn và 8 kho đạn, 8 đầu máy và 57 toa xe lửa, 854 xe cơ giới, 6 máy bay, đốt cháy 6 triệu lít xăng và 7 kho xăng, san bằng 182 đồn bốt, tháp canh từ tiểu đội đến tiểu đoàn, giải phóng toàn bộ Kon Tum, đại bộ phận tỉnh Gia Lai, nhiều vùng đông dân ở Tây Nguyên và các tỉnh tạm chiếm ở đồng bằng ven biển. Quan trọng nữa là góp phần đánh gục tinh thần địch để bắt chúng phải nói lời trắng trời cuối cùng trước Điện Biên. Tư tưởng chỉ đạo “*Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, dám quyết đoán, đánh nơi địch sơ hở*” đã được anh Nguyễn Chánh quán xuyên suốt từ đầu đến cuối trên các hướng, các mũi chiến của địch. Sự điều hành nhạy bén sắc sảo, kiên quyết mà linh hoạt, chặt chẽ của anh đã tạo cho cấp dưới phát huy tính năng động và sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ nhưng cũng nhắc nhở chúng tôi phải có tinh thần trách nhiệm thật cao khi chọn lựa mục tiêu sau khi hạ quyết tâm điều hành chỉ huy chiến đấu. Nhưng thật tiếc, năm 1957, anh qua đời vì một cơn bệnh cấp giữa tuổi 43 khi đang giữ chức chủ nhiệm Tổng cục cán bộ Quân đội. Nhân dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại, xin được thắp nén nhang và được mãi cúi mình trước anh, người anh cả của lực lượng vũ trang Liên khu 5, người đã “bỏ bò thóc đổi lấy chày bấp” kịp thời và đúng đắn.

26. NGUYỄN PHÚC THÀNH. Lá cờ của Bác / Nguyễn Phúc Thành¹¹ // Sự kiện & Nhân chứng. – 2004. – Số 123. – Tr.8-9

¹¹ Theo chuyện kể của đồng chí Trần Ngọc Doãn Sư đoàn 312

...“Chiều hôm ấy, được lệnh xuất kích đánh đòi Độc Lập, chúng tôi vô cùng phấn khởi. Tôi (lúc đó là tiểu đội trưởng) và tất cả các đồng chí trong tiểu đội chuẩn bị kỹ vũ khí. Đồng chí Thiêm sửa lại cán cờ và xem kỹ lại lá cờ “quyết chiến, quyết thắng” của Bác mà chúng tôi được vinh dự nhận nó để cắm lên sở chỉ huy địch trong trận này. Hôm được nhận cờ, chúng tôi cử đồng chí Các lấy giấy gói lá cờ thật cẩn thận, đặt ngay ở chỗ cao, trang trọng nhất trong hầm. Tiểu đội làm mọi việc lao động và phân công cho đồng chí Thiêm vót một chiếc cán cờ thật đẹp. Khi Thiêm lấy một đoạn tre già, bở ra vóc ván cờ, ai đi qua cũng góp ý kiến. Hôm ấy, Thiêm thay mặt tiểu đội hứa sẽ cầm cờ đi đầu và quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Và Thiêm đã làm đúng như lời hứa. Tôi vẫn nhớ lúc chuẩn bị xuất kích, Thiêm ngồi tựa lưng vào hào giao thông gỡ lá cờ ra, vuốt lại. Còn Lập thì cởi sợi dây dù buộc mũ đưa cho Thiêm. Theo ý Lập, buộc cờ bằng dây dù, đến lúc cần phát, giật ra dễ hơn. Toàn tiểu đội thỉnh thoảng lại đưa mắt về lá cờ. Đồng chí nào cũng thấy lòng mình rạo rức khi thấy màu cờ đỏ thắm, nổi bật dòng chữ “quyết chiến, quyết thắng” vàng chói và những tua vàng óng ánh xung quanh...

Lệnh xuất kích, tôi đi đầu, Thiêm cầm cờ đi thứ hai, lúc ấy cờ vẫn cuộn nhưng đã được giơ cao lên. Ra đến hào giao thông, đã thấy đồng chí chính trị viên đại đội, ban chỉ huy tiểu đoàn và đồng chí chính ủy trung đoàn đã chờ sẵn ở đó. Anh em các đơn vị chung quanh, ai nhìn thấy cờ đều hoan hô nhiệt liệt. Đồng chí Vị, chính trị viên đại đội, cất tiếng nói lớn: “Các đồng chí hãy làm tròn nhiệm vụ, cắm một cái đinh vào giữa tim kẻ địch, giành thắng cho đơn vị. Đảng hết sức tin tưởng ở các đồng chí”. Mọi người lần lượt nắm tay và ôm hôn chúng tôi, làm cho chúng tôi càng thêm náo nức, chỉ muốn xông thật nhanh lên đồn địch. Đồng chí Các - tiểu đội phó, kiêm tổ trưởng Đảng - thay mặt anh em, hứa: “Chúng tôi quyết hy sinh đến giọt máu cuối cùng, người trước ngã, người sau lên, không để cờ rời khỏi tay một phút, quyết cắm lên sở chỉ huy địch”. Lập và Tùy cũng nói tiếp theo: “Chúng tôi quyết chiến thắng...”

Chúng tôi ra vị trí xung phong phải ngồi chờ lâu lắm, mãi đến hai giờ sáng mới thấy quân ta dồn dập nổ súng. Đại bác của địch không ngớt bắn xung quanh chúng tôi, hai quả trúng ở mép hào ở cuối tiểu đội, đất sứt vùi lấp đồng chí Ý, đồng chí Duyên. Nhưng các đồng chí ấy vùng dậy ngay. Chúng tôi lau lại súng và áp súng vào người che cho kín. Đất đá cứ liên tiếp bắn xuống lưng chúng tôi. Càng ngồi càng thấy tin tưởng ở sự lãnh đạo của cấp trên đối với việc làm công sự. Bỗng sau một tiếng bộc phá rung đất, có tiếng thét lớn: “Xung kích chuẩn bị”. Chúng tôi chồm dậy vội vã xem lại súng, thít chặt dây lưng, soát lại lựu đạn, thủ pháo. Hai mươi năm tiếng nổ liên tiếp choáng tai. Chớp bộc phá nhoang nhoang, bóng các chiến sĩ bộc phá lao lên, vụt xuống liên tiếp nối nhau trong ánh chớp. Sắp tới giờ xung phong đồng chí Các nói rất to: “Chúng ta giữ vững quyết tâm,

giữ vững lời hứa với Đảng, với Bác Hồ kính yêu của chúng ta”. Hai phát pháo hiệu đỏ vọt lên trời sáng rực. Chúng tôi nhất loạt nhảy khỏi hào giao thông. Tiếng đồng chí Các lại vang lên: “Thêm, mở cờ ra!”. Đồng chí Chành - ở trung đội bộc phá, chạy trước chỉ cho chúng tôi cửa mở đã được đánh dấu bằng vệt vãi trắng. Tôi lao nhanh qua, quần vương phải một đầu dây thép gai rách toạc, kéo luôn người tôi ngã xuống. Thêm vọt lên trước, theo sau là Nhị, Viên, Lập. Một chùm đại bác địch nổ ngay ở cửa mở, khói mù mịt. Chúng tôi mới chạy được một quãng ngắn đã phải nằm cả lại. Ngay lúc đó, Các bị thương vào tay, vào đầu. Mậu bị thương vào ngực, vào mắt. Tiến, Duyên, Ý bị nặng, phải nằm lại. Chúng tôi tổ chức xung phong tiếp. Đại bắt địch lại nổ liền mấy chùm. Hỏa lực đan dày ở cửa mở, nhưng chúng tôi khom người vừa chạy vừa hét: “Cờ đã nhuộm máu đồng đội chúng ta rồi! Chúng ta quyết thắng! Tiến lên!”.

Cả tiểu đội chúng tôi lọt qua lưới lửa của địch, tiến lên một mỏm cao trong đồn địch. Thêm vẫn phát cờ làm chuẩn, một tổ tự động dàn bên phải thành hình tam giác rất nhanh. Tiếng Các vẫn lạnh lạnh: “Giữ vững quyết tâm! Giữ vững quyết tâm!”. Lại một tràng đạn cối của địch dội đến. Thêm ngã vật xuống. Viên lao tới cầm cờ tiếp tục phát lên. Tôi lợi dụng pháo sáng của địch để quan sát tình hình. Thì ra khi chúng tôi tiến vào, địch đã bỏ chạy cả, không có súng bắn thẳng nữa. Tôi hạ lệnh: “Bí mật phát triển”. Lúc ấy tiểu đội tôi chỉ còn 8 người. Chúng tôi men theo hào giao thông tiến thêm một đoạn khá dài thì bắt được hai tên lính ngụy. Tôi cho một tên về phía sau, còn bắt một tên dẫn đường. Lại một loạt đạn cối nổ trúng chỗ chúng tôi. Viên ngã. Lá cờ chưa kịp ngã xuống Lập đã đỡ lấy ngay. Lúc ấy Thêm đã bị thương hai lần, nhưng vẫn dẫn đầu. Chúng tôi lướt nhanh, vượt qua hết các hầm nhỏ, không để xem đơn vị sau tiến đến đâu và đang làm gì. Thêm báo cáo: “Có cái hầm to”. Chúng tôi ném vào đó một loạt thủ pháo, lựu đạn. Trong hầm, địch kêu hoảng loạn. Chúng tôi bồi thêm hai quả thủ pháo nữa rồi đánh sọc sâu vào trong. Thấy có mấy cái ụ cao, tôi hạ lệnh dừng lại. Lập đến quan sát, thấy đúng là trận địa súng cối 120 ly của địch, lập tức tôi phân công hai người một ụ, chúng tôi đánh cả hai đợt trúng cả tám ụ. Địch chết bốn tên, còn lại bỏ chạy. Lập trao ngay lá cờ cho Thêm. Thêm đón lấy, nhảy lên mỏm cao nhất, giương lá cờ phát tới tấp báo tin nhiệm vụ thọc sâu đã hoàn thành. Nhưng đó chỉ là mới đến đích. Chúng tôi còn phải tiếp tục tiêu diệt sinh lực địch. Bọn chúng đang còn xả đạn về phía chúng tôi. Tôi hỏi ngay tên lính ngụy: “Hầm thẳng quan Tư đâu?”. Hắn líu lưỡi đáp vội: “Dạ, dạ! Em biết! Em biết! Em xin dẫn các anh đến”. Hắn đưa chúng tôi đến hầm tên quan Tư. Địch ở trong ném lựu đạn ra tới tấp. Các lại bị thương lần thứ ba, nhưng vẫn động viên anh em quyết chiến đấu đến cùng. Chúng tôi kêu gọi địch ra hàng, nhưng chúng vẫn ngoan cố chống lại. Chúng tôi lại tiếp tục ném thủ pháo vào hầm. Sau ít phút, chúng chui ra đến hơn

30 tên và cho chúng tôi biết trong hầm vẫn còn đông lắm. Một lát sau, chắc địch đoán được lực lượng của chúng tôi ít, chúng phản xung phong bằng lựu đạn và tiểu liên. Tôi hô: “Xung phong!”. Bọn địch rút vào hầm. Một hỏa điểm cao xuất hiện ngay cạnh đó, trút đạn vào chúng tôi. Thiêm ngã xuống ôm cờ vào ngực. Các nhảy lên nắm vội lấy cờ, giơ cao lên. Cờ lại bay phần phật. Tôi hô: “Quyết tâm chiến đấu để trả thù cho Thiêm” (tôi nghĩ Thiêm đã hy sinh). Địch hô: “A-la-xo!”. Chúng tôi ném cho chúng một chập thủ pháo, lựu đạn nữa. Chúng lại thụt vào, nhưng từ trên cao chúng vẫn trút đạn xuống. Viên bị thương lần thứ ba. Mậu, Lập bị thương lần thứ hai. Các bị thương lần thứ tư, ngã xuống nhưng anh cố lấy hết sức vùng dậy. Tùng nhảy lên cầm cờ. Cờ lúc ấy đã bị cụt cán. Tùng buộc vào đầu súng vừa giơ lên, vừa nói: “Cờ vinh quang, ta không được để rơi một phút”. Tôi có ý định lợi dụng công sự địch, ném lựu đạn vào cửa hầm, giam chúng nó trong đó để chờ đại đội. Các không đi được, nhưng vẫn gắng sức bò đến từng người nói: “Tôi không chiến đấu được nữa, tôi sẽ tiếp đạn cho các đồng chí. Chúng ta quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng!”. Tôi biết Các đau lắm, vì lần thứ tư đồng chí bị thương vào mặt, vào tay. Nhưng, tình thế thật khẩn trương, bụng tôi sôi rôi, không biết nói với đồng chí thế nào chỉ biết tập trung lực lượng để quyết giữ vững cái “đỉnh” ở đây, chờ quân ta phá xong đồn địch mới thôi. Thấy anh em trong tiểu đội đồng chí nào cũng anh dũng chiến đấu, tôi tin tưởng nhất định sẽ hoàn thành nhiệm vụ. Đồng chí Các bò đến bên cạnh tôi, đưa cho tôi hai hòm lựu đạn đã mở sẵn của địch, rồi lại bỏ đi nhặt thủ pháo lựu đạn phân phối cho các anh em khác. Địch trong hầm không ngớt hò hét: “A-la-xô”, nhưng không có tên nào dám thò ra. Riêng tôi đã ném vào đó mười lăm quả trong số lựu đạn đồng chí Các đưa cho tôi. Hầm trên vẫn bắn ra và ném lựu đạn xuống. Tôi bị sức ép của hơi nổ nhiều quá, nên tức ngực, nghẹt thở. Gần sáng trên nền trời ửng hồng, lá cờ vẫn phần phật bay. Tuy đã bị mất một mảng nhưng nhìn phần còn lại nền vẫn đỏ, chữ vẫn đậm vàng rất rõ. Tôi thấy vững dạ và phấn khởi vô cùng.

Độ bảy giờ, tôi thấy đồng chí Tiễn, đại đội phó tiến vào. Tôi mừng quá kêu lên: “Doãn đây! Doãn đây! Hầm tên quan tư đây! Đề nghị anh cho phối hợp đánh ngay”. Trời đổ mưa. Tôi trông thấy cả ba mặt bộ đội ta đều vào được cả. Tôi sướng quá muốn nhảy lên. Thế là chỉ sau mấy phút chúng tôi chiếm được hầm. Nhìn lại, chúng tôi mới thấy mình thọc sâu đến hai phần ba đồn. Xa xa về phía Nam, một đơn vị khác của ta đang bắn ba-đô-ca vào đám xe tăng của địch. Bộ đội ta xung phong tiêu diệt cánh quân địch tiếp viện trên cánh đồng. Trên nóc hầm chỉ huy của địch, tiểu đội tôi thay nhau giơ cao mãi lá cờ cắm trên đầu súng mà vẫn tưởng như thế vẫn chưa đủ cao cho các đơn vị trông thấy. Lá cờ tung bay trước gió. Đến lúc này nó đã truyền qua tay sáu người trong tiểu đội mà bốn đồng chí đã bị thương...”

27. NGUYỄN QUANG BÍCH. Nhiệm vụ trên giao / Nguyễn Quang Bích¹²
// Sự kiện & Nhân chứng. – 2004. – Số 122. – Tr.52-53

Sau khi học xong chương trình chỉ huy cấp đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn pháo cao xạ tại Trường Sĩ quan cao xạ Thẩm Dương (Trung Quốc), đoàn cán bộ chúng tôi về Tân Dương. Tôi nhận nhiệm vụ Trung đoàn phó, các cán bộ cùng học xuống các đơn vị vừa để tăng cường chỉ huy, lãnh đạo, vừa trực tiếp làm giáo viên. Với trình độ kỹ, chiến thuật, tác phong chính quy tốt, các đồng chí mới học đã thúc đẩy đơn vị tiến lên mạnh mẽ.

Đầu tháng 11-1953, tôi được lệnh về Bộ gấp. Cùng đi với tôi còn có đồng chí Nguyễn Mạnh Đan và đồng chí Nguyễn Như Sơn. Sau khi được nghe Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái phổ biến một số điểm chính của Nghị quyết Bộ Chính trị và kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953-1954, chúng tôi được gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Đồng chí Tổng tư lệnh chăm chú lắng nghe chúng tôi báo cáo tình hình học tập của trung đoàn 367, những khó khăn ban đầu và những kết quả đạt được sau những năm tháng huấn luyện quân sự, chính quân, nhất là kết quả hai đợt diễn tập chiến thuật bắn đạn thật. Đại tướng biểu dương những cố gắng của cán bộ, chiến sĩ 367. Với giọng âm áp, Đại tướng giao nhiệm vụ:

- Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Đông Xuân để tạo một thay đổi lớn trong cục diện chiến tranh ở Đông Dương, phá kế hoạch của Na-va... Trong chiến dịch tới, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh đã quyết định đưa lực lượng pháo cao xạ 37 ly vào chiến đấu. Đoàn 367 của các đồng chí phải gấp rút chuẩn bị đưa một bộ phận lực lượng về tham gia chiến dịch. Có làm được không?

Hết sức mừng rỡ, tôi đáp:

- Đoàn 367 chúng tôi xin cố gắng làm tròn nhiệm vụ mà Tổng Quân ủy và Bộ Tổng Tư lệnh giao.

Trước khi tiễn chúng tôi ra về, Đại tướng căn dặn:

- Đúng thời gian quy định, hai tiểu đoàn tham gia đợt đầu chiến dịch phải có mặt ở khu vực tập kết Tuyên Quang. Cần phải giữ bất ngờ về hỏa lực cho chiến dịch. Hành quân phải bảo đảm an toàn. Tới đâu cũng phải đoàn kết tốt với địa phương.

Chúng tôi sang Tổng cục Chính trị, Tổng cục Cung cấp báo cáo tình hình đơn vị và xin ý kiến chỉ đạo. Sau khi chỉ thị cho đơn vị về công tác chính trị tư tưởng trong hành quân, đồng chí Trần Lương, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, nhắc nhở chúng tôi:

¹² Thiếu tướng Nguyễn Quang Bích

- Sửa chữa cầu đường bảo đảm cho xe pháo hành quân, công binh và công nhân giao thông sẽ lo, nhưng bộ đội ta cần lấy sức mình là chính. Các đồng chí phải nghĩ cách “thu nhỏ” xe, pháo lại cho vừa với đường kháng chiến.

Nghe chúng tôi báo cáo hai khó khăn trong công tác bảo đảm là hành quân đường dài, cán pháo hay bị gãy và cung cấp xăng dầu trên đường, đồng chí Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp, nói:

- Các đồng chí yên tâm về lo tổ chức cho đơn vị hành quân, Tổng cục giao cho Quân giới sản xuất cán pháo và sẽ thông báo cho các đơn vị địa điểm các trạm tiếp xăng dọc đường.

Nhận nhiệm vụ xong ra về, chúng tôi thực sự yên tâm về sự chăm lo chu đáo, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ của cấp trên. Tôi phân công đồng chí tham mưu phó Hoàng Hoa Nam và đồng chí Nguyễn Mạnh Đan ngược lên Tuyên Quang chuẩn bị địa điểm trú quân. Ngay đêm đó, tôi cùng đồng chí Nguyễn Như Sơn đạp xe gấp rút trở về Trung đoàn. Trên đường đi, chúng tôi kết hợp nghiên cứu đường hành quân, tìm các địa điểm trú quân dọc đường. Đường xa, vượt lăm dốc nhiều đèo, đi thâu đêm mà tưởng chừng không biết mệt. Nhiệm vụ mới được giao như tiếp thêm sức mạnh mới.

Ngày 24-11, trên pháo trường Tân Dương, lễ xuất quân được tiến hành. Hai tiểu đoàn 383 và 394 đã tề chỉnh đội ngũ trước dãy xe pháo xếp hàng thẳng tắp. Đứng trước hàng quân chính ủy Đoàn Phụng nhắc nhở các đơn vị được về nước tham gia chiến đấu nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh cấp trên, bảo đảm hành quân đến địa điểm tập kết an toàn, bí mật và đúng thời gian. Đồng chí kêu gọi cán bộ, chiến sĩ hãy phát huy truyền thống yêu nước, chí căm thù giặc, biến căm thù thành dũng khí chiến đấu, đạp bằng mọi khó khăn gian khổ.

Trung đoàn trưởng Lê Văn Tri chúc các đơn vị ra quân đánh thắng trận đầu quyết tâm thi đua bắn rơi nhiều máy bay địch, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Là người trực tiếp chỉ huy lực lượng về nước chiến đấu, tôi đón nhận lá cờ “Lập công đầu” của Trung đoàn trưởng giao. Giây phút xúc động, trách nhiệm nặng nề, phía trước đang chờ đón những cán bộ, chiến sĩ Binh chủng Pháo cao xạ trẻ tuổi trong cuộc độ sức đầu tiên với không quân địch.

5 giờ sáng ngày 1-12-1953, chiếc xe kéo pháo cuối cùng đã vào tới khu rừng phía tây bắc thị xã Tuyên Quang. Vừa đúng một tuần lễ, hai tiểu đoàn 383 và 394 đã hành quân đến vị trí tập kết thứ nhất an toàn, bí mật, đúng thời gian quy định.

Chấp hành điện của Bộ, rạng sáng ngày 21-12, tôi cùng đi với đồng chí Phạm Ngọc Mậu, Chính ủy đại đoàn 351 về nhà khách Bộ Tổng Tư lệnh. Khoảng 7 giờ, chúng tôi được gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Phó Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái (thời gian này, đồng chí Văn Tiến Dũng đã được điều về

làm Tổng Tham mưu trưởng, đồng chí Hoàng Văn Thái làm Phó Tổng Tham mưu trưởng). Đại tướng - Tổng tư lệnh thân mật tiếp chúng tôi và trực tiếp giao nhiệm vụ:

- Bộ Chính trị đã thông qua quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Lần đầu ra trận bộ đội lựu pháo và pháo cao xạ của các đồng chí sẽ gặp nhiều khó khăn. Phải dự kiến cho hết để tìm cách vượt qua. Yêu cầu lớn nhất là phải bảo đảm tuyệt đối an toàn và bí mật. Nếu đưa được xe pháo đến đích an toàn, bí mật thì coi như đạt 60% thắng lợi. Chỉ huy cuộc hành quân cơ giới quan trọng này là đồng chí Phạm Ngọc Mậu, chỉ huy phó là hai đồng chí Đào Văn Trương và Nguyễn Quang Bích. Từ hôm nay, lực lượng của trung đoàn 367 phối thuộc đại đoàn 351. Trong hành quân, pháo cao xạ đi cùng lựu pháo có nhiệm vụ bảo vệ lựu pháo.

Đồng chí Hoàng Văn Thái gặp riêng anh Phạm Ngọc Mậu và tôi, chỉ đạo thêm một số việc cụ thể. Chỉ tay lên bản đồ, Phó Tổng tham mưu trưởng nói:

- Đơn vị các đồng chí sẽ hành quân từ Tuyên Quang theo đường 41, đến tập kết ở Tuần Giáo. Đây là con đường rất khó đi, nhiều đoạn hiểm trở. Theo đề nghị của Bộ Quốc phòng, Chính phủ đã giao cho Bộ Giao thông công chính phối hợp với các địa phương và công binh cấp rút mở rộng mặt đường, sửa chữa những cầu hỏng, khôi phục bến phà để bảo đảm cho pháo lớn hành quân. Bộ Tổng tham mưu đã cử một đoàn cán bộ do đồng chí Nguyễn Mạnh Đàn, cán bộ Trung đoàn 367 phụ trách, đi trước trinh sát đường xá, nghiên cứu cụ thể những đoạn cần sửa chữa rồi điện về báo cáo Bộ, đồng thời vẽ sơ đồ chi tiết tình hình mỗi chặng đường gửi lại cho đơn vị cơ giới đi sau. Bộ còn quy định các đơn vị cơ giới chỉ được phép hành quân đêm. Ban ngày giấu quân thật kín. Súng 12,7 ly được bắn trong các trường hợp cần thiết để bảo vệ đội hình quân, trú quân. Pháo cao xạ 37 ly phải sẵn sàng chiến đấu, nhưng chỉ được nổ súng khi có triệu chứng rõ ràng máy bay địch đánh phá đơn vị.

Đồng chí Hoàng Văn Thái nhắc đi nhắc lại vấn đề giữ bí mật, lệnh tuyệt đối không được liên lạc với nhau bằng vô tuyến điện. Trong hành quân, phải triệt để sử dụng ký hiệu, tín hiệu. Khi trú quân dùng điện thoại.

Kết thúc buổi giao nhiệm vụ đồng chí Phó Tổng tham mưu trưởng hạ lệnh: Tôi 24-12 các đơn vị lựu pháo và pháo cao xạ hành quân.

Đường đi chiến dịch đông vui như trẩy hội. Hai bên đường các đơn vị bộ binh rầm rập tiến bước. Từng đoàn dân công, miền xuôi có, miền ngược có, đeo sọt, gồng gánh, đẩy xe đạp thồ, vừa rảo bước vừa cất cao giọng hò, tiếng hát. Trên xe, các chiến sĩ pháo thủ hát vang “chúng ta bước lên đường khi thời cơ đã đến...”.

Mười bảy ngày hành quân vất vả, vượt qua phà Tạ Khoa, đỉnh Lũng Lô, đèo Cò Nòi, dãy núi Pha Đin, sáng sớm ngày 8-1-1954 toàn bộ đội hình hành quân

cơ giới của đại đoàn 351 đã đến Tuần Giáo, khu vực tập kết chiến dịch, bí mật, an toàn. Đơn vị lựu pháo 105 và đoàn pháo cao xạ 37, hai đơn vị anh em thân thiết đều cùng được tặng thưởng Huân chương Chiến công và được Bộ chỉ huy Mặt trận khen “Hành quân cơ giới giỏi”.

Ngày 14-1, chúng tôi dự một hội nghị cán bộ, quân chính cấp trung đoàn, đại đoàn toàn Mặt trận tại hang Thẩm Púa – Sở chỉ huy lâm thời của Bộ chỉ huy chiến dịch. Nhìn đoàn đại biểu đơn vị pháo bằng cặp mắt trù mẩn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói:

- Bộ khen ngợi các đồng chí đã nêu cao truyền thống tốt đẹp của quân đội cách mạng, hoàn thành tốt cuộc hành quân cơ giới đầu tiên từ hậu phương ra tiền tuyến.

Đại tướng - Tổng Tư lệnh trực tiếp phổ biến mục đích, ý nghĩa của chiến dịch Trần Đình, phân tích chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, những thuận lợi, khó khăn của ta và nhận định khả năng quân và dân ta có đủ điều kiện đưa chiến dịch đến toàn thắng. Bên bàn cát lớn đắp toàn cảnh Điện Biên Phủ, sau khi ra nhiệm vụ cho các đại đoàn bộ binh, Đại tướng, Chỉ huy trưởng Mặt trận nói:

- Đại bộ phận lựu pháo và pháo cao xạ sẽ bố trí ở hướng bắc. Phải mở ngay một con đường vắt qua núi để dùng sức người đưa pháo từ đường 41 sang đường Điện Biên Phủ - Lai Châu. Trong một ngày đêm, con đường đó phải hoàn thành.

Thoáng thấy nét băn khoăn của Đoàn cán bộ pháo, Đại tướng ôn tồn bảo:

- Chúng ta chủ trương kéo pháo bằng sức người không phải chúng ta không làm được đường cho xe chạy, mà chính là để giữ bí mật, để giành yếu tố bất ngờ, nhất là bất ngờ về hỏa lực lựu pháo và pháo cao xạ tham chiến. Đại đoàn Việt Bắc và trung đoàn công binh sẽ cấp tốc mở đường. Đại đoàn Bến Tre có nhiệm vụ giúp kéo pháo cho trung đoàn 45 và trung đoàn 367.

Trước khi kết thúc hội nghị, đại diện các đơn vị lần lượt phát biểu quyết tâm. Thay mặt Trung đoàn 367, tôi đứng lên nói trong niềm xúc động:

- Bộ đội pháo cao xạ xin hứa với Bộ chỉ huy chiến dịch: Quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, làm tròn nhiệm vụ bắn rơi máy bay địch.

Đại tướng mỉm cười, hỏi lại:

- Phải hứa cụ thể bắn rơi bao nhiêu chiếc?

Lúng túng giây lát, tôi đáp:

- Báo cáo Đại tướng, chúng tôi quyết tâm bắn rơi nhiều chiếc ạ.

Vẫn nụ cười hiền hậu, Đại tướng gợi ý:

- Có bảo đảm mỗi đại đội pháo cao xạ hạ một máy bay địch không?

Được lời như cởi tấm lòng, tôi mừng rỡ đáp:

- Báo cáo, nhất định được!

Mỗi đại đội sẽ bắn rơi một chiếc hoặc trên một chiếc ạ!

Đại tướng tươi cười siết chặt tay tôi như truyền cả niềm tin vào thắng lợi của chiến dịch.

28. NGUYỄN QUỐC HOÀN. Anh hùng Phan Đình Giót qua lời kể của đồng đội / Nguyễn Quốc Hoàn // Cựu chiến binh Việt Nam. – 2004. – Ngày 5 tháng 6. – Tr.4

Chiến công và tấm gương hy sinh cao cả của liệt sĩ Phan Đình Giót đã được đã đi vào sử sách. Song có những nét dung dị của anh thì phải qua đồng đội kể lại, chúng ta mới thêm hiểu và cảm kích. May mắn tôi được gặp bác Nguyễn Văn Lưu tại ấp Long Đức 1, xã Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nguyên là trung đội phó chỉ huy trực tiếp của Phan Đình Giót. Dù tuổi tác đã ngoài 70, thời gian cũng đã qua nửa thế kỷ vậy mà giờ nhắc lại những kỷ niệm xưa từ sâu thẳm ký ức cứ ào ạt hiện về.

Bác Nguyễn Văn Lưu kể: Chúng tôi cùng ở một trung đội thuộc đại đội 58, đại đoàn 312. Trung đội này do anh Nguyễn Khang làm trung đội trưởng, tôi làm trung đội phó, còn anh Phan Đình Giót là tiểu đội phó.

Trong trung đội 24 anh em, hơn nữa cùng quê “Khu Tư” (anh Giót ở Cẩm Quan, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh) đều nói tiếng “trợ trợ mà dễ nghe” nên chúng tôi rất hiểu tâm tính của nhau. Anh Giót hơn tôi 7 tuổi, hồi ấy anh 30 còn tôi mới 23. Trước khi vào quân đội anh đã có vợ và 1 cháu trai, nhưng được 2 tuổi thì cháu mất. Nhận tin này anh quá bàng hoàng, nhưng được chỉ huy đơn vị gần gũi, đồng viên, đồng đội cùng chia sẻ nên anh cũng nguôi ngoai để dồn tâm trí cho luyện rèn. Anh đã từng đi ở đợ, chăn trâu, chăn bò cho địa chủ để có cơm ăn, áo mặc mà nào có được no cơm, ấm áo. Hôm lên đường vào quân ngũ, vợ anh bị rịn tiền chồng ra đi cứu nước trong chiếc áo màu nâu nhuộm bùn cùng chiếc quần đùi mà không cầm được nước mắt. Còn mẹ anh cầm tay căn dặn: “*Giót ơi Giót, con là đứa con hiếu thảo, con ra đi phải giết được nhiều Tây, gửi tin về cho mẹ, cho vợ và dân làng vui với nhà...*”.

Tính anh hiền lành, chất phác, ít nói nhưng tận tụy với mọi công việc được giao. Do nghèo khổ phải lam lũ nên anh thạo về đan lát. Rổ rá, dầm sàng, thúng, nong lia... anh đều đan được. Chẳng thế mà nhiều người dân nơi đóng quân được anh tặng những sản phẩm bằng nan tre ấy, khen hết lời. Đặc biệt, những nan tre, nứa qua bàn tay của anh tạo nên những chiếc mũ nan vừa chắc, vừa bền lại đẹp. Nhiều người trong đơn vị được anh trang bị, ưng lắm. Chính tôi cũng được anh tặng một chiếc mũ nan như thế để chụp ảnh lưu giữ tới hôm nay. Mỗi lần nhìn ngắm chiếc mũ in dấu bàn tay người tạo ra nó mà như thấy hình ảnh của anh hiện về lòng càng xao xuyến lạ.

Mở đầu trận đánh Him Lam trung đội đánh bộc phá chúng tôi có nhiệm vụ phá toang cửa mở để xung kích xông lên. Nhiệm vụ ấy khá nặng nề và cực kỳ nguy hiểm. Bởi, khi bộc phá nổ, hỏa lực đối phương đều dồn hết về đây. Đồi Him Lam có những 15 lớp hàng rào các loại và chiều sâu tới 80m quét sạch chướng ngại không đơn giản chút nào. Trong quá trình phát triển, anh Khang trung đội trưởng hy sinh, tôi tiếp tục thay thế chỉ huy bộ đội. Tất cả sức mạnh tinh thần, ý chí, quyết tâm đều dồn hết vào đó.

Đạn địch bắn xối xả như mưa rào. Xung kích đang nóng lòng chờ đợi. Trung đội đánh bộc phá người trước ngã, người sau tiến lên, cứ tiếp tục như thế. Phan Đình Giót đánh hết số bộc phá của mình, rồi dùng tiếp số bộc phá của đồng đội đã hy sinh dồn dập tới 10 quả như thế. Bị thương lần thứ nhất, thứ hai rồi thứ ba, cho tới khi ngất lịm. Lúc tỉnh lại vẫn thấy hỏa lực địch bắn như điên loạn về phía quân ta súng cũng đã hết đạn. Làm sao bây giờ? Trong đầu anh chắc nghĩ về câu hỏi ấy. Không thể để đồng đội tiếp tục hy sinh. Tuy đã gần như kiệt sức mất nhiều máu lại dồn dập đánh bộc phá nhưng anh vẫn cố trườn người lên từng tấc một để tránh hỏa lực. Bỗng tiếng súng địch từ lỗ châu mai như chững lại đó là lúc toàn thân anh đã bịt chặt họng súng quân thù chớp thời cơ, xung kích ta ào ạt xông lên phát phát triển chiến đấu tiêu diệt.

Trận đánh kết thúc, chúng tôi tổ chức đưa thi thể anh về phía sau. Toàn thân anh như bầm dập bởi hàng trăm vết đạn và đen nhem vì thuốc súng.

Vào trận, trung đội bộc phá chúng tôi có 24 anh em nhưng sau khi ta đã làm chủ được cứ điểm chỉ còn lại 5 người, mà hầu hết đều bị thương, trong đó có tôi bị hai vết thương vào đùi, vào lưng nhưng vẫn cố bám sát đồng đội chiến đấu đến cùng. Sau khi trận đánh Him Lam vừa kết thúc, tôi được chỉ bộ đại đội 58 tuyên bố kết nạp Đảng tại chiến hào. Liệt sĩ Phan Đình Giót cũng được truy nạp vào Đảng trong giờ phút thiêng liêng ấy. Và sau đó, ngày 2/5/1955 anh được truy tặng danh hiệu cao quý Anh hùng LLVTND.

50 năm đã đi qua những người lính trẻ trung năm xưa đã trở thành lão niên, mái đầu đã điểm màu thời gian. Song, kỷ ức một thời hào hùng như còn đọng lại chẳng hề phai.

29. NGUYỄN THẾ TÍNH. Nhớ trận đánh mở màn năm ấy / Nguyễn Thế Tính // Nhân dân. – 2014. – Ngày 7 tháng 5. – Tr. 3

Những ngày cuối tháng tư, quân và dân ta đang sôi động tổ chức các ngày hoạt các hoạt động Kỷ niệm 60 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, tôi có dịp gặp ông Đinh Văn Nam, nguyên là chiến sĩ Điện Biên Phủ năm xưa quê ở xã Thường Thắng, huyện Hiệp Hòa (Bắc Giang). Bên ấm chè xanh, ôn lại kỷ niệm thời trai trẻ tham gia chiến đấu, ông Nam bồi hồi nhớ lại: Đầu năm 1951, tôi tròn 19 tuổi,

nhập ngũ cùng với hơn 10 anh em trong xã Thường Thắng. Sau đó, tôi chỉ được bổ sung tôi được bổ sung vào Đại đội 241, Tiểu đoàn 11, Trung đoàn 141, Đại đoàn 312.

Tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, đơn vị tôi vinh dự được giao nhiệm vụ đánh trận mở màn, tiêu diệt cứ điểm Him Lam vào đêm 13 tháng 03 năm 1954. Từ 12 giờ trưa hôm ấy, các đơn vị nhận lệnh xuất phát. Từ vị trí đứng chân, theo giao thông hào, bộ đội bí mật tiến vào vị trí xuất phát tiến công. Tiểu đoàn 11 chúng tôi đảm nhiệm đánh mũi chính diện, xung kích đi đầu mở màn trận đánh. Trong đó, mỗi trung đội có một tiểu đội đánh bộc phá, với 12 chiến sĩ. Mỗi chiến sĩ mang một quả bộc phá ống dài 2m, đường kính khoảng 10 đến 15cm để phá hàng rào mở cửa, kèm theo một khẩu súng tiểu liên Tuyn, 3 băng đạn, 4 quả lựu đạn.

Theo thứ tự, tiểu đội đánh bộc phá cắt hàng rào xong thì 2 tiểu đội xung kích tiến lên chiếm giữ cửa mở. Trung đội thứ hai tiếp tục tiến lên phá hàng rào phía trong. Khi phát xong các lớp hàng rào dây thép gai, các chiến sĩ xung kích bảo vệ cửa mở, đánh diệt lô cốt đầu cầu để toàn đơn vị tiến lên, phát triển đánh vào trung tâm trận địa địch. Tôi làm Tiểu đội trưởng Tiểu đội bộc phá, Trung đội 2, Đại đội 241. Vận động qua đoạn giao thông hào trong rừng, bộ đội ta phải vượt qua con suối cạn rộng hàng chục mét, mới tiếp sang đoạn hào vượt qua bãi đất trũng dưới chân đồi để tiến sát vào hàng rào ngoài cùng của cứ điểm địch. Càng vào gần đồn địch, thì giao thông hào càng nông và hẹp, chỉ sâu đến trên đầu gối, mọi người đều phải đi khom.

Khoảng 4 giờ chiều ngày 13 tháng 3, bộ đội ta bí mật chiếm lĩnh xong trận địa. Đúng 5 giờ chiều, pháo binh ra đồng loạt nổ súng bắn dồn dập vào cứ điểm địch, bộ đội ta dồn lên, đại đội đi đầu tiến đến đoạn giao thông hào cuối cùng. Pháo của địch từ Mường Thanh bắn đến, súng cối ở trong căn cứ địch bắn ra; súng máy; súng trường từ lô cốt đầu cầu và chiến hào địch bắn như vãi đạn để chặn đường tiến quân của ta, cho nên một số chiến sĩ của ta hy sinh, bị thương ngay tại chiến hào từ khi chưa nổ súng...

Sẩm tối, bộ binh được lệnh công kích. 3 tiểu đội bộc phá của đại đội tôi đi đầu, một tiểu đội của đại đội tôi xông lên, chỉ phá được 3 lớp hàng rào. Tiểu đội tôi nhận lệnh, 8 chiến sĩ của tiểu đội đã bị thương ngay tại chiến hào. Tôi phân công 2 chiến sĩ xông lên, còn một chiến sĩ lại bị thương. Một mình tôi mang hai quả bộc phá ống tiến lên, đường hào hẹp, các chiến sĩ xung kích nằm xuống, bảo tôi cứ bước lên người họ mà đi. Tôi vừa đi khom, vừa bò trên người các chiến sĩ xung kích để tiến lên. Trong màn đêm mờ mờ, tôi quan sát nhanh thấy chiến sĩ ta hy sinh, bị thương trước cửa mở khá nhiều. Bộ đội ta ở phía sau tập trung bắn yểm trợ quyết liệt. Lúc đó chẳng còn biết sợ là gì, tôi để bớt lại một quả bộc phá ở bờ

chiến hào, nhảy phắt lên khỏi giao thông hào, lúc chạy, lúc bò tránh đạn địch. Từ giao thông nào của ta, đến hàng rào tôi phá có đến 50-70 m. Đặt xong quả bộc phá, giật nụ xòe, tôi chạy lui chừng 20 mét rồi nằm xuống. Quả bộc phá nổ hất tung cái hàng rào “cũi lợn” một khoảng chừng 5-7 m. Mấy chiến sĩ xung kích tiến lên sát tôi, một đồng chí bị mảnh pháo địch cắt mất hẳn bàn tay phải, tôi bảo đồng chí cứ bóp chặt cổ tay không để máu ra lui ngay về chiến hào. Tôi nằm lại cái hố bộc phá đã đánh trước ngay lúc đó, tôi thấy nhói đau ở mông, sờ tay xuống thấy máu chảy, biết mình bị thương nhẹ. Tôi nằm tại chỗ chờ lệnh. Các chiến sĩ bộc phá của đơn vị sau tiếp tục lên phá những hàng rào cuối cùng. Nhiều chiến sĩ tiếp tục ngã xuống trên đường vận động tiến công.

Đến khoảng 10 giờ đêm, bỗng pháo hiệu bay vút lên cao, tiếng hô xung phong của bộ đội ta vang dậy át cả tiếng súng địch. Thê đội hai của Trung đoàn 141, Đại đoàn 312 xung trận. Tôi vùng dậy cùng đồng đội xông thẳng vào căn cứ địch. Trước khí thế áp đảo của quân ta, hàng trăm tên địch còn sống sót lũ lượt kéo nhau ra hàng. Bộ đội ta làm chủ trận địa, chiếm giữ luôn căn cứ Him Lam, trận mở màn chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ toàn thắng.

“Về địa phương, trên mặt trận mới, các cựu chiến binh là chiến sĩ Điện Biên năm xưa trên quê hương Thường Thắng nói riêng, ở huyện Hiệp Hòa (Bắc Giang) nói chung vẫn luôn xứng đáng với truyền thống chiến sĩ Điện Biên Phủ anh hùng”, ông Đinh Văn Nam kết thúc câu chuyện bằng một câu có tính tổng quát như một cán bộ tuyên giáo xã là mọi người cùng cười vui vẻ. Qua chuyện kể, chúng tôi thêm cảm phục về những cựu chiến binh từng tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ năm xưa, góp phần cùng quân và dân ta làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu chấn động địa cầu”.

30. NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH. Các anh như người thân của mình / Nguyễn Thị Ngọc Bích¹³ // Chuyện những người làm nên lịch sử: Hồi ức Điện Biên Phủ 1954 - 2009. – H. : Chính trị Quốc gia, 2009. – Tr. 24.

Cả hai vợ chồng tôi đều có mặt ở Điện Biên Phủ, nhưng phải sau ngày chiến thắng hơn hai tháng mới biết người kia cũng tham gia chiến dịch. Hồi ấy phải tuyệt đối giữ bí mật nên có viết thư cho nhau cũng không nói rõ đang ở đâu. Trên đường ra trận, tôi hỏi anh em thì biết chồng mình ở một đơn vị pháo cao xạ nhưng không rõ anh đang chiến đấu ở mặt trận nào.

Vào trận, khi chăm sóc thương binh thì chẳng có thời gian mà nghĩ về gia đình. Trạm chúng tôi ở gần hỏa tuyến, cứ nghe súng nổ ùng ùng là mọi người

¹³ Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích. Sinh năm 1929 – y tá đội điều trị, Cục Quân y

bảo nhau chuẩn bị để cứu thương rồi. Đây là đội “trọng thương”, anh em bộ đội đưa về người mất chân tay, người thủng ngực, người chấn thương sọ não nặng. Chúng tôi cứu chữa ban đầu, ba ngày sau chuyển các anh về hậu tuyến. Tập trung lo cho các anh mà không kịp biết tên ai, chỉ gọi là số 1, số 2...

Việc đầu tiên khi đón thương binh là lau rửa vết thương. Các anh chiến đấu, người lấm đầy bùn đất. Rồi phân loại ai cần mổ trước, ai cần mổ sau. Đội trưởng suốt ngày trong phòng mổ, y tá bên ngoài phải chủ động mọi việc. Thương binh mệt mỏi, đau đớn, chúng tôi gồm hai y tá và bốn chị dân công cùng nhau chăm sóc để các anh có đủ sức về tuyến sau. Có đồng chí bị thương ở ngực, sau khi gặp đạn ra vẫn bị khó thở không thể nằm ngủ được, mấy chị em tôi phải ngồi trên sàn nửa cho anh ấy ngồi dựa lưng, khi anh thở nhẹ, đều và ngủ được mới đặt anh nằm xuống.

Với những thương binh không tự di chuyển được, chúng tôi phải cắt ống tre để thay bô cho anh em. Một lần, một thương binh bị thương cả hai tay gọi “y tá ơi, cho tôi đi tiểu”, một lúc lại thấy anh ấy than “làm gì mà lâu thế”. Tôi chạy đến xem, hóa ra cô dân công chăm sóc anh còn trẻ, chưa có gia đình, xấu hổ nên không giúp anh ấy được. Tôi giúp anh rồi bảo cô dân công: “Em cứ nghĩ anh ấy là anh ruột của mình, khi người thân ốm thì em phải chăm sóc chứ, đừng ngượng!”.

31. NGUYỄN TUẤN KHANG. Hoa nở trên chiến trường xưa / Nguyễn Tuấn Khang // Phụ nữ Việt Nam. – 2024. – Số Xuân Giáp Thìn. – Tr. 20-21.

Năm nay đã gần 90 tuổi, dù mắt đã mờ, chân đã chậm nhưng ký ức về những ngày tháng “khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt” để làm nên Chiến thắng Điện Biên Phủ “lùng lẩy năm châu, chấn động địa cầu” vẫn không phai nhòa trong tâm trí của bà Mai Thị Thạch, dân công hỏa tuyến trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.



Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích và chồng là ông Nguyễn Văn Vượng, cũng là chiến sĩ Điện Biên Phủ.



Từ lưu của bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Bà Thạch quê gốc ở xã Nga Bạch (huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Trong trí nhớ của bà, khoảng đầu năm 1953, phong trào chi viện cho tiền tuyến ở xã Nga Bạch rầm rộ lắm. Nhà nhà hối hả gom thóc, xay giã, dần, sàng, đóng gạo vào xe thồ để vận chuyển lên Chiến trường Điện Biên Phủ.



Tượng đài Chiến thắng Điện Biên Phủ

Lớn lên giữa lúc nước nhà bị xâm lược, bà Thạch ước bản thân được góp mặt trong đoàn người đang hùng hực khí thế kia. Thế rồi, khi chính quyền có đợt tổng động viên, bà là một trong những người đầu tiên đăng ký tham gia đoàn dân công.

Theo đoàn dân công hỏa tuyến tải lương lên Chiến trường Điện Biên Phủ, bà Thạch phải di chuyển qua nhiều cung đường để tránh sự phát hiện của mật thám và máy bay địch.

“Lúc đó, trong đội dân công, dù đi đâu chúng tôi cũng luôn mang theo một con dao và chiếc xẻng, dùng để phát cây rừng và đào hầm trú ẩn. Mỗi lần đào hầm, chúng tôi phải buộc 2 ống quân lại rồi cho đất vào đó đem đi thật xa để đỡ, tránh bị địch phát hiện. Còn địch thì giăng bẫy ở khắp nơi, phát hiện bất cứ chỗ nào khả nghi là chúng bắn pháo sáng, thả bom”, bà Thạch nhớ lại.

Gian khổ, hiểm nguy là thế nhưng không thể làm cho bà Thạch cùng đồng đội chùn bước. Bởi tất cả đều nghĩ, phía trước là những trận đánh ác liệt, nhiều người bị thương, nhiều người đói lả vì thiếu lương thực, vũ khí và không đủ súng, đạn để công phá đồn giặc, rất cần được chi viện. Tiếng gọi tiền tuyến ấy đã thôi thúc bước chân của những nữ dân quân nhanh hơn, vội vã hơn.

“Đến khi nghe tin chiến dịch thành công, toàn thắng về quân ta, chúng tôi ai cũng vui mừng, có những người không giấu được nước mắt đã bật khóc nức nở”, bà Thạch hồi tưởng.

Dòng chảy thời gian có thể cuốn đi dấu vết chiến tranh nhưng không thể xóa mờ niềm tự hào về những chiến công hiển hách trong cuộc trường chinh chống giặc ngoại xâm.

Với bà Trần Thị Nhĩ (SN 1936, trú tại Tổ 10, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, Điện Biên), một cựu thanh niên xung phong tham gia phục vụ Chiến dịch năm đó, cứ đến thời điểm cận Ngày kỷ niệm Chiến thắng Điện Biên

Phủ, bà Nhĩ lại cảm thấy bồi hồi khi nhớ lại những năm tháng gian khổ nhưng oanh liệt đã qua.

Nhiệm vụ của bà Nhĩ và đồng đội khi ấy là làm đường, vận chuyển gạo và vũ khí phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ. Với khẩu hiệu “thanh niên xung phong có thể hy sinh, nhưng quyết không để huyết mạch giao thông bị tắc”, “không để tắc đường quá 4 tiếng/ngày”, cứ sau mỗi trận địch đánh phá, các thành viên trong đội thanh niên xung phong



quyết tâm thông đường sau 2 tiếng đồng hồ để thông xe đưa hàng ra mặt trận.

“Đội chúng tôi khi ấy có khoảng 10 người. Trong đó, một người mắt tinh nhất được giao nhiệm vụ quan sát đếm bom chưa nổ, đánh dấu vào bản đồ tự vẽ rồi cắm tiêu đánh dấu để đội phá bom đến phá.

Với những đoạn đường địch rải bom, khi vắng bóng máy bay địch là chúng tôi phải lấp hố bom để thông đường. Công việc diễn ra rất khẩn trương. Nghe tiếng máy bay địch đến thì mọi người lại chạy vào hầm để ẩn nấp”, bà Nhĩ nhớ lại.

Những tháng ngày phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ, bà Nhĩ và đồng đội đã không ít lần phải đối diện với hiểm nguy nhưng bằng ý chí quật cường, đội của bà Nhĩ luôn hoàn thành nhiệm vụ thông đường cho xe qua.

Tiếp nối những giá trị truyền thống

70 năm sau chiến thắng vang dội ấy, nơi chiến trường năm xưa, hoa vẫn nở bên họng pháo. Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên luôn nêu cao truyền thống Điện Biên Phủ anh hùng, phát huy tinh thần đoàn kết, khắc phục hậu quả chiến tranh để đưa Điện Biên trở thành điểm sáng trên con đường đổi mới nơi cực Tây của Tổ quốc.

Trong năm 2022, Điện Biên đứng thứ 2 về tốc độ tăng trưởng trong số 14 tỉnh khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, xếp 24/63 tỉnh, thành trong cả nước - là mức tăng trưởng cao nhất trong nhiều năm gần đây. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt, cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng ngày càng đồng bộ, khang trang.

Chung tay góp sức làm nên sự “thay da đổi thịt” của tỉnh Điện Biên hôm nay là những người phụ nữ nêu cao tinh thần trách nhiệm, sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu, tham gia công tác quản lý nhà nước, kinh doanh làm kinh tế giỏi, phát huy vai trò, vị thế của người phụ nữ trong thời đại mới.

Chị Vàng Thị Súa, Chủ tịch Hội LHPN xã Tủa Tình (huyện Tuần Giáo) là một trong những tấm gương như thế. Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất có 99% là đồng bào dân tộc Mông, chị Súa hiểu được những khó khăn, vất vả của bà con nơi đây.

Với suy nghĩ “ở đâu có phụ nữ, ở đó có hoạt động Hội”, chị Súa thường xuyên bám sát cơ sở, tuyên truyền vận động, hướng dẫn hội viên xây dựng gia đình hạnh phúc và phát triển kinh tế.

Trên cương vị Chủ tịch Hội LHPN xã, chị Súa đã cùng với Ban Chấp hành Hội LHPN xã tăng cường tuyên truyền, đến từng gia đình hội viên, để chị em thay đổi nếp nghĩ, cách làm kinh tế.

Hay như chị Hạng Thị Sứ, một tấm gương sáng về nêu cao tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Năm 2016, chị Sứ đảm nhận chức vụ Chủ tịch Hội LHPN xã Xá Nhè (huyện Tủa Chùa).

Trong thời gian công tác, chị đã tham mưu với chính quyền địa phương hỗ trợ nhiều hội viên phụ nữ trong xã vươn lên thoát nghèo; vận động chị em thực hành tiết kiệm, số tiền tiết kiệm được đã giúp 175 hội viên, phụ nữ được vay vốn để phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra, chị còn vận động chị em đóng góp 400 ngày công làm đường.

Theo bà Đỗ Thị Thu Thủy, Chủ tịch Hội LHPN tỉnh Điện Biên, với chức năng, nhiệm vụ của mình, các cấp Hội trong tỉnh đã không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tập trung vào những vấn đề có trọng tâm, trọng điểm nhằm phát huy truyền thống, vai trò chủ thể của phụ nữ trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Cùng với việc đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về những vấn đề liên quan đến phụ nữ, các cấp Hội LHPN tỉnh Điện Biên đã có nhiều hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ nâng cao kiến thức, kỹ năng, giúp chị em làm tốt vai trò chăm lo, vun đắp hạnh phúc gia đình, quan tâm đến cộng đồng, xã hội.

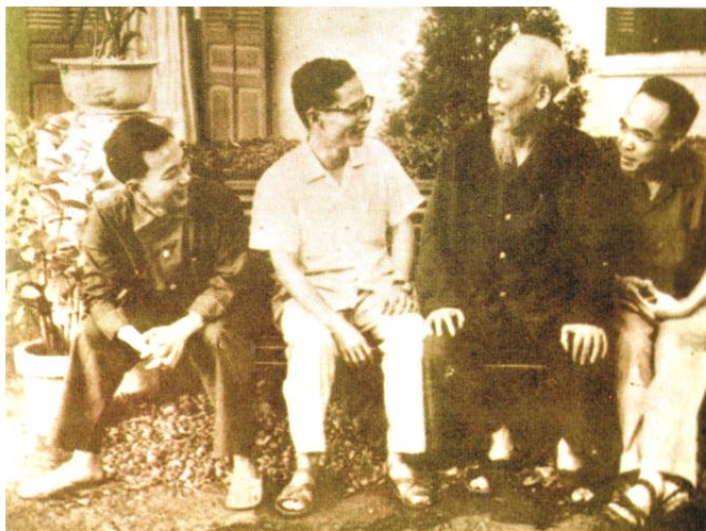
32. Những ngày theo chiến dịch Điện Biên Phủ: Ký ức đặc biệt của phóng viên báo Cứu Quốc / Cẩm Thúy: ghi // Đại đoàn kết. – 2024. - Số Xuân Giáp Thìn. – Tr. 14-15

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, nhiều văn nghệ sĩ, nhà báo đã có mặt ở chiến trường. Báo Cứu Quốc khi đó đã cử 2 phóng viên trực tiếp đi theo bộ đội chủ

lực. Nhân kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 - 7/5/2024), xin ghi lại những ký ức đặc biệt từ nhà báo lão thành Thái Duy.

Suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, do tình hình chiến sự, tòa soạn Báo Cứu Quốc phải thường xuyên di chuyển qua nhiều địa điểm thuộc các tỉnh Tuyên Quang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang...

Nhưng trải qua nhiều khó khăn gian khổ, có cả tổn thất hy sinh, song Cứu Quốc là tờ báo hằng ngày duy nhất vẫn xuất bản và phát hành đều đặn. Chỉ riêng việc báo ra đều đặn suốt gần 3.000 ngày trong điều kiện chiến tranh vô cùng ác liệt, gian khổ, thiếu thốn, có thể nói đó là một kỳ tích.



Bác Hồ với nhà thơ Tố Hữu, nhà văn Phan Tứ, và nhà báo Thái Duy (ngoài cùng bên phải). Ảnh: Tư liệu

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, các nhà báo, văn nghệ sĩ đã tập trung đông đảo ở chiến trường. Báo Quân đội Nhân dân có tới 5 phóng viên dạn dày kinh nghiệm là Hoàng Xuân Tuyền, Trần Cư, Phạm Phú Bằng, Nguyễn Khắc Tiếp và họa sĩ Nguyễn Bích. Thông tấn xã Việt Nam có Hoàng Tuấn, Đài Tiếng nói Việt Nam có phóng viên Nguyễn Nhất, Báo Nhân Dân có Thép Mới và Trần Đĩnh...

Báo Cứu Quốc cử 2 phóng viên là Thái Duy và Chính Yên trực tiếp đi theo bộ đội chủ lực suốt những năm kháng chiến chống Pháp và Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Là phóng viên của Báo Cứu Quốc (Báo Đại Đoàn Kết ngày nay) trực tiếp tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, vài năm trước, trong những lần trò chuyện với chúng tôi, nhà báo Thái Duy vẫn còn nhớ như in từng thời khắc ở chiến trường.

Trong câu chuyện, ông vẫn thường nhắc đến sự gan góc, dũng cảm, hy sinh vô bờ bến của nhân dân, của những người lính ngoài mặt trận và trí tuệ quân sự của các vị tướng lĩnh chỉ huy mặt trận để có một Chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu.

Theo ký ức của nhà báo Thái Duy, suốt những năm kháng chiến chống Pháp, ông và nhà báo Chính Yên không phải làm công việc gì ở tòa soạn, mà được cử hẳn chuyên đi với bộ đội, quanh năm suốt tháng đi ra chiến trường cùng bộ đội. Từ chiến dịch Trung du, Chiến dịch đường 18, Chiến dịch Biên Giới... đến sau này Chiến dịch Điện Biên Phủ, 2 phóng viên của Báo Cứu Quốc là phóng viên

mặt trận. “*Có những thời điểm như Chiến dịch Biên giới tôi đi theo bộ đội cả năm may chẳng mới về tòa soạn một lần*” - nhà báo Thái Duy kể.

Nhưng đến Chiến dịch Điện Biên Phủ thì tòa soạn cử thêm các phóng viên Thái Cương, Hữu Tuấn theo các đoàn dân công. Còn Thái Duy và Chính Yên vẫn đi theo bộ đội chủ lực lên Chiến trường Điện Biên Phủ. Phóng viên Chính Yên đi theo Đại đoàn 312, còn Thái Duy theo Đại đoàn 316.

Ông Thái Duy kể: Tôi bắt đầu đi theo bộ đội từ trước Tết, tức là lên chiến trường Điện Biên Phủ rất sớm. Đi bộ từ tòa soạn lên đến mặt trận là 7-8 ngày trời. Điều kiện chiến trường hạn chế, không có điện đài (tuyên huấn ở Mặt trận cũng không đủ thời gian để giúp phóng viên gửi bài về) nên bài vở gửi về tòa soạn rất chậm, muốn chuyển bài về phải đi bộ cả tuần trời. Nhưng đó cũng là những ngày làm báo rất đẹp...

Theo lời kể của nhà báo Thái Duy, quanh năm suốt tháng đi theo bộ đội, tòa soạn cử đi nhưng không cần cấp tiền, cứ đi thôi. Không công tác phí, không tiền văn phòng phẩm, cứ đi theo bộ đội cho ăn. Suốt những năm tháng đi chiến trường không mang theo tiền, kể cả hôm nào lỡ đường chưa tới được đơn vị bộ đội thì cứ vào nhà dân là được ăn, bất kỳ nhà dân nào cũng nuôi, cũng cho ăn mà không bao giờ hỏi tên anh là gì. Nhớ lại hồi ấy vẫn còn thấy đẹp lắm. Người dân quá tốt.

“*Nhớ về Chiến dịch Điện Biên Phủ điều nhớ nhất là công của dân lớn lắm. Lương thực thực phẩm chuyển ra chiến trường bằng ô tô ít thôi, chủ yếu là bằng sức gánh, sức thồ của dân công, từ Lạng Sơn, gánh qua Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, lên Điện Biên Phủ, thật sự kinh khủng, công lao của nhân dân lớn lao lắm*” - ông Thái Duy nói.

Cũng theo nhà báo Thái Duy, trên đường ra chiến trường, lúc nào cũng gặp hàng nghìn dân công gánh gạo, thồ gạo ra mặt trận, dững cảm, gan góc. Lúc cao điểm chiến dịch, tập trung ở chiến trường Điện Biên Phủ khoảng 5 sư đoàn, vận chuyển lương thực nuôi ngàn ấy bộ đội, toàn là sức dân. Mà lúc ấy đang mùa đông, rét lắm.

Thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ là thắng lợi về trí tuệ quân sự - nhà báo Thái Duy kể: Lúc kéo pháo ra ai cũng hoang mang không hiểu ra làm sao, tôi với anh Chính Yên cũng thắc mắc với nhau. Nhưng sau này mới hiểu, nếu không kéo pháo ra để đào hầm thì chỉ trong vài ngày là pháo bị tiêu diệt hết.

Khi Tướng De Castries đầu hàng thì tất cả các phóng viên có mặt ở chiến trường lúc ấy đều kéo nhau vào hầm. “*Tôi với anh Khắc Tiếp của Báo Quân đội Nhân dân cùng vào, còn định rủ nhau tối nay sẽ ngủ ở đây một giấc, nhưng sau vì không còn chỗ ngủ nên chúng tôi lại ra*” - ông Thái Duy nhớ lại.

Sau này nhà báo Thái Duy còn làm phóng viên ở nhiều chiến trường khác như chiến trường Lào, chiến trường miền Nam, nhưng ông báo Điện Biên Phủ là trận đánh trực tiếp lớn nhất mà ông được trực tiếp chứng kiến. Theo ông, bất kỳ ai có mặt ở đó vào thời điểm ấy đều thấy tự hào.

Ông Thái Duy cho biết: *“Điều kiện gửi bài về khó, nên tôi cũng không viết được nhiều. Tiếc nhất là không có máy ảnh. Hồi ấy phóng viên chiến trường của phương Tây viết được nhiều hơn chúng tôi vì họ được bên địch đưa đến bằng máy bay rồi lại chở bằng máy bay về. Sau này khi viết báo ở chiến trường Lào, bài vở của tôi gửi về Hà Nội bằng đường hàng không, đã khác hẳn, rất đều đặn”*.

Sau Chiến thắng, nhà báo Thái Duy không trở về tòa soạn ngay mà còn ở lại Điện Biên Phủ thêm một thời gian nữa. Ông chính là phóng viên được cử viết bài tường thuật về Lễ duyệt binh Điện Biên Phủ sau chiến thắng đăng trên số báo xuất bản ngay tại chiến trường của Báo Quân đội Nhân dân. *“Trong ngày duyệt binh, thật ngậm ngùi khi nhìn những đoàn quân đã không còn đủ quân số như trước khi vào chiến dịch. Sự hy sinh là vô bờ bến”* - ông kể.

Đầu chiến dịch, nhà báo Thái Duy lên Điện Biên Phủ bằng cách đi bộ, và vài tháng sau, khi từ Điện Biên Phủ trở về tòa soạn Báo Cứu Quốc, ông cũng đi bộ.

“Nhưng nói gì thì nói so với dân công, so với bộ đội, làm cái anh nhà báo ở chiến trường vẫn còn sướng lắm. Mình đi bộ chỉ đeo cái ba lô cá nhân còn dân công thì phải gánh gạo, thồ gạo, gian khổ và chịu đựng lớn lắm” - nhà báo Thái Duy đã nói về những ngày gian khổ, làm phóng viên chiến trường của Báo Cứu Quốc, trực tiếp chứng kiến Chiến thắng “lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, một cách nhẹ nhõm như thế.

33. PHÁC VĂN. Kết nạp Đảng giữa trận đánh Him Lam / Phác Văn // Sự kiện & Nhân chứng. – 1996. – Số 28. – Tr.5

Chiến dịch Điện Biên Phủ thực sự bắt đầu từ khi các đơn vị kéo pháo vào trận địa thì nhận được chỉ thị của Đảng ủy cấp trên cho biết Ban chấp hành Trung ương cho phép các đơn vị chi bộ được kết nạp đảng viên mới trong chiến đấu. Đó là một chỉ thị hoàn toàn mới và phù hợp với thực tế của giai đoạn lịch sử. Đảng ủy tiểu đoàn 428 liền triệu tập một cuộc họp gồm các bí thư chi bộ và chi ủy viên tổ chức để truyền đạt chỉ thị. Đồng chí Bí thư tiểu đoàn còn nhấn mạnh:

- Việc kết nạp Đảng viên mới trong chiến đấu phải làm theo tất cả các thủ tục đã quy định, phải là quân chúng cảm tình đã được chi bộ xét duyệt thông qua.

Tôi nhớ cuộc họp đó vào buổi sáng ngày 13-3-1954 bên cạnh con suối trong khu rừng cách đồn Him Lam không bao xa, trong không khí sôi động, khẩn trương chuẩn bị cho trận đánh Him Lam, trận đánh có ý nghĩa “mở toang cửa Điện Biên”.

Với tư cách là cán sự chính trị tiểu đoàn, phó bí thư chi bộ đoàn Bộ 428, tôi hội ý ngay với đồng chí Lê Sam, Đảng ủy viên Tiểu đoàn vừa là Bí thư chi bộ đoàn bộ 428, cần chú ý đến một số quân chúng cảm tình của Đảng trong tiểu đội thông tin liên lạc. Chúng tôi nhất trí và Lê Sam có nhắc tôi: “Trong trận đánh, mình tập trung giải quyết thương binh, tử sĩ ở trạm cấp cứu, nếu cần kết nạp, Phác Văn cứ thay mặt chi ủy tiến hành tại trận. Thế nhé!

3 giờ chiều ngày 13-3-1954, toàn tiểu đoàn xuất kích. Giờ phút trọng đại của lịch sử đã diễn. Tôi nhìn đồng hồ, chiếc đồng hồ WADO, hiện nay tôi vẫn đang dùng rất chính xác đã được tiểu đoàn trưởng Toàn quyết định so giờ để các đại đội trưởng, các bí thư chi bộ thống nhất giờ hành động cho trận mở màn chiến dịch.

Ngay từ những phút đầu trận đánh đã tỏ ra căng thẳng và quyết liệt. Tất cả các hầm hào chiến đấu của tiểu đoàn đã đào sẵn từ những đêm trước đã bị giặc nổ ra ban ngày lấp hết. Sở chỉ huy tiểu đoàn không còn nữa. Giữa những tiếng nổ của đại pháo ta dội xuống đồn Him Lam dồn dập và những tiếng nổ chát chúa, cấp tập của đạo pháo địch từ Mường Thanh câu đến, Ban chỉ huy tiểu đoàn chỉ còn cách thoát khỏi con suối cạn, nhảy vọt lên chân đồi trận địa mà chỉ huy trận đánh. Một sườn đồi chống chênh dưới chân đồn Him Lam, toi bởi đất đá và mù mịt khói súng. Đường liên lạc hữu tuyến bị chặt đứt, chỉ còn chiếc máy bộ đàm 2 oát cũng là bị trục trặc khó sử dụng. Vì vậy, các chiến sĩ thông tin liên lạc chỉ còn một cách là chạy bộ để truyền đạt các mệnh lệnh chiến đấu. Tình hình trận đánh càng trở nên căng thẳng, gay gắt. Đồng chí Sứ tiểu đội trưởng bị thương, việc điều khiển tiểu đội liên lạc cũng nên khó khăn gấp bội trong lúc các chiến sĩ đánh bộc phá mở đột phá khẩu vun vút lao lên đã nổ đến quả thứ 9 thì không còn có sức yểm hộ của trợ chiến. Các lỗ châu mai của giặc bắn xối xả cản đường. Đại đội 77 trợ chiến đóng trên một quả đồi phía bắc Him Lam đang bị định uy hiếp mạnh mẽ. Tôi nhớ lúc ấy trận đánh đang giữa chừng, tiểu đoàn trưởng Toàn một cua-rơ Đông Dương, một chỉ huy quân sự xuất sắc đã bị thương phải lui về tuyến sau, anh còn truyền mệnh lệnh: “*Phương án 2 đại đội 77 chuyển vị trí chiến đấu!*”. Tôi hiểu ngay rằng nguy cơ đại đội trợ chiến của chúng ta sẽ hi sinh tất cả dưới làn đại bác của địch từ Mường Thanh nã tới, Nếu không chuyển kịp đến trận địa mới. Mệnh lệnh lập tức được thi hành, chiến sĩ liên lạc Tích lao vọt đi và Nguyễn Văn Tích không thấy trở về.

Đồng chí Miên! Tôi gọi như thét và Miên cũng lập tức lao đi mang theo mệnh lệnh cho đại đội 77. Người tôi nóng ran lên và thấp thỏm đợi Miên trở lại. Đại bác địch bắn tập trung vào trận địa 77 làm cho quả đồi chìm trong khói lửa mù mịt. Chỉ một vài giây trong chiến đấu lập tức có thể chuyển bại thành thắng là chuyện thường. Đại bác địch càng dồn dập, tôi càng nóng lòng đợi Miên. Một

bóng người mảnh khảnh, vụt lao vào chỉ huy sở tiểu đoàn. Tôi sung sướng kêu lên: “*Dũng cảm, khôn khéo, tuyệt vời!*”. Tôi ôm chặt lấy Miên và báo cáo ngay với Bí thư Đảng ủy tiểu đoàn Nguyễn Văn Xuyên. Cuộc hội ý chớp nhoáng đề nghị kết nạp Nguyễn Văn Miên vào Đảng được chấp nhận. Tôi vội vàng truyền tin cho các đơn vị chiến đấu biết tin này. Đồng chí Nguyễn Văn Xuyên, Bí thư Đảng ủy tiểu đoàn trình trọng công bố: “*Căn cứ vào hành động anh hùng, đã hoàn thành nhiệm vụ trong chiến đấu, kể từ 23 giờ 30 ngày 13-3-1954, đồng chí Nguyễn Văn Miên xứng đáng là đảng viên Đảng Lao động Việt Nam!*”. Trong ánh lửa đạn và pháo sáng của địch tôi nhìn thấy Miên vô cùng xúc động xin thề.

Vừa lúc đó, Phan Đình Giót đã đánh xong quả bộc phá số 10 đang lao lên đánh quả cuối cùng phá tan thành đoạn rào dây thép gai của giặc. Giót lết người lên bịt lỗ châu mai. Việc kết nạp đảng viên giữa trận đánh như một luồng gió mới mạnh mẽ thổi bật tung, tan thành đợt phá khẩu, các chiến sĩ ào vào tung thâm như vũ bão. Trận đánh Him Lam hoàn toàn chiến thắng!

Đã 42 năm trôi qua, sự kiện kết nạp đảng giữa trận đánh Him Lam không bao giờ phai mờ trong ký ức của tôi.

34. PHẠM VĂN ĐỒNG. Điện Biên Phủ - Một chiến thắng vượt qua không gian và thời gian / Phạm Văn Đồng // Sự kiện và nhân chứng. – Số 3. – 1994. – Tr. 3, 15.

Cuối năm 1953, tại Việt Bắc, Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

Đối với chiến thắng Điện Biên Phủ, 40 năm chưa phải là một thời gian dài, bởi cái tên lừng lẫy này vẫn sống và vang dội với những ai ngày nay và sau này còn nhớ một thời lịch sử mà chủ nghĩa thực dân dưới nhiều màu sắc và hình thức đã thống trị phần lớn các nước chậm phát triển trên toàn thế giới. Chính chiến thắng Điện Biên Phủ đã kéo hồi chuông báo sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân lúc bấy giờ, được mệnh danh là chủ nghĩa thực dân cũ. Đó là ý nghĩa quốc tế trọng đại, là sự cống hiến vô giá mà quân và dân ta bằng cuộc đấu tranh anh dũng của mình đã mang lại cho sự nghiệp giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.

Đây chỉ là một bước và bởi đó là bước đầu cho nên cần thấy hết ý nghĩa và tầm vóc của nó, sự nghiệp giải phóng dân tộc còn bước thêm nhiều bước khác cho đến ngày nay: Tuy về hình thức thì có những thay đổi rất quan trọng và rõ rệt, song về thực chất thì con đũa hai vôi vẫn có cách ngự trị ở các nước thế giới thứ ba. Vì lẽ, đó trong tình hình thế giới hiện nay, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vẫn tiếp diễn.

Đó là về mặt quốc tế, còn đối với cả nước ta và dân tộc Việt Nam ta thì chiến thắng Điện Biên Phủ đánh dấu một cái mốc cực kỳ quan trọng trong lịch sử

đấu tranh chống ngoại xâm, hoàn thành sự nghiệp giành độc lập và tự do, thống nhất nước nhà.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đưa đến hội nghị Giơ-ne-vơ và Hiệp định Giơ-ne-vơ với những cái được và cái chưa được của nó đối với dân tộc Việt Nam ta. Nó lập lại hòa bình, một nền hòa bình không vững chắc bởi đế quốc Mỹ không ký Hiệp định Giơ-ne-vơ và nuôi tham vọng thay Pháp ở miền nam, chuẩn bị một cuộc chiến tranh mới. Như vậy Hiệp định Giơ-ne-vơ chỉ tạo ra một thời gian hòa hoãn, nhưng đồng thời đã đem đến cho dân tộc Việt Nam ta những công hiến quý báu: Đó là những kinh nghiệm về nhiều mặt trong cuộc chiến đấu bắt đầu từ hai bàn tay trắng chống một nước đế quốc hùng mạnh, đó là miền bắc hoàn toàn giải phóng, hậu phương lớn của tiền tuyến lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; đó là vị trí của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với uy tín to lớn của nó đối với cả nước và trên trường quốc tế. Tóm lại, Hội nghị Giơ-ne-vơ và Hiệp định Giơ-ne-vơ đã trang bị cho chúng ta những gì cần thiết nhất để đến khi phải đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược mới do đế quốc Mỹ gây ra, chúng ta đã có thế và lực mới, một bước lớn lên vững mạnh hơn và từ ngày đầu khẳng định ý chí kiên cường chiến đấu và chiến thắng đến thắng lợi hoàn toàn.

Tâm nhìn với ý nghĩa bao quát như vậy giúp đánh giá đúng mức tầm vóc của chiến thắng Điện Biên Phủ. Còn đứng về mặt thuần túy quân sự, thì nó là sự thể hiện rực rỡ của học thuyết và nghệ thuật quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng ta và của Quân đội nhân dân ta. Học thuyết và nghệ thuật quân sự này là sự kế tục những truyền thống oai hùng chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc của ông cha ta trong lịch sử, nó được hoàn thiện và phát triển đến nước mức cao với cuộc kháng chiến chống Mỹ lâu dài, ác liệt và vĩ đại nhất trong lịch sử nước ta, kết thúc bằng chiến dịch Hồ Chí Minh, đem lại độc lập, tự do và thống nhất cả nước, mục tiêu bất di bất dịch của nhân dân Việt Nam ta từ ngày đầu trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Ở đây, còn một điều nữa tôi cần nói là quan hệ giữa nhân dân ta và nhân dân Pháp trong quá trình cuộc Kháng chiến 9 năm và từ đó cho đến ngày nay. Lúc chúng ta nói cuộc kháng chiến chống Pháp là nói gọn, thực chất đó là cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Kẻ muốn xâm lược lại nước ta lúc bấy giờ là thực dân Pháp chứ không phải nhân dân Pháp. Chúng ta còn nhớ rất rõ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân Pháp, của các tổ chức tiên bộ Pháp trong cả quá trình kháng chiến. Một điều lý thú cần nhắc lại là người chỉ huy quân đội Pháp ở Điện Biên Phủ, sau chiến tranh đã trở thành một người bạn tốt của nhân dân ta. Còn về phía chính phủ thì từ nhiều năm, nay giữa Chính phủ ta và Chính phủ Pháp ngày càng có quan hệ hợp tác về nhiều mặt có lợi cho cả hai bên, nhất là trong những năm gần đây.

Trong tình hình như vậy, quan hệ giữa các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học... càng có cơ hội mở rộng và đi sâu.

Quan hệ hữu nghị đẹp đẽ này giữa hai Chính phủ và nhân dân hai nước là một tấm gương sáng trong tình hình quốc tế phức tạp hiện nay.

Chiến thắng Điện Biên Phủ có ý nghĩa rộng lớn và sâu xa, vượt qua không gian và thời gian là như vậy.

35. PHÚC ANH. Ký ức 1954 / Phúc Anh // Quân đội Nhân dân cuối tuần. – 2024. – Số Xuân Giáp Thìn. – Tr. 15

Cách nay 70 năm, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta dồn sức thực hiện cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và giành thắng lợi vẻ vang mà đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu. Nhân dịp đầu xuân 2024, phóng viên Báo Quân đội nhân dân (QĐND) Cuối tuần đã ghi lại một số câu chuyện của các cựu chiến binh ở chiến trường Điện Biên Phủ mùa xuân năm 1954.

Món quà của tình hữu nghị

Đại tá Nguyễn Khắc Tiếp, nguyên Phó trưởng phòng Thời sự quốc tế, Báo QĐND, năm nay đã bước sang tuổi 101. Bước chân nhà báo lão thành nay phải nhờ thêm chiếc gậy hỗ trợ nhưng trí tuệ ông vẫn minh mẫn. Dường như chúng tôi càng hỏi chuyện, tinh thần ông càng phấn chấn như được trở lại thời ông và các đồng đội chạy trên đồi Ngựa Hí hay đi trong khu rừng Mường Phăng 70 năm trước.



Nhà báo lão thành Nguyễn Khắc Tiếp. Ảnh: MINH THÀNH

Nhà báo Nguyễn Khắc Tiếp là trường hợp rất đặc biệt trong làng báo nước ta khi trực tiếp tham gia tác nghiệp tại nhiều sự kiện lớn, chiến dịch lớn của đất nước, của Quân đội. Ông là một trong những phóng viên chủ lực của tòa soạn tiền phương Báo QĐND xuất bản tại Mặt trận Điện Biên Phủ những năm 1953-1954.

Nhà báo Nguyễn Khắc Tiếp kể, Tết Giáp Ngọ 1954 là thời điểm cả nước đang dốc sức chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân và Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Đây là trận đánh đặc biệt như Bác Hồ đã căn dặn: “Trận này rất quan trọng. Phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”. Do đó, ở Mặt trận Điện Biên Phủ khi ấy, cán bộ, chiến sĩ ăn Tết tại chỗ, tinh thần sẵn sàng chiến đấu cao nên không thể có cảnh vui xuân, đón Tết,

đón Giao thừa như ở vùng giải phóng. Không khí chuẩn bị lực lượng, vũ khí, lương thực, thực phẩm trước khi bước vào các trận đánh lớn rất khẩn trương. Tuy nhiên, ngày Tết ở Mặt trận Điện Biên Phủ năm ấy, chiến sĩ được tặng những suất quà là chiếc cà mèn và thịt hộp (thịt kho tàu) do Liên Xô và Trung Quốc viện trợ thông qua Chương trình “Tết Hữu nghị Việt-Trung-Xô” nhân “Tháng Hữu nghị Việt-Trung-Xô”. *“Chúng tôi-phóng viên, biên tập viên, họa sĩ và cán bộ nhà in của Báo QĐND-cũng được tặng hộp thịt to để ăn Tết. Quả thực, anh em chiến sĩ khi ấy có được hộp thịt như vậy là rất quý vì thời gian dài ăn uống kham khổ. Giờ nhắc đến, cảm giác trong tôi lại nhớ tới vị thơm ngon của hộp thịt hữu nghị ngày ấy”* - ông cười vui. Đó cũng là cái Tết mà Quân đội ta chăm lo chu đáo, cải thiện chất lượng bữa ăn cho bộ đội để tăng cường sức khỏe, không để bộ đội đói trước khi bước vào các trận đánh quan trọng.

Qua mấy tháng lặn lội khắp chiến trường Điện Biên Phủ, với nhà báo Nguyễn Khắc Tiếp, kỷ niệm nào cũng đặc biệt. Ông ấn tượng nhất là tinh thần chiến đấu kiên cường, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh của quân và dân ta. Ông thường trò chuyện, tâm sự với các chiến sĩ và tiền chân họ trước mỗi trận đánh. Nhiều người bạn vừa trò chuyện với ông đêm hôm trước, hôm sau đã hy sinh. Có những bữa cơm anh nuôi đơn vị chuẩn bị thì suất ăn thừa hơn một nửa vì chiến sĩ ra trận không trở về... Chứng kiến biết bao mất mát, hy sinh của bộ đội và cả niềm vui tốt độ ngay từ giây phút nghe tin báo về Sở chỉ huy chiến dịch quân ta giành chiến thắng, bắt sống tướng De Castries, ông càng thấm thía hơn giá trị của hòa bình và hạnh phúc. *“Khi ấy, khu vực Bộ chỉ huy đang yên tĩnh, bỗng tất cả mọi người ở dưới hầm đều chạy ùa lên reo hò. Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn gọi cho đồng chí Lê Trọng Tấn, Đại đoàn trưởng Đại đoàn 312 để hỏi lại, có đúng là tướng De Castries không? Khi nhận được câu trả lời chính xác rồi thì Đại tướng và tất cả mọi người như vỡ òa, hạnh phúc vô cùng. Mọi người công kênh cả Đại tướng Võ Nguyên Giáp lên”* - nhà báo Nguyễn Khắc Tiếp xúc động kể lại.

Với ông, Chiến thắng Điện Biên Phủ là một kỳ tích đặc biệt trên mọi phương diện. Đó thực sự là điển hình của cuộc chiến tranh nhân dân, của tình quân dân gắn bó keo sơn làm nên chiến thắng.

Xuân trên đường hành quân

Đại tá, Anh hùng LLVT nhân dân Đinh Thế Văn, nguyên chiến sĩ Điện Biên, nguyên Trưởng ban Huấn luyện chiến dịch Quân chủng Phòng không-Không quân, năm nay bước sang tuổi 86. Ông cũng là một cựu chiến binh đặc biệt khi tham gia cả hai chiến dịch: Điện Biên Phủ năm 1954 và “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

Nhắc đến sự kiện kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ vào năm 2024 này, ông Văn không khỏi xúc động. Biết bao kỷ niệm ở đồi Him Lam, Độc Lập ngày xưa lại ùa về. Đầu năm 1954, Đinh Thế Văn đang là thanh niên xung phong làm đường ở Cao Bằng, Bắc Kạn thì cả đơn vị được chuyển sang bộ đội theo yêu cầu của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân. Được trở thành bộ đội đi chiến đấu là niềm vui không thể tả xiết bởi trước đó, 16 tuổi, Đinh Thế Văn từng trốn nhà đi khám tuyển vào bộ đội thì không trúng do thiếu cân. Sau hơn một tháng huấn luyện xạ kích, bộ binh ở Trung đoàn 77, Đoàn 99 tại Phú Thọ, đơn vị của Đinh Thế Văn được bổ sung vào Đại đội 268, Tiểu đoàn 531, Đại đoàn 312 (sau này là Sư đoàn 312) và cấp tốc hành quân lên Điện Biên chuẩn bị cho chiến dịch lớn.

Những ngày đầu xuân Giáp Ngọ 1954 là những ngày Đinh Thế Văn và đồng đội hành quân bộ mấy trăm cây số, từ Phú Thọ lên Điện Biên, qua bao nhiêu đồi núi, làng mạc, đường sá gập ghềnh, cây cối rậm rạp... Ngày nghỉ đêm đi, đằng sau ba lô của mỗi người đều gài một thanh gỗ mục có chất lân tinh phát sáng để người đi sau nhìn thấy người đi trước. Trên đường hành



Đại tá, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Đinh Thế Văn.
Ảnh: MINH THÀNH

quân, người đông như đi hội nhưng không có một tiếng nói chuyện. Bộ đội, dân quân giáp mặt thì chỉ ra hiệu chào nhau. Thời ấy, ông chỉ có 38kg nhưng đồ đạc, vũ khí mang theo trên người còn nặng hơn cả trọng lượng cơ thể. Nào ba lô tư trang, 1 khẩu súng trường, 1 hộp đạn 20kg, 1 cái xẻng cán gập, 1 cái cuốn nhỏ và 1 bao gạo vắt vai... Đặc biệt, suốt đường hành quân, bên ông lúc nào cũng có cây đàn guitar, mỗi khi nghỉ chân là vui với cây đàn, vui với đồng đội để quên đi khó khăn, gian khổ, đường xa phía trước. Hình ảnh của ông khi ấy đúng như tinh thần trong bài hát “Hành quân xa” của nhạc sĩ Đỗ Nhuận: *“Hành quân xa dẫu qua nhiều gian khổ/ Vai vác nặng ta đã đổ mồ hôi/ Mắt ta sáng, chí căm thù bảo vệ đồng quê ta tiến bước/ Đồi chúng ta đâu có giặc là ta cứ đi”*.

Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, đơn vị ông Đinh Thế Văn làm nhiệm vụ ở trận địa súng máy phòng không 12,7mm, bắn máy bay bảo vệ và hỗ trợ các đơn vị bộ binh của Đại đoàn 312 chiến đấu ở cứ điểm Him Lam. Nhiệm vụ chủ yếu của ông là đi trinh sát, nắm tình hình địch ở đồi Him Lam và nhiều cứ điểm khác,

theo dõi máy bay địch vào khu vực Điện Biên Phủ để báo cáo cấp trên. Nhớ lại những ngày ở chiến trường Điện Biên Phủ, ông không thể nào quên những lần tham gia công tác tử sĩ tại mặt trận. Mỗi lần phải bế, cống thi thể các đồng đội cùng đơn vị về nơi tập kết là một lần trái tim ông cảm thấy đau nhói, thương xót như chính người thân ruột thịt của mình nằm xuống. Điện Biên Phủ gian khổ quá, ác liệt quá! Nhưng, ông và đồng đội vẫn luôn tự hào vì đơn vị đã lập được nhiều chiến công xuất sắc, trong đó bắn rơi 20 chiếc máy bay của địch. Đại đoàn 312 là đơn vị lập nhiều chiến công vang dội, nhất là thắng lợi trong trận đánh mở màn trên đồi Him Lam và trận đánh chiếm hầm De Castries, bắt sống tướng chỉ huy của Pháp...

Giờ đây, mỗi khi nghĩ đến Điện Biên Phủ, ông Đinh Thế Văn lại liên tưởng đến hình ảnh đàn kiến kiên trì, nhẫn nại xây tổ. Kỳ tích đào giao thông hào ở Điện Biên Phủ của bộ đội ta chỉ với cái cuốc, cái xẻng thô sơ như thế đã đào được hệ thống đường hào tới tận sào huyệt của địch mà chúng không biết. Nhờ sự thông minh, sáng tạo, lòng kiên trì và tinh thần quyết tâm, ông cha ta đã làm nên một Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu.

36. QUANG LONG. Gặp những người “đầu nung lửa sắt...” / Quang Long // Cựu Chiến binh Việt Nam. – 2024. – Số Xuân Giáp Thìn. – Tr. 10

Đó là những chiến sĩ như cố nhà thơ Tố Hữu đã viết trong bài thơ: “Hoan hô chiến sĩ Điện Biên”. Hướng tới kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, một ngày giáp Tết Nguyên Đán 2024, được thiếu tướng Lưu Trọng Lư - Chủ tịch Hội CCB tỉnh Điện Biên giới thiệu, trong số hơn 200 CCB là chiến sĩ Điện Biên đang sinh sống tại Điện Biên, tôi gặp được ba CCB ở ba thời điểm cam go nhất, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Kéo pháo ra còn khó hơn

Câu chuyện của CCB Phạm Đức Cư, thường trú tại bản Ten B, đội 4, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên kể về thời điểm ông ở cương vị Tham mưu tác chiến Tiểu đoàn 394, Trung đoàn 367, Binh chủng Pháo binh trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ông kể tháng 12 năm 1953, hai tiểu đoàn pháo cao xạ nhận được lệnh kéo pháo lên Tây Bắc phục vụ chiến dịch. Xuất phát từ Tuyên Quang mất 17 ngày đêm, băng núi, ngủ rừng, Tiểu đoàn ông Cư mới lên đến xã Nà Nhạn. Tại đây, đơn vị tiếp nhận pháo cao xạ 37 ly và 12 ly 7; mỗi khẩu 37 ly nặng 2,4 tấn và phải cần từ 80 - 100 người kéo một khẩu ở địa hình dốc. Để vận chuyển được, đơn vị phải tháo rời xe pháo, kéo lên đồi dốc cheo leo dựng đứng hiểm trở có chỗ dốc đến 70 độ; chỉ một chút sơ sẩy, trượt chân là có thể khiến người và pháo rơi xuống vực thẳm. Để đảm bảo yếu tố bí mật phải kéo pháo ban đêm, xuyên rừng, băng

suối, đặc biệt là không được phép soi đèn, nên nảy ra sáng kiến, hai đồng chí khoác hai mảnh vải trắng đi trước để làm “hoa tiêu”. Đơn vị theo hai cái bóng sáng mờ mờ ấy mà kéo, đẩy kéo theo... Cứ như thế, người cùng pháo băng rừng, vượt núi bằng đôi chân trần tứa máu vào trận địa. Vậy mà sau 9 ngày đêm, đã đưa pháo vào chiếm lĩnh trận địa, ngay sát đồi Độc Lập.

Nhưng... còn đang phấn khởi, chuẩn bị tinh thần chiến đấu với địch thì lại nhận được lệnh... kéo pháo ra; cả đơn vị bất ngờ đến bàng hoàng! Bấy giờ đồng chí Chính trị viên đại đội phải giải thích và làm công tác tư tưởng để anh em hiểu rằng: chiến dịch không thay đổi, chỉ có phương châm tác chiến thay đổi nhằm đảm bảo cho chắc thắng, ít thương vong. “Khi hiểu vấn đề, chúng tôi cùng nhau kéo pháo ra” - ông Cư nói. Nhưng kéo pháo vào đã khó, kéo pháo ra còn khó gấp bội phần, thậm chí có cả những hy sinh mất mát...”. Sau khoảng gần 1 tháng tập kết, các



CCB Phạm Đức Cư (thứ hai, trái sang) cùng chiến sĩ Điện Biên và các cháu thiếu niên, nhi đồng tri ân các Anh hùng liệt sĩ tại Nghĩa trang liệt sĩ quốc gia A1

tiểu đoàn lại nhận được lệnh của Sở Chỉ huy kéo pháo vào lần 2 để tổng lực đánh chiếm Điện Biên Phủ. Chiều tối ngày 13-3-1954, các tiểu đoàn pháo cao xạ đồng loạt khai hỏa và cứ điểm Him Lam, đồi Độc Lập với tinh thần chiến đấu anh dũng “Gan không núng, chí không mòn” ngày 16-3-1954, quân ta đã chiếm được phân khu 1 ở phía Bắc của địch, gồm: Him Lam, đồi Độc Lập và Bản Kéo... Thế trận pháo cao xạ hình thành từ Bắc xuống Nam, trở thành thế gọng kìm ôm lấy lòng chảo Điện Biên.

Tiêu diệt cứ điểm Him Lam

Còn CCB Bùi Kim Điều, phố 9, phường Him Lam, TP. Điện Biên Phủ thì kể về trận mở màn chiến dịch, đến nay đã gần 70 năm nhưng vẫn vẹn nguyên trong ông, như mới vừa đây.

Ông kể: Năm 1952, ông vừa tròn 22 tuổi thì xung phong vào bộ đội, được biên chế về Đại đội 4, Trung đoàn 165, Đại đoàn 312. Tháng 12-1953, đơn vị ông được giao nhiệm vụ tiến công, tiêu diệt cứ điểm Him Lam, mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ.

Him Lam là một trong ba cứ điểm trên 3 quả đồi cao gần 500m, nằm giáp cánh đồng Mừng Thanh, án ngữ đường Tuần Giáo - Điện Biên được quân Pháp xây dựng hầm hào, lô cốt kiên cố, do là cứ điểm đặc biệt quan trọng.



Chiến sĩ Điện Biên – Bùi Kim Điều kể về những năm tháng chiến đấu trên chiến trường Điện Biên Phủ

Đúng 17 giờ ngày 13-3-1954, toàn bộ lực lượng pháo binh của ta đồng loạt bắn tập kích vào cứ điểm Him Lam, yểm hộ cho bộ binh tấn công. Tại đây, cuộc chiến đã diễn ra vô cùng ác liệt; nhiều ổ súng ngầm của quân Pháp bất ngờ xuất hiện, trút hỏa lực vào đội hình xung kích của ta; nhiều đồng đội của ông Điều đã anh

dũng hy sinh. Sau hơn 1 giờ chiến đấu, ta đã tiêu diệt được một cứ điểm, còn hai cứ điểm trong thế giằng co quyết liệt giữa ta và địch.

Dù địch phản kích ác liệt, nhưng với tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” đến 22 giờ 30 phút, quân ta đã tiêu diệt tiếp một cứ điểm và một giờ sau tiêu diệt nốt cứ điểm còn lại giành thắng lợi hoàn toàn; loại khỏi vòng chiến đấu 500 tên, thu toàn bộ vũ khí và trang thiết bị chiến đấu của địch.

Sau trận Him Lam, đơn vị ông Điều đào hào, củng cố công sự, vây chặt trận địa địch, tiếp tục nhận nhiệm vụ cùng với các đơn vị khác chiến đấu đến khi chiến dịch hoàn toàn thắng lợi.

Nhận huy hiệu Chiến sĩ Điện Biên tại mặt trận

Còn trong trí nhớ của CCB Quàng Văn Pấn, xã Mường Phăng, TP. Điện Biên Phủ, là phút giây quân ta giương cao ngọn cờ Quyết chiến quyết thắng trên nóc hầm tướng Đờ-Cát. Vào thời khắc lịch sử 17 giờ 30 phút ngày 7-5, tướng Đờ-cát và toàn bộ Bộ chỉ huy Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ra đầu hàng quân ta. Ông như vỡ òa trong sung sướng.

Khi ấy, ông được phân công làm công tác vận động quần chúng thuộc trung đoàn 148, Đại đoàn 316. Ông vẫn nhớ rõ hình ảnh quân Pháp xếp thành hàng dài giương cờ trắng đầu hàng. Dưới sự hướng dẫn của bộ đội ta, hàng binh đi thành hai lối qua cầu Mường Thanh và cầu phao để vượt qua sông Nậm Rốn. Những tên chỉ huy của địch vẫn chống ba-toong đi trước. Ngay sau đó, đơn vị ông tập trung vượt ở dưới chân đồi A1... Ông nhận ra nhiều đồng đội của ông đã vĩnh viễn nằm lại mảnh đất này. Điều đó khiến cho niềm vui chiến thắng bỗng nhiên chùng xuống trong ông...

Rồi sau đó, cũng ngay tại dưới chân đồi A1, ông vinh dự được gắn lên ngực áo chiếc huy hiệu “Chiến sĩ Điện Biên”. Đó là niềm tự hào, vinh dự đối với ông, với những người lính đã làm nên chiến thắng. Từ đó đến nay, chiếc Huy hiệu “Chiến sĩ Điện Biên” trở thành báu vật, được ông nâng niu, gìn giữ. Bởi đó không

chỉ là sự ghi nhận, tri ân mà còn gọi cho ông kỷ ức về những ngày tháng hào hùng của dân tộc, mà mỗi khi nhớ lại, ông vừa thấy tự hào vì mình là một người lính được vinh dự tham gia trong trận chiến lịch sử mang tên Điện Biên Phủ, vừa tiếc thương những đồng đội của ông đã ngã xuống.

Cuộc chiến đấu 56 ngày đêm với thắng lợi thuộc về chính nghĩa mãi mãi là khúc tráng ca hào hùng của nhân dân Việt Nam nói chung, đồng bào các dân tộc Điện Biên nói riêng.

Chặng đường gần 7 thập niên tiếp tục chiến đấu và chiến thắng trong các cuộc chiến tranh giải phóng, thống nhất, đất nước, bảo vệ Tổ quốc, rồi kiến thiết, dựng xây Điện Biên còn không ít gian khó, mất mát, thậm chí cả tiếp tục phải hy sinh... Nhưng với hào khí bất tử của Điện Biên Phủ năm xưa, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Điện Biên đang vững bước trên con đường mới, với ý chí, khát khao “Làm một trận Điện Biên Phủ trong xu thế hội nhập và phát triển” xây dựng quê hương Điện Biên ngày càng phát triển, giàu đẹp.

37. TẠ QUỐC LUẬT. Bất sống Bộ tham mưu địch và tướng Đờ Cát / Tạ Quốc Luật¹⁴ // Điện Biên Phủ nhân chứng sự kiện. – 2003. – H. : Quân đội nhân dân. – Tr. 221-225

Ngày 2 tháng 5 năm 1954, tôi - đại đội trưởng và đồng chí Công Bình - chính trị viên đại đội 360, thuộc Trung đoàn 209, Sư đoàn 312, được lệnh lên sở chỉ huy trung đoàn nhận nhiệm vụ. Hai chúng tôi theo giao thông hào phía đông đồi Long Bua, đến hầm sở chỉ huy trung đoàn. Chúng tôi lên đến nơi khoảng 13 giờ. Các đồng chí Hoàng Cầm - Trung đoàn trưởng, Trần Quân Lập - Chính ủy trung đoàn, Chu Quang Đới - Tham mưu trưởng trung đoàn vui vẻ đón chúng tôi.

Sau khi giao nhiệm vụ, đồng chí Trần Quân Lập và đồng chí Hoàng Cầm dặn dò tiếp: “Đầu chiến dịch, đơn vị các đồng chí đã tiến công địch dũng mãnh, giành chiến thắng giòn giã như Tà Lặng, Him Lam, đồi “hỏa lực”, đồi C1, tiếp viện cho Trung đoàn 165 năm. Đợt này, các đồng chí phải nỗ lực hơn, hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc hơn...!”.

Chiều hôm đó (mùng 2-5-1954), đại đội khẩn trương làm công tác chuẩn bị chiến đấu. Tiểu đoàn cử đồng chí Trần Quái - chính trị viên theo dõi sự chuẩn bị của đại đội. Anh ngủ cùng hầm với tôi.

Mỗi tổ 3 người 1 hầm. Riêng hầm ngủ của tôi có thể chứa được 5 người, vì nơi đó còn là chỗ họp.

¹⁴ Đại tá Tạ Quốc Luật

Chấp hành lệnh của trung đoàn trưởng, đúng 16 giờ 25 phút ngày 6 tháng 5, toàn đại đội 360 triển khai đội hình hàng dọc theo hào giao thông từ chân đồi Long Bua, qua chân đồi “hỏa lực”, chân đồi D, vượt quốc lộ 41, rồi chân đồi D1. Lợi dụng sương mù của núi rừng Tây Bắc, chúng tôi tiến quân, mặc cho máy bay địch gầm rít trên bầu trời. Đến chân đồi E1, toàn đại đội vào chiến hào chuẩn bị hầm trú ẩn, đề phòng pháo địch. Tôi hội ý chỉ huy và phân công. Tôi sẽ đi với trung đội 1 (trung đội đi đầu). Đồng chí Tuấn - đại đội phó, đi với trung đội 2. Đồng chí Công Bình - chính trị viên, đi với trung đội 3. Đồng chí Truyền - chính trị viên phó đại đội, đặc trách công tác thương binh tử sĩ. Người thay thế tôi là đồng chí Quốc Tuấn - đại đội phó. Hội ý xong, chúng tôi trò chuyện vui vẻ. Tôi báo tin vợ tôi cũng đi dân công chiến dịch này và đã gặp nhau. Nghe kể ai cũng vui...

Chuyện vui vẻ với nhau 1 lát thì chúng tôi nhận được lệnh động viên của Bộ chỉ huy chiến dịch: “Cán bộ, chiến sĩ Điện Biên Phủ dũng cảm chiến đấu, quyết bắt sống tướng Đờ Cát chúc mừng ngày sinh nhật của Bác”. Nghe xong lệnh anh em hứa quyết bắt sống tướng Đờ Cát, chúc thọ Bác.

Dưới trăng mờ đêm mùng 6 tháng 5, hỏa tiễn của ta bắn vào trung tâm Mường Thanh. Đại đội 360 tiến quân cũng được yểm hộ của pháo binh. Lúc 20 giờ ngày mùng 6 tháng 5, chiếm lĩnh xong trận địa, 20 giờ 30 phút được lệnh mở hàng rào để phối hợp với đơn vị bạn. Loạt 30 quả bộc phá ống dài 1 mét rưỡi nổ rung chuyển mặt đất, hàng rào bùng nhùng tung lên đập xuống. Đồng chí Hoàng Cầm lên kiểm tra và lệnh cho đại đội 360 phải giữ bằng được đợt phá khẩu và tổ chức bộ đội tiếp tục đợt tiến công mới.

Mờ sáng ngày 7 tháng 5, máy bay địch xuất hiện, rồi từng loạt bom khoan rít trên đầu. Đồng chí Tiến trung đội trưởng bị thương phải rời khỏi trận địa, đồng chí Lam trung đội phó thay thế. Tôi tổ chức lại bộ đội, thương binh đưa về tuyến sau. Lúc đó đại đội còn 80 người. Tiểu đoàn tăng cường cho 1 trung đội hỏa lực do đồng chí Nguyễn Quang Minh làm trung đội trưởng.

Đến 12 giờ trưa ngày mùng 7 tháng 5, đồng chí Kim Mỹ - Phó chính ủy trung đoàn, thay mặt Thường vụ Đảng ủy Trung đoàn 209 cùng đồng chí Trần Quái - Bí thư Đảng ủy tiểu đoàn 130 xuống giao nhiệm vụ tiếp cho đại đội 360: “Nhiệm vụ của đại đội 360 là thọc sâu vào Mường Thanh, bắt sống toàn bộ bộ tham mưu địch và tướng Đờ Cát.

Tôi thay mặt cho cán bộ chiến sĩ đại đội 360 hứa quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Đúng 14 giờ ngày mùng 7 tháng 5, 60 quả đạn được phóng vào hàng rào địch để mở cửa mở. Tôi kiểm tra hàng rào đã bị quét thành lối mở cửa liền hạ lệnh cho bộ đội xung phong. Địch bắn ra rất ác liệt. Sau 3 đợt ném bom lựu đạn, các

chiến sĩ nhảy vào hào giao thông, chia cắt địch, làm chủ toàn bộ cứ điểm 507, bắt gần 200 tên, trong đó có tên quan hai. Thừa thắng, toàn đại đội phát triển sâu vào trung tâm, rẽ trái, tiến công tiếp cứ điểm 509, bắt tên quan tư và 200 tù binh. Thế là “hai thiên thần gác cửa” của Đờ Cát hoàn toàn bị diệt. Tôi lệnh tiếp cho trung đội trưởng Chu Bá Thệ chỉ huy trung đội vượt qua cầu phao, theo bên sông phía nhà thương chặn địch, không cho địch ra phản xung phong. Vừa vượt qua cầu Mường Thanh thì bắt được tên sĩ quan ngự. Tôi quát lớn: “*Hầm Đờ Cát đâu?*”. Hấn chỉ vào khu hầm có anten trên nóc. Các mũi liền tỏa ra đánh chiếm từng chiến hào, từng căn hầm mở đường tiến nhanh vào sở chỉ huy Đờ Cát. ĐKZ của trung đội đồng chí Minh tiêu diệt 2 xe tăng của địch. Đồng chí Nhỏ dùng thủ pháo ném vào cửa hầm Đờ Cát. Chúng tôi cách cửa hầm Đờ Cát một tầng ném lựu đạn. Một tên qua năm Pháp lóp ngóp từ dưới bò lên xin hàng, mặt mày xám ngắt, hấn run run nói: “*Chúng tôi xin gặp các ông sĩ quan Việt Nam*”.

Tôi cử đồng chí Lam và đồng chí Hiếu bịt cửa hầm bên kia, còn Nhỏ và Hoàng Đăng Vinh cùng tôi vào cửa hầm bên này. Trong hầm vẫn còn sáng ánh điện, trần hầm có căng dù trắng. Các sĩ quan bộ tham mưu của tập đoàn cứ điểm nhìn ra cửa hầm bằng con mắt mệt mỏi lo âu. Đờ Cát vẫn đội mũ ca lô ngồi cúi mặt xuống bàn soạn tài liệu.

Tôi hô lớn: “*Giơ tay lên! Hãy lệnh cho toàn bộ quân Pháp ở Điện Biên Phủ ngừng bắn súng, ngừng ném bom!*”. Tất cả bọn chúng đều giơ tay qua đầu, tướng Đờ Cát đang xé tài liệu thì tôi chĩa súng vào và nói: “*Tại sao không giơ tay lên?*”. Tôi hạ lệnh cho 1 tên đứng cạnh đó dập tắt đám tài liệu cháy vừa đốt ở cửa hầm, rồi ra lệnh cho Đờ Cát: “*Hãy hạ lệnh cho quân lính ngừng bắn súng và máy bay không ném bom*”. Tướng Đờ Cát cầm máy điện thoại ra lệnh rồi bước mệt mỏi theo tôi ra ngoài hầm. Chúng tôi dẫn toàn bộ bộ tham mưu địch và Đờ Cát ra khỏi hầm, đưa về sở chỉ huy trung đoàn.

Lúc đó là 17 giờ 30 phút, ngày 7 tháng 5 năm 1954.

38. Tấm bản đồ quý báu và hầm ngầm A1 / Phạm Minh Thắng: ghi¹⁵ // Đồng Nai. – 2000. – Ngày 6 tháng 5. – Tr. 4

Tiểu đoàn trinh sát 426 nay là Đoàn 74 - Tổng cục 2, đã có nhiều thành tích trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ... Ba đại đội và hai cá nhân được tuyên dương “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. Những chiến công của các chiến sĩ trinh sát không được công bố rầm rộ, rộng khắp, nhưng nó mang

¹⁵ Theo Sự kiện & Nhân Chứng (ghi theo lời kể của đồng chí Nguyễn Việt Nguyên tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn trinh sát 426 cũ)

đầy ý nghĩa to lớn. Trong các trận đánh, các chiến dịch, các chiến sĩ đã thu thập nhiều tin tức quý báu về địa hình, địa bàn của địch cho Bộ để chỉ huy đánh thắng mọi âm mưu xâm lược của chúng.

Trình sát của chúng tôi bị hạn chế về nhiều mặt vì là chưa có thực tế Điện Biên Phủ, chưa biết hình thù nó ra sao nên không báo cáo được với Bộ rõ ràng. Phương thức trình sát của chúng tôi là ngày quan sát, tối màu vào các cứ điểm của địch giẫm đạp địa hình, để vẽ bản đồ phục vụ cho tác chiến. Đầu tháng 12 năm 1953, trong một đêm tiền nhập vào gần đồn địch, một tổ trình sát do đồng chí tiểu đoàn phó Nguyễn Ngọc Bảo chỉ huy đã thu được một dù ở chân rào. Các chiến sĩ của ta tưởng là dù hàng, nào ngờ lại là một bọc to bản đồ Điện Biên Phủ tỉ lệ 1/25.000 với đầy đủ các chi tiết về bình độ, địa hình mà địch vừa chụp ảnh hàng không đưa lên Điện Biên Phủ.

Tấm bản đồ có ý nghĩa hết sức to lớn trong việc giúp các trình sát nắm chắc bình độ, địa hình biết được các cứ điểm, đồn bốt quan trọng của địch để từ đó giúp bộ chỉ huy lực lượng quân đội ta vào tận sào huyệt diệt địch. Ngay lập tức, chúng tôi đã nhân lên thành nhiều bản để gửi đến từng tiểu đoàn bộ binh, đại đội binh chủng, đáp ứng yêu cầu tác chiến của đơn vị các cấp.

Đợt tấn công thứ 2, ta nhanh chóng tiêu diệt C1, D, E, riêng cứ điểm A1 do chưa nắm chắc cấu tạo của nó nên trầy trật. Trung đoàn bộ binh 174 trực tiếp tấn công A1, nhưng bộ binh địch liên tục phản kích ngay trong đêm. Chúng tôi quan sát kết hợp với thu tin đã báo cáo thẳng cho trung đoàn kịp thời đối phó, nhưng vẫn không chiếm được A1. Bộ tham mưu chiến dịch của ta quyết định đưa Trung đoàn 102 của Sư đoàn 308 thay thế Trung đoàn 174 để tấn công dứt điểm. Sau vài ba đêm tấn công mạnh mẽ nhưng ta vẫn chưa dứt điểm được, ta và địch mỗi bên chiếm một nửa A1, địch có nhiều phần lợi thế hơn là vì A1 chúng nắm quá rõ. Chúng ta không chiếm được vì lý do có hầm ngầm mà không phát hiện ra, chúng tôi được nhận nhiệm vụ điều tra phát hiện hầm ngầm A1. Nguyễn Ngọc Bảo chỉ huy một tổ trình sát lên A1 tổ chức điều tra hầm ngầm. Một đêm đi trình sát nơi mà ta chưa nắm chắc A1 có những gì? hình thù bên trong của nó ra sao? Chiến sự A1 có hàng rào dây thép gai và mìn dày đặc, tổ trình sát của ta gặp nhiều khó khăn, Nguyễn Ngọc Bảo dẫn anh em tiếp cận sát trên đồi A1. Thấy động, địch nổ mìn, nhả súng bắn. Anh cùng đồng đội bắn trả. Lực lượng của chúng lớn, cùng với nhiều loại vũ khí mới, địa hình thuận lợi nên chúng xối đạn vào chúng tôi. Đội trình sát bám từng mô đất, mô đá để leo tiếp. Trong khi vừa bắn trả, vừa né tránh những luồng đạn mạnh để leo qua hàng rào dây thép gai, một viên đạn từ nòng súng khác đã bắn trúng vào trán anh. Người chỉ huy trình sát dừng cảm ngã xuống ngay trên đồi A1 khi mà chiến thắng đang gần kề. Đồng đội đưa anh trở lại căn

cứ và mai táng. (Hiện nay Nguyễn Ngọc Bảo đã được Đảng và Nhà nước ta truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân).

**Diễn biến chiến dịch
Điện Biên Phủ**

* Chiến dịch 55 ngày đêm, quân và dân ta bao vây, tấn công 3 đợt: 13-3 đến 29-3, 30-3 đến 28-4, 1-5 đến 7-5.

* Khi quân ta nổ súng, lực lượng địch có 49 cứ điểm, 15 tiểu đoàn pháo và lính dù, các đại đội binh chủng... tổng cộng là 21 tiểu đoàn và 10 đại đội.

* Lực lượng ta trực tiếp tham gia chiến dịch gồm các đại đoàn: 308, 312, 316, 304, 3 trung đoàn pháo, 4 tiểu đoàn công binh,... Lực lượng phục vụ có 628 ô tô vận tải, 21.000 xe đạp thồ, 251.000 dân công...

* Kết thúc chiến dịch, địch bị diệt và bị bắt 16.200 tên (có 1 tướng, 16 đại tá, 353 sĩ quan cấp úy và tá); 62 máy bay bị bắn rơi và phá hủy. Ta thu được 28 đại bác, 10 súng phun lửa, 64 xe (có 3 xe tăng) và nhiều máy móc quân trang, quân dụng khác. Toàn bộ vùng Tây Bắc được giải phóng.

Vào trung tuần tháng 4 năm 1954, mặc dù còn giữ được nửa đồi A1 nhưng định tổ ra nao núng, sân bay và viện trợ của địch đã bị ta khống chế hoàn toàn. Binh lính địch không dám lộ đầu ra khỏi công sự, chúng sống chui rúc trong hầm hào ẩm ướt, hôi hám, nhớt nhúa. Trinh sát chúng tôi đã trở lại quan sát và nắm hầm ngầm A1 để chuẩn bị cho đợt tấn công tối ngày 6 tháng 5 năm 1954 dứt điểm Điện Biên Phủ. Chúng tôi kết hợp cùng các trung đoàn công binh đào đường ngầm dẫn đến

hầm ngầm đặt một tấn thuốc nổ. Chập tối, toàn bộ pháo của ta bắn dồn dập vào khu trung tâm, đạn hỏa tiễn 6 nòng từng viên đỏ lừ vun vút thành từng vệt dài, sáng thi nhau dội lửa vào Mường Thanh. Vào 9 giờ đêm 6-5, một tấn bộc phá đã nổ trong hầm ngầm A1. Ở A1 xảy ra một hiện tượng rung chuyển mạnh dưới lòng đất như động đất. Địch hoang mang không hiểu đó là tiếng nổ gì. Lúc này các trung đoàn bộ binh của ta xông tới bắt gọn địch, tịch thu vũ khí. Hôm sau, 7-5-1954 hàng loạt tên lính Pháp còn lại đã ra đầu hàng cùng các tướng lĩnh của nó. Điện Biên Phủ được giải phóng, vùng đất Tây Bắc được tự do.

39. THANH THẢO. Mở đường kéo pháo trong một ngày đêm / Thanh Thảo¹⁶ // Sự kiện & Nhân chứng. – 2004. – Số 122. – Tr. 58-59.

Mở đường kéo pháo. Đây không phải chỉ là việc sửa chữa mở rộng đường như việc mở con đường Tuần Giáo - Điện Biên Phủ nữa, mà là công việc mới hoàn toàn khác hẳn.

Bộ chỉ huy Mặt trận đã có một quyết định táo bạo dùng xe hơi kéo pháo từ Tuần Giáo vào tới cây số 9, ở quãng bản Nà Nham, rồi ngừng lại cắt pháo ra khỏi

¹⁶ Theo ký sự Đại đoàn Quân Tiên Phong

xe. Sau đó dùng sức người kéo cả mấy chục khẩu pháo, mỗi khẩu nặng hai tấn rưỡi, vượt qua ngọn Pha Sông, một đỉnh núi cao tới một 1.150 mét đường đi phải vượt qua cả một hệ thống núi dài tới 15 ki-lô-mét, từ phía đường số 41 bên này sang hẳn con đường mòn Lai Châu - Điện Biên Phủ ở phía tây. Sau đó lại kéo pháo trên núi cao thêm một chặng nữa, đến tận bản Nghịu rồi mới lập trận địa, nhằm đưa pháo kê vào ngay sọ quân địch mà bắn. Muốn vậy, ít ra cũng phải làm bằng được một con đường đủ rộng cho những khẩu pháo đặt bánh và lăn đi, vắt qua những ngọn núi cheo leo, hiểm trở chưa từng có vết chân người. Mà thời hạn chỉ có một ngày, một đêm, không hơn.

Vậy ai sẽ đảm đương công trình này? Một lần nữa, Bộ chỉ huy Mặt trận lại chọn đại đoàn 308 (Đại đoàn Quân Tiên Phong), thêm một tiểu đoàn công binh và năm đại đội sơn pháo giúp sức.

Ngay chiều hôm ấy, đồng chí Vương Thừa Vũ, đại đoàn trưởng, cùng một số cán bộ tham mưu bộ binh, pháo binh, công binh, xấn quân, cầm gậy leo lên đỉnh Pha Sông rậm rạp. Tuy trong tay không có một dụng cụ đo đạc nào, nhưng các đồng chí vẫn kiên trì lần từng vách núi, đo từng khe suối... dần dần vạch ra được một tuyến đường vượt núi.

Từ đêm 14-1-1954, mọi cán bộ, chiến sĩ tham gia làm đường đều đổ ra bờ suối hăm hở sửa soạn dụng cụ. Những chiếc lưỡi cuốc, lưỡi xẻng đã bắt đầu quần sau đợt “Mở đường thắng lợi” Tuần Giáo - Điện Biên Phủ, nay được mài sáng lại, sắc như dao.

Đúng 7 giờ sáng ngày 15-1, hơn năm ngàn người đã nhanh chóng rải đều ra trên các sườn núi. Gần như cùng một lúc, tất cả vùng cuốc xẻng, nhất tề tiến công vào núi hoang, rừng rậm. Ai nấy đều hiểu rằng, đây không phải là một công việc lao động giản đơn bình thường mà là một công việc có ý nghĩa lớn lao, chuẩn bị cho chiến dịch nhanh chóng thắng lợi, một công trình không kém phần nguy hiểm vì phải bí mật tiến hành ngay trước mũi quân thù. Chỉ một sơ suất nhỏ, để cho đài quan sát của địch ở Mường Thanh hoặc máy bay trinh sát của địch nhìn thấy là lập tức pháo của chúng giội lửa xuống, hoặc máy bay tới oanh tạc ngay. Rõ ràng, cần phải coi đây như một “trận chiến đấu lớn đầu tiên”, “một trận chiến đấu chưa nổ súng”! Đó là tư tưởng chỉ đạo của đảng ủy đại đoàn, là nội dung công tác động viên, cổ vũ của các cơ quan chính trị, các chính trị viên và giờ đây đã thực sự trở thành quyết tâm của hàng ngàn chiến sĩ.

Một giờ đi qua, rồi hai giờ. Những chiếc cuốc chim nhọn hoắt vẫn vung lên mạnh mẽ, theo nhịp tay đều đặn. Đá sỏi liên tục tóe lửa trên khắp các sườn núi. Những chiếc xẻng vẫn cắm sâu vào đất tạo thành những mảng vuông lớn, rồi các chiến sĩ cứ thế dùng đòn bẩy hết cả tảng lăn xuống vực sâu. Những cây vầu thi nhau đổ dập theo từng nhát chém vát ngọt sớt. Đôi lúc lại có một cây gỗ lớn cành

lá xum xuê bị chặt đứt mọi rễ con, rễ cái và lật nhào. Tiếng mìn phá đá thỉnh thoảng lại nổ ran, dội vào vách núi, lẫn với từng loạt đại bác địch từ Mường Thanh bắn hú họa ra các cửa rừng...

Đường vươn tới đâu, được ngay trang kín ngay tại đó. Có đoạn, chiến sĩ phải công phu đánh từng gốc cây ở xa đường đem về trồng cây ở suốt dọc hai bên đường, rồi dùng tre, bương dựng lên những giàn như giàn mướp lớn, cài kín mít. Có đoạn anh em phải vít cành cây có lá ở hai bên buộc lại tạo thành con đường ống kính mít bằng cây xanh.

Cuối cùng, chưa hết một ngày con đường kéo pháo đúng tiêu chuẩn đã được đại đoàn 308 và các đơn vị phối thuộc hoàn thành trước hạn định bốn tiếng đồng hồ.

Đứng bên con đường nồng nàn mùi đất mới, đồng chí tiểu đoàn trưởng công binh xúc động nói với đồng chí tham mưu trưởng đại đoàn:

- Anh ạ. Lúc đầu chúng tôi dự tính làm con đường này phải có bốn vạn dân công. Nhưng thật không ngờ, bộ đội ta làm nhanh đến thế.

Đồng chí tham mưu trưởng vui vẻ bắt tay người bạn công binh của mình: *Trong công trình to lớn này các đồng chí công binh và sơn pháo đã cùng chúng tôi chung lưng đấu cật với một tinh thần đoàn kết anh em rất đáng quý.*

Ngay trong đêm ấy, công việc kéo pháo vĩ đại mà sau này cả quân lẫn dân, cả trong nước lẫn ngoài nước đều thán phục kể lại như kể một câu chuyện thần kỳ, bắt đầu tiến hành. Các chiến sĩ đại đoàn 308 vừa góp phần làm xong con đường, giờ lại cùng các đại đoàn bạn cầm lấy sợi dây, đứng trên các trục tời kéo pháo. Suốt trong 9 đêm liền, đêm nào rừng núi Điện Biên Phủ cũng âm vang những tiếng hò, tiếng mõ gõ nhịp liên tục và gióng giả của các chiến sĩ ta kéo pháo.

40. THẾ TRƯỜNG. Về chiếc máy bay thứ 50 của địch bị bắn rơi ở Điện Biên Phủ¹⁷ / Thế Trường // Điện Biên Phủ nhân chứng sự kiện. – 2003. H. : Quân đội nhân dân. – Tr 151-157

Được biết anh Viên Kim Bảng là trung đội phó trung đội 2 đại đội 28 tiểu đoàn 394 pháo cao xạ 37 ly - đơn vị đã bắn rơi chiếc máy bay oanh tạc hạng trung B-24 và cũng là chiếc máy bay thứ 50 của địch bị tiêu diệt tại mặt trận Điện Biên Phủ, một sáng đầu xuân Mậu Dần, tôi đến số 50 Hàng Chuối để tìm anh tại nhà riêng nhưng không gặp. Người nhà anh cho biết anh đang có mặt làm việc ở công ty trách nhiệm hữu hạn Bắc Hà do anh và 1 số cựu chiến binh đứng ra thành lập để làm dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng ô tô tải. Trụ sở công ty đặt ở 36 phố

¹⁷ Tạp chí Lịch sử quân sự tháng 2/1998

Thi Sách cũng gần đó nên tôi tranh thủ đến ngay để đề nghị anh, với tư cách nhân chứng, kể lại cho tôi nghe về chiến công xuất sắc này của đại đội 828. Vì là bạn cùng chiến đấu ở Điện Biên Phủ, lại cùng binh chủng pháo cao xạ chỉ khác tiểu đoàn nên tuy bận công việc, anh Bằng vẫn vui vẻ nhận lời và sau đây là lời kể của người trong cuộc năm đó.

Đã đến giai đoạn 2 của chiến dịch Điện Biên Phủ, bộ đội pháo cao xạ được lệnh khép chặt vòng vây chờ ngày tổng công kích. Trên toàn mặt trận, tính đến ngày 11-4-1954 đã có 49 máy bay các loại của địch như Hen-cát, Bi-ê-cát, Hen-đi-vơ, C-47, C-119, L-19, B-26 bị cao xạ bắn rơi và pháo mặt đất phá hủy trên sân bay.

Chỉ còn 1 loại máy bay chưa bị trừng trị đó là máy bay ném bom hạng trung B24 mang tên Pri-va-tơ. Bộ máy tuyên truyền của Pháp lúc đó thường quảng cáo B-24 là “pháo đài bay” được “chế tạo đặc biệt”, có thể “tự hàn trên không khi bị thương tích” và “không loại súng nào có thể bắn thủng”. Công bằng mà nói, loại máy bay này cũng gây cho ta nhiều khó khăn. Nó lớn hơn nhiều so với loại máy bay chiến đấu khác, mang được nhiều bom hơn, bay cao hơn, bán kính hoạt động xa hơn. Nó có cái đầu khá dài, mỗi bên cánh lắp 2 động cơ nên lính cao xạ còn gọi là máy bay “năm đầu”. Đã có lần pháo cao xạ 37 ly cũng bắn B-24 nhưng không rơi, anh em cho rằng có lẽ vì vỏ nó dày quá mà cỡ đạn của ta lại nhỏ, chưa đủ sức công phá.

Sau những đợt bị pháo cao xạ của ta đánh trả quyết liệt, máy bay địch bị bắn rơi nhiều, chúng đã thay đổi chiến thuật bằng cách hạn chế sử dụng các loại máy bay khu trục chiến đấu như F-6F, F-8F, Hen-đi-vơ mà tăng cường các loại máy bay oanh tạc hạng nhẹ, hạng trung bay bằng ở độ cao trên 3000 mét để giải bom theo tọa độ đã tính sẵn trên bản đồ quân sự vào những mục tiêu mà chúng nghi ngờ là trận địa của quân ta. Trước thủ đoạn mới này của địch, bộ đội pháo cao xạ cũng bắt đầu thấy khó “làm ăn”. Vì tầm bắn hiệu quả của pháo 37 ly có hạn, địch lại bay cao quá tầm đó, đạn của ta tuy vẫn bắn tới nhưng xác suất trúng đích thấp, hiệu quả chiến đấu không cao.

Đầu tháng 4-1954, chỉ huy và Đảng ủy Trung đoàn 367 phát động trong các đơn vị pháo cao xạ và súng máy cao xạ toàn mặt trận đợt thi đua bắn rơi chiếc máy bay thứ 50 của địch trên bầu trời Điện Biên Phủ để mừng sinh nhật Bác Hồ. Hưởng ứng đợt thi đua này, quyết tâm của chi bộ Đảng và cũng là quyết tâm của toàn đại đội 828 chúng tôi nhất định phải bắn rơi bằng được chiếc máy bay thứ năm 50 dành phần thưởng cao quý về cho đơn vị. Quyết tâm 1, biện pháp 10, chúng tôi bảo nhau phải làm thật tốt mọi công tác chuẩn bị chiến đấu không để xảy ra 1 sơ suất nhỏ. Đại đội trưởng Đào Anh Luân, đại đội phó Nguyễn Đỗ Hưu, chính trị viên Nguyễn Anh Đào đến từng khẩu đội kiểm tra động tác của các pháo

thủ. Các chiến sĩ thông tin, trinh sát, trắc thủ đo xa tranh thủ mọi thời gian luyện tập không biết mệt mỏi.

Sáng ngày 24-4-1954, cả thung lũng Điện Biên Phủ chìm trong sương mù dày đặc. Đến 10 giờ, sương mới tan dần dưới ánh nắng mặt trời. Núi rừng trùng điệp hiện ra rục rờ. Trận địa chúng tôi bố trí giữa cánh đồng Bản Tấu nham nhờ hồ bom, hồ pháo, cây cỏ xác xơ trơ trọi, 11 giờ trời đã nắng như đổ lửa. Bầu trời trong vắt không 1 gợn mây. Đây là điều kiện tốt để máy bay địch hoạt động, khoảng 11 giờ 30 phút có tiếng động cơ máy bay âm ì nặng nề từ rất xa điềm xen tiếng bom nổ lúc rền lúc ngắt quãng vọng lại.

- *Hướng mười hai một bê hai bốn!*

Tiếng của chiến sĩ trinh sát thông báo cho toàn đại đội biết. Thì ra tiếng động cơ nặng nề đó là của B-24.

- *Về vị trí! Đại đội phó Huru hôm nay trực chỉ huy ra lệnh.*

Chỉ một giây sau, cả bốn khẩu đội đã về vị trí chiến đấu xong, nhanh hơn mọi lần vì hôm nay do háo hức lập công nên anh em đã chờ sẵn quanh mâm pháo.

- *Hướng mười hai tốc độ một hai mươi!*

Các nòng pháo vùn vụt quay về hướng núi Be Luông và cùng dừng lại ở 1 điềm nhất định.

Tiếng báo cáo vang lên dồn dập:

- *Bắt được mục tiêu!*

- *Bắt được mục tiêu!*

- ...

Cả 4 khẩu pháo đều nhanh chóng bắt được mục tiêu 1 phần vì chuẩn bị tốt, trời lại quang mây, 1 phần vì máy bay to lớn cồng kềnh lại bay bằng.

Chiếc B-24 đã nằm gọn trong kính ngắm của 4 khẩu pháo và của chiếc máy đo xa. Nó vẫn lúi lũi dẫn xác vào vùng nguy hiểm đang chờ sẵn...

Trắc thủ đo xa Nguyễn Ngọc Du thông báo cự ly đều đặn từ năm ngàn tư xuống bốn ngàn tư...

Các nòng pháo vẫn bám sát chiếc máy bay “năm đầu” đang bay vào mỗi lúc 1 gàn.

Tiếng trắc thủ đo xa vẫn vang lên đều đều:

- *Bốn ngàn hai... Bốn ngàn...*

Tôi đứng giữa khẩu đội 3 và khẩu đội 4 thấy đại đội phó Nguyễn Đỗ Huru đã giơ lá cờ đuôi nheo màu đỏ ra trước mặt.

Ba ngàn tám... ba ngàn sáu...

Khi chiến sĩ quan trắc vừa thông báo đến cự ly 3000 thì anh Huru hạ lệnh rất to cùng lúc vút mạnh lá cờ xuống:

- *Bắn!*

Loạt điểm xạ đầu tiên vút lên, đạn rất chụm, đi sát mục tiêu.

- *Bắn!*

Loạt đạn thứ hai lại vút lên. Vừa bắn tôi vừa quan sát đường đạn vì đầu đạn 37 ly có cấu tạo chất tiết sáng ở phía sau.

- *Chiếc đầu dài ngoẵng của máy bay bỗng tóe lửa nhiều chỗ. Có lẽ vài viên đạn pháo đã nổ trúng đầu nó cùng 1 lúc.*

Lệnh bắn tiếp tục. Và kia rồi, nửa đầu trước B-24 đã văng đầu mất trông cụt lủn chỉ còn lại 4 động cơ đang chới vói. Cả chiếc máy bay nặng nề không đầu rổng lên như 1 con quái vật bị đâm trúng họng, loạng choạng lao xuống đất giữa 1 vạt ruộng gần Bản Kéo trước khi bùng lửa đỏ rực và phụt ra các bùm khói đen ngòm.

Lệnh của đại đội phó:

- *Thôi bắn!*

Cả trận địa hò reo ầm ĩ. Một bầu không khí chiến thắng hồ hởi rạo rực bao trùm lan tỏa khắp đại đội. Bên kia núi, phía máy bay vừa rơi, 1 cột khói đen cuộn cuộn dựng lên cách đại đội 828 chúng tôi chỉ hơn 1 cây số. Các chiến sĩ bộ binh, pháo binh và cả 1 số anh chị em dân công gần đó đã ùa đến vây quanh chiếc “pháo đài bay hảo hạng” đang nằm chình ình, rúm ró chỉ cách hầm 1 khẩu đội lựu pháo 105 ly chừng 300 mét. Các chiến sĩ công binh đã phải làm hàng rào ngăn không cho mọi người vào gần vì sợ nguy hiểm bởi những quả bom 250 “bao” chưa ném hết còn văng ngổn ngang gần sát máy bay. Máy chiếc dù của êkip bay chưa kịp mở. Tên trung úy Măng-pha-nốt-ki lái chính chết cháy thui cùng đồng bọn trong khoang lái.

Trong đám đông nhốn nháo, tôi còn nhận ra chiến sĩ lái xe của đơn vị Nguyễn Thế Dậu đang dùng vòi cao su tranh thủ hút xăng trong bụng chiếc máy bay vào mấy chiếc can sắt loại 20 lít để mang về dự trữ cho tiểu đội xe kéo pháo của mình.

Đây là chiếc máy bay B-24 đầu tiên của Pháp do Mỹ chế tạo bị bắn rơi ở chiến trường Việt Nam và cũng là chiếc máy bay thứ 50 của địch bị đại đội 828 tiểu đoàn 394 chúng tôi quật ngã tại chỗ trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

41. TRẦN ĐỘ. Trước “giờ G” / Trần Độ // *Chuyện những người làm nên lịch sử: Hồi ức Điện Biên Phủ 1954 - 2009.* – H. : Chính trị Quốc gia, 2009. – Tr. 86

Tôi 26-1-1954, giữa lúc các đơn vị đang khẩn trương hành quân kéo pháo ra thì tôi được lệnh dẫn trung đội 3 đi về phía địch, chốt giữ trên đồi 633, cách cứ điểm đồi Độc Lập chừng 800m. Đồi 633 vốn là trận địa pháo 75 ly ta vừa chiếm lĩnh, quân ta đã rút về tuyến sau. Quả đồi có khe ở giữa ngăn đôi: Mỏm phía tây

cao hơn đồi Độc Lập, nằm sát con đường Điện Biên đi Lai Châu; mỏm nhỏ xoải chân ra nối liền với núi rừng phía đông.

Nửa đêm, chúng tôi đến đồi 633, gặp đồng chí Phạm Chương, Đại đội phó c915 và các đồng chí quân báo của trung đoàn đợi sẵn. Chúng tôi được giao nhiệm vụ bám chốt giữ vững không cho quân Pháp chiếm đồi 633 và giữ bí mật không để chúng phát hiện đây là trận địa pháo hay dấu vết bộ đội ta.

Trung đội tôi có 27 người, cộng thêm quân báo, thông tin, cứu thương, tất cả 32 người, do Đại đội phó Phạm Chương chỉ huy. Trời rất tối nhưng tôi có cảm giác địch ngay dưới chân mình. Đồi Độc Lập rực sáng ánh điện, những ánh chớp đầu nòng của pháo binh địch, những tiếng nổ rền vang không ngớt. Tuy đói và mệt nhưng mọi người bắt tay ngay vào đào hầm hào và làm các bệ bắn, chuẩn bị trận địa chiến đấu. Tiểu đội 3, đài quan sát, tổ thông tin



Ông Trần Độ. Sinh năm 1934
Trung đội trưởng, c915, d542, e165, f312

và vị trí chỉ huy của Đại đội phó được đặt trên mỏm cao. Tiểu đội 1 gồm tổ trung liên, các chiến sĩ súng máy và tôi đặt ở giữa hai mỏm đồi. Đào đến đâu ngụy trang kín đáo đến đó, lẫn trong những bụi cây rừng.

Trời sáng, chúng tôi vẫn vừa đào, vừa quan sát địch. Trận địa súng cối 120 ly, xe cộ, ụ súng, hầm lô cốt, hàng rào thép gai, những tên lính đi lại, thậm chí chúng đang giết trâu bò... đều phơi bày ngay trước mắt. Nhưng lúc này chúng tôi phải tuyệt đối giữ bí mật. Các tiểu đội đều có đường hào trú ẩn, hầm đều có nắp vững chắc đủ tránh đạn pháo địch.

Sáng 1-2-1954, đài quan sát phát hiện quân Pháp đang tiến đến đồi 633, có cả xe tăng yểm hộ. Chúng chia thành ba nhóm đến bên bờ suối dưới chân đồi thì dừng lại. Rồi một toán khá đông bắt đầu leo lên đồi, lúc này còn dày đặc cây dại mọc ngang ngực và trên đỉnh đồi là cây rừng già, rất kín đáo. Chúng vẫn chưa phát hiện ra trận địa ta, chắc chỉ đánh thăm dò, định chiếm thêm điểm cao để tăng cường phòng ngự phía bắc.

Đại đội phó Chương ra lệnh cho Trung đội 3 chớp thời cơ, chủ động nổ súng. Tôi quan sát toán địch vừa đi vừa vén những bụi lau lách để mở đường. Khi chỉ còn cách chừng 30m, tôi nâng súng lên chuẩn bị bóp cò thì bỗng chúng rẽ

ngọt hướng lên đỉnh đồi. Máy bay trinh sát sà xuống lượn mấy vòng rất thấp, cũng là lúc tiếng súng của tiểu đội 3 trên đỉnh đồi đã vang lên. Những tên lính Pháp kêu như bò rống, lăn cả xuống chân đồi. Toán đi sau tiếp tục xông lên bắn trả. Nhưng tiểu đội 3 đã kịp thời xả đạn, nhiều tên gục ngay tại chỗ.

Chừng nửa giờ sau, đạn cối 120 ly của địch bắt đầu rót xuống đồi 633. Những khẩu pháo trên xe tăng địch ngay dưới chân đồi cũng thi nhau nhả đạn, nổ chát chúa quanh chúng tôi. Cây cối đổ gãy rã rạc, khói bụi tung lên cao, mù mịt và khét lẹt. Vừa dứt tiếng đạn pháo, quân Pháp dưới chân đồi dàn hàng ngang xông lên. Chúng định bí mật vòng qua chỗ tôi để đánh vào sau lưng tiểu đội 3. Đồng chí Việt Hồng, tiểu đội trưởng tiểu đội 1 đã hiểu ý tôi, cùng siết cò lia hết băng đạn vào toán lính địch. Khẩu trung liên của xạ thủ Lộc rung lên nhả đạn cùng với tiếng hô bắn của tiểu đội phó Vinh. Quân Pháp nhiều tên chết, nhưng số đông nằm xuống xả súng bắn lại. Đồng chí Lộc, xạ thủ trung liên, là người bị thương đầu tiên, nhưng vẫn nhoai người lên bắn. Địch đến rất gần, chúng ném lựu đạn, chúng tôi đều chộp lấy ném trả, đúng bài bản đã được huấn luyện khá thuần thục. Nhiều tên giặc gục xuống khi những loạt đạn của tiểu đội súng máy quét sát căng chân những tên còn lại. Hàng ngũ giặc hỗn loạn, chúng hò nhau rút lui.

11 giờ, đạn đại bác địch lại liên tiếp rơi trên nóc hầm chúng tôi. Tiếng đại bác vừa dứt, khá đông quân địch lại xông lên đồi 633 từ nhiều phía. Đại đội phó Chương nhắc các tổ chiến đấu chú ý chi viện cho nhau, rồi anh chạy nhanh lên đỉnh đồi. Hầm tổ súng máy bị sập, các anh đều điếc đặc nhưng vẫn đội đất ngoi lên nổ súng hiệp đồng cùng các mũi chiến đấu đánh lui đợt tiến công mới của địch. Pháo địch lại tiếp tục bắn đến lộng óc. Trên đỉnh đồi vẫn im lặng, không thấy tín hiệu gì của chỉ huy đại đội. Tôi vội ra khỏi hầm, định lao lên vị trí chỉ huy đại đội thì thấy căn hầm của tổ trung liên đã thành một vũng sâu. Tôi xuống bới đất, thấy ngay nòng khẩu súng máy cong queo, các chiến sĩ tổ súng máy đã anh dũng hy sinh. Tôi chạy lên hầm chỉ huy đại đội, báo cáo và xin ý kiến đại đội phó Chương. Đồng chí cho biết đường dây thông tin lên tiểu đoàn đứt, vẫn chưa nói lại được và quyết định: *“Tất cả về vị trí chiến đấu! Súng trường, tiểu liên, lựu đạn, rồi cuộc xéng, dùng mọi vũ khí mà đánh!”*

Bọn Pháp tưởng pháo binh của chúng đã diệt hết chúng tôi, lại hùa nhau xông lên. Nhưng súng của chúng tôi đã lên tiếng ngay. Đang lúc khó khăn, 3 chiến sĩ từ tuyến sau đã kịp mang 100 quả lựu đạn và 1 khẩu trung liên đến tăng viện. Đợt xung phong này của địch diễn ra rất ác liệt ở khe núi, gây cho chúng tôi nhiều tổn thất. Đại đội phó Chương và hai chiến sĩ súng máy mới bổ sung hi sinh, khẩu súng máy hỏng nặng. Rất may, tổ quân báo kịp thời xuống tăng cường hỏa lực, khiến bọn Pháp không thể tiến thêm được bước nào.

Đợt tấn công thứ sáu của quân Pháp bắt đầu bằng máy bay ném bom, tiếp đó là pháo mặt đất giội xuống đồi 633. Bom nổ khoét từng hố sâu, đập vỡ từng mảng đất, đá lớn dưới sườn đồi. Bom na-pan đốt cháy cả cây rừng và lá nguyệt trang. Đồi 633 trở thành đồi cháy. Khi tiếng bom đạn vừa ngớt là tiếng súng máy của địch từ dưới bắn lên, từ trên bắn xuống. Tôi và Việt Hồng né mình bên nắp công sự, quay súng quét mạnh về phía quân Pháp. Những loạt đạn tiểu liên của chúng tôi phân nào cản được quân Pháp nhưng súng máy địch từ đỉnh đồi vẫn giội xuống. Lẽ nào tiểu đội 3 không còn ai? Liệu có khả năng mất trận địa? Vậy phải đồng thời đánh địch cả phía trước và bên sườn. Tôi chưa kịp ra lệnh cho các chiến sĩ còn lại của tiểu đội 1 và quân báo thì có những tiếng nổ lớn, tiếng hô xung phong của tiểu đội 3 từ đỉnh đồi vang lên. Phút hiểm nghèo đã qua. Tiểu đội 3 đã nhiều lần chi viện cho chúng tôi trong lúc nguy ngập.

Trời bắt đầu tối, bọn Pháp lách thếch kéo nhau rút lui. Chúng tôi đã đương đầu với sáu đợt tấn công của hàng trăm tên địch, hạ 67 tên. Bên ta 12 đồng chí hy sinh, hơn 10 bị thương, nhưng chúng tôi giữ vững trận địa. Đồi 633 vẫn đứng vững.

42. TRẦN HỒNG SƠN. Ký ức của một nữ chiến sĩ Điện Biên / Trần Hồng Sơn // Cựu chiến binh Việt Nam. – 2014. – Ngày 10 tháng 3. – Tr.7

Mới đây, chúng tôi có dịp trò chuyện cùng bà Nguyễn Thị Bạch Loan, chiến sĩ Điện Biên Phủ. Bà Loan nay đã đi vào tuổi 83 nhưng vẫn còn khỏe, vui vẻ hồn hậu. Bà sinh năm 1931 tham gia cách mạng lúc còn nhỏ tuổi, làm du kích, ban chấp hành phụ nữ xã. Bà vào Đảng năm 1949 đến cuối năm ấy bà gia nhập quân đội. Là nữ đảng viên trẻ đơn vị chọn đi học y tá, học tốt nghiệp về ban quân y Đại đoàn 308. Bà đã xung phong cùng bộ đội ra tuyến trước chiến đấu, và đã tham gia các chiến dịch như: Đồi Me ở Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc; chiến dịch Nghĩa Lộ - Tây Bắc, chiến dịch quốc tế giúp bạn Lào (gần 2 năm trên chiến trường Nam Lào) rồi trở về nước tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Trong chiến tranh cũng như hòa bình, bà có nhiều kỷ niệm nhưng sâu sắc nhất là chiến dịch Điện Biên Phủ. Ngày ấy, với nhiệm vụ cứu chữa và chăm sóc thương binh, bà luôn lách nơi chiến hào, dưới mưa bom bão đạn để kịp thời băng bó vết thương cho bộ đội, bị thương nhẹ băng bó xong tiếp tục chiến đấu, vết thương nặng chuyển vào tuyến sau. Có những đồng chí vết thương nặng vẫn bám trận địa không rời vị trí. Vào những đợt đánh lớn bộ đội bị thương vong nhiều, chuyển về sau không kịp, phải điều trị dưới chiến hào, gặp lúc trời mưa lớn nước trào vào hầm, chị em vừa lo tát nước, vừa kê, nâng đỡ chỗ nằm cho thương binh... có những đêm mùa đông, rừng núi Điện Biên rét lạnh như cắt da. Thấy chị em mỗi người được trang bị chiếc chăn đơn, bà đã vận động nhường đắp cho thương

binh, còn chị em chịu rét co ro, ngồi tựa lưng vào nhau thức thâu đêm... Bà Loan nhớ lại: nhiều lúc vận chuyển thương binh thiếu võng, cáng bà phải cống thương binh trên lưng. Gặp mưa đường trơn trượt, chân toạc máu nhưng phải gắng gượng quyết tâm bảo vệ thương binh an toàn.

Kỷ niệm Điện Biên không chỉ có sự khốc liệt hy sinh, gian khổ mà còn là sự đoàn kết, tình yêu thương, tình đồng chí chia ngọt sẻ bùi: “...*Bát cơm sẽ nửa, chăn sui đắp cùng*” (Tố Hữu). Anh em thương binh không chỉ chịu đựng đau đớn, còn phải chịu đói khát, rét lạnh... Chiến dịch lâu dài, bà và mọi người hầu như không đêm nào có được giấc ngủ trọn vẹn.

Sau chiến thắng, mọi người hướng về Thủ đô Hà Nội nhưng nhiệm vụ của bà phải đi với anh em thương bệnh binh về sau cùng. Về Thủ đô Hà Nội bà công tác ở Viện Quân y 103, sau đó được đi học y sĩ rồi lập gia đình. Bà kể: Hồi ấy, ông Lê Tấn Bình là bộ đội miền Nam tập kết đi học bác sĩ bà đã yêu ông với tình cảm chân thành nhưng ngặt nỗi bà hơn ông 2 tuổi nên có lúc ngại ngùng, chao đảo... Thế rồi được ông an ủi, động viên và bạn bè vun vén vào. Sau đó đám cưới được đơn vị đứng ra tổ chức đơn giản, vui vẻ... Dù đã có vợ nhưng ông Bình vẫn tiếp tục học đại học, còn bà vừa công tác vừa sinh con. Ông Bình sau khi tốt nghiệp bác sĩ lại lên đường vào chiến trường miền Nam, bà thấy ông tỏ ra băn khoăn bà đã động viên ông yên tâm lên đường, bà ở lại vừa công tác vừa chăm sóc các con cũng như bao phụ nữ khác.

Ở chiến trường liên lạc khó khăn bà và các con mong chờ tin tức ông. Thế rồi năm này qua năm khác, mãi cho đến 14 năm sau ông được chở ra miền Bắc thăm gia đình rồi lại tiếp tục đi tu nghiệp 8 năm ở nước ngoài (Trung Quốc 4 năm, Tiệp Khắc 4 năm). Năm 1983 ông Lê Tấn Bình là Phó giám đốc Bệnh viện Quân y 175 tại TP. HCM. Sau đó được điều động sang làm Viện trưởng Quân y Viện 600 ở Phnom Penh đến khi quân đội ta hoàn thành nhiệm vụ quốc tế giúp bạn.

Bà Nguyễn Thị Bạch Loan nữ chiến sĩ Điện Biên Phủ trong chiến tranh cũng như thời bình, luôn tự hào đã hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tháng 11/1983 bà nghỉ hưu với quân hàm trung tá, hiện ở số 11 Phạm Ngũ Lão, P.3, Q. Gò Vấp. Mặc dù công tác trong ngành y vất vả, xa nhà... nhưng bà đã động viên hướng cho các con học tập tiếp bước truyền thống gia đình. Hiện nay con gái đầu của bà là Trung tá quân y Lê Thị Ánh Hồng, con rể Hồ Quang Trường, thượng tá quân y, con dâu Đinh Thị Hà thiếu tá quân y. Tất cả đều công tác tại bệnh viện Quân y 175.

Bà Loan kể thêm mỗi lần họp mặt chiến sĩ Điện Biên, tuổi già thường hoài niệm quá khứ, kể chuyện ký ức chiến tranh. Bà nhiều lần được mời kể chuyện Điện Biên cho giới trẻ và cảm nhận thế hệ trẻ vẫn luôn trân trọng, tri ân và tự hào

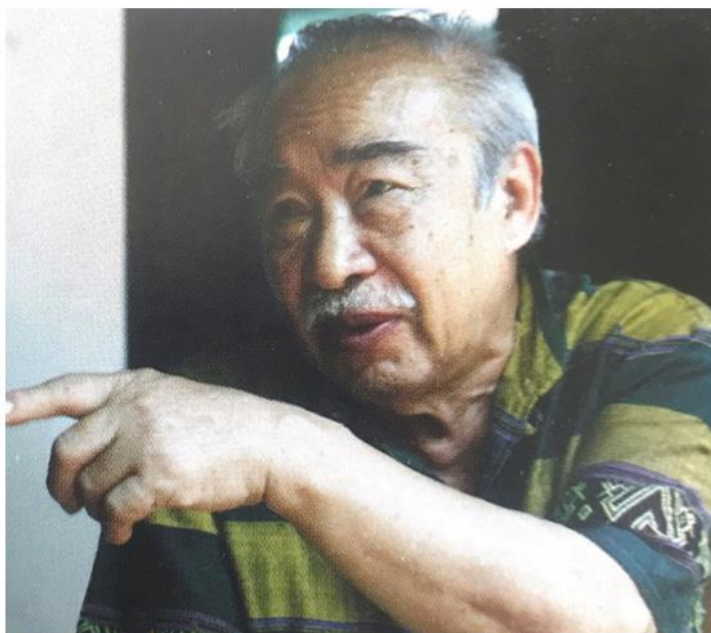
về thể hệ cha anh đã đổ bao máu xương để giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

43. TRẦN QUÂN LẬP. Đợt tiến công thứ nhất / Trần Quân Lập // Chuyện những người làm nên lịch sử: Hồi ức Điện Biên Phủ 1954 - 2009. – H. : Chính trị Quốc gia, 2009. – Tr. 99

Him Lam là một vị trí quan trọng của địch. Cụm cứ điểm này là tiền tiêu của tập đoàn cứ điểm nên địch phòng thủ rất chắc chắn. Lúc đó, nó tưởng ta không đánh được, cho rằng Him Lam bất khả xâm phạm. Một tiểu đoàn địch chia nhau đóng tại 3 mỏm của quả đồi. Tiểu đoàn này toàn lính lê dương của Pháp, nổi tiếng thiện chiến. Nó đào hầm sâu, công sự rất kiên cố.

Khi chúng tôi nhận lệnh đánh Him Lam, toàn thể anh em đều quyết tâm chiến đấu đến cùng. Công tác chuẩn bị của mình rất chu đáo, cẩn thận. Ta dùng 2 trung đoàn đánh trận mở màn. E209 đánh một mỏm là cứ điểm 1, còn 2 cứ điểm kia do e141 phụ trách.

Ta chuẩn bị tinh thần sẽ đánh một trận lớn. Công tác điều tra nghiên cứu, chuẩn bị đánh chu đáo, tỉ mỉ. Từ lãnh đạo đến chiến sĩ đều phấn khởi do được vinh dự đánh trận mở đầu chiến dịch. Ta biết địch có hầm, hào kiên cố nên động viên anh em chuẩn bị chu đáo. Tinh thần, ý chí chiến đấu của bộ đội trước trận ấy rất tuyệt. Một đêm tôi lên đồi xem anh em đào công sự thế nào. Trời sáng sao, thi thoảng pháo sáng vút lên, ánh sáng mờ mờ. Lên tới nơi, tôi thấy quang cảnh thật là hùng vĩ. Xung quanh đồi cao nhìn xuống thấy bát ngát, pháo sáng lóe ra, tia lửa vụt lên. Trung đội 130 đang đào công sự cho pháo là trung đội của Trần Can, mới được đề bạt làm trung đội trưởng. Trong ánh sáng nhập nhòa, tôi thấy anh em nhễ nhại mồ hôi. Tinh thần vĩ đại quá. Trong tôi có một cảm xúc rất kỳ lạ, cái rung cảm về sự vĩ đại của con người.



Ông Trần Quân Lập. Sinh năm 1926
Chính ủy e209, f312

Ngày 13-3 nổ súng, pháo của ta bắn rất chính xác, ngay từ loạt đạn đầu đã bắn trúng chỉ huy sở tiểu đoàn làm tiểu đoàn trưởng địch chết. Trung đoàn 209

đánh chưa đầy tiếng đồng hồ đã xong cứ điểm đầu. Thương vong phía ta 27 người, không phải là nhiều với trận mở màn như vậy.

Trung đoàn 141 đánh hai mồm kia vất vả hơn, hơn 2 tiếng mới giải quyết cứ điểm 2 và hơn 4 tiếng sau mới giải quyết cứ điểm cuối cùng. Khi Trung đoàn 209 chúng tôi giải quyết xong thì có trách nhiệm chuyên lực lượng để chi viện cho e141. Chúng tôi khai thác tù binh: “ Mồm kia đi thế nào? Muốn đánh sang như thế nào? Có mấy hàng rào?...” Chúng tôi muốn hỗ trợ 141 nhưng không đi được, cũng sốt ruột. Sau này, e141 cũng giải quyết xong do có chi viện



Ông Trần Quốc Chân. Sinh năm 1928
Trung đội trưởng b2, c827, d394, e367 (pháo cao xạ) f351

của Bộ. Khi khó khăn cuối trận, Bộ tập trung lực lượng diệt trận địa pháo của địch ở đồi D. Bốn khẩu pháo của nó bắn yểm trợ Him Lam làm 141 khó đánh. Khi ta diệt xong pháo thì 141 hoàn thành nhiệm vụ.

44. TRẦN QUỐC CHÂN. Trước “giờ G” / Trần Quốc Chân // Chuyện những người làm nên lịch sử: Hồi ức Điện Biên Phủ 1954 - 2009. – H. : Chính trị Quốc gia, 2009. – Tr.109

Từ 15-3-1954, đại đội chúng tôi bám trụ trên cánh đồng bản Mền, ngay sát chân đồi Độc Lập. Sáng sớm ngày 17-3, máy bay địch bỗng kéo đến nhiều hơn thường lệ. Chúng đánh thẳng vào các trận địa pháo cao xạ trong đó có đại đội tôi. Địch đánh hết đợt này đến đợt khác nhưng chúng tôi vẫn giữ vững trận địa. Quá trưa, địch tăng cường thêm máy bay ném bom B24, B26 trút bom xuống đầu chúng tôi. Tiếng đạn pháo xem lẫn tiếng bom nổ chói óc, khắp trận địa khói bụi mù mịt, các chiến sĩ ngồi trên băng pháo như ngồi trên võng đung đưa. Pháo ta bắn đỏ cả nòng, lá ngụy trang buộc quanh nòng pháo bốc cháy như những bó đuốc.

Bỗng hai chiếc Hen cát từ dãy núi phía tây lao đến, Đại đội trưởng Dương Bá Xanh ra lệnh bắn. Hai quả bom rơi trúng trung đội 1, trận địa bỗng tối sầm, cả mâm pháo khẩu đội 1 bị hất tung lên và chiếc máy ngắm của khẩu đội 2 bị một mảnh bom phạt gãy. Chiếc máy bay thứ hai ném tiếp hai quả bom, khoét sỏ chỉ huy đại đội thành một cái ao sâu hoắm. Ban chỉ huy đại đội, các cán bộ chiến sĩ phục vụ công tác chỉ huy và tôi ở gần đó đều bị bom vùi. Tôi được moi lên đầu

tiên, chỉ choáng nhẹ chứ không thương tích. Chúng tôi tập trung đào bới hầm chỉ huy. Đại đội trưởng Dương Bá Xanh, Đại đội phó Bùi Văn Phú cùng một số cán bộ, chiến sỹ trung đội hy sinh. Chính trị viên Nguyễn Văn Trúc cùng bảy chiến sỹ khác được cứu sống nhưng ai nấy đều lả đi, mềm nhũn. Giữa lúc đó, Chính trị viên phó tiểu đoàn Đặng Trình kịp thời đến với chúng tôi. Anh thay mặt tiểu đoàn chỉ định tôi là Trung đội trưởng Trung đội 2, tạm thay thế Đại đội trưởng chỉ huy cán bộ chiến sỹ còn lại tiếp tục chiến đấu. Anh cũng kêu gọi toàn thể cán bộ chiến sỹ Đại đội 827 biến đau thương thành sức mạnh, còn một khẩu đội vẫn tiếp tục chiến đấu để trả thù cho đồng đội. Chỉ còn lại hai khẩu đội, chúng tôi vẫn bắn mạnh giữa tiếng bom nổ, cát bụi mịt mù. Đang bắn, pháo của khẩu đội 4 bị tắc, đồng chí Chức cán bộ quân giới hy sinh. Thế là chúng tôi chỉ còn một khẩu pháo. Từng loạt đạn từ khẩu pháo ấy vẫn tiếp tục nhằm quân thù bắn cho đến khi mặt trời xuống núi.

Sau đó tôi mới biết ngày 17- 3 là ngày tướng Navarre ra lệnh huy động toàn bộ lực lượng không quân Pháp ở Bắc bộ lên mặt trận Điện Biên Phủ để tiêu diệt pháo cao xạ Việt Minh. Sau hai ngày chiến đấu 17 và 18-3, pháo cao xạ chúng tôi đã bắn rơi 6 máy bay địch, trong đó Đại đội 827 của tiểu đoàn 394 đã bắn rơi chiếc máy bay ném bom B26 đầu tiên trên chiến trường Điện Biên Phủ.

45. TRẦN VĂN QUANG. Chúng tôi “phối hợp” với Điện Biên ở Sài Gòn / Trần Văn Quang // Cựu chiến binh Việt Nam. – 2004. – Ngày 7 tháng 5. – Tr.4.

Giữa tháng 3, tại mặt trận Điện Biên Phủ, quân ta nổ súng tấn công. Tháng 4, tôi được lệnh của Ban chỉ huy Tỉnh đội Bà Rịa - Chợ Lớn đi vào Sài Gòn chuẩn bị chiến trường cho bộ đội chủ lực của tỉnh. Tôi phải vẽ bản đồ các đồn bót do lực lượng của Bảy Viễn án ngữ phía Nam Sài Gòn: cầu Rạch Ông, cầu Chữ Y dài theo con kênh đến cầu Nhị Thiên Đường.

Năm ấy, tôi là tổ trưởng quân báo liên huyện Cần Đức - Cần Giuộc - Nhà Bè thuộc tỉnh Bà Rịa - Chợ Lớn.

Khó khăn đầu tiên là phải vượt qua sông Soài Rạp, chỗ hẹp nhất cũng rộng đến một cây số. Tàu của giặc Pháp tuần tiểu thường xuyên trên sông.

Một đêm tối trời, 5 chiếc xuồng thông của chúng tôi xuất phát từ căn cứ rừng Sác vừa ra đến sông Cái thì lọt vào trận phục kích của lính Cao Đài bót Bình Khánh. Bọn giặc để chiếc xuồng đi đầu qua êm rồi bảnh bắn mạnh vào chiếc thứ hai và thứ ba. Đồng chí tiểu đội trưởng cầm tiểu liên ngồi trên xuồng thứ hai hi sinh ngay loạt đạn đầu. Tôi ngồi thứ ba phóng xuồng sông lặn vào bờ thoát chết.

Về lại căn cứ, chúng tôi tổ chức lại và 7 ngày sau đi tiếp. Lần này đi trên 3 chiếc xuồng ba lá. Loại xuồng này gọn, nhẹ, nhảy sông rất tốt không có chèo, người ngồi trên xuồng mỗi người cầm một cây dầm lúc qua sông bơi hết tốc lực.

Ra giữa sông đung tàu của giặc Pháp đi tuần. Thế là mọi người nhảy xuống nước lật úp xuống lại. Sông rộng sóng to, đèn trên tàu dọi xuống loang loáng nhưng giặc không phát hiện được. Tàu qua rồi, lật xuống lại, tát nước phóng lên bờ tiếp vào bờ.

Vào thành phố, cải trang thành học sinh sinh viên hòa vào dòng người đông đúc, tôi bắt liên lạc với một cơ sở mật của ta đang là lính của Bảy Viễn. Anh bố trí chỗ ăn ở và hướng dẫn tôi đi nghiên cứu các mục tiêu, mà trọng tâm là tổng hành của Bảy Viễn đóng gần cầu Chữ Y.

Sau 7 ngày thì xong. Tất cả tài liệu như sơ đồ, đồn bót lực lượng cụ thể từng nơi, cùng với trang bị vũ khí, tôi cho vào một ruột xe đạp buộc chặt vào thắt lưng theo anh em đội trinh sát liên huyện vượt sông trở lại Rừng Sác. Đồng chí Lương Văn Nho lúc ấy làm tham mưu trưởng tỉnh đội xuống căn cứ huyện nghe tôi báo cáo về đề hướng dẫn lập sa bàn nghiên cứu tác chiến.

Tôi hỏi anh Hai Nho (sau này là Thiếu tướng Phó tư lệnh Quân khu 7):

- *Mình đánh sát Sài Gòn quá, chịu sao nổi phi pháo của giặc?*

Anh ấy cười và ôn tồn giải thích:

- *Chủ lực cơ động của giặc bót ra ngoài Điện Biên Phủ. Tình hình đang biến chuyển có lợi cho ta. Khác trước nhiều lắm. Chủ lực của tỉnh phải tiến lên sát Sài Gòn, sẽ trụ lại trên đó và đánh cả vào ban ngày.*

Quả thật tình hình sau đó chuyển biến rất nhanh. Pháo địch giảm rõ rệt. Bên Gò Công, bị bộ đội vây đánh, trong một đêm, giặc rút chạy bỏ 50 đồn bót, nhân dân xông vào đốt, lửa cháy đỏ một góc trời, đứng bên cầu Cần Giuộc - Nhà Bè vẫn nhìn thấy lửa.

Pháp thua ở Điện Biên Phủ buộc phải ký Hiệp định Geneve, đình chiến ở Đông Dương, hai bên tập kết chuyển quân. Tôi được cấp trên cử ra bót Lý Nhơn gặp tên quan ba người Pháp chỉ huy tiểu khu Lý Nhơn, Đồng Hòa, Cần Giờ để thảo luận về con đường và phương tiện vận chuyển bộ đội từ căn cứ Rừng Sác ra Khu tập kết Xuyên Mộc, để từ đó ra miền Bắc.

Mới đó mà đã 50 năm, ngày ấy tôi còn là một thanh niên 26 tuổi, nay đã 76. Nhắc lại chuyện xưa để mọi người cùng tự hào về một thời oanh liệt.

46. Vận tải trong chiến dịch Điện Biên Phủ / Xương Giang, Hoàng Anh: tổng hợp // Cựu chiến binh Việt Nam. – 2014. – Ngày 10 tháng 4. – Tr. 1, 3.

Chiến thắng Điện Biên Phủ “lùng lẩy năm châu, chấn động địa cầu” chính là biểu tượng sinh động của chiến tranh nhân dân sức mạnh Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Đặc trưng nổi bật là sự động viên, tổ chức lực lượng toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Đây là chiến dịch tập trung cao nhất lực lượng các đơn vị chủ lực, các đơn vị binh chủng như pháo binh, cao xạ phòng

không, công binh, thông tin... cũng là chiến dịch huy động cao nhất các lực lượng thanh niên xung phong dân công để vận tải tiếp tế cho chiến dịch.

“Dũng sĩ xe thô”

Ông Phạm Nga Ty, sinh năm 1929, vốn là thợ sửa chữa xe đạp ở vùng quê Phổ Yên, Thái Nguyên. Đi tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ ông mang theo chiếc xe đạp Xtéc-ling của Pháp và được cử làm đội trưởng đội xe thô trên cung đường từ Bờ Đậu đến Bình Ca. Mỗi chiếc xe đạp được gia cố một đoạn tre buộc vào khung dọc, khung ngang để mang được từ 200 đến 250 kg. Tay lái và cọc yên thì nối dài điều khiển thuận tiện và giữ thẳng bằng. Nan hoa xe đạp được nẹp thêm tre tăng độ cứng và sức chịu đựng. Để xe không bị nổ lốp các ông đã có sáng kiến lấy vải màn hoặc xé ống quần thành từng dải rồi quấn vào xăm xe trước khi bơm. Sau đó lại dùng những đoạn xăm cũ quấn vào lốp một lần nữa. Chiếc xe của ông Ty thường chở được trên dưới 300kg. Một lần vượt đèo Khế, ông còn chở thêm 20kg cho một chị dân công bị sốt và đạt kỷ lục 340kg. Ông Phạm Nga Ty được suy tôn là “Dũng sĩ xe thô”. Chiến dịch Điện Biên Phủ đã huy động 2 vạn xe đạp thô trên khắp ngã đường.

Đôi bò gánh gạo

Đi dân công Điện Biên Phủ, bà Nguyễn Thị Xuân, mới 22 tuổi ở thôn Ngô Xá, xã Toàn Thắng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ chỉ mang 1 đôi bò để gánh gạo. Trong 1 chuyến gạo nuôi quân ấy, bà bị bom nổ chậm hết xuống vực sâu. May mắn bà vướng vào 1 gốc cây và kịp thời túm được những chiếc rễ để không bị rơi tiếp. Tuy người đau ê ẩm nhưng bà cố bám vào các mỏm đá, gốc cây treo ngược lên. Tới mặt đường bà nghe thấy nhiều tiếng kêu cứu ở xung quanh. Biết là chị em mình bà quên cả đau đớn, mệt mỏi, cố sức đào bới đất đá, cây que và cứu được 7 người. Thoát chết nhưng bà tiếc ngẩn ngơ vì đôi bò đã bay xuống vực, không còn cùng bà gánh gạo ra chiến trường. Bà động viên anh chị em trong đội dân công giữ gìn hạt gạo cho bộ đội ăn no đánh thắng. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc, chỉ riêng công tác hậu cần tại chỗ đã đưa vào tới bếp ăn tại chiến hào được 55 tấn lương thực, thực phẩm bằng đôi vai và bàn chân trần.

Ngựa thô lên Điện Biên

Ông Đỗ Xuân Lộc sinh năm 1930, tại thành phố Yên Bái, nhập ngũ năm 1948, vào đảng năm 1949, tổ trưởng liên lạc của tỉnh đội Yên Bái. Sau khi đi học trường chính trị Phùng Chí Kiên, ông làm chính trị viên đại đội của tiểu đoàn 42, trung đoàn 249 chiến đấu trên khắp địa bàn Bắc Ninh, Vĩnh Phúc. Từ năm 1953, ông được giữ cương vị Chính trị viên đại đội, vận tải ngựa của Cục hậu cần, Khu Tây Bắc. Khi chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ thì đại đội ông có nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, đạn dược, lương thực phẩm, hàng hóa từ Thượng Bằng La (ngã ba Yên Bái; Nghĩa Lộ) vượt đèo Lũng Lô qua Phù Yên đến chân đèo Chèn

(Sơn La) thì bàn giao cho đơn vị khác chuyển lên Còi Nòi, Tuần Giáo, Điện Biên. Ông kể:

Thời gian cứ đi 3 ngày thì nghỉ 1 ngày. Đại đội toàn anh em lính trẻ, xuất thân nông dân, nhiều người không biết chữ, vào đơn vị được học chính trị, văn hóa, biết đọc, biết viết, lại có thư nhà báo tin cải cách ruộng đất được chia ruộng vườn, trâu bò thì phấn khởi lắm. Nhiều anh không ngủ trưa để ra rừng đan mũ nan, vót dũa, vót tăm, nhiều nhất là chăm sóc ngựa như đuổi mòng, chải lông, chải bờm, cho ăn cỏ, tắm rửa như 1 anh nông dân có con trâu riêng vậy. Ban đầu chúng tôi không biết là vận chuyển cho chiến dịch Điện Biên Phủ. Khi đường 13 mở xong, đại đội đi lẫn với bộ đội, xe pháo ngổn ngang, dân công nườm nượp như chảy hội thì hóng chuyện mới biết. Thấy vinh dự quá nhưng cũng rất tủi thân. Nhất là chị em thanh niên xung phong, dân công, cứ thấy chúng tôi đi cùng đoàn ngựa thồ lúc lúc đi theo là hò lơ:

Chồng người ra trận lập công/

Chồng em lóc cóc làm ông ngựa thồ;

hay là:

Nghe chức giám mã tướng oai/

Hóa ra cắt cỏ ở ngoài bãi sông...

Thế là cả đoạn đường rộ lên tiếng cười, tiếng trêu chọc không ngớt... Ngày ấy, cán bộ chúng tôi có hai điểm phải tránh là không dao động tư tưởng và không tham ô, hủ hóa. Mọi lời nói, việc phải gương mẫu. Chính vì vậy mà chúng tôi động viên được anh em; có đồng chí bị sốt rét bắt ở lại thế mà hai hôm sau đã đuổi kịp đơn vị, vì ngựa của mình giao cho người khác không quen dễ sinh hư. Có anh thức suốt đêm đốt quả bồ kết xong cho ngựa bị đầy hơi, chướng bụng... Còn hàng hóa khi ấy hiếm lắm, có người phải đổi 1 chiếc đồng hồ đeo tay để lấy gói thuốc lào. Vậy mà đơn vị chúng tôi không ai tơ hào, hàng không hao hụt. Gạo để người ăn, thóc cho ngựa ăn mang riêng tính theo cung đường. Mỗi tháng đại đội vận chuyển được khoảng 30 tấn hàng, luôn luôn bảo đảm kế hoạch cho đến khi hết chiến dịch.

47. VĨNH KHANG. *Cứ điểm A1 những giờ phút cuối cùng / Vĩnh Khang*
// Nhân dân. – 2014. – Ngày 5 tháng 5. – Tr. 1-2.

Sau hai lần tiến công cứ điểm A1 chưa thu được nhiều kết quả, tối ngày 6-5-1954, hiệu lệnh tiến công đợt 3 của toàn chiến dịch vang lên, đó cũng là thời khắc Trung đoàn 174 (Đại đội đoàn 316) của quân đội ta tổ chức tiến công ở cứ điểm A1 lần thứ ba. Trung tướng Nguyễn Hải Bằng, nguyên Đại đội trưởng đại đội 315 (C315), thuộc Tiểu đoàn 249, Trung đoàn 174 nhớ lại những giờ phút chiến đấu ác liệt cuối cùng đó...

A1 là cứ điểm quan trọng bậc nhất trong hệ thống phòng ngự trên các cao điểm phía đông của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ và cách sở chỉ huy của tướng Đờ Cát-xơ-ri khoảng 500m. Nếu sử dụng hỏa lực bắn thẳng từ đồi A1, ra hoàn toàn khống chế các hoạt động trên mặt đất của sở chỉ huy địch. A1 chính là “chìa khóa vàng” và bàn đạp vô cùng lợi hại để triển khai lực lượng tiến công đánh chiếm khu trung tâm và sở chỉ huy địch. Tuy chỉ là một cứ điểm chiến thuật nhưng rất nhạy cảm về chiến dịch, có ý nghĩa quyết định đến hành động chiến dịch của cả hai bên.

Để chuẩn bị cho trận tiến công lần này, ta phải đào đường hầm để đưa khối bộc phá 1.000 kg sát hầm ngầm địch, khi điểm hỏa sẽ đánh bay toàn bộ hầm ngầm. Anh em công minh, bộ binh phải đào liên tục trong 14 ngày. Bên trong phải đào buồng để đặt khối thuốc nổ cao 1,5m, rộng 1,5m. Vừa đào bên trong vừa bố trí lực lượng giữ cửa hầm để phòng địch xuống phá. Theo báo cáo của công binh, ta đã đào được 49m, có khả năng nằm ngay dưới hầm ngầm. Để có thuốc nổ làm bộc phá, công binh phải tìm chỗ máy bay B24 của địch bị bắn rơi lấy bom và bom nổ chậm, tháo ngòi, cưa lấy thuốc. Gôm mỗi cũng được 1.000 kg.

Đúng 20 giờ 30 phút ngày 6-5-1954, theo hiệu lệnh tiến công đợt 3 của toàn chiến dịch, Đại đoàn trưởng 316 Lê Quảng Ba hạ lệnh cho Trung đoàn 174 tiến công đợt 3 cứ điểm A1. Các chiến sĩ ở tuyến 1 đã quay lưng lại đồi A1, há miệng để chống sóng xung kích của khối thuốc nổ 1.000 kg được đặt sát hầm ngầm của địch. Nhưng khác với sự chờ đợi của mọi người, không có tiếng nổ lớn như dự kiến. Chỉ thấy một tia chớp lóe lên kèm theo tiếng “ục” nặng nề om dưới lòng đất như một quả bom nổ chậm của địch. Cần biết rằng, xác định bộc phá nổ là một quyết định vô cùng khó khăn, bởi nếu nổ rồi bộ đội xung phong kịp thời cơ sẽ thuận lợi, ngược lại, sẽ vô cùng nguy hiểm. Sau này, Đại tướng Tổng Tư lệnh chiến dịch Võ Nguyên Giáp hỏi Đại đội trưởng công binh: “*Vì sao chỉ thấy tiếng nổ nhỏ?*”. Đại đội trưởng thưa: “*Bộc phá càng nổ nhỏ, om sức công phá càng lớn*”. Còn trong cuốn hồi ký của viên quan ba Pháp Pu-ghét, chỉ huy cứ điểm A1, có viết: một sự rung rinh chạy suốt chòm đồi, đất đá rung chuyển và một tiếng nổ át cả các tiếng nổ khác, tiếng gầm kéo dài vài giây trong lòng đất với âm lượng trầm, đỉnh đồi bị vệt, một bộ phận của Đại đội 2 mất tăm, quân Việt Nam lọt vào cửa mở, chiếm miệng phễu trên đỉnh, nhảy lên trên chúng tôi, một lúc sau tôi mới hiểu rõ tình thế.

Trong thời khắc vô cùng khó khăn để đưa ra quyết định, Trung đoàn trưởng 174 Nguyễn Hữu An đã rất tinh táo lệnh cho các đại đội xung phong. Khối thuốc nổ đặt chưa đúng vị trí theo ý muốn là ngay dưới hầm ngầm của địch, còn cách 30 m, cho nên đã hất tung cả đoạn chiến hào, phá sập một đoạn trận địa tạo thành hình phễu rộng khoảng 15 m, sâu 10 m. Nhớ lại những lần tiến công trước, bộ đội

ta phải chịu đựng liên tiếp các đợt “bão lửa” bởi pháo cối của địch. Cả Trung đoàn vẫn còn ngoài hàng rào mà cán thương đã làm việc hết công suất. Các đại đội khi xuất quân, đội hình kéo dài, như thế mà sau mỗi loại đạn pháo của địch lại rơi dần. Tuy nhiên lần này, dưới sức công phá của khối bộc phá, nhiều lô cốt, ụ súng và quân địch đã tan xác. Thời cơ đã đến. Khi những tên địch còn lại đang choáng váng, quân ta đã sát cửa hầm, địch không kịp đối phó. Chúng bỏ chạy xuống hầm ngầm. C315 quyết liệt bám theo.

Khi địch tụt xuống hầm ngầm, quên ta lao theo ném lựu đạn, đánh cận chiến. Chỉ sau 15 phút, ta đã đánh chiếm xong các hầm ngầm cố thủ và chiến hào chung quanh khu A đồng thời sóc lại đội hình, chờ lệnh chiến đấu mới. Khoảng 23 giờ, C315 được lệnh đánh chiếm toàn bộ khu B, phát triển xuống khu C lúc này, càng tiến sâu vào trung tâm, sức kháng cự của địch càng quyết liệt. Ta vào định ở thế cài răng lược. Tiếng súng, tiếng lựu đạn không lúc nào ngừng. Rút kinh nghiệm hai lần tiến công, đại đội trưởng C315 Nguyễn Hải Bằng hạ lệnh cho các trung đội vừa vận động trong chiến hào, vừa vận động trên mặt đất để chia cắt địch thành từng đoạn, không cho chúng rút về co cụm chống đỡ. Cách đánh này phát huy hiệu quả, ngoài những tên địch bị tiêu diệt, ta còn bắt sống hàng chục tù binh khác và giải ra ngoài, nhằm ngăn chặn chúng lại nhập với quân phản kích.

Khoảng 2 giờ 30 phút ngày 7-5, C315 đã đánh chiếm hoàn toàn khu B và tiếp tục phát triển xuống khu C. Kết nối giữa khu B và khu C là hầm ngầm địch mới đào sau trận tiến công lần thứ hai của ta, được sử dụng làm sở chỉ huy dự bị để rút về cố thủ, trong trường hợp hầm ngầm khu A mất. Để đánh được là rất khó khăn và ta sẽ rơi vào tình thế rất gay go. Nếu thời gian đánh kéo dài. Phương án lúc này là gì? Ném lựu đạn sẽ không có kết quả. Muốn tiêu diệt phải có thuốc nổ. Nhưng biết tìm đâu thuốc nổ. Sẽ phải thử nghiệm phương án kêu gọi được đầu hàng, trường hợp chúng không ra thì sẽ phải xuống đánh cảm tử. Đại đội trưởng Nguyễn Hải Bằng cho tập trung lựu đạn ném xuống cửa hầm và gọi hàng: “Khối thuốc nổ đem qua các anh đã rõ sức mạnh của nó, nếu các anh không ra hàng, chúng tôi sẵn sàng cho nổ thuốc khối thuốc mạnh gấp hai lần. Thật bất ngờ lần lượt từng tên địch cởi trần tròng trọc, hai tay giơ lên đầu, lồm cồm chui ra từ hầm ngầm. Đây là đám tàn quân các nơi rút về cố thủ, chờ viện binh lên phản kích. Trong số này có tên Pu- ghét quan ba chỉ huy cứ điểm A1. Như vậy, toàn bộ quân lính cùng sở chỉ huy cứ điểm A1 gồm 120 tên đã lũ lượt ra hàng, không còn tinh thần để cố thủ. Đúng 4 giờ 30 phút ngày 7-5-1954, Trung đoàn 174 đã đập tan sức kháng cự cuối cùng của địch, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch trong cứ điểm, làm chủ hoàn toàn A1.

Giải quyết xong cứ điểm A1, ai lấy vui mừng tốt độ, đồng thời cũng thấy mỗi mệt rã rời. Định chui vào lô-cốt của địch chợp mắt, thì cả Đại đội lại được

lệnh của cấp trên giao nhiệm vụ đặt trận địa súng máy trên A1 bắn chặn địch từ Mường Thanh lên phản kích cứ điểm C2. Trận địa 8 khẩu đại liên và trung liên của C315 được tổ chức ngay lập tức. Súng bắn không tiếc đạn. Quân địch đang phản kích lên C2 bị chế áp hoàn toàn... Từ khoảng 8 giờ ngày 7 tháng 5 trở đi, bắt đầu xuất hiện cờ trắng mọc lên ở từng căn cứ địch. Từng lá cờ trắng to, nhỏ xuất hiện, lan dần từ cứ điểm này sang cứ điểm khác... Tối đó, Bộ Tư lệnh chiến dịch yêu cầu Pháp ngừng ném bom để ta đưa tù binh về phía sau. Bầu trời sáng trăng rất đẹp, yên tĩnh lạ thường, Đại đội trưởng Nguyễn Hải Bằng cho anh em nằm ngay trên đồi A1. Lần đầu tiên anh em rải bạt nằm thoải mái trên mặt đất, nhưng vẫn chờ lệnh đánh tiếp Hồng Cúm nếu địch không hàng. Mọi người vui quá, pha cả chậu cà phê chiến lợi phẩm uống với nhau, càng kích thích, không ai ngủ được, toàn nói chuyện về đồng bằng “*chuyến này nhất định sẽ về đồng bằng giải phóng quê hương, rừng núi đâu còn bóng giặc*”. Anh em nắm tay nhau “*nhớ quê hương quá! Nhớ đồng bằng quá!*”.

48. VŨ ĐÌNH HÒE. 5 ngày đêm khốc liệt trên đồi A1 / Vũ Đình Hòe // *Chuyện những người làm nên lịch sử: Hồi ức Điện Biên Phủ 1954 - 2009.* – H. : Chính trị Quốc gia, 2009. – Tr. 135

Ngày 30-3, đoàn văn công đến tiễn đơn vị đi. Đại đoàn có giao cho chúng tôi một lá cờ để cắm trên đồi A1 sau khi chiến thắng. Anh chị em văn công hát xong rồi, trước khi chúng tôi đi họ múa vây xung quanh tôi, cậu Cư, Đại đội trưởng chủ công, và 3 đồng chí cầm cờ. Cư người dân tộc, chiến đấu hăng lắm nhưng hơi khó tính, thấy văn công hát xong một lần lại hát lại lần thứ hai, cứ chạy vòng quanh mình thế này, mới bảo tôi: “*Anh Hòe ơi! ra đi đánh nhau thế này mà bọn con gái nó cứ quần lấy chân, cứ chạy vòng quanh thế này không hay tí nào cả. Anh bảo nó thôi đi!*”. Tôi phải phát lệnh “*chuẩn bị ra trận*”, họ mới thôi.

Đêm 30-3. Khó khăn nhất là từ 7 giờ tối đến giờ phát hỏa. Thông thường khi pháo ta bắn mãnh liệt vào đồi là lúc vào đánh bộc phá mở cửa. Trong khi tất cả các nơi khác đều nổ súng thì 30 phút sau chúng tôi vẫn không nhận được lệnh. Các đơn vị khác nhận lệnh, phá rào xong, đánh vào rồi thì chúng tôi mới nhận được lệnh tấn công. Lúc đó pháo 105 ly của mặt trận đã ngừng bắn, chúng tôi vẫn phải đánh bộc phá. Pháo địch lúc ấy tập trung tất cả vào chúng tôi, các chỗ khác ta và địch đã xen kẽ, nó không bắn được nữa.

Bộ phận bộc phá đầu tiên qua được vì nó cho là nghi binh, do chúng tôi đánh muộn hơn đơn vị bạn. Sau thấy ta tấn công thật, các bộ phận sau của chúng tôi bị pháo dội. Tôi đi ngay sau đại đội thứ nhất. Đi với tôi là đồng chí Thái, 2 đồng chí liên lạc. Đồng chí Thái chạy trước tôi bị trúng đạn. Tiểu đoàn tôi quân số khoảng 500 người, vào được đến nơi chỉ còn được 2/3, rất nhiều cán bộ tiểu

đội và tổ trưởng thương vong. Chúng tôi phải tổ chức lại đơn vị tại chỗ, rất lúng túng. Việc chỉ huy tiểu đoàn chiến đấu lúc ấy rất khó khăn. Giao thông hào của địch bên trong cao 1m6, tôi vào ngấp đầu, không thể lên trên mặt hào, tôi chỉ nắm được một đại đội trưởng. Pháo bắn rát, tai ù hết... Đành cứ theo kế hoạch ban đầu mà đi. Thực tế, khi đã ở trong căn cứ của địch, chiến đấu phải dựa vào tinh thần anh dũng và trí chỉ huy của cán bộ trung đội, tiểu đội là chính.

Trận ấy, Tiểu đoàn 1 của anh Dũng Chi nhằm hướng, đánh xuyên vào sườn chúng tôi. Lẽ ra mũi ấy phải đánh chệch từ tây bắc, họ lại đánh chính bắc. Nói thế chứ để mở một đường bực phá thẳng đối với bộ binh không đơn giản, phải được nhìn thấy nhiều lần trước đó, điều tra kỹ hàng rào của địch. Việc này đích thân tiểu đoàn trưởng phải làm. Lúc chuẩn bị đánh A1 vẫn nghĩ chỗ này không khó bằng Mộc Châu, khi vào điều tra, tôi bò ngay sau một đại đội phó. Trong nhóm có một cậu đựng pháo sáng, thế là pháo cối nó dập. Tôi thúc cậu đại đội phó chạy vào hàng rào thứ 2, còn anh em chạy toán loạn. Chúng tôi tranh thủ pháo sáng ngắm hàng rào địch, nằm nghỉ ngơi hơn tiếng đồng hồ rồi mới bò ra.

Đêm 30-3 ấy, chúng tôi giải quyết được A1. Địch phản kích quyết liệt, giao thông hào lúc vào ngấp đầu, lúc ra chỉ ngang lưng, sạt lở nhiều và toàn xác chết... Tôi bị thương ở chân, sáng hôm sau tôi chỉ còn hơn chục anh em.

Gặp tiểu đoàn 1, Dũng Chi hỏi:
“Thằng Hòe đâu? Tao hết mẹ nó quân rồi!”

Chúng tôi rút ra bổ sung quân số. Toàn tân binh, tập hợp cả thương binh từ tuyến sau và số cũ chưa được 100 người. Phải động viên thanh niên xung phong, phòng không... để tổ chức lại đơn vị. Sau đó rút kinh nghiệm. Hai ngày sau, khi e102, f308 bật ra, chúng tôi lại vào.

Anh em chiến đấu và hy sinh dũng cảm lắm. Chúng tôi không nướng quân, cũng không nên gọi chỗ này là “cối xay thịt” (carnage). Trận đêm 30-3 ấy, tôi bị thương về nằm ở lán, đến 4-5 giờ sáng đưa thương binh và tử sĩ về nhiều quá. Tôi nhìn thấy cảnh nhà bếp mang nắm cơm và thịt để vào trước hố nằm của anh em, buồn lắm. Hôm trước chuẩn bị đánh vừa được tặng khẩu phần. Thương anh em, vì tình cảm của đồng đội với nhau sâu sắc lắm, chia sẻ cho nhau từng tí một. Chúng tôi lúc ấy có gì đâu, mỗi người 1-2 bộ quần áo, anh này hy sinh thì anh kia dùng luôn của nhau.



Ông Vũ Đình Hòe. Sinh năm 1928
 Tiểu đoàn trưởng d249 (d9), e174, f316

49. VŨ VĂN CẦN. Vì chiến sĩ, vì chiến thắng / Vũ Văn Cần¹⁸ // Nhân dân.
– 2004. – Ngày 7 tháng 4. – Tr. 1,7

Một bước tiến về tính cơ động

Cuối tháng 1 năm 1954, các đơn vị tập trung đông đủ chung quanh Điện Biên Phủ, chuẩn bị tiến công... Đội điều trị cuối cùng của chúng tôi đã tới mặt trận.

Đội này đã hành quân từ trung tâm Việt Bắc về với một tốc độ khá nhanh. Anh chị em đi hai mươi ngày chỉ nghỉ một ngày, vượt một chặng đường hơn 600 km, mang trên vai đầy đủ bàn mổ, dụng cụ, thuốc men. Qua Cò Nòi, họ đã phải đạp lên bom nổ chậm mà đi. Đến mặt trận, không kịp nghỉ, tất cả bắt tay ngay vào việc chuẩn bị và chỉ một đêm đã xây dựng xong một bệnh viện dã chiến đủ sức đón tiếp được 200 thương binh. Đó là một bước tiến lớn so với các chiến dịch trước. Ở hậu phương anh chị em đã được tập dượt nhằm nâng cao tính cơ động của đội. Trong nhiều ngày ròng rã, họ đã tập mang nặng, đi xa, tập dựng trạm và rút chạy nhanh. Công phu rèn luyện quả không phải là vô ích. Nhưng đạt được bước tiến đó trước nhất là nhờ cuộc chỉnh quân chính trị. Chính vì giác ngộ giai cấp được nâng cao, anh chị em trong đội đều một lòng một dạ phục vụ chiến sĩ nên đã quyết tâm tiến nhanh ra mặt trận trước ngày nổ súng...

Nhỏ một giọt máu để giữ lấy 10 giọt máu

Chúng tôi phác ra kế hoạch xây dựng phòng mổ trong lòng đất. Anh chị em bắt tay vào thực tập đào một lần không được thì đào thêm lần nữa. Đào moi vào ruột núi, đất sụt xuống thì dùng gỗ chống. Rồi lại xoay ra đào hầm lộ thiên, đoạn lát cây, đắp đất lên làm nắp. Làm xong phòng mổ, lại đào những đường hào tỏa khắp chung quanh, làm thêm các hầm kho thuốc, hầm thay băng và hàng trăm hầm nhỏ cho thương binh ở. Một bệnh viện trong lòng đất đã hình thành.

Các đội điều trị trên toàn mặt trận được mời về xem, rút kinh nghiệm. Sang đầu tháng 3, tất cả các đội điều trị trên tuyến 1 đã xây dựng xong các bệnh viện ngầm. Mỗi nơi có ít nhất một phòng mổ với hai bàn. Có nơi còn phải xây dựng thêm một phòng mổ thứ hai, đề phòng khi bị bom đạn địch phá hủy.

Các đội điều trị trực thuộc ban quân y mặt trận được sắp xếp thành nhiều tuyến; có nhiều đội bố trí trong tầm đại bác địch. Các đội điều trị đại đoàn càng tiến gần bộ đội hơn. Từ đó có những đường hào trực dẫn đến các trung đoàn các đội quân y trung đoàn cũng trở thành những “bệnh viện trong lòng đất” với quy mô nhỏ hơn.

¹⁸ Hồi ký của cô Đại tá Vũ Văn Cần - Nguyên cục trưởng Quân Y phụ trách Quân Y tiền phương chiến dịch Điện Biên Phủ

Thật không thể tính hết bao nhiêu công sức, bao nhiêu mồ hôi của cán bộ, chiến sĩ và dân công đã đổ vào các công trình to lớn ấy!

Ngày 13-3, quân ta nổ súng tiêu diệt Him Lam.

Bộ máy phức tạp của quân y mặt trận bắt đầu vận hành. Nhưng không phải chỉ có sự tinh vi của bộ máy đó đã phát huy tác dụng. Điều chủ yếu là bộ máy ấy đã chạy bằng nhịp đập của hàng nghìn trái tim. Chính tinh thần anh dũng tận tụy của các đồng chí quân y đã cứu sống nhiều chiến sĩ

Ngay trong trận Him Lam, y tá Lương Văn Vọng đã nêu một tấm gương sáng ngời. Vọng đã thực hiện lý tưởng cao quý “quên mình vì đồng đội”, đã quyết “nhỏ máu mình để giữ lấy máu đồng đội”.

Ba “không” hay là lòng thương yêu

Bước sang đợt 2, cuộc chiến đấu diễn ra ngày càng ác liệt. Số thương binh về các đội điều trị tăng lên dần. Giặc lại cho máy bay và đại bác bắn phá điên cuồng các tuyến sau. Các cơ sở điều trị và các đường tải thương bị đe dọa. Việc tiếp tế ở hậu phương lên gập nhiều khó khăn. Trong tình hình đó, chúng ta vẫn phải cố gắng phục vụ thương binh ở mức tốt nhất.

Đồng chí chủ nhiệm ban cung cấp mặt trận giống như một bà mẹ vừa hiền hậu vừa nghiêm khắc. Đồng chí căn dặn cán bộ quân y chúng tôi:

- Khó khăn đến đâu cũng mặc, quân ta nhất định tiêu diệt quân địch ở Điện Biên Phủ. Các đồng chí cũng phải có quyết tâm đó. Bất kỳ khó khăn đến thế nào, các đồng chí cũng phải bảo đảm ba yêu cầu tối thiểu: Không để thương binh đau, không để thương binh đói, không để thương binh rét.

Trải qua những năm kháng chiến chúng ta đã đào tạo được những người thầy thuốc thật đáng quý. Anh chị em là những y tá bộ đội trưởng thành lên những học viên của trường quân y, những sinh viên chưa hoặc mới tốt nghiệp trường đại học Y khoa ở chiến khu Việt Bắc. Họ học ở trường chẳng được bao ngày. Họ mang theo mỗi người vài tập sách chuyên môn đi cùng bộ đội, vừa làm vừa học. Trong tác chiến có khi họ vừa cứu chữa thương binh, vừa phải tra cứu sách vở. Lúc nghỉ ngơi, họ mượn con lợn sấp làm thịt của anh nuôi để tập cắt xương, mổ bụng, cặp mạch, nối ruột... cho thành thạo. Có thể họ còn thiếu vốn kỹ thuật nhưng họ rất giàu tinh thần cách mạng và lòng yêu thương bộ đội. Họ đã được tôi luyện trong khói lửa kháng chiến. Họ sẵn sàng làm tất cả để giảm bớt đau đớn của thương binh. Tôi đã thấy họ làm việc nhiều đêm trắng, làm việc hàng chục giờ liền không nghỉ. Bom đạn nổ âm âm chung quanh phòng mổ, họ không run tay, vẫn cầm chắc lưỡi dao hay mũi kim khâu.

Bên cạnh những thầy thuốc đó là một đội ngũ y tá giàu lòng hi sinh. Họ từ bộ đội chiến đấu về hoặc từ các làng mạc tới. Họ được học chuyên môn trong những lớp ngắn ngày hoặc chỉ học trong công việc. Họ chăm sóc thương binh

không phải chỉ trong những việc thay băng, tiêm thuốc, cho ăn uống... Chính họ làm lán cho thương binh ở, tìm cỏ khô lót cho thương binh nằm được ấm. Khi cần thiết họ có thể nhường cho thương binh chăn áo của mình và những lúc cả hầm tránh bom, rồi lấy thân mình thay thế nắp hầm không thể không nói đến những người không phải là thầy thuốc nhưng đã đóng góp một phần quan trọng vào việc điều trị thương binh. Đó là những cán bộ chiến sĩ và dân công lo việc ăn uống cho thương binh.

Ở ban quân y mặt trận có năm cán bộ tiếp phẩm rất giỏi, được anh em tặng cái tên “ngũ hổ”. Năm đồng chí đó chia nhau xông xáo khắp nơi, người thì leo lên các đỉnh núi, người thầy gò lưng đạp xe xuống tận Sơn La, Phú Thọ hay Thanh Hóa. Họ thò về các đội điều trị đủ thứ từ sữa hộp, đường kính, tôm khô... cho đến lợn, gà, trứng, rau xanh, nấm hương, mộc nhĩ...

Họ vác cả những bộ cối đá lên để xay đỗ làm đậu phụ. Rồi họ lĩnh ở ban quân nhu mặt trận về một số hạt rau giống. Nhân viên các đội điều trị đã gieo các hạt rau đó trên những mảnh đất đã bị đạn đại bác cày lên hoặc bị bom na-pan đốt cháy. Trong mưa xuân, những mầm rau xanh nhú lên và lớn nhanh như thổi.

Trên mảnh đất xa xôi, đã bị bom đạn làm cho xơ xác, có những thứ thực phẩm đó thật là một sự kỳ diệu!

Bàn tay của các anh nuôi, chị nuôi lại biến các thứ đó thành những món ăn thích hợp. Các đồng chí thương binh của chúng ta không những không bị đói mà còn được ăn bổ và ngon nữa.

Tôi còn nhớ ngày hai bác sĩ Tôn Thất Tùng và Vũ Đình Tung ở hậu phương lên sẵn sóc những thương binh nặng. Chúng tôi đã thích hay bị một bữa ăn thơm tất.

Hai bác sĩ đã ngạc nhiên thốt lên:

- *Giỏi quá! Ở mặt trận mà các anh cho ăn ngon hơn ở hậu phương. Thế anh em thương binh có được ăn như thế này không?*

Đồng chí chính trị viên đội điều trị đã vui vẻ đáp:

- *Các đồng chí thương binh nặng còn ăn tốt hơn thế nữa. Anh em có cả rượu “room” chiến lợi phẩm nữa kia...*

Không gì êm ái bằng tấm lòng của nhân dân

Các chiến dịch trước, thương binh được điều trị bước đầu xong đều chuyển cả về các bệnh viện hậu phương. Ở Điện Biên Phủ không thể làm như thế được.

Những thương binh nhẹ, có thể chữa lành trong một thời gian ngắn, rồi lại ra mặt trận. Còn thương binh nặng cần đưa về hậu phương để có được những điều kiện thuận lợi hơn.

Đưa hàng trăm và hàng trăm thương binh nặng vượt qua 500 km đường núi, dưới sự đe dọa của máy bay địch, quả là một khó khăn tưởng như không thể khắc phục nổi.

Về phương tiện chuyên chở, chúng ta không có lấy một chiếc xe hồng thập tự.

Chúng tôi lợi dụng những xe vận tải chạy về hậu phương lĩnh lương thực, đạn dược để vận chuyển thương binh. Các chiến sĩ lái xe lấy rom rạ trải lên sàn xe thay đệm, để thương binh nằm được êm. Họ cho xe chạy chậm và thận trọng tránh từng cái ổ gà, để xe đỡ xóc, giảm bớt đau đớn cho thương binh. Những anh em phụ lái xe thì làm thay công việc của những người y tá, tận tình chăm nom, nâng giắc thương binh.

Trong những đoàn tải thương đó, cán bộ chính trị và cán bộ quân y đi hộ tống đã có sáng kiến nêu ra khẩu hiệu: “Mỗi cáng thương là một gia đình”. Đó không phải là một khẩu hiệu suông! Nó đã trở thành một sự thật một hình ảnh đẹp đẽ và xúc động lòng người!

Mỗi cáng thương phải có từ bốn đến sáu người dân công thay nhau khiêng vác. Những anh chị em đó quây quần lại chung quanh thương binh và dành cho anh tất cả những sự chăm sóc dịu dàng nhất. Họ được cán bộ quân y căn dặn tỉ mỉ về tình trạng sức khỏe của thương binh, chỗ đau, cách ăn uống và tất cả những chăm sóc cần thiết cho anh. Họ nhận cả phân gạo, thức ăn, đường, sữa... của thương binh.

Đọc đường dài, anh cán bộ quân y dù trăm tay trăm mắt cũng không đủ sức chăm sóc hàng trăm thương binh một lúc. Chính những người dân công đã thay thế anh ta một cách khéo léo. Họ làm cho thương binh món ăn ưa thích, rồi lựa lời động viên anh ăn từng miếng. Gặp bom đạn, họ lo tránh cho anh trước khi nghĩ đến mình. Họ bước đều chân và gượng nhẹ mỗi lần đổi vai hay đặt cáng để thương binh khỏi đau. Những lời an ủi thương binh của họ đều chân thành và dạt dào tình cảm.

Tôi nhớ mãi một đêm mưa lâm râm trên đèo Vả. Đoàn tải thương vượt đèo. Những người dân công bầm ngón chân xuống mặt đường trơn nhầy. Họ bước chập chững. Hình như mỗi cơn gió thổi họ lại run lên vì rét. Những tấm vải nhựa của họ, họ đã đem lợp lên đòn cáng để che mưa, che gió cho thương binh.

Đọc đường thường vang lên câu hò:

Thương anh, em ủ áo bông

Áo em nhuộm thắm máu hồng thương binh.

Tôi được nghe kể lại câu chuyện cảm động về câu hò này. Một chị dân công người vùng tạm chiếm Vĩnh Phúc, khi đi tải thương đã cởi áo bông của mình để ủ cho thương binh khỏi rét. Máu từ vết thương rỉ ra thấm đầy áo bông. Về đến hậu

phương, anh cán bộ hộ tổng đưa chị một số tiền để may chiếc áo bông mới. Nói sao chị cũng không chịu nhận. Chị nói:

- Máu các anh bộ đội chảy ra vì dân, vì nước, có thấm vào áo em thì em mang về em giữ mãi để luôn luôn nhớ tới các anh.

Có lẽ câu ca dao trên chưa nói hết cái đẹp của chị dân công nhưng nó đã được truyền đi khắp các đoàn tải thương mặt trận.

Công việc tải thương của ta với những phương tiện thật thô sơ mà êm ái biết bao! Có phương tiện hiện đại nào so sánh được với nó về mặt ấy?

Trả mau về mặt trận những chiến sĩ đáng quý

Cùng với việc đưa thương binh nặng về hậu phương, chúng tôi phân đầu để trả mau những người bị thương nhẹ về mặt trận.

Chúng tôi luôn nhắc nhở, làm sao cán bộ các đội điều trị nhận rõ rằng anh em thương binh là những chiến sĩ dũng cảm và dày dạn chiến đấu, rất cần cho mặt trận. Số thương binh nhẹ lại chiếm một nửa hoặc trên một nửa tổng số thương binh. Cho nên không thể vì lo chạy chữa cho thương binh nặng mà ít chú ý đến anh em đau nhẹ. Ra sức chữa cho thương binh nhẹ mau lành thì sẽ bổ sung cho mặt trận một nguồn sinh lực khá quan trọng. Chính đó là một biểu hiện của lòng quyết tâm tiêu diệt địch.

Anh em thương binh nhẹ mang trong lòng niềm tin và tinh thần lạc quan của những người chiến thắng. Ai nấy đều mong mỏi mau được trở về mặt trận. Chúng tôi đã cố gắng đáp lại lòng mong mỏi ấy. Một số bác sĩ phẫu thuật giàu kinh nghiệm được điều đến giúp các tổ quân y chuyên điều trị thương binh nhẹ. Nhờ vậy công tác ở đây tiến triển rất tốt.

Những thương binh mạnh khỏe trở về mặt trận mỗi ngày một đông. Đặc biệt ở đội bổ sung, vào thời kỳ trước tổng công kích, mỗi ngày có hàng trăm anh em trở về mặt trận. Họ ra đi vui vẻ phấn khởi, đội ngũ chỉnh tề như những đơn vị hoàn chỉnh.

Bình thường hóa đời sống dưới chiến hào

Ngoài mặt trận quân ta không ngừng khép chặt vòng vây. Từ giữa đợt hai, hầu hết các đơn vị chiến đấu của ta ngày đêm sống dưới chiến hào. Mỗi ngày họ phải chịu đựng bao nhiêu trận mưa thép lửa. Hầu như lúc nào không khí cũng vẫn đục vì khói súng. Lại thêm mùi hôi thối từ các xác giặc nằm phơi giữa hai trận tuyến xông lên. Nhiều chiến sĩ ở lâu ngoài trận địa không được tắm rửa, không được uống nước cho đã khát, mặc dù trời đang oi bức. Ngay cả lúc nằm ngủ họ cũng không được duỗi chân cho thoải mái vì hầm không đủ rộng...

Từ đầu chiến dịch anh Văn rất quan tâm đến sức khỏe bộ đội. Nhiều lần anh dành thời giờ nghe tôi báo cáo tình hình và cho những chỉ thị cần thiết. Có lần, nghe nói thương binh rét, anh đã ra lệnh cấp cho các đội điều trị một số dù

chiến lợi phẩm. Khi được biết có một số thương binh sọ não, ngoài khả năng giải quyết của cán bộ quân y mặt trận, anh đã điện về Trung ương yêu cầu đưa những thầy thuốc giỏi nhất lên. Điện của anh về hậu phương đúng lúc Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử một phái đoàn thay mặt Chính phủ lên thăm cán bộ chiến sĩ trên mặt trận; trong đoàn có hai bác sĩ Vũ Đình Tụng và Tôn Thất Tùng. Các bác sĩ Triệu, Huấn là những thầy thuốc giỏi của quân y cũng đưa một số học sinh trường quân y lên. Thật là một sự chi viện vô cùng quý báu cho chúng tôi...

Khu hầm của đội quân y được sửa sang nhiều. Bước xuống phòng mổ tôi có cảm giác như được vào một bệnh viện hiện đại nào. Đây không phải là một cái hầm mà đúng là một căn phòng xinh xắn, tường rất phẳng, góc rất vuông. Trên trần và bốn chung quanh đều căng vải trắng tinh. Mặt đất lát bằng thân cây sậy và phủ một lớp vải dù. Giữa phòng đặt một chiếc bàn mổ kiểu cơ động, nhẹ và đẹp. Ở các góc phòng có kê mấy chiếc bàn nhỏ, trên đó xếp đặt ngăn nắp những chai thuốc, những khay đồ mổ, những chông vải và áo choàng trắng toát. Trong không khí dịu mát phảng phất mùi ê-te thơm thơm...

Buổi trưa, tôi ghé qua trận địa của một tiểu đội bố trí ở phía bắc sân bay. Anh em chiến sĩ chia nhau, người theo dõi quân địch, người nghỉ ngơi, tắm rửa. Họ có hẳn một cái giếng nhỏ trong chiến hào.

Gặp bữa cơm, anh em mời tôi và đồng chí cán bộ đi với tôi cùng ăn. Họ chỉ có cơm nắm, cá khô và nước gạo rang. Nhưng cái hay ở đây là mọi thứ đều rất sạch sẽ. Anh em chiến sĩ múc nước giếng rửa tay thật sạch trước khi ăn, y như ở hậu phương.

Buổi tối, chúng tôi sang đến phía đông, tìm vào một đội điều trị. Mấy đồng chí thầy thuốc đang làm việc trong phòng mổ, dưới ánh sáng của một ngọn đèn pha xe đạp. “Máy phát điện” của họ là một cái bình điện xe đạp và một cái giồng quay tay làm bằng đùi, đĩa, bánh và xích xe đạp.

Hôm ấy mãi chín, mười giờ khuya họ mới ăn bữa chiều. Họ thết tôi món củ mài hầm xương và món nộm hoa chuối rừng. Đó cũng là những món ăn của phong trào “bình thường hóa đời sống”.

Chuyến ấy, tôi ở mặt trận về, trong lòng rất vui. Không ngờ về đến cơ quan lại nhận được thư hậu phương. Nhà tôi sinh cháu trai khỏe mạnh. Cháu ra đời ngày 13-3, đúng cái ngày quân ta mở màn chiến dịch, nổ súng giòn giã tiêu diệt cứ điểm Him Lam. Anh em đều mừng cho tôi. Chúng tôi bàn chuyện đặt tên cho cháu. Người nói nên gọi luôn là Him Lam, người lại bảo nên đặt là Chiến Thắng. Cuối cùng, tôi chọn cho cháu hai chữ Điện Biên. Ngay đêm ấy tôi ngồi cặm cụi viết thư về...

Giọt nước mắt của người tù binh da đen

...Những thương binh địch đã được moi lên khỏi cái địa ngục mà bọn thực dân hiếu chiến đã đẩy họ vào những chệch dân công hiền hậu của chúng ta, lòng sôi sục căm thù quân địch đã cướp bóc, đốt phá làng mạc họ, giết chóc người thân của họ, nhưng đã nghe theo lời Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh và tình nhân đạo mà bắt tay vào khiêng chúng lên, rửa ráy cho chúng, đặt chúng vào trong những chiếc dù mới căng lên.

Đi qua dãy dù đó, tôi tìm đến đội điều trị được giao nhiệm vụ săn sóc thương binh địch. Một đồng chí nữ y sĩ đưa tôi vào phòng mổ. Đó là một tấm dù phía trong giăng vải trắng tinh, cũng đẹp như các phòng mổ trong lòng đất mà tôi đã nói ở trên. Các đồng chí quân y của ta, khi săn sóc thương binh địch vẫn tỏ ra tận tụy và làm việc với đầy đủ tinh thần trách nhiệm.

Tôi tỏ lời khen ngợi. Nữ y sĩ vui vẻ kể lại:

- Hôm nọ một viên sĩ quan địch đến phòng mổ này. Y nhìn chúng tôi săn sóc thương binh của mình rồi hỏi một đồng chí cán bộ: “Thương binh của các ông có được chăm sóc như thế này không?”

- Các đồng chí trả lời sao? Tôi hỏi.

- Đồng chí của ta trả lời: “Tất nhiên là phải tốt hơn...”. Viên sĩ quan địch đã thốt lên: “Thật không ngờ chỉ cách có vài bước chân mà chúng tôi chui rúc dưới địa ngục, còn các ông thì ngự trên thiên đường...”.

Chúng tôi đang trò chuyện thì trên đầu có tiếng máy bay. Một chiếc đa-cô-ta lượn vòng rồi hạ cánh.

Đối phương được Bộ Tổng tư lệnh quân đội ta cho phép tiếp tục dùng máy bay chuyên thương binh của chúng đi. Lần này đại diện hội đồng thập tự của đối phương vẫn là Huyá. Đây là lần thứ ba kể từ chiến dịch Biên Giới, Huyá - bác sĩ, Đại tá trong quân đội viễn chinh Pháp - được lĩnh cái vinh dự đi nhận những tên thương binh thảm hại. Có điều khác hai lần trước là lần này ông ta được “vinh dự” to lớn hơn nhiều, vì được nhận về hàng nghìn tên một lúc.

Chào đồng chí nữ y sĩ, tôi bước sang phòng thay băng.

Một y tá của ta đang mở vết thương của một tù binh da đen. Anh ta bị thương ở gần mang tai. Những “ân nhân” người Pháp đã dán vào đó một miếng băng dính. Miếng băng dính cắn chặt vào da. Đồng chí y tá phải thấm nước ê te cho nó bở ra, rồi bóc dần từng tí. Có chỗ băng dính vào những sợi tóc mai. Đồng chí đó phải lách mũi kéo cắt từng sợi tóc để gỡ miếng băng ra một cách nhẹ nhàng.

Đồng chí y tá của chúng ta làm rất khéo. Thế nhưng anh lính da đen lại rung rung nước mắt.

Tôi lấy làm lạ, hỏi anh ta:

- Tại sao anh lại khóc?

Người lính da đen ngồi im, để mặc những giọt nước mắt ứa ra, từ từ lăn trên má. Một lúc lâu anh ta mới nói được bằng giọng nghẹn ngào:

- *Thưa ông đại úy, từ khi tôi có trí khôn, ngoài mẹ tôi ra bây giờ tôi mới biết đến sự dịu dàng và lòng yêu thương.*

Tôi vẫn chưa hiểu tại sao một việc nhỏ bé như vậy lại có thể làm anh ta xúc động đến thế. Tôi hỏi:

- *Ở trong quân đội Pháp anh có được săn sóc như vậy không?*

Anh ta lắc đầu:

Anh ta lắc đầu chẳng bao giờ chẳng đời nào thưa ông chúng nó cứ dùng cặp kẹp chặt một góc những miếng băng rồi giăng ra thật mạnh anh ta làm cử chỉ đưa tay vào gần vết thương rồi giật mạnh ra.

Thưa ông đại úy, mỗi lần chúng làm như thế là vết thương của tôi ứa máu, đau như xé thịt. Ôi mỗi lần thay băng là cả một sự ghê sợ, một sự khủng khiếp đối với tôi. Anh ta rùng mình. Mặt anh ta nhăn nhó như còn đang đau đớn và sợ hãi.

Nhân đạo! Cái tiếng rất đẹp ấy mỗi ngày tôi lại hiểu sâu sắc thêm về nó. Chính vì thế, khi trưởng thành lên tôi biết rằng muốn thực hiện được lý tưởng nhân đạo thì phải đi một con đường khác, con đường mà bây giờ chúng ta đang theo đuổi.

Câu chuyện của anh thương binh da đen hôm nay càng chứng minh thêm điều đó. Ở phía bọn kẻ cướp chẳng bao giờ có nhân đạo cả. Ở phía chúng nó, ngay cả cái nghề nhân đạo cũng không còn nhân đạo nữa.

Đứng trong quân đội cách mạng, những người quân y chúng tôi đang thực hiện một lý tưởng nhân đạo cao quý nhất.

Được Đảng giáo dục, các đồng chí quân y chúng ta đã tỏ rõ lòng nhân đạo với hàng nghìn thương binh và hàng vạn tù binh.

Đối với anh em bộ đội chúng ta thì lòng nhân đạo của những người quân y biểu hiện thành tình thương yêu đồng chí thiêng liêng và thắm thiết.

Chính tình thương yêu đó đã thôi thúc anh chị em cán bộ quân y vượt qua mọi khó khăn, làm tốt việc chạy chữa cho thương binh, tận tình săn sóc sức khỏe và đời sống của bộ đội ngoài trận địa.

Chính tình thương yêu đó đã đem lại cho các cán bộ quân y sức mạnh để lao mình vào những chỗ chết chóc và sẵn sàng nhỏ máu của mình để dành lấy sức sống cho thương binh.

50. Yên Hà. *Chuyện của người lính bắt sống tướng De Castrie / Yên Hà // Bà Rịa Vũng Tàu. – 2004. – Ngày 15 tháng 3. – Tr. 4.*

50 năm trước, Hoàng Đăng Vinh, quê ở Hưng Yên đã có được niềm vinh dự và lịch sử mãi ghi danh, là một trong 4 chiến sĩ ở tiểu đoàn 130, trung đoàn Sông

Lô, sư đoàn Chiến Thắng, tham gia bắt sống tướng De Castrie cùng toàn bộ chỉ huy quân Pháp, kết thúc chiến dịch 56 ngày đêm của quân và dân ta ở Điện Biên Phủ.

Đến bây giờ, đại tá Hoàng Đăng Vinh vẫn không thể quên được thời điểm lịch sử ấy. Ông nhớ lại: “Chiều 7-5, chúng tôi tiến tới một cửa hầm chỉ huy của địch. Cùng lúc đó có 4 xe tăng địch vừa chạy vừa bắn, nhưng lập tức bị ta tiêu diệt ngay. Khi bộ đội ta hạ gục xe tăng của địch, thì có hai hàng binh cho biết đây chính là hầm của bộ chỉ huy cứ điểm Điện Biên Phủ: hầm của tướng De Castrie”. Chúng tôi hơi sững sờ một giây. Cuối cùng cái đích của chiến dịch 56 ngày đêm đang ở trước mắt. Chúng tôi ném lựu đạn, bắn tiểu liên xuống miệng hầm, nhưng vẫn không thấy địch ra hàng. Lúc này, chiến sĩ Nhỏ rút thủ pháo định liệng vào hầm thì tôi kịp cản lại: “Đừng ném vào bên trong, để bắt sống địch hơn”. Ngay sau khi quả thủ pháo nổ tại miệng hầm, một tên sĩ quan Pháp lóp ngóp chui ra lấp bấp bằng tiếng Việt: “Mời sĩ quan Việt Minh vào để toàn bộ Bộ chỉ huy xin đầu hàng”.

Chúng tôi: Gồm đại đội trưởng Tạ Quốc Luật cùng các chiến sĩ Nhỏ, Hiếu, Lam, Vinh tiến vào trong hầm. Hình ảnh đầu tiên đập vào mắt tôi là đám sĩ quan pháp quân áo tề chỉnh, lon, phù hiệu vàng chói đứng chờ, khác hẳn với đám binh lính đầu xù, tóc rối, ăn mặc lôi thôi khi ra hàng. Anh Luật ra lệnh bằng tiếng Pháp: “Tất cả giơ tay lên!”. Các sĩ quan Pháp đều giơ tay xin hàng, riêng De Castrie vẫn ngồi trước một cái bàn không đứng dậy. Đại đội trưởng bèn ra lệnh: “Chiến sĩ Vinh vào bắt De Castrie”!. Y lệnh, tôi đặt tay lên cò súng, mắt trừng trừng tiến thẳng tới phía De Castrie. De Castrie đứng dậy định chìa tay ra bắt. Tôi nghĩ: “Không thể bắt tay giặc” và lập tức chĩa khẩu K50 về phía hắn, hô to câu nói mà mỗi chúng tôi ai cũng thuộc lòng khi xông trận: “Haut les mains!” (giơ tay lên). De Castrie vội lùi lại, giơ hai tay lên và nói một tràng tiếng Pháp. Sau này, anh Luật dịch lại là: “Các ông đừng bắn, tôi xin đầu hàng”. Trước khi ra cửa hầm, De Castrie bằng một giọng run rẩy qua bộ đàm, thông báo với toàn bộ cứ điểm về việc Ban chỉ huy đã xin hàng.

Sau khi nộp tướng De Castrie cho Chỉ huy quân đội, ta anh em chúng tôi lại quay trở lại và leo lên hầm De Castrie ngồi uống nước lã, vì đã thấm mệt. Sau này Đại đội trưởng Luật kể lại, tại Ban chỉ huy quân đội ta, De Castrie khai nhận rằng biết tin quân Pháp đã rơi vào thế thất thủ khi thua các trận tại đồi Him Lam, A1, các tướng chỉ huy của Pháp tại Đông Dương là Navarre, Cogni đã ra lệnh cho De Castrie: “Bộ chỉ huy không được kéo cờ trắng, không được đầu hàng, phải tự sát ngay tại chỗ”. Thế nhưng các chiến sĩ cách mạng đã cho y được sống.

Bây giờ, trong ngôi nhà nhỏ chỉ cách thị xã Bắc Ninh gần 3 km, người lính già về hưu, cựu đại tá Hoàng Đăng Vinh vẫn bận rộn với những “chuyện đời”, “chuyện lính”. Ông được tin nhiệm bầu làm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thị xã Bắc Ninh đã 6 năm nay. Từ việc giúp các hội viên vay vốn, tăng gia sản xuất, xoá đói giảm nghèo đến việc vận động nhân dân trong phòng chống các tệ nạn xã hội, ông đều xông xáo. Dù bận rộn thế nào, hàng năm ông vẫn về thăm Điện Biên. Đối với ông kỷ niệm về Điện Biên ngày càng sâu nặng.

Đã nửa thế kỷ trôi qua kể từ ngày ấy, lòng chảo Điện Biên ngày nay đã thay da, đổi thịt, trở thành đô thị mới. Xuân về, khắp các con đường mà bộ đội, dân công hỏa tuyến từng kéo pháo năm xưa, nay khoác màu hoa ban trắng.

BẢNG TRA TÊN BÀI TRÍCH

STT	TÊN BÀI TRÍCH	SỐ TT BIỂU GHI	SỐ TRANG
1	Anh hùng phá thác trên sông Nậm Na	19	51
2	Anh hùng Phan Đình Giót qua lời kể của đồng đội	28	74
3	Bác Hồ với chiến dịch Điện Biên Phủ	1	3
4	Bắt sống bộ tham mưu địch và tướng Đờ Cát	37	94
5	Bỏ bò lúa lấy chòi bấp	25	63
6	Các anh như người thân của mình	30	77
7	Chiến công đầu của phân đội quân báo trung đoàn Bắc Bắc	21	54
8	Chiến sĩ quân y với trận mở đầu chiến dịch Điện Biên	3	8
9	Chúng tôi “phối hợp” với Điện Biên ở Sài Gòn	45	110
10	Chuyện “liệt sĩ sống” ở Điện Biên	14	44
11	Chuyện của người lính bắt sống tướng De Castrie	50	125
12	“Con trăn” khổng lồ ở Điện Biên Phủ	23	59
13	Cứ điểm A1 những giờ phút cuối cùng	47	113
14	Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể chuyện ngày tổng công kích giành toàn thắng	4	10
15	Đánh lấy lại lô cốt cột cờ đồi C1 Điện Biên Phủ	5	14
16	Đánh vào trung tâm cứ điểm	6	19
17	Điện Biên Phủ - Một chiến thắng vượt qua không gian và thời gian	34	86
18	Đòn bắt ngờ chiến dịch: Tiêu diệt phòng tuyến sông Nậm Hu	8	22
19	Đợt tiến công thứ nhất	18	49
20	Đợt tiến công thứ nhất	43	108
21	Đường kéo pháo vào Điện Biên Phủ	10	27
22	Đường ra mặt trận	11	33
23	Gặp những người đầu nung lửa sắt	36	91
24	Hầm mỏ ở Điện Biên Phủ	17	48
25	Hành quân lên Điện Biên kéo pháo	12	38

26	Hoa nở trên chiến trường xưa	31	78
27	Huyền thoại về một cuộc hành quân	9	24
28	Kết nạp Đảng giữa trận đánh Him Lam	33	84
29	Ký ức 1954	35	88
30	Ký ức của một nữ chiến sĩ Điện Biên	42	106
31	Ký ức Điện Biên	13	40
32	Lá cờ của Bác	26	66
33	Mở đường kéo pháo trong một ngày đêm	39	98
34	5 ngày đêm khốc liệt trên đồi A1	48	116
35	Ngày 26 tháng 1 năm 1954: “Hôm đó, thực hiện một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình”	22	57
36	Người chiến sĩ quay phim chiến dịch Điện Biên Phủ	24	61
37	Nhận nhiệm vụ đặc biệt Tết Giáp Ngọ	16	46
38	Nhiệm vụ trên giao	27	70
39	Nhớ trận đánh mở màn năm ấy	29	75
40	Những ngày theo chiến dịch Điện Biên Phủ	32	81
41	Phẫu thuật viên “mát tay”	15	45
42	Tám bản đồ quý báu và hầm ngầm A1	38	96
43	Thế trận bao vây	20	52
44	Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, dân công vẫn học văn hóa	7	21
45	Trước “giờ G”	2	6
46	Trước “giờ G”	41	103
47	Trước “giờ G”	44	109
48	Vận tải trong chiến dịch Điện Biên Phủ	46	111
49	Về chiếc máy bay thứ 50 của địch bị bắn rơi ở Điện Biên Phủ	40	100
50	Vì chiến sĩ, vì chiến thắng	49	118